

# pháp âm

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI NAM UY



Mừng Xuân Di Lặc

Canh Dần - 2010

## pháp âm

Cơ Quan Ngôn Luận

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT NA UY

phát hành mỗi năm 3 số  
và các bản tin đặc biệt

### Chủ Trưởng

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT NA UY

#### Chủ nhiệm kiêm Chủ bút

Hòa Thượng Thích Trí Minh

#### Thực Hiện: Ban Điều Hành Giáo Hội

#### Cùng sự đóng góp của

Thích An Chí, Quảng Tấn, Quảng Minh, Cơ Phu, Đan Hà, Hoàng Duy, Mường Giang, Nguyễn Quý Đại, Nguyễn Song Anh, Phạm Tín An Ninh, Tuệ Nga, Tứ Diễm, Võ Thị Diễm Đạm, Vũ Nam ...

#### Xin lưu ý

Bài vở đóng góp xin đánh máy, hoặc gửi bằng email (dưới bất cứ dạng chữ nào) về tòa soạn Pháp Âm (phapam@online.no). Ngoài bút hiệu xin vui lòng ghi thêm tên thật, địa chỉ, email, điện thoại để tiện liên lạc và gửi báo biếu.

Bài không đăng vì không hợp chủ trương của Pháp Âm, xin miễn hoàn trả lại.



Thủy Lục Pháp Hội tại Chùa Khuông Việt năm Kỷ Sửu 2009

## GIAO HỘI & CÁC CHI HỘI PGVN THỐNG NHẤT NA UY

### địa chỉ liên lạc

#### Văn Phòng Giáo Hội - Chùa Khuông Việt ([khuongviettu.com](http://khuongviettu.com))

Blystadveien 2, 2006 Løvenstad, Norway  
tel: (47) 67.973033 - fax: (47) 67.971905

#### Chùa Pháp Vũ ([www.phapvu.com](http://www.phapvu.com))

Leirvikveien 4, 5179 Godvik – Norge - tel. (47) 53.500878

#### Chùa Phước Huệ ([chuaphuochue.com](http://chuaphuochue.com))

Sandnesvegen 17, 4050 Sola – Norge - tel. (47) 51.220330

#### Chùa Đôn Hậu

Sivert Thonstadveien 10-A , 7072 Heimdal - Norge - tel. (47) 72.602119

#### Chi Hội PGVNTN Hordaland

Đại Đức Thích Viên Tánh  
Leirvikveien 4 5179 Godvik  
Norge tel. 53.500878

#### Chi hội PGVNTN tại Trondelag

Đại Đức Thích Viên Giác  
Sivert Thonstadvn. 10-A 7072 Heimdal  
Norge tel. 72.602119

#### Chi Hội PGVNTN tại Rogaland

Minh Hóa Trần Văn Tiến  
Heidrunveien 9 4028 Stavanger  
Norge tel. 51.541237

#### Chi Hội PGVNTN Hedmark

Tâm Nguyên Trịnh Đông  
Fagerlundvegen 16, 2380 Brumunddal  
Norge tel. 468.45269

#### Chi Hội PGVNTN tại Kristiansand

Minh Phước Võ Văn Điều  
Mølleannsveien 83, 4617 Kristiansand  
Norge tel. 38.157423

#### Chi Hội PGVNTN tại Porsgrunn

Minh Đức Nguyễn Thanh Hồng  
alkveien 1, 3931 Porsgrunn  
Norge tel. 35.554499

#### Chi Hội PGVNTN tại Kongsvinger

Quảng Minh Nguyễn Văn Đồng  
Ole Smedstadvn. 26 2211 Kongsvinger  
Norge tel. 62.816297

#### Chi Hội PGVNTN tại Oslo

Minh Chung Nguyễn Văn Thủ  
Østensjøveien 164 0656 Oslo  
Norge tel. 22.786129

#### Chi Hội PGVNTN tại Moss

Thiện Mẫn Cao Hữu Luận  
Åvangen Terrasse 404 1536 Moss  
Norge tel. 69.277096

#### Chi Hội PGVNTN tại Drammen

Quảng Khai Trần Hoa  
Postboks 224 3051 Mjøndalen  
Norge tel. 32..801522

## Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Na Uy

### Tâm Nguyên Trịnh Đông

Fagerlundvegen 16, 2380 Brumunddal, Norge – tel. (47) 62.343219



Thủy Lục Pháp Hội tại Chùa Khuông Việt năm Kỷ Sửu 2009

## **đầu năm Canh Dần 2010**

**Toàn thể Tăng Ni tín đồ Phật tử Việt Nam hiện cư ngụ tại Na Uy xin  
được thắp nén hương lòng:**

- thành kính tưởng nhớ và chia sẻ nỗi đau thương do thiên tai xảy ra tại các nước vùng Đông Nam Châu Á (Phi Luật Tân, Nam Dương, Lào, ... và Việt Nam). Đặc biệt qua cơn bão lũ Ketsana vào đầu tháng 11 tại các tỉnh thuộc Nam Trung phần và Cao Nguyên Việt Nam (Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Komtum, ...).
- thành kính tưởng nhớ đến các nạn nhân tử vong trong cơn động đất lớn nhất từ xưa đến nay tại Haiti vào đầu năm 2010 với gần 300.000 người tử vong và hàng triệu người khác đang sống trong cảnh hoang tàn đổ nát ...
- thành kính hướng lòng tưởng niệm, mùa Xuân của 35 năm Quốc Nạn (1975-2010) khi làn sóng vô thần Cộng sản nhuộm đỏ toàn thể đất nước Việt Nam, khởi đầu những trang sử đau thương khôn xiết cho người miền Nam nói riêng và cả dân tộc Việt Nam nói chung kể từ ngày 30.04.1975.
- thành kính hướng lòng quy ngưỡng về lần giỗ thứ 35 của 12 vị Tăng Ni chùa Dược Sư, thành phố Cần Thơ đã vị Pháp thiêu thân, khởi đầu cuộc đấu tranh vì Quốc Nạn, Pháp Nạn, và Nhân Quyền Dân Chủ cho dân tộc Việt Nam.
- thành kính tâm niệm cho tất cả chư hương linh người Việt Nam đã vì 2 chữ Tự Do mà phải bỏ mình trên biển cả, trên núi cao, trong rừng thiêng, suối độc... sớm siêu thoát và siêu sanh lạc quốc...

**Đồng nguyện cầu:**

- **hồng ân Tam Bảo hộ cho tất cả pháp giới chúng sinh sớm được siêu âm dương thái.**
- **hồn thiêng sông núi hộ trì cho dân tộc Việt Nam sớm qua mọi thiên tai kiếp nạn để đất nước được sớm phúc thái trùng quang.**

# Trong số này

**Giới thiệu:** Informasjon, Mục lục (2), Thông Điệp Xuân Canh Dần, Đại Lão HT . Thích Quảng Độ (3) - Chúc Mừng Năm Mới Canh Dần (5)

**Phật pháp:** - tình thương và con người. Dalai Lama-HT. Thích Trí Chơn chuyển ngữ (6) – bồ đề tâm và lòng bi mẫn. Lama Zopa Rinpoche-Thanh Liên Việt dịch (10) – thanh tịnh, tinh tấn, kiên chí. HT. Thích Thiện Hoa (13) – trao cho thời đại một nội dung Phật chất. HT. Thích Đức Nhuận (18) – môi trường sinh thái: bốn phận của con người và của tu sĩ. Dalai Lama, Tuệ Uyển chuyển ngữ (25).

**Xuân:** ngày xuân với người Phật tử. Tỳ kheo Thích Đức Niệm (29) – danh nhân Việt Nam sanh vào năm Dần. Sư tâm (30) – cợp nghe kinh. Huỳnh Kim Quang (33) – ba mươi, ông kẽnh, cà um. Tử Diêm (53) – chúa tể lén ngôi. Nguyễn Quý Đại (71) – cợp thực chất và huyền thoại. Mường Giang (75) – chuyện cợp kim cổ đó đây. Tâm Không Vĩnh Hữu (80) – tranh thờ ngũ hổ. Tâm Không Vĩnh Hữu (82) – cợp trong ca dao, tục ngữ. Tâm Không Vĩnh Hữu (84).

**Khảo cứu & Lịch sử:** mùa xuân Lý Trần. Nguyễn Song Anh (38) – Nguyễn Du khắc khoải thơ xuân. Nguyễn Song Anh (90) – hướng về 1000 năm Thăng Long. Ngô Minh (93) – Borobudur ngôi đền Phật Giáo lớn nhất thế giới. Hoàng Phong (118).

**Văn học:** mưa xuân về muộn. Trần Đan Hà (57) – em Sáu của tôi. Vũ Nam (62) – rừng khóc giữa mùa xuân. Phạm Tín An Ninh (65) – vạt nắng sân chùa. Chiêu Hoàng (86) – nếu, nếu ngày ấy... Võ Thị Diêm Đạm (97) – Đêm Giao Thừa nhớ Mẹ. Trần Mạnh Hảo (108).

**Tiếng Dân:** hãy cùng tôi giúp đỡ các trẻ em mồ côi sau bão lũ. Kiều Diệp (104) – quê hương tôi đang thệt sự lâm nguy. Hương Trà (110) – chuyện quê tôi. Huỳnh Ngọc Tuấn (113).

**Tho:** nét bút đầu xuân, Tuệ Nga (24) – mùa xuân gom nắng, Tuệ Nga (24) – bao giờ dỗi lại lá xuân quê, Mường Giang (28) – xuân có về không, Tuệ Nga (37) – rồi cũng xuân về, Nguyễn Song Anh (44) – qua đèo Tam Điệp nhớ xuân xưa, Hoàng Duy (47) – mơ xuân đất Việt, Đan Hà (61) – chiều xuân lạnh lẽo sáng, Cơ Phu (85) – lời chúc đầu năm, Võ Thị Diêm Đạm (89) - 1000 năm Thăng Long, Nguyễn Hoàng Bảo Việt (95) – Gò Đống Đa còn đó, Hoàng Duy (96) – lũ Phú Yên, Kiều Diệp (107) – quê hương và chủ nghĩa, Nguyễn Quốc Chánh (112) – đất, Thái Hữu Tình (117) – tôi yêu nước tại sao tôi bị bắt, Trương Nhân Tuấn (117).

... Tâm tư của người Phật tử ngày nay là tâm tư của kẻ bị dày xéo từ một thế kỷ rưỡi qua vì những thế lực ngoại lai muốn biến Việt Nam thành chiến trường, thành thị trường, thay vì đạo trường. Tâm tư ấy biến thành cuộc vận động không ngưng nghỉ của Phật giáo suốt thế kỷ XX cho đến nay để phục vụ dân tộc, tổ quốc, nhân loại theo sứ mệnh tôn giáo, chứ không theo cương vị chính trị. Vì vậy mà thái độ của Giáo hội đối với nhà đương quyền Xã hội Chủ nghĩa là thái độ của tôn giáo đối với những chính sách sai lầm, những khuynh loát chính trị, những lạm dụng đất nước và quần chúng....

(Thông Điệp Xuân Canh Dần 2010, của Đại Lão HT. Thích Quảng Độ)

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT  
VIỆN TĂNG THỐNG**

Thanh Minh Thiền viện, 90 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Phật lịch 2553

Số 01/VTT/XLTV

# **THÔNG ĐIỆP**

**Xuân Canh Dần 2010**

**Của Đại Lão Hòa thượng XLTV Viện Tăng Thống GHPGVNTN**

**Nam Mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật**

Nam Mô Đương Lai Hoan Hỉ Từ Thị Di Lặc Tôn Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng lão,  
Chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni,  
Cùng toàn thể Phật tử và Đồng bào các giới trong, ngoài nước,

Năm cũ qua, năm mới đến. Nhân danh Hội đồng Lưỡng Viện, tôi xin gửi đến toàn thể chư liệt vị Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni, nam nữ Cư sĩ Phật tử cùng Đồng bào các giới trong và ngoài nước lời cầu chúc một năm an lành, như ý và viên thịnh Phật sự.

Vì nhớ tưởng mà cây trổ lộc xuân nở hoa, nên Xuân là Mùa Nhớ tưởng. Người dân Việt nhớ tưởng Ông Bà, Tổ tiên đã sinh thành ra nòi giống, quê hương ; người Phật tử nhớ tưởng Đức Phật đã trải xuống cõi Diêm Phù Đề con đường giải thoát giác ngộ, đồng lúc nguyện cầu cho Đức Phật Di Lặc thị hiện giữa Mùa Xuân dân tộc, đem từ vô lượng tâm cải hóa thế giới hận thù, tranh chấp.

Trong Mùa Nhớ tưởng, xin chư liệt vị chớ quên công đức sâu dày của Đức cố Đệ tứ Tăng Thống, Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang. Vì nhờ Ngài mà Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn còn hiện hữu uy nghi trước thời đại Pháp nhược ma cưỡng. Nhớ tưởng Ngài là đem hết thân tâm thực hiện lời Ngài căn dặn qua bức Thông Điệp Xuân Di Lặc, Phật lịch 2544 :

«Làm con Phật là vượt khỏi địa vị phàm phu, phát bồ đề tâm mà bước vào ngôi vị Bồ Tát. Lấy tâm Đại Bi bão bợ chúng sanh, lấy tâm Đại Từ làm lợi ích cho chúng sanh, lấy tâm Vô Ngại dẹp tan các chướng duyên và áp bức đang đè nặng nhân thế và muôn loài. Bồ đề tâm ở đâu, Bồ tát ở đó ; Bồ tát ở đâu, Phật đạo ở đó ; Phật đạo ở đâu, An lạc và Tự do ở đó. Bồ đề tâm được phát khởi, thì mọi khổ đau mới chấm dứt ; dù đó là đau khổ vì vô minh hay vì tham luyến, đau khổ của bần cùng hay đau khổ vì áp bức. Công năng này chứa sẵn trong mọi người con Phật, chỉ cần chí thành ưu tư, ước vọng an lành cho hết thảy chúng sanh là Bồ đề tâm hoạt dụng và biến hóa khôn lường».

Trước cảnh đảo điên của thời thế làm phân hóa lòng người, thì chúng ta hãy nhớ tưởng lời Đức Đệ Tam Tăng Thống, Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, như bức cẩm nang giải quyết sự khủng hoảng sa lầy của Tăng đoàn do ngoại nhân độc phá. Ngài dạy :

«Trong lịch sử truyền bá Phật Giáo Việt Nam cũng như thế giới, có lúc rất bi thảm đầy tủi nhục, nhưng cũng có lúc vang rất đáng tự hào. Lúc bi thảm là lúc bản thể của Tăng bị lu mờ, nội bộ của Tăng bị phân hóa và thành phần của Tăng có nhiều quan điểm dị biệt, giới hạnh suy kém và hiểu biết đạo lý một cách cục bộ, phiến diện. Trái lại, lúc vang là lúc nội bộ chúng Tăng hòa hiệp, biết gạt bỏ những quyền lợi riêng tư, những ngã chấp tâm thường, để tiến xa trên con đường tịnh hạnh, lấy giác ngộ, giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyện độ sanh làm sự nghiệp»

Đặc biệt năm nay chúng ta hướng lòng tưởng nhớ Đức cố Đại lão Hoà thượng Thích Tịnh Khiết, Ngài là vị Tăng Thống thứ nhất thời cận và hiện đại nối tiếp giai phẩm khởi sự từ thời Đinh, lúc Việt Nam minh định chủ quyền dân tộc sau mươi thế kỷ bị Bắc phương uy hiếp. Nhớ Ngài là hiến mình hiện diện trên đất nước còn thương đau hوم nay như một thực thể hòa bình. Trong bức Thông Điệp Xuân Kỷ Dậu, Phật lịch 2513, Ngài nhắc nhở ân cần :

«Hòa bình chỉ có ý nghĩa đích thực khi bảo đảm được quyền tự chủ quốc gia và những quyền tự do dân chủ căn bản của dân chúng, trong sinh hoạt cộng đồng thế giới. (...) Chúng ta phải hiện diện như một thực thể tiêu biểu đích thực cho nguyện ước Hòa bình của dân tộc để nói lên tiếng nói phát xuất từ thâm tâm con người và tiềm lực dân tộc. Chúng ta không có quyền trao vận mệnh dân tộc này cho những người phi dân tộc, ngụy dân tộc, phản dân tộc. (...) Chỉ có chúng ta, những người Việt đang sống trên đe dọa búa, đang bị tước đoạt quyền sống và bị phá hoại mới có đủ tư cách để tự biện minh trong mọi quyết định vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân tộc do chính chúng ta tự quyết mà thôi».

Nhân dân Việt Nam, trong đó có Phật tử, phải được sống trong an lạc và tự do để phát triển. Phát triển đời sống vật chất cũng như đời sống văn hóa và tinh linh. Vì vậy Giáo hội phải nói lên nồng vọng của 85 triệu người đòi hỏi cuộc sống nhân quyền và dân chủ để phát triển. Hơn nữa, hiện nay chủ quyền dân tộc đang bị uy hiếp bằng những quyền lực cương hay quyền lực nhu của các manh tâm nước lớn. Phật tử là người hiểu thời thông biến, nên không thể nhầm lẫn quay lưng trước các ý đồ mächt quốc. Nước mất thì đạo suy. Cho nên giữ nước là con đường dân tộc hai nghìn năm cứu mình, cứu người đưa quê hương thoát ly xâm lăng, nô lệ và cuồng tín.

Tâm tư của người Phật tử ngày nay là tâm tư của kẻ bị dày xéo từ một thế kỷ rưỡi qua vì những thế lực ngoại lai muốn biến Việt Nam thành chiến trường, thành thị trường, thay vì đạo trường. Tâm tư ấy biến thành cuộc vận động không ngưng nghỉ của Phật giáo suốt thế kỷ XX cho đến nay để phục vụ dân tộc, tổ quốc, nhân loại theo sứ mệnh tôn giáo, chứ không theo cương vị chính trị. Vì vậy mà thái độ của Giáo hội đối với nhà đương quyền Xã hội Chủ nghĩa là thái độ của tôn giáo đối với những chính sách sai lầm, những khuynh loát chính trị, những lạm dụng đất nước và quần chúng.

Cụ thể của chính sách sai lầm, khuynh loát chính trị, lạm dụng đất nước và quần chúng vừa được một lần nữa thấy rõ trong những ngày vừa qua. Khi Nhà nước Xã hội chủ nghĩa đưa ra tòa án giả trá những phần tử ưu tú tương lai của đất nước. Những người tay không tấc sัก với tấm lòng ưu tư trước nạn ngoại xâm và đời sống không có nhân quyền dân chủ, mà Nhà nước và Đảng chẳng đoái hoài. Giáng xuống họ những bản án giam tù và quản thúc nặng nề, khiến dư luận trong và ngoài nước công phẫn, khinh miệt. Đây là bản án của Chế độ Thực dân đầu thế kỷ XX đang được tái hồi cho toàn thể dân tộc vào đầu thiên niên kỷ thứ ba.

Hiểu rõ bi kịch đang ngăn cản sự phát triển quốc gia, làm cho văn hóa suy đồi, đạo lý nghiêm ngặt như thế, chư liệt vị Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, cùng đồng bào Phật tử trong và ngoài nước hãy cùng đứng lên đảm trách sự cứu khổ trừ nguy mà Đức Phật trao truyền : Hễ là Chánh đạo thì tiến tới, chỉ sợ bước tới không mau ; hễ không phải Chánh đạo thì lui bước, chỉ sợ đi lui không gấp.

Nguyện cầu chư Phật mười phương hộ chư Liệt vị năm an lành, thành công viên mãn đại nghĩa bồ đề.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Làm tại Thanh Minh Thiền Viện,

Saigon, ngày 8.2.2010

Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống

kiêm Viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN



Sa môn Thích Quảng Độ (Ấn ký)

# Möng X uaân Di Laë

Canh Dần 2010

thành tâm kính chúc

Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni

vô lượng thắng uyên - đạo thể khinh an  
tuệ tăng thường chiểu - phật quả viên thành

đồng kính chúc

Quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo...

Quý Giáo Hội, Chi Hội Phật Giáo, Gia Đình Phật Tử...

Quý Hội đoàn, Đoàn thể, Đảng phái

Đồng bào Đồng hương, và toàn thể Phật tử...

cùng quý Văn Thi sĩ, và Bạn đọc ...

thân tâm thõong laë – phuù duyên thaøg yù

vân sœi cat töong

# tình thương và con người

Dalai Lama - HT. Thích Trí Chơn chuyển ngữ

---00---

## Mục đích của cuộc sống

Mục đích của đời sống là gì? Đó là câu hỏi quan trọng mà tôi nghĩ mỗi người trong chúng ta, dù trí thức hay bình dân, giàu nghèo sang hèn vẫn thường nghĩ tới. Theo tôi, sống ở đời ai cũng mong có được hạnh phúc. Từ khi mới lọt lòng mẹ cho đến lúc già chết, tất cả mọi người đều mơ ước được sống cuộc đời hạnh phúc và không ai thích gặp khổ đau.

Hiện nay nhân loại sống trên trái đất này, đang phải đối đầu với một vấn đề nan giải là bằng cách nào chúng ta có thể giúp đỡ mọi người sống có hạnh phúc. Do đó, muốn chấm dứt nỗi khổ đau triền miên của kiếp người, chúng ta cần phải tìm hiểu làm sao con người có thể tạo dựng mang lại hạnh phúc cho nhau.

## Làm sao có được hạnh phúc?

Trước hết chúng ta nhận thấy hạnh phúc hay đau khổ đều có hai loại: thể xác và tinh thần. Trong cả hai loại này, tâm của chúng ta vẫn làm chủ, ảnh hưởng nhiều đến chúng ta. Trừ khi thân thể chúng ta bị đau ốm hoặc quá thiếu thốn, còn không thì đời sống thể xác vẫn đóng vai trò thứ yếu trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Khi thân thể chúng ta khỏe mạnh và cuộc sống vật chất tương đối đầy đủ thì chúng ta cảm thấy phần nào có hạnh phúc. Tuy nhiên nếu tinh thần chúng ta bị khủng hoảng, thiếu đói dù ít hay nhiều, việc nhỏ hay lớn, chúng ta liền cảm thấy rất đau khổ. Và trong lúc cuồng trí, không làm chủ được tinh thần; có thể dẫn chúng ta đến hành động tự sát, hủy hoại đời mình một cách oan uổng. Do đó, tôi nghĩ việc tìm kiếm một sự sáng suốt, bình an nơi tâm hồn thực hết sức quan trọng. Muốn thân tâm an lạc, chúng ta cần phát triển tình yêu thương và lòng từ bi.

Chúng ta nên nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác, đừng gây đau khổ cho bất cứ ai. Khi chúng ta ban bố tinh thương, cứu giúp tha nhân tức là chúng ta đã tự giúp mình có được chân hạnh phúc. Thực hành đức tánh khoan dung, tha thứ và mở rộng lòng yêu thương mọi người, tức khắc tâm hồn chúng ta sẽ cảm thấy thanh tịnh và an lạc. Điều này cũng giúp chúng ta tận diệt hết

mọi nỗi lo âu, bất an và phiền não. Nó mang lại cho chúng ta sức mạnh tinh thần, lòng tự tin để khắc phục, vượt qua những nỗi khó khăn, bất như ý mà chúng ta thường gặp phải trong cuộc đời.

Sống ở thế gian này, có ai trong chúng ta chỉ gặt hái thành công mà không thất bại, gặp toàn chuyện may chứ không có điều rủi? Trong mọi hoàn cảnh, mỗi người đều phải đối phó với những khó khăn riêng. Khi gặp gian truân nếu chúng ta không cố gắng khắc phục vượt qua, chúng ta sẽ thất bại và đâm ra tuyệt vọng, chán nản. Muốn thành công, trái lại chúng ta nên nghĩ rằng không riêng chúng ta mà tất cả mọi người trên thế gian đều gặp phải những điều bất hạnh. Nhờ ý thức được như vậy mà tâm hồn chúng ta cảm thấy với bớt đi phần nào niềm đau khổ, và tinh thần chúng ta trở nên vững mạnh với quyết tâm chiến thắng mọi gian lao thử thách để thành tựu sự nghiệp vẻ vang trong cuộc sống. Khi nhận thức được sự đau khổ của người khác như của chính mình chúng ta sẽ cố gắng tu tập, phát triển lòng từ bi, thương yêu giúp đỡ tất cả đồng loại thoát khỏi mọi khổ đau, và do đó tâm hồn chúng ta cảm thấy an lạc và hạnh phúc.

## Chúng ta cần tình thương

Tại sao tình thương mang lại cho con người nguồn hạnh phúc lớn lao nhất? Lý do đơn giản vì bản chất của chúng ta là hâm mộ, yêu chuộng tình thương và không thích sự ganh ghét, oán thù. Nhân loại cần đến tình thương để tồn tại. Con người cần sự giúp đỡ, nương tựa vào nhau để sống còn. Cá nhân nam hoặc nữ, dù có khả năng tài giỏi đến đâu, nếu bỏ họ một mình, họ cũng không thể tự sống được. Trong bất cứ hoàn cảnh, tình huống nào; giàu sang phú quý hay thiếu thốn nghèo hèn, khi trẻ trung mạnh khỏe hay già nua đau ốm, con người vẫn phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của kẻ khác.

Cho nên, tình thương thân thương trợ rất cần thiết cho mọi người trong xã hội. Không những con người mà ngay cả loài vật vẫn phải sống hợp quần. Tất cả những cảnh vật ngoại giới, từ hạt bụi nhỏ bé đến quả đất to lớn chúng ta đang sống; từ sông ngòi biển cả đến núi rừng đồng ruộng; từ đám mây trên trời đến những cành

hoa trong vườn đều có sự tương quan, tương duyên với nhau. Nếu không có sự hổ tương, liên hệ nhân quả, vạn vật sẽ không thể phát sanh hay tồn tại. Vì con người cần nương vào sự giúp đỡ của kẻ khác để sống còn, do đó tình thương là chất liệu thiết yếu cho cuộc sống của chúng ta. Và chúng ta có trách nhiệm trong hành động tạo nên hạnh phúc hoặc gây đau khổ cho mọi kẻ khác.

Chúng ta nên tìm hiểu bản chất thực sự của chúng ta là gì. Chúng ta không phải là sản phẩm của máy móc. Nếu chúng ta là những vật dụng máy móc thì các đồ dùng máy móc này có thể thỏa mãn mọi nhu cầu và dứt trừ được hết nỗi khổ đau của chúng ta. Bởi lẽ chúng ta không phải là những sinh vật được cấu tạo thuần túy bằng vật chất cho nên thực là điều sai lầm nếu chúng ta mong tìm hạnh phúc của mình ở bên ngoài con người, mà trái lại muốn có hạnh phúc chân thật, chúng ta cần thấu hiểu nguồn gốc và bản chất đích thực về con người để chúng ta có thể khám phá ra điều mà chúng ta ước mong có được.

Chúng ta hãy tạm gác qua một bên câu hỏi quá phức tạp khó giải đáp về sự diễn tiến cũng như tạo dựng nên thế giới của chúng ta đang sống; nhưng chúng ta có thể đồng ý với nhau rằng mỗi chúng ta là chính do cha mẹ của chúng ta sinh ra. Như vậy, sở dĩ có chúng ta không phải chỉ hoàn toàn do lòng ham muốn thỏa mãn dục tình mà còn bởi cha mẹ chúng ta thực sự mong muốn có một đứa con. Nói khác, trước khi sanh con thì cha mẹ đã ý thức rõ trách nhiệm là phải yêu thương, chăm sóc và dạy dỗ đứa con của mình nên người, chứ không thể bỏ mặc để cho nó hư hỏng. Cho nên chính do tình thương của cha mẹ đã dẫn đến sự ra chào đời của mỗi chúng ta. Hơn nữa ngay từ lúc còn ở trong bào thai, chúng ta đã cần đến sự chăm sóc của người mẹ. Và theo các nhà khoa học thì thai nhi không những chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi thể xác mà còn về mặt tinh thần của bà mẹ. Nếu trong lúc mang thai, người mẹ gặp những chuyện phấn khởi vui vẻ hay lo lắng buồn phiền đều gây ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến tinh thần của em bé sắp sinh ra sau này.

Ngay vừa lúc mới lọt lòng, đứa trẻ cũng rất cần thiết đến tình thương của bà mẹ. Em bé nhờ sữa mẹ lúc ban đầu mà lớn lên. Mặc dù ngày nay có sữa bột để nuôi con, sữa mẹ vẫn là nguồn sống căn bản tự nhiên của các bà mẹ. Đứa nhỏ ngậm vú mẹ lúc sơ sinh nói lên tình thương con thật lai láng “như nước trong nguồn chảy ra”. Nếu người mẹ không thực lòng thương yêu con mình hay nổi cơn giận dữ khi con khóc phá thì dòng sữa mẹ sẽ ảnh hưởng bị tắt nghẽn không chảy ra bình thường được. Lại nữa, cơ thể và nhất là bộ óc của em bé trong thời gian từ lúc mới sinh cho đến khi được ba hay bốn tuổi, sự chăm sóc kỹ lưỡng của bà mẹ thực hết sức quan trọng để giúp cho thân thể đứa trẻ được lớn mạnh và phát triển đầy đủ. Nếu thiếu sự chăm sóc, yêu thương và nuôi dưỡng của bà mẹ, thân thể em bé có thể

chậm lớn, nhất là bộ óc của nó không thể phát triển bình thường được. Lý do bởi đứa trẻ rất khó lớn khôn nếu không có sự chăm sóc của người lớn, cho nên tình thương của mẹ là chất liệu nuôi dưỡng quan trọng nhất, sức khỏe và hạnh phúc của các trẻ em hoàn toàn tùy thuộc vào tình yêu thương nuôi nấng và dạy dỗ tận tình của các bà mẹ.

Trong xã hội Âu Mỹ ngày nay, có nhiều đứa trẻ đã lớn lên trong những gia đình thiếu hạnh phúc. Một khi đứa trẻ thiếu sự chăm sóc, hướng dẫn của người lớn; và cha mẹ không biết yêu thương con cái mình; kết quả là chúng cũng sẽ không bao giờ nghĩ tưởng đến cha mẹ. Từ hành động không biết chăm sóc, thương yêu cha mẹ, những đứa trẻ sau này lớn lên vào đời, chúng cũng sẽ không có lòng thương yêu đồng loại. Thực là điều đáng buồn. Trẻ em lớn lên được cha mẹ gửi đến trường học, lúc ấy đứa trẻ cần sự giáo dục, hướng dẫn của thầy giáo. Ngoài sự dạy dỗ kiến thức phổ thông, nếu giáo sư biết rèn luyện cho học sinh có những đức tính tốt như tánh ngay thẳng, tự tin và giúp đỡ người khốn cùng v.v.. thì các học sinh này sẽ biết ơn, kính mến và giữ một ấn tượng tốt lâu dài trong tâm hồn của mình về ông thầy giáo đó. Trái lại, nếu vị giáo sư tỏ ra không hết lòng yêu thương, chăm sóc dạy dỗ các em học sinh thì sự mến thương tình cảm giữa chúng với người thầy giáo cũng chóng phai lạt.

Tương tự như thế, nếu một bệnh nhân trong nhà thương được chăm sóc hết lòng, tận tình chữa trị của vị bác sĩ thì chính tình thương này của ông ta sẽ là liều thuốc hữu hiệu nhất giúp cho người bệnh chóng lành, mặc dù ông không hẳn là một bác sĩ giỏi. Trái lại, cho dù một bác sĩ có tài, nhưng thiếu đạo đức, không thương yêu tận tụy khi chữa trị cho bệnh nhân, khiến người đau bệnh buồn phiền tức giận; do đó họ không thể chóng bình phục được. Cho nên tình thương, sự hết lòng cứu chữa bệnh nhân của vị thầy thuốc sẽ góp phần lớn trong việc giúp người đau bệnh chóng lành.

Trong cuộc sống giao tế hằng ngày, người ta thích nghe lời nói hòa nhã êm dịu cho dù câu chuyện của người trình bày không hay, ngược lại, một đề tài dù hấp dẫn bao nhiêu đi nữa mà người phát biểu dùng ngôn từ nặng nề, thiếu lễ độ nhả nhặt thì chẳng ai muốn nghe. Do đó, mọi việc ở đời, từ nhỏ đến lớn; lòng thương yêu, kính mến kẻ khác là điều cần tạo nên hạnh phúc cho mọi chúng ta. Gần đây, tôi gặp một nhóm khoa học gia Hoa Kỳ, họ cho biết rằng hiện nay có khoảng mười hai phần trăm dân số ở Mỹ đang mắc bệnh tâm thần. Nguyên nhân chính không phải vì thiếu thốn vật chất mà do bởi cuộc sống giữa con người với nhau thiếu thông cảm và tình thương. Cho nên, như tôi đã trình bày ở trên mặc dù quý vị có nhận thức rõ điều đó hay không, thì vào lúc chúng ta ra chào đời, tình thương vẫn là chất liệu cần thiết như máu huyết nuôi dưỡng sự sống của chúng ta. Ngay cả tình thương ấy phát xuất từ

nơi một con vật, hay kẻ thù của chúng ta thì trẻ nhỏ và người lớn vẫn đều cần đến nó.

### Sự phát triển tình thương

Một số người bảo tình thương và lòng từ bi là những đức tính cao quý, nhưng rất khó thực hiện. Bởi lẽ thế giới ngày nay, họ lập luận cho rằng không phải là môi trường thuận lợi cho chúng phát triển. Mà bản tính con người vốn thích làm những việc ác và lòng người chưa đầy sự thù hận và tham sân. Tôi không đồng ý như vậy.

Nhân loại xuất hiện trên quả đất hiện nay đã có từ hàng trăm nghìn năm trước. Tôi nghĩ rằng trong khoảng thời gian này nếu tâm con người hoàn toàn độc ác hung dữ thì dân số trên thế giới đã giảm sút. Nhưng trái lại, mặc dù xảy ra nhiều cuộc chiến tranh, ngày nay dân số toàn cầu đã tăng lên rất nhiều. Điều này chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng lòng từ bi và tình thương đã ngự trị thắng thế trên thế giới.

Tình thương đã mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích tinh thần và lành mạnh thể xác. Điều rõ ràng ai cũng thấy là khi tâm mình an vui sẽ giúp cơ thể chúng ta khỏe mạnh. Sự giận dữ, ưu phiền dễ khiến con người sinh ốm đau. Trái lại, tâm thanh tịnh và an lạc giúp chúng ta tránh được nhiều bệnh tật. Muốn có hạnh phúc chân thật, con người cần trải lòng yêu thương tất cả, không nuôì dưỡng tâm ganh ghét, oán thù ai. Chúng ta không chỉ nhận thức tình thương là đức tính tốt, cao quý mà nên thực hành phát triển nó trong cuộc sống hằng ngày.

Trước hết, chúng ta cần hiểu rõ về ý nghĩa đích thực của tình thương. Tình cảm yêu thương lầm khi pha lẫn với dục tình và sự tham đắm. Chẳng hạn, cha mẹ thương yêu con cái là thứ tình cảm vị kỷ đối với người thân của mình, khác hẳn với lòng từ bi rộng lớn. Trong hôn nhân, sự đắm say tình dục giữa hai vợ chồng hay tình yêu cuồng nhiệt giữa đôi trai gái hoàn toàn không phải là thứ tình thương đích thực. Lòng thương nặng tính chất đam mê ái nhiễm này khiến chúng ta thường hay mù quáng nghĩ tưởng rằng người mà ta yêu thương luôn có những đức tính tốt, nhưng đôi khi họ lại mang nhiều thói hư tật xấu.

Tình thương nhằm mục đích ích kỷ, tình thương ấy khó tồn tại lâu dài và dễ tan biến khi nó không mang lại ích lợi gì cho con người. Cho nên tình thương chân chính không xây dựng trên tình cảm so đo toan tính lợi hại cho bản thân mà hoàn toàn đặt nền tảng trên lòng vị tha quên mình vì hạnh phúc cho chúng sanh. Hắn nhiên phát triển lòng từ bi rộng lớn này không phải là điều dễ dàng. Muốn thành tựu, chúng ta cần sáng suốt nhận thức rõ các sự thực sau đây:

Tất cả chúng ta dù tốt hay xấu, giàu nghèo sang hèn, đều là con người như nhau. Ai cũng mong sống trong hạnh phúc và không thích khổ đau. Họ có quyền khắc phục, chống lại sự đau khổ để có được hạnh phúc. Khi

bạn hiểu rằng mọi người đều bình đẳng trong ý muốn đi tìm và có quyền đạt tới hạnh phúc, tự nhiên bạn thấy có thiện cảm và gần gũi với họ. Khi tâm bạn có được tình thương nhân loại phổ quát, bạn sẽ thấy có trách nhiệm cần giúp đỡ khốn cùng vượt qua những khó khăn của họ.

Bạn làm việc cứu khổ này với tâm bình đẳng, không chọn lựa và phân biệt kẻ thân người sơ, thù hay bạn, sang trọng hay thấp hèn, khi chúng ta biết rằng là con người, họ có những niềm vui và đau khổ như chúng ta; cho nên không thể có sự kỳ thị, phân chia giữa người này với người kia mà chúng ta cần có lòng từ bi thương xót cứu độ tất cả.

Muốn thành công trong việc phát triển lòng từ bi, chúng ta cần phải trải qua một thời gian dài kiên nhẫn tu tập. Khi chúng ta còn nghĩ đến bản ngã nhỏ nhen, cái “Ta” tham lam ích kỷ, đam mê thú vui trần tục, không dám hy sinh quyền lợi cá nhân cho hạnh phúc của kẻ khác thì rất khó để thực hành tình thương rộng lớn này. Mặc dù không dễ làm ngay tức khắc, điều đó không có nghĩa là chúng ta không thể bắt đầu luyện tập từ từ để dẫn đến kết quả được.

### Chúng ta khởi sự thực tập như thế nào?

Trước hết chúng ta cần diệt trừ những trở ngại lớn lao cho sự phát triển lòng từ bi là tâm oán thù và sân hận. Đây là hai ác tính độc hại nhất thường nằm sẵn trong tâm mọi người, nhưng chúng ta có thể kiểm soát chúng. Muốn chế ngự tâm sân hận, chúng ta không những chỉ cần có lòng từ bi mà còn phải có trí tuệ và hạnh nhẫn nhục. Chúng là những phương thuốc hữu hiệu nhất có thể chữa trị, đoạn diệt lòng sân hận nơi tâm chúng ta. Nhưng rất tiếc, nhiều người đã nhận thức sai lầm cho rằng thực hiện các đức tính trên là dấu hiệu của yếu hèn và nhu nhược. Trái lại, tôi vẫn tin nhẫn nhục là điều rất khó làm, đòi hỏi nơi hành giả một ý chí dũng mãnh. Bản chất của lòng từ bi mặc dù là hiền lành mềm mỏng và dịu dàng, nhưng nó cũng là một sức mạnh.

Thêm nữa, thiếu nhẫn nhục con người sẽ sống trong tình trạng lo âu và bất hạnh. Do đó, khi phát khởi tâm sân hận, theo tôi, là dấu hiệu của sự yếu kém. Cho nên khi gặp chuyện bất hòa, xung đột với ai, bạn nên cố gắng kiềm chế sự nóng giận, hết sức bình tĩnh, giải quyết vấn đề với lòng từ bi để tránh sự đổ vỡ. Ngay trường hợp kẻ có tâm xấu ác muỗn làm hại bạn cũng sẽ không thành công mà kết quả là họ tự chuốc lấy sự thất bại mà thôi. Cho nên muốn diệt trừ tánh vị kỷ, đố kỵ, chúng ta cần phải thực hiện lòng từ bi để giúp cho người khác tránh được sự đau khổ do hậu quả gây nên bởi việc làm sân hận của họ. Do đó, nhờ biết thực hành hạnh nhẫn nhục mà chúng ta tránh được sự lo âu, phiền não; có được sự an lạc và hạnh phúc.

### Bạn và Thủ

Nếu chúng ta chỉ nghĩ đến lòng từ bi không thôi thì chưa đủ, mà chúng ta cần mong gặp hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện, phát triển tình thương rộng lớn đó. Và ai là người sẽ giúp chúng ta tạo cơ hội ấy? Không phải bạn mà là kẻ thù của chúng ta. Chính họ là những người đã gây khó khăn nhiều nhất cho chúng ta. Do đó, nếu muốn học hỏi, thực hành hạnh từ bi, chúng ta nên xem họ như những người bạn và là thầy của chúng ta. Muốn trải tình thương rộng lớn đến mọi chúng sanh, chúng ta nên thực hành đức tánh khoan dung, từ bi và hỷ xả; do đó, chúng ta cần đến các kẻ thù. Bởi vậy chúng ta hãy cảm ơn những kẻ thù vì họ đã giúp chúng ta giữ được cái tâm thanh tịnh an lạc. Và trong nhiều trường hợp, cá nhân cũng như tập thể, khi chúng ta thay đổi hoàn cảnh sinh sống, kẻ thù có thể trở thành bạn.

Cho nên tánh nóng giận và lòng sân hận luôn luôn là những ác tính độc hại, và trừ khi chúng ta điều phục làm chủ được cái tâm của mình để diệt trừ, còn không thì chúng sẽ tiếp tục gây phiền não và ngăn chặn mọi nỗ lực tu tập mang lại sự an lạc cho chúng ta. Bởi vậy, sự giận dữ và lòng sân hận chính là kẻ thù của chúng ta. Chúng là những ác tính chúng ta cần khắc phục và loại bỏ, không chỉ nhất thời, mà phải thường xuyên liên tục trong suốt cả cuộc đời của chúng ta.

Hẳn nhiên là tất cả chúng ta ai cũng muốn có nhiều bạn. Và tôi thường hay nói đùa rằng nếu bạn ích kỷ muốn thủ lợi riêng cho mình thì bạn nên có lòng vị tha. Bạn hãy thương yêu kẻ khác, phục vụ và giúp đỡ cho họ. Bạn cần giao hảo, vui cười và kết thân với mọi người. Được vậy thì khi bạn gặp khó khăn, bạn sẽ có người giúp đỡ. Trái lại, nếu chúng ta không bao giờ nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác thì về lâu dài, chúng ta sẽ bị mất mát và thua lỗ. Không bao giờ những sự cãi vã, giận dữ, tranh chấp và đố kỵ có thể mang lại tình bạn thân hữu giữa con người. Mà chỉ có lòng khoan dung, tha thứ và hỷ xả mới giúp chúng ta kết thân, gần gũi và thương yêu nhau.

Trong xã hội vật chất ngày nay, nếu chúng ta có tiền và quyền lực, chúng ta sẽ có nhiều bạn. Nhưng chúng không phải là bạn chân thật mà là bạn của tiền bạc và thế lực của chúng ta. Khi chúng ta nghèo khổ, mất hết địa vị uy quyền, những người bạn đó sẽ bỏ rơi chúng ta. Trong cuộc sống, nếu không có biến cố hay tai nạn gì xảy ra, con người thường nghĩ rằng mình có thể tự lo được, không cần đến ai; nhưng khi hữu sự gặp khó khăn, thiếu thốn hay bệnh tật, con người cảm thấy cô đơn và cần phải nhờ đến sự giúp đỡ của kẻ khác. Do đó, để chuẩn bị cho giờ phút lâm nguy ngặt nghèo sẽ có người chăm sóc giúp đỡ cho mình thì ngay hôm nay, chúng ta nên kết bạn thân, đối xử tốt và có lòng vị tha, cứu giúp mọi người.

Đôi lúc, người ta cười chê nhạo khi nghe tôi nói tôi muốn có nhiều bạn thân hơn, và tôi yêu nụ cười của thiên hạ. Cho nên tôi phải biết nghệ thuật sống cách

nào để có thêm bạn bớt thù và làm sao tôi có thể giữ mãi nụ cười trên môi khi tiếp xúc với mọi người, đặc biệt là nụ cười hỷ xả của tình thương. Trong cuộc sống giao tiếp hàng ngày, chúng ta bắt gặp nhiều nụ cười khác nhau của thiên hạ: có nụ cười chua chát, giả dối hay xả giao. Đôi khi nụ cười bày tỏ sự bất mãn, gây nên nghi ngờ hay sợ hãi cho kẻ khác. Tuy nhiên cũng có những nụ cười mang lại niềm vui của sự an lạc và giải thoát: đó là nụ cười từ bi hỷ xả của chư Phật và Bồ Tát. Đây là những nụ cười mà chúng ta nên cố gắng thực hiện để mang lại hạnh phúc cho mọi người.

### Tình thương và thế giới

Vì chúng ta cần chia sẻ tình thương với tất cả mọi người, cho nên bất cứ ai chúng ta gặp, dù trong hoàn toàn cảnh nào chúng ta đều xem như những bậc cha mẹ và anh chị hay em của chúng ta. Chúng ta không quan tâm về khuôn mặt của họ là mới hay cũ; lạ hay quen, họ mặc y phục như thế nào, đẹp hoặc xấu, rẻ hay đắt tiền; và tánh tình của họ ra sao, hiền lành hay dữ tợn, chúng ta vẫn thấy không có gì sai khác giữa họ và chúng ta. Thật là điều sai lầm khi chúng ta có óc kỳ thi, phân biệt giữa chúng ta với mọi người; hoặc giữa người này với người kia, vì như Đức Phật đã dạy rằng tất cả mọi người chúng ta đều có Phật tánh, hay khả năng thành Phật giống nhau.

Sau hết, toàn thể nhân loại là một và quả đất nhỏ chúng ta đang sống là ngôi nhà chung của chúng ta. Nếu chúng ta muốn bảo vệ căn nhà nhân loại này, mỗi chúng ta cần thực hiện tình yêu thương con người trên toàn thế giới. Được vậy, chúng ta mới có thể diệt trừ hết lòng tham, tánh vị kỷ nơi con người, nguồn gốc gây ra mọi khổ đau cho nhân loại qua những cuộc xung đột, xâm lăng và chiến tranh vì quyền lợi của con người. Nếu các bạn có một tấm lòng thành thực và rộng mở, chẳng bao giờ gây oán thù với ai thì tâm bạn sẽ bình an không lo sợ bất cứ người nào làm hại đến mình.

Tôi tin rằng mọi người sống trong xã hội, cho dù ở phạm vi gia đình, bộ tộc, quốc gia hay quốc tế, chìa khóa hay bí quyết mang lại cho thế giới con người có đời sống tốt đẹp, an lạc và hạnh phúc hơn hiện nay, là sự áp dụng, thực hành và phát triển của tình thương. Chúng ta không cần phải theo một tôn giáo, ý thức hệ hay chủ thuyết chính trị nào; điều căn bản là chúng ta nên tu tập và thực hành các tánh thiện nơi mỗi con người chúng ta. Tôi thường cố gắng đối xử với bất cứ người nào tôi mới gặp họ lần đầu tiên đều giống như một người bạn cũ tâm tình thân quen. Điều này đã mang lại cho tôi một nguồn hạnh phúc vô biên. Đó là sự thực hành đức tánh từ bi hỷ xả của Đức Phật.

(Trích từ tập sách “Compassion and the Individual” của Đức Dat Lai Lạt Ma – HT Thích Trí Chơn chuyển ngữ)

# bồ đề tâm

# và lòng bi mẫn

Lama Zopa Rinpoche – Thanh Liên Việt dịch

-- oOo --

## Mục đích của đời người

Như tôi đã nói trong một Pháp thoại trước đây, bạn nên hiểu rõ ý nghĩa của đời bạn, lý do bạn sống, mục đích của việc đã nhận được thân người quý báu vào lúc này, đặc biệt là sự tái sinh làm người cao quý này với tám sự tự do và mười điều thuận lợi – bạn nên hiểu rõ điều này, không chỉ một cách trí thức mà còn hiểu thật sâu xa khiến bạn chuyển hóa thái độ của bạn một cách thích đáng và sống cuộc đời bạn trong sự hòa hợp với mục đích đó. Mục đích đó là gì? Đó là sống cuộc đời bạn để làm lợi lạc những người khác.

Như thế, lòng bi mẫn là sự thiền định hay thực hành quan trọng nhất mà bạn có thể làm. Mặc dù những giáo lý của Đức Phật nói về hàng tá cách thiền định hay thực hành khác nhau mà bạn có thể trải cả cuộc đời mình để thực hành, nhưng đây chính là điều quan trọng nhất – làm lợi lạc người khác, sống cuộc đời bạn với một thái độ bi mẫn đối với người khác. Đây là mục đích thực sự của cuộc đời, là ý nghĩa của cuộc đời.

Cho dù bạn chỉ có một giờ để sống, một phút để sống, mục đích của cuộc đời vẫn là sống vì sự lợi lạc của người khác, với một trái tim tốt lành, với lòng bi mẫn đối với người khác. Cho dù bạn chỉ có một phút để sống, chỉ còn lại một phút của thân người quý báu này, điều quan trọng nhất mà bạn có thể thực hành là lòng bi mẫn; ngoài ra không có gì khác.

Cũng hoàn toàn giống như thế nếu bạn có một trăm năm để sống, một ngàn năm, thậm chí một kiếp để sống. Để hoàn thành mục đích của cuộc đời bạn, bạn vẫn phải sống với lòng bi mẫn đối với những người khác, vì sự lợi lạc của những người khác.

Nếu bạn đang vui hưởng một cuộc đời hạnh phúc, đang kinh nghiệm lạc thú, thì để cuộc đời bạn không trống rỗng, trở nên lợi lạc, hữu ích cho những người khác, bạn

nên thực hành lòng bi mẫn, sống cuộc đời bạn để làm lợi ích cho người khác. Nếu đời bạn không hạnh phúc, nếu bạn đang kinh nghiệm những vấn đề trong mối quan hệ, nếu bạn bị ung thư hay bệnh AIDS, nếu bạn tuyệt vọng, nếu đời bạn không thoái mái, cho dù bạn đang gặp đến hàng trăm hay hàng ngàn vấn đề – sức khỏe, mối quan hệ, những vấn đề liên quan tới việc làm – như thế bạn đang chết đuối trong vũng lầy của những vấn đề, bạn cũng nên thực hành lòng bi mẫn đối với những người khác. Nếu bạn có thể thực hành lòng bi mẫn vào những thời điểm như thế thì bạn vẫn làm cho cuộc đời bạn có ý nghĩa, lợi lạc cho người khác, hữu ích cho người khác, và nhờ đó – bằng cách làm lợi lạc cho người khác – bạn sẽ thường xuyên làm cuộc đời bạn mang lại lợi lạc cho bản thân bạn. Yêu thương người khác là cách thức tốt đẹp nhất để yêu thương bản thân bạn.

Yêu thương người khác có nghĩa là bạn đừng làm hại người khác, và không làm hại người khác là không làm hại bản thân bạn. Ngay cả trong phạm vi của sự bảo vệ, đây là cách tốt đẹp nhất để bảo vệ cuộc đời bạn. Cũng giống như thế, khi bạn làm cho người khác hạnh phúc, bạn mang lại hạnh phúc cho chính bạn. Nghiệp được tạo nên nhờ làm cho người khác hạnh phúc cũng làm cho bạn kinh nghiệm sự hạnh phúc; đó là loại nghiệp dẫn tới hạnh phúc. Cho dù bạn không mong muốn hạnh phúc nhưng một khi bạn đã tạo nên nguyên nhân của nó thì nó chính là kết quả.

Nếu bạn trồng một hạt giống trên mặt đất và hội đủ mọi điều kiện (duyên), chẳng hạn như đất, nước và nhiệt độ toàn hảo – mọi sự đều hội tụ và không có những trở ngại nào – thì cho dù bạn có cầu nguyện nhiều tới đâu để cây đừng mọc lên, nhưng nó vẫn sẽ phát triển. Chắc chắn là nó sẽ mọc lên bởi hạt giống được gieo trồng trên mặt đất đã gặp được mọi điều kiện cần thiết để phát triển; nhân và duyên đã gặp gỡ. Bởi nó là một sự duyên sinh nên việc bông hoa hay trái cây đó sẽ mọc lên là điều không thể tránh khỏi, cho dù bạn có cầu nguyện nhiều tới đâu để nó không mọc.

Tương tự như thế, nếu bạn sống cuộc đời hàng ngày của bạn với lòng bi mẫn, mang lại thật nhiều hạnh phúc cho người khác trong khả năng của bạn, thì kết quả tự nhiên là bản thân bạn sẽ kinh nghiệm hạnh phúc, bây giờ và trong tương lai – đó là kết quả tức thì là sự an bình trong tâm trong đời này và kết quả dài hạn là hạnh phúc trong tất cả những đời sau của bạn. Tất cả những điều này là kết quả chắc chắn của việc mang lại hạnh phúc và lợi lạc cho người khác.

Như vậy, bạn sẽ thâu hoạch được rất nhiều khi thương yêu người khác, quan tâm tới những chúng sinh khác như bạn làm cho bản thân bạn. Dù họ là những con trùng hay con người thì họ cũng là những sinh loài giống như bạn – ước mong hạnh phúc và không mong muôn đau khổ. Giống như bạn cần tới sự giúp đỡ của

người khác để giải trừ những vấn đề thì họ cũng cần điều đó. Giống như hạnh phúc của bạn tùy thuộc vào những người khác, hạnh phúc của họ cũng thế. Không chỉ có con người, mà cả đến những côn trùng cũng cần tới sự giúp đỡ của bạn. Việc họ giải thoát khỏi những vấn đề thì tùy thuộc vào bạn; hạnh phúc của họ tùy thuộc vào bạn.

Tại sao việc thương yêu người khác, quan tâm tới người khác như bạn làm cho bản thân bạn, không làm hại mà làm lợi lạc cho họ, lại là phương cách tốt đẹp nhất để chăm sóc bản thân bạn, quan tâm tới bản thân bạn? Đó là nhờ có một trái tim tốt lành, sự thương yêu người khác, làm lợi lạc người khác mà mọi ước muốn của riêng bạn đều được hoàn tất.

Nói chung, trong thế giới, khi những người khác nhìn thấy một người thiện tâm, có bản tính bi mẫn, từ ái, họ nhận được những sự rung động tốt lành, một cảm xúc tích cực từ người đó. Ngay cả những người không quen biết gặp người đó trên đường, trong máy bay, trong các văn phòng hay cửa hàng, thì chỉ cái nhìn của người đó cũng đủ làm cho họ sung sướng, mỉm cười và muốn được trò chuyện. Do bởi trái tim tốt lành, những rung động tốt lành, cảm xúc tích cực của bạn, bạn làm cho người khác hạnh phúc. Ngay cả những biểu lộ trên khuôn mặt họ cũng thay đổi phản ánh tâm thức hạnh phúc của họ. Cho dù bạn không phải trải nghiệm bất kỳ vấn đề gì thì những người khác cũng vẫn giúp đỡ bạn.

Khi bạn có một trái tim tốt lành đối với những người khác, tất cả những ước muốn hạnh phúc của riêng bạn đều được đáp ứng một cách ngẫu nhiên. Giống như một Bồ Tát, mặc dù động lực của bạn chỉ là hạnh phúc của người khác và bạn không trông chờ gì hạnh phúc của bản thân bạn, cho dù mọi sự bạn làm trong hai mươi bốn giờ đồng hồ một ngày được đặc biệt hồi hương cho hạnh phúc của những người khác mà không có một niệm tưởng nào về hạnh phúc của riêng bạn, thì bản thân bạn cũng sẽ kinh nghiệm mọi điều hạnh phúc.

Nhờ sự chứng ngộ Bồ Đề tâm, những thánh nhân - những vị Bồ Tát - sẽ hoàn toàn từ bỏ bản thân mình vì người khác. Các ngài không nghĩ tưởng gì về hạnh phúc của riêng mình mà thay vào đó dùng mỗi giây phút để tìm kiếm hạnh phúc cho những người khác. Như thế điều gì sẽ xảy ra? Với Bồ Đề tâm, các ngài có thể phát triển trí tuệ tối thượng nhận ra bản tính đích thực của cái tôi - bản ngã và những uẩn, sự kết hợp của thân và tâm là căn bản của cái được quy gán cho là cái tôi - và mọi hiện tượng khác.

Nhờ phát triển Bồ Đề tâm và trí tuệ tối thượng, các ngài có thể tiết trừ mọi lỗi lầm của tâm thức, nguyên nhân của mọi đau khổ - những ô nhiễm thô sơ, những lầm lạc của tham, sân và si, và những ô nhiễm vi tế, là những gì có tính chất của những dấu vết để lại trong dòng tương tục của tâm thức do những mê lầm.

Như vậy, đây là điểm đặc biệt của Bồ Đề tâm, bởi với sự hỗ trợ của nó, bạn có thể phát triển không chỉ trí tuệ chứng ngộ tánh Không mà còn có thể ngăn cản những ô nhiễm vi tế và nhờ đó trở nên hoàn toàn giác ngộ, đạt được trạng thái toàn trí, tâm toàn giác, thấu suốt trực tiếp và không chút lỗi lầm, không chỉ nghiệp thô nặng mà cả mỗi nghiệp vi tế duy nhất của từng người trong vô số chúng sinh. Bạn sẽ nhận ra mọi đặc tính dị biệt, những ước muốn và mức độ thông tuệ của họ; thấu hiểu từng phương pháp độc nhất thích hợp với tâm thức của tất cả những chúng sinh khác biệt này vào những lúc khác nhau; và khám phá phương pháp thích ứng phù hợp với tâm của mỗi cá nhân chúng sinh vào những thời điểm khác nhau để dẫn dắt chúng sinh đó từ hạnh phúc này sang hạnh phúc khác, bằng đủ mọi cách để đạt được giác ngộ.

Như thế, Bồ Đề tâm khiến cho trí tuệ của bạn hoạt động khiến nó có thể chiến thắng ngay cả những ô nhiễm vi tế, làm cho tâm bạn hoàn toàn giác ngộ.

Theo cách này, Bồ Đề tâm khiến bạn trở thành một người dẫn đường hoàn toàn có phẩm tính, một bậc giác ngộ toàn hảo, và nhờ đó giải thoát vô số chúng sinh khỏi luân hồi sinh tử, đại dương của đau khổ, và mang họ tới hạnh phúc vô song của sự Toàn Giác.

Như thế sự thành tựu mọi phẩm tính giác ngộ vô biên này xuất phát từ đâu? Ngay cả những Bồ Tát Thập Địa cũng có những phẩm tính khó tin, không thể nghĩ bàn. Ngay một Bồ Tát Sơ Địa cũng có thể thiền định trong hàng trăm cách tập trung khác nhau, đi tới hàng trăm cõi tịnh độ khác nhau, khám phá cho chúng sinh hàng trăm giáo lý khác nhau. Tôi không nhớ chính xác, nhưng có khoảng mười một điều khác nhau trong đó các ngài có thể làm hàng trăm việc. Một Bồ Tát Nhị Địa có thể thực hiện một ngàn thiền định tập trung khác nhau, đi tới một ngàn cõi tịnh độ, khám phá một ngàn giáo lý khác nhau cho chúng sinh và v.v... Cũng giống như thế, bởi các ngài tiến bộ càng lúc càng cao hơn qua các cấp độ (địa), các ngài thành tựu càng lúc càng nhiều hơn những phẩm tính không thể nghĩ bàn mà với chúng các ngài có thể làm lợi ích chúng sinh. Tôi không nhớ những thuật ngữ để chỉ địa thứ chín và thứ mười nhưng chư vị Bồ Tát sở hữu vô số phẩm tính không thể nghĩ bàn như thế.

Tất cả những phẩm tính không thể nghĩ bàn này của con đường Bồ Tát, tất cả những phẩm tính vô biên của thân linh thánh, ngũ linh thánh và tâm linh thánh của Đức Phật xuất phát từ cội gốc là sự từ bỏ bản ngã và tư tưởng tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình, và sự phát triển trái tim tốt lành, tư tưởng chỉ tìm kiếm hạnh phúc cho chúng sinh. Tất cả mọi phẩm tính đó xuất phát từ cội gốc này. Mọi phẩm tính tốt lành vô biên của Đức Phật, của Pháp, con đường của Bồ Tát, và của Tăng, những bậc thánh và thậm chí những Bồ Tát bình thường, đều xuất phát từ tư tưởng quý báu phi thường,

Bồ Đề tâm như ý – sự từ bỏ bản ngã và tâm quy-ngã, và sự phát triển lòng yêu thương chỉ dành cho người khác. Tất cả những phẩm tính đó đều xuất phát từ tư tưởng này.

Những bậc có thể làm được điều này chứng ngộ sự thành tựu tuyệt hảo nhất. Các ngài từ bỏ bản ngã, từ bỏ cái tôi, nhưng các ngài đạt được sự thành tựu tuyệt hảo, thành công vĩ đại nhất. Các ngài không chỉ tìm ra sự giải thoát vĩnh cửu khỏi chu kỳ của sự chết và tái sinh và mọi vấn đề mà nó mang lại, chẳng hạn như sự tái sinh, sự già, bệnh, những vấn đề thuộc cảm xúc và mọi khó khăn khác của cuộc sống mà chúng ta kinh nghiệm, mà các ngài cũng đạt được sự giải thoát vĩnh cửu, sự tự do vĩnh cửu, hạnh phúc vĩnh cửu cho bản thân mình, và có thể mang lại hạnh phúc bao la như bầu trời cho vô số chúng sinh. Tất cả những điều này xuất phát từ cội gốc là Bồ Đề tâm, tâm linh thánh cao quý nhất, sự từ bỏ cái tôi, sự thương yêu người khác.

Chúng ta có thể hiểu được điều này chân thật ra sao bằng cách đọc những bản văn thuật lại những câu chuyện tiền thân của Đức Phật và cuộc đời của những Bồ Tát khác, nhưng ta cũng có thể thấu hiểu một trái tim tốt lành thì như ý ra sao đối với hạnh phúc của bạn từ những gương mẫu của những cuộc đời bình thường của những con người bình thường trong thế giới – những người mà tâm họ bi mẫn hơn trong bản chất ra sao, những người có thiện tâm, có những đời sống thoải mái hơn.

Chẳng hạn như, nếu bạn đang kinh nghiệm những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng, chẳng hạn như ung thư và v.v.., nhưng bạn có một trái tim tốt lành, tâm bạn sẽ hạnh phúc và an bình bởi mỗi quan tâm chính không phải là cho bản thân bạn mà là cho người khác; mỗi quan tâm của bạn được dành cho chúng sinh. Nhờ đó tâm bạn được an bình. Cho dù bạn đang hấp hối nhưng tâm bạn không bị xáo trộn vì mỗi quan tâm của bạn là dành cho người khác chứ không phải cho bạn. Ngay cả vào lúc cuối đời bạn, giây phút chấm dứt đời người của bạn, kinh nghiệm của bạn về sự chết là một kinh nghiệm hạnh phúc bởi thái độ của bạn là thái độ quan tâm tới người khác, chứ không phải cho cái ta, không phải là tâm thức tự yêu thương mình, tâm quy-ngã.

Mặc dù các sự việc không tiến triển với bạn, bạn gặp nhiều trở ngại, cuộc đời bạn gặp rắc rối, nhưng tất cả những điều này không làm bạn lo lắng, tâm bạn không bị quấy nhiễu, luôn luôn vui vẻ và an bình, bởi ưu tiên hàng đầu trong đời bạn là hạnh phúc của những người khác. Điều bạn quan tâm nhất là người khác, chứ không phải bản thân bạn. Đó là mục đích của bạn. Thái độ này mang lại rất nhiều an bình và hạnh phúc cho đời sống hàng ngày của bạn, đem lại cho bạn rất nhiều sự hài lòng. Mặc dù những người khác gây nên cho bạn những vấn đề, làm phiền bạn, nhưng nó không gây rắc rối cho bạn; tâm bạn vẫn an bình và hạnh phúc.

Đặc biệt là với một trái tim tốt lành, lòng bi mẫn đối với người khác, bất kỳ khi nào một vấn đề xuất hiện bạn cũng kinh nghiệm nó vì người khác, nhân danh chúng sinh khác. Nếu bạn kinh nghiệm hạnh phúc, bạn kinh nghiệm nó cho người khác. Nếu bạn vui hưởng một đời sống xa hoa, bạn hồi hướng nó cho người khác. Và nếu bạn trải nghiệm một vấn đề, bạn trải nghiệm nó cho người khác – để người khác thoát khỏi những vấn đề và có mọi hạnh phúc cho tới sự Giác ngộ, sự an bình và hỉ lạc hoàn toàn viên mãn. Khi ước muốn những người khác có mọi hạnh phúc, bạn kinh nghiệm những vấn đề nhân danh họ.

Điều đó đem lại cho bạn sự hài lòng và hoàn thành thật phi thường, nhưng không chỉ có thế. Nếu bạn có thái độ đó, cho dù bạn trải nghiệm bao nhiêu vấn đề chăng nữa, khi bạn gặp mỗi vấn đề bạn có cảm tưởng như bạn đã khám phá một kho tàng quý báu. Bạn coi nó như một cơ hội phi thường để hồi hướng bản thân bạn cho người khác; một dịp may to lớn để trải nghiệm những đau khổ của người khác, giống như chư vị Bồ Tát thực hiện, giống như Đức Phật đã làm, giống như Đức Jesus Christ đã làm để nhận vào mình những đau khổ của người khác.

Mặc dù những người khác có thể thấy vấn đề đó không thể chịu đựng nổi, nhưng đối với bạn, là người có thái độ này, thì nó không là một điều thật phiền nhiễu, bạn không thấy nó đặc biệt khó khăn, hầu như bạn rất thoải mái về điều đó – do bởi trái tim tốt lành và thái độ thuần tịnh của bạn đối với cuộc đời. Điều này làm cho toàn bộ cuộc đời của bạn trở nên thật thoải mái, thật hạnh phúc.

Trái tim bạn không trống rỗng, không rỗng tuếch, nhưng tràn ngập sự hài lòng, đầy ắp niềm vui. Theo cách này, cho dù bạn gặp nhiều khó khăn nhưng bạn sống cuộc đời bạn với niềm vui. Bạn vui hưởng những vấn đề; thậm chí bạn vui hưởng cái chết của bạn. Cho dù điều gì xảy ra thì bạn cũng vui hưởng nó với Bồ Đề tâm, tư tưởng thương yêu người khác. Những gì mà người bình thường có thể thấy là không đáng ao ước thì người có trái tim tốt lành, có thái độ yêu thương người khác lại thấy là đáng ao ước bởi người ấy có thể làm cho những vấn đề trở nên lợi lạc cho người khác. Người có trái tim tốt lành, có tâm bi mẫn, tư tưởng thương yêu người khác, thái độ Bồ Đề tâm, sẽ làm cho vấn đề trở nên hữu ích, lợi lạc cho người khác. Theo cách này, kinh nghiệm về những vấn đề của người này trở thành một nguyên nhân của hạnh phúc của tất cả chúng sinh – không chỉ hạnh phúc nhất thời mà là hạnh phúc của sự Giác ngộ viên mãn, tối thượng. Bồ Đề tâm làm cho kinh nghiệm về những vấn đề của người ấy trở thành một nguyên nhân cho hạnh phúc của mọi sinh loài. Làm cách nào? Bằng cách chuyển hóa những vấn đề thành con đường dẫn tới Giác ngộ.

# thanh-tịnh – tinh-tấn – kiên-chí

HT. Thích Thiện Hoa

= = oOo = =

## A. Thanh-tịnh

**Định nghĩa:** Thanh là trong, Tịnh là sạch. Thanh-tịnh là tánh trong sạch, không vướng cát-bẩn, nhơ nhốp, là tánh trầm lặng, không náo động ôn ào. Thanh-tịnh là tánh đã được gạn lọc khỏi những gì xấu xa ô uế tạp nhập, lẩn xẩn trong cõi đời ô trọc này.

Không phải ở được nơi yên tĩnh, mát mẻ, mà đã cho đó là thanh-tịnh. Không phải chỉ ăn mặc sạch sẽ, tắm gội luôn luôn mà đã vội tưởng đó là thanh-tịnh. Thanh-tịnh của đạo Phật là trong sạch từ bên ngoài đến bên trong, từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói tới việc làm.

**Tánh chất thanh-tịnh trong đạo Phật:** Như trên đã nói, thanh-tịnh theo nghĩa đạo Phật là sự trong sạch, vắng lặng hoàn toàn về mọi phương diện.

**Thân thanh-tịnh:** thân thể phải luôn luôn tắm rửa sạch sẽ, không chải chuốt vượt ve, cũng không tô son trét phấn. Áo quần phải luôn luôn thay giặt, không rách rưới, nhưng cũng không xa hoa, lòe loẹt, kiểu cách. Thức ăn uống phải giản dị, không rượu chè, trộm cướp, sát hại, dâm ô, hút sách, không cao lương mỹ vị. Chỗ nghỉ ngơi phải hợp vệ sinh, không giường cao nệm ấm, không trướng rũ, màn che.

**Khẩu thanh-tịnh:** Lời nói luôn luôn chân thật, không thêm không bớt, không ngọt như mật, không cay như tiêu, chua như dấm; không suồng sã, bỡn cợt như bướm hoa; không sừng sộ, gầm thét như hùm như hổ; không hồn hào như hổ như beo; không độc dữ như rắn, như rít; không nhọn hai đầu như đòn xóc; không sắc bén như gươm dao; không nặng nề như búa tạ. Trái lại, lời nói trong trường hợp nào cũng phải trong sạch, ôn tồn, đúng đắn, lợi ích cho mọi người, mọi vật ở chung quanh.

**Ý thanh-tịnh:** Ý là phần quan trọng, chi phối tất cả những lời nói, cử chỉ, hành động, đời sống của con người. Ý trong sạch, thì đời sống dễ trong sạch, ý nhiễm ô thì đời sống bị xấu xa, hoen ố. Ý trong sạch là thế nào? Là không vẫn đục bởi những tánh tham lam giận dữ kiêu căng, si mê, nghi ngờ. Mỗi khi ta suy nghĩ, tưởng nhớ một điều gì, mà tư tưởng ta không bị trộn lẫn bởi những tánh xấu nói trên, như thế là ý nghĩ ta được thanh-tịnh. Ý ta không nhiễm mùi hôi tanh của những tánh ấy, không nghe tiếng gào thét, kêu gào, xúi giục,

của dục vọng; ý ta trong sáng như thủy tinh, vắng lặng như mặt nước hồ im; ý ta chói sáng mặt trời Trí tuệ, thơm ngát hương Từ bi, như thế là ý thanh-tịnh.

**Hành động thanh-tịnh:** Việc làm không vì danh lợi riêng cho mình, không vì thù oán, không vì khoe khoang, không vì dâm ô; nói tóm lại là không vì dục vọng mà làm, như thế là hành động thanh-tịnh. Người có hành động thanh-tịnh không mưu mô lừa đảo, không ỷ mạnh hiếp yếu, không ỷ giàu hiếp nghèo, không ỷ thế hiếp cô. Người có hành động thanh-tịnh không xu nịnh ai, không bợ đỡ ai, không sợ hãi ai để phải làm theo ý muốn bất chính của họ. Người có hành động thanh-tịnh bao giờ cũng thẳng thắn, đường đường, chính chính, không bao giờ có một hậu ý đen tối nào trong lúc làm việc.

**Công năng của thanh-tịnh:** Như chúng ta đã thấy: mặc dù con người có Phật tánh nhưng vẫn mê mờ và trôi lẩn trong cảnh giới tối tăm đau khổ, là vì con người đầy cả dục vọng, con người bị nhiễm ô, tánh Phật bị che lấp dưới bao nhiêu lớp bụi bặm của tánh xấu. Nên chúng ta cần phải có một đời sống thanh-tịnh. Ta phải mượn thanh-tịnh làm một cái chổi để quét bao nhiêu rác rến đang bao phủ lấy ta từ trong và ngoài, từ trên xuống dưới. Tánh Phật như nước trong, dục vọng như cát bẩn làm đục nước trong. Muốn làm cho tánh Phật không bị nhiễm ô, phải cần đến thanh-tịnh.

Thanh-tịnh rất cần thiết cho người tu hành. Thiếu đức tánh ấy, thì dù cố công trì chí bao nhiêu trong việc tu hành cũng vô ích, như nấu cát mà mong thành cơm. Dù ta có bao nhiêu việc bố thí lợi tha mà tâm ta thiếu thanh-tịnh, thì những việc làm ấy cũng mất hết ý nghĩa cao quý và hiệu quả của chúng.

Người thanh-tịnh sẽ có một đời sống nhẹ nhàng, thanh thoát, tâm không bận bịu một ý nghĩ đen tối nào; thân khoan khoái, dễ chịu. Người thanh-tịnh đi đến đâu như mang theo một vũng ánh sáng, một làn khí trong, như tỏa ra một mùi hương mát dịu. Người thanh-tịnh chẳng khác gì một bó hoa sen, "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Với cánh trắng, nhị vàng, hương dịu, nó được người đời quý chuộng mến yêu, đặt lên bàn thờ tôn kính như thế nào, thì người thanh-tịnh cũng được như thế ấy.

**Gương thanh-tịnh của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni:**  
Khi còn tại gia, Đức Thích Ca sống giữa cảnh xa hoa, trong cung đàn tiếng nhạc, trong nệm gấm, mền nhung, giữa hương sắc dục lạc, thế mà Ngài vẫn không bị nhiễm ô, chìm đắm trong biển xa hoa, sa lầy trong vũng bùn nhục dục ấy. Ngài là hòn ngọc quý, rơi trong bùn mà không nhiễm bùn. Như đóa hoa sen quyết trôi đầu lên khỏi đám bùn thối tha. Ngài quyết thoát ra khỏi cảnh dục lạc ô uế trong cung vui để sống cuộc đời phóng khoáng, thanh thoát. Trong khi đi tìm đạo, mặc dù sống trong cảnh tối tăm nguy hiểm, Ngài vẫn luôn luôn giữ tâm ý trong trăng bình thản. Trước khi thành đạo, Ngài còn bị Ma Vương đem cung đàn tiếng nhạc, đem hương sắc mỹ nhân đến khuấy phá Ngài dưới gốc Bồ đề, nhưng bao nhiêu cố gắng phá hoại của ma vương đều vô ích, tâm hồn Ngài vẫn trong sáng như gương, bình thản như mặt nước hồ thu, mà gió dục vọng không còn đủ sức để thổi lên nữa.

Đức tánh thanh-tịnh của Ngài đã có mặc dù Đức Phật đã nhập diệt trên hai ngàn rưỡi năm mà đức tánh thanh-tịnh của Ngài còn phảng phất trong cõi trời Á Đông trong các đền chùa, điện tháp. Mỗi khi chúng ta đến viếng một cảnh chùa theo đúng chánh pháp, chúng ta thấy trong người nhẹ nhàng, khoan khoái; chúng ta nghe như bao nhiêu tiếng kêu gào của dục vọng lắng xuống, im đi, để nhường chỗ cho một nỗi thanh thoát êm đềm lan dần trong tâm hồn ta.

**Người Phật tử phải dưỡng tánh thanh-tịnh như thế nào trong đời sống hằng ngày?** Như chúng ta đã thấy, tánh chất của thanh-tịnh bao gồm tất cả mọi phương diện của đời sống. Cho nên, muốn dưỡng tánh thanh-tịnh, chúng ta không thể chú trọng đến phần vật chất mà bỏ phần tinh thần, hay ngược lại, chú trọng phần tinh thần mà bỏ vật chất. Đừng bắt chước những người ngụy biện, hay bừa bãi, thường nói rằng: "tu là cốt ở tâm, hình thức không đáng kể". Ta thanh-tịnh ở trong lòng là đủ rồi". Nói như thế là không nhận rõ ảnh hưởng mạnh mẽ của hoàn cảnh. Nếu chúng ta muốn có thanh-tịnh mà sống giữa cảnh xa hoa trụ lạc, thường ngày bày ra trước mắt ta bao nhiêu trò ô uế, rót vào tai ta bao nhiêu nhạc điệu, lời lẽ dâm ô, xông vào mũi ta bao nhiêu mùi vị béo bùi, đắp vào mình ta bao nhiêu tơ lụa mơn trớn, nếu sống trong cảnh ấy mà ta không bị nhiễm ô, thì ta là một vị thánh. Những thánh nhân ở đời này thật quá hiếm hoi; cho nên ta rất dễ thành quý sứ.

Hoàn cảnh thanh-tịnh bên ngoài giúp ta dễ thanh-tịnh bên trong. Tất nhiên trong cõi đời đã gọi là ô trọc này, khó có cảnh hoàn toàn thanh-tịnh. Nhưng trong phạm vi tương đối, ta có thể tạo ra, hay tìm kiếm một hoàn cảnh tạm gọi là thanh-tịnh được. Ta tập sống có vệ sinh, điều độ, thứ tự. Ta tập xua đuổi những ý nghĩ xấu xa, đen tối. Ta tập hành động theo lẽ phải, theo bác ái, vị tha. Ta tìm những kinh sách có những tư tưởng trong sáng, tiến bộ để đọc, tìm thầy bạn có đạo đức để học hỏi kết

giao, ta tìm những cảnh chùa theo đúng chánh pháp để tới lui tu dưỡng.

Trong khi chúng ta tìm được một hoàn cảnh tạm gọi là thanh-tịnh, hành động những việc có tánh cách thanh-tịnh rồi, chúng ta đừng vội thỏa mãn, yên trí là chúng ta đã tiến bước trên con đường thanh-tịnh. Chúng ta cần phải đề phòng những ý nghĩ nhỏ nhiệm sâu kín, đen tối, xấu xa lén chen vào trong những công việc tốt đẹp của chúng ta, làm cho chúng trở thành hữu lậu, nhiễm ô. Sau đây là vài ba thí dụ thường thấy hằng ngày: Chẳng hạn khi ta cho kẻ hành khất một vài đồng bạc, vì lòng thành thật thường xót họ. Đó là một việc thiện quý báu; nhưng bên cạnh động lực chính ấy, ta còn có ý mong cho người xung quanh biết mình là kẻ nhân từ. Như thế là bối thí mà còn bị phiền não tham danh chen vào.

Khi một người hành khất đeo riết ta xin cho được, ta bức tức vất vào nón người ấy vài đồng để khỏi bị quấy rầy, như thế là bối thí mà không phải vì từ thiện, mà là vì sân hận. Khi ta giúp đỡ ai một điều gì, mà ta mong ước một ngày kia người ấy sẽ giúp đỡ lại ta, như thế là làm việc lợi tha với mục đích ích kỷ.

Khi ta mang ơn của ai mà vội vàng tìm cách để trả ơn, vì sợ để lâu ơn sẽ nặng, hay người làm ơn sẽ có dịp nhở vả ta nhiều hơn, như thế là trả ơn mà động lực chính là bội bạc.

Khi ta là một kẻ giàu có, hay có địa vị cao mà ta ăn mặc xoàng xĩnh, rách rưới với dụng ý để cho người ta trầm trồ, khen ngợi, như thế là ta làm vẻ nhu mì với dụng ý khoe khoang.

Khi ta làm điều gì hay đẹp, do sự háo thắng hay cốt cho mọi người khen ngợi, như thế là ta ngạo mạn, muốn được hơn người.

Khi ta đến chùa, thành thật vì mục đích muốn hiểu đạo và cầu giải thoát, nhưng vì đến chậm hay thiếu chổ, ta phải đứng lạy sau người, hay ngồi nghe giảng vào hàng ghế cuối, hay ăn uống không được trọng đãi v.v... ta đâm ra buồn phiền trách móc: "Tôi như thế này mà nhà chùa để tôi đứng sau, ngồi dưới, xem thường, xem khinh v.v...". Như thế là đến chùa để tìm thanh-tịnh mà lại hóa ra đi ôm ấp thêm phiền não, ô trước.

Những thí dụ trên cho chúng ta thấy hoàn cảnh thì thanh-tịnh, việc làm thì đẹp đẽ, mà động cơ thì bất tịnh, nhiễm ô.

Vậy trong đời sống hằng ngày, mỗi lúc nghĩ, mỗi lúc nói, mỗi lúc làm, mỗi lúc nằm, ngồi, đi, đứng, chúng ta phải luôn luôn tự xét xem đã thanh-tịnh chưa. Trong trường hợp những nhiễm ô thô thiển dễ trừ, ta hãy mạnh dạn trừ ngay; trong trường hợp những nhiễm ô sâu xa, vi tế khó trừ, ta hãy tập phép quán "nhi không" để phá trừ ngã chấp và pháp chấp. Làm được như thế là ta đã dưỡng tánh thanh-tịnh của Phật mà mỗi chúng ta đều sẵn có, ở trạng thái tiềm tàng trong ta.

## B. Tinh tấn

**Định nghĩa:** Tinh là tinh chuyên, thuần nhất, không xen tạp, Tấn là đi tới không thối lui.

Tinh tấn là luôn luôn chuyên tâm nhất trí, cố gắng không ngừng để tiến tới một mục đích toàn thiện, tốt đẹp, sáng sủa, an vui. Theo nghĩa thông thường, tinh tấn nghĩa là siêng năng, chuyên cần. Nhưng trong chữ tinh tấn có hàm nghĩa chuyên cần, siêng năng để đạt một mục đích chân chính tốt đẹp, mục đích giải thoát chứ không phải siêng năng, chuyên cần trong mục đích không tốt đẹp, hẹp hòi, ích kỷ. Người học sinh chuyên cần học hành thi đỗ, để có chức cao, quyền quý, vợ đẹp, hưởng lộc nhiều, như thế không được gọi là tinh tấn. Chàng si tình, chuyên tâm trì chí làm những việc kinh thiên động địa để được lòng người yêu, như thế không phải là tinh tấn. Người ham mê cờ bạc, ặc dù đã ngồi luôn hai đêm hai ngày, đầu đã nặng lưng mỏi, vẫn cố gắng chăm chú ngồi đánh thêm mấy ván nữa, như thế không gọi được là tinh tấn.

**Tánh chất của tinh tấn:** Tánh chất của tinh tấn trong Đạo Phật là như sau đây:

Tinh tấn trong Đạo Phật có những tánh chất và phạm vi rõ ràng, đặc biệt như sau:

Tinh tấn đòn áp những điều ác chưa sanh. - Những điều ác còn tiềm phục trong ta, ta đừng cho chúng phát sanh ra. Chẳng hạn từ trước đến nay ta chưa bao giờ trộm cướp, gian tam, cờ bạc, rượu chè, thì từ nay về sau, ta phải tinh tấn giữ gìn cho những tánh xấu xa ấy cũng không bao giờ phát sanh.

Tinh tấn diệt trừ những điều ác đã phát sanh. - Như khi ta đã lỡ tạo những điều ác, trộm cướp, dâm dật, rượu chè v.v... ta phải siêng năng quyết tâm từ bỏ, đừng cho chúng tiếp tục nữa.

Tinh tấn làm phát sanh những việc lành chưa phát sanh. - Như từ trước đến nay, ta chưa giúp đỡ người nghèo khổ, chưa bình vực kẻ yếu hèn, chưa đi chùa lễ Phật, bây giờ ta quyết tâm thực hiện những điều ấy.

Tinh tấn làm tăng trưởng những việc lành đã phát sanh. - Như từ trước đến nay ta đã giúp đỡ người nghèo khổ, đã bình vực kẻ yếu hèn, đi chùa lễ Phật, tu tâm dưỡng tánh, bây giờ ta tiếp tục làm những công việc tốt đẹp ấy nhiều hơn nữa.

Tóm lại, tinh tấn là siêng năng, chăm chú, cố gắng không dừng nghỉ trong công việc diệt trừ, chặn đứng cái xấu, cái ác, và làm phát sanh, tăng trưởng cái đẹp, cái thiện, với mục đích cuối cùng là sự giải thoát hoàn toàn.

**Công năng của tinh tấn:** Tinh tấn là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy ta tiến mau trên đường thiện. Không có tinh tấn thì dù ta có sáng suốt bao nhiêu, có nhân từ, đức hạnh bao nhiêu, có dự định bao nhiêu chương trình

tốt đẹp, ta cũng không làm được việc gì có ích lợi cho đời ta và cho xã hội. Tinh tấn như dầu xăng trong bộ máy xe hơi. Máy dù tốt, người lái dù giỏi, mà không có xăng, chiếc xe hơi vẫn nằm ì một chỗ.

Những bậc vĩ nhân, những đấng cứu thế, danh lưu muôn thuở nhở luôn luôn tinh tấn, với một ý chí dũng mãnh, quyết tâm giúp ích cho đời. Thất bại không làm cho họ ngã lòng. Trở ngại không làm cho họ thối chí. Nhờ tinh tấn, họ đã chiến thắng tất cả, từ ngoại cảnh đến nội tâm, nhờ tinh tấn, họ đã đạt được những nguyện ước tốt đẹp, cao quý nhất của nhân loại và nêu cao gương sáng cho hậu thế soi chung.

Một nhà tây triết có nói: "Thế giới này thuộc về những ai có ý chí và nghị lực". Tinh tấn chính là ý chí và nghị lực sắt đá của những ai muốn tiến đến địa vị Phật đà.

Người tu hành không có tinh tấn chẳng khác gì kẻ muôn vượt qua bể rộng mà chẳng có thuyền bè. Bao nhiêu những đức tính quý báu đã nêu lên trong tập sách này: Từ bi, Trí tuệ, Bình-đẳng, Lợi tha... sẽ trở thành những tiếng nói suông, không có tác dụng gì cả, nếu thiếu tinh tấn. Cho nên lời dặn cuối cùng của Đức Phật Thích Ca với các đệ tử, trước khi từ giã cõi đời để nhập Niết Bàn là:

"Hỡi các đệ tử! Hãy tinh tấn lên để được giải thoát".

**Gương tinh tấn của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni:** Nếu ở đời này có một gương tinh tấn rực rỡ, cao quý nhất, thì đó là gương tinh tấn của Đức Bổn Sư Thích Ca.

Với ý nguyện vĩ đại và cao xa nhất mà người đời chưa ai từng nghĩ đến là tự giải thoát ra khỏi sanh tử luân hồi, và tìm con đường giải thoát ấy cho toàn thể chúng sanh, với ý nguyện ấy, Đức Phật đã cương quyết lìa bỏ cung điện, ra đi trong đêm tối. Ngài vàng, điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, không níu chân Ngài lại được; thành cao, hố hiểm, quan quân không ngăn chặn được bước tiến của Ngài; thâm sơn cùng cốc, rừng thiền nước độc không làm Ngài nản lòng; giông tố bão bùng, nắng mưa, đói rét không làm Ngài nhụt chí. Một khi đã ra đi, Ngài không bao giờ quay đầu nhìn lại quá khứ yên vui để tiếc nuối. Con đường của Ngài là ở trước mặt, là ở trên cao, luôn luôn phải nhìn lên, bước tới. Đạt được mục đích này, Ngài tiếp tục tiến đến mục đích khác, luôn luôn để lại sau mình những bước đã đi qua mà không bao giờ quay trở lại. Mỗi bước đi là mỗi bước tiến. Lúc chưa tìm được Đạo, Ngài quyết tâm tìm cho được Đạo. Khi đã tìm được Đạo rồi, Ngài quyết tâm dẫn dắt chúng sanh lên đường Đạo ấy. Tự giác rồi giác tha, và deo đuổi mãi công cuộc ấy cho đến bao giờ giác hạnh viên mãn: đó là những công việc đã thành tựu nhờ tinh tấn.

Có ai đã có được một ý chí dũng mãnh như Ngài: tìm đạo cho đến quên ăn, quên ngủ, chết lịm ở giữa rừng vì đói khát?

Có ai đã nói được một câu quyết liệt, đầy nghị lực sắt thép như Ngài "Nếu không chứng được Đạo quả, thì dù thịt nát xương tan, ta quyết không rời khỏi chỗ ngồi này."

Có ai đã ngồi tham thiền 49 ngày liền dưới gốc Bồ đề giữa khoảng rừng già u tịch, mà không một phút thôi chuyể?

Không! Không một ai khác ngoài Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni

Gương tinh tấn nghị lực siêng năng ấy gây được bao nhiêu ảnh hưởng tốt đẹp quý báu cho đời, và nhất là cho các đệ tử Ngài: Tổ Sư Đạt Ma ngồi tham thiền chín năm xâm mặt vào tường không nói; Ngài Thần Quang, đứng cầu Pháp cho đến nổi tuyết ngập đến gối; Ngài Huyền Trang vượt mây mơi vạn dặm đường trong giá tuyết và nắng lửa từ Trung Hoa sang Ấn Độ để thỉnh kinh...

Thật là những gương sáng của tinh tấn, nghị lực, kiên nhẫn, đã gây biết bao khích lệ trong lòng chúng ta và làm cho chúng ta càng thêm phấn khởi và quyết tâm trên đường tu học.

**Người Phật tử phải trau giồi tánh tinh tấn như thế nào trong đời sống hằng ngày?** Trước tiên muốn trau giồi tánh tinh tấn cho có kết quả, chúng ta phải đề phòng những trường hợp sau này:

Tánh háo thắng, là một tánh xấu có thể làm trở ngại rất nhiều trong công việc trau giồi tinh tấn của ta. Có nhiều người vì tánh háo thắng muốn tỏ ra có tài đức hơn người, nên muốn làm những việc vĩ đại trời trời; những sức lực tài năng của họ có hạn, nên dù có cố gắng, tinh tấn bao nhiêu cũng vô ích:

"Dã tràng xe cát biển đông,  
Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì!"

Chẳng hạn, có anh chàng mới tập lội, nghe người ta thách bơi qua sông rộng cung nhận lời thách đố ấy. Anh ta dù có cố gắng đem hết sức lực ra để bơi cũng không thoát khỏi tai nạn chết chìm ở giữa sông.

Điều thứ hai cần đề phòng là sự hấp tấp nóng nảy, muốn mau đạt được kết quả. Sự gì, vật gì cũng đều cần có một thời gian để phát triển, trưởng thành. Ta quên sự thật ấy, thì không làm được việc gì có kết quả hết. Bắt cây mạ non phải trổ bông kết hạt bằng cách bỏ thật nhiều phân, tưới thật nhiều nước, nhơm gốc nó lên, kéo dài lá nó ra v.v... bao nhiêu công phu chăm sóc ấy chỉ đem đến một kết quả tai hại là làm cho nó chóng chết yếu, chết non. Người mới tập đọc mà đã tìm những sách triết lý uyên thâm để đọc, thì dù cố công trỉ chí, đêm ngày nghiên ngẫm, không rời quyển sách, rốt cuộc cũng không hiểu gì hết và đâm ra chán nản lòng. Người muốn diệt trừ ngay một lúc tất cả tánh xấu của mình, nào trộm cướp, trai gái, rượu chè, khoe khoang, kiêu

mạn... người ấy cũng chẳng khác gì đứa trẻ trong một phút cao hứng, vào rừng quyết tâm trừ cho hết thú dữ, hay một người lính đơn thân độc mã xông vào trận mạc của địch quân. Những người ấy, dù có tinh thần cố gắng nỗ lực bao nhiêu cũng không thoát khỏi tử thần đang chờ đón họ.

Cho nên muốn sự tinh tấn có kết quả đẹp, cần phải làm việc một cách có phương pháp, phải loại trừ tánh háo thắng, tánh nóng nảy gấp gáp, đừng tham lam bắt cá hai tay. Ta có thể đặt mục đích cao xa, nhưng hãy tuân tự mà tiến, hết bước này đến bước khác; đi từ gần đến xa, từ thấp đến cao, từ dễ đến khó. Hãy tiến lên một cách đều đặn, đừng có khi chạy thật mau, rồi có khi chỉ ngồi nghỉ để thở, hay mệt quá nằm xuống luôn không dậy nữa!

Trong công việc diệt trừ tánh ác, nuôi dưỡng tánh thiện, để đi dần đến mục đích giải thoát, là phải sắp đặt một chương trình dài hạn: ta phải tìm tới tất cả những quân địch trong người ta là những tánh xấu gì, kể chúng nó ra cho rõ ràng; ta lại tìm những chiến hữu trong người ta là những tánh tốt gì, nếu thiếu ta phải tiếp viện ở bên ngoài vào; rồi ta tuân tự mở những mặt trận, diệt trừ hết địch quân này đến địch quân khác (tánh xấu), đừng cho chúng liên kết, tập hợp với nhau, vì như thế chúng sẽ tạo một sức chống đối mạnh mẽ, khó diệt trừ. Mỗi khi một tánh ác bị loại trừ, ta thay vào một tánh thiện đối lập lại, và cứ như thế cho đến khi nào không còn một tánh ác nào trong ta nữa, mà chỉ toàn là những tánh thiện.

Ta hãy kính cẩn lắng nghe Đức Bổn Sư Thích Ca dạy: "Ta hãy tinh tấn nỗ lực thêm lên mãi, để đạt mục đích cao thượng nào ta chưa đạt được, để làm chủ các phép nào ta chưa làm chủ được, để thực hiện những đức tính nào mà ta chưa thực hiện được. Siêng năng tinh tấn thì không việc gì là khó. Giọt nước tuy nhỏ mà thường chảy cũng làm xuyên thủng đá. Nếu các thầy hành đạo mà tâm còn biếng nhác, trễ lười, thì đạo quả khó thành, ví như người dùi cây lấy lửa, cây chưa nóng mà đã thôi không dùi nữa, thì lửa làm sao có được? Thế cho nên các thầy phải chuyên cần tinh tấn".

Nếu ta làm được những điều như Phật đã dạy, là ta dưỡng tánh tinh tấn của Phật mà ta đã sẵn có, ở trạng thái tiềm tàng trong ta.

## C. Kiên-chí

**Định nghĩa:** Kiên-chí là tánh bền bỉ, dẻo dai, quyết tâm deo đuối cho đến cùng chí nguyện, mục đích mà mình đã vạch sẵn. Kiên-chí khác với tinh tấn. Tinh tấn là sự nỗ lực tiến tới, là sự cố gắng, ra sức làm việc. Nó có nghĩa như chữ "cần" của bên Nho. Kiên-chí có hàm nghĩa tiếp tục luôn luôn, đều đặn, dù gặp bao nhiêu trở ngại, khó khăn đến đâu cũng không thoái chuyển, bền chí làm cho thành tựu công việc. Nó có nghĩa như chữ "chuyên" bên Nho. Kiên-chí cũng rất cần thiết cho sự tu

hành, như tinh tấn, có nhiều khi lại quan trọng hơn cả tinh tấn nữa. Nho có câu: "Cần bất như chuyên".

**Tánh chất của kiên chí:** Như trên đã nói, tánh chất của kiên-chí là sự dẽ dai, bền bỉ. Nó khiến người ta bám sát vào công việc không biết mệt, không biết chán, không sợ gian khổ, không lao lung trước một trở ngại nào cả. Nó chỉ thấy mục đích cần tiến tới, không thấy gì ở chung quanh, không theo cái sau bỏ cái trước, không bỏ dở công việc nửa chừng. Nó đi dần, đi dần, không vội vã, nhưng cũng không bao giờ trì hoãn. Như con tằm ăn lá dâu, mỗi khi một ít mà bao nhiêu thúng lá dâu đều tiêu hết; như nước, mỗi khi một giọt, mà đá phải thủng. Sức mạnh của nó chính là ở sự liên tục, sự bền bỉ.

**Công năng của kiên-chí:** Kiên-chí là một điều kiện tất yếu để thành công. Công việc càng lớn lao thì kiên-chí càng phải có nhiều. Không có công việc nào lớn hơn công việc Phật hóa. Công việc này đòi hỏi bao nhiêu đời kiếp, bao nhiêu gian lao để chiến thắng Ma vương. Nó phải vượt qua bao nhiêu trở ngại khó khăn. Vì những lẻ ấy, kiên-chí luôn luôn phải sẵn sàng ứng phó với mọi trường hợp, để động viên tinh thần, đuổi xa mọi chán nản, nghỉ ngơi bi quan. Nó như một viên tướng trung kiên, luôn luôn có mặt bên cạnh vị quốc chủ để đề phòng mọi sự phản trắc, mọi sự dậy loạn. Nó như là một vị lương y giỏi, có thể đuổi xa mọi bệnh hoạn, giữ cho thân chủ của mình luôn luôn được tráng kiện, đủ sức lực để tiến hành mọi công việc ở đời. Không có kiên-chí thì mọi công tác sẽ bị bỏ dở nửa chừng, và tài năng đều trở thành vô dụng.

**Gương kiên chí của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni:** Đức Phật Thích Ca sở dĩ được gọi là Đấng Đại hùng, Đại lục, vì Ngài đã thắng được bao nhiêu trở lực trên đường đi đến địa vị Phật. Mà những trở lực ấy nào phải ít ỏi gì! Chúng rộng lớn như trời như biển; vượt qua chúng còn ngàn lần khó hơn vượt qua Hy Mã Lạp Sơn. Thế mà Ngài vẫn bền tâm chiến đấu, vững lòng chịu đựng, dẻo dai tiến lên, không một phút thối chí, nản lòng. Trên đường Ngài đi, chỉ có những bước tiến tới, không một bước trở lùi. Khi còn ở trong cung điện, phải chiến đấu chống những tập quán xấu xa, mục nát, truy lạc, những dây nhợ rắn chắc của tình yêu ích kỷ của gia đình; khi ra đi, phải chiến đấu chống thiên nhiên hiểm độc, chống si mê dày đặc tối tăm của cõi đời; sau khi thành Đạo, phải chiến đấu chống những mưu mô thâm độc, những oán ghét căm thù của bao nhiêu ngoại đạo đầy dây đang hoành hành ở xứ A-Độ lúc bấy giờ. Trước bao nhiêu trở ngại ấy, Ngài đã không một chút sờn lòng, nản chí, Ngài cương quyết thực hiện cho đến cùng chí nguyện lớn lao của mình là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Gương kiên chí vững bền vĩ đại ấy thật đáng cho muôn đời soi chung, nhất là đối với những người con Phật là chúng ta.

**Người Phật tử phải nuôi dưỡng rèn luyện đức kiên-chí như thế nào trong đời sống hằng ngày?** Như chúng ta đã biết: Tập làm người đã khó, tập làm Phật lại càng muôn ngàn lần khó hơn. Công việc khó khăn ấy đòi hỏi một đức kiên-chí hết sức lớn lao. Thiếu đức tánh ấy, chắc chắn chúng ta không bao giờ đi đến kết quả. Vì thế trong mọi công việc hằng ngày dù nhỏ nhặt bao nhiêu, chúng ta cũng phải luyện tập sự chịu đựng bền bỉ. Kiên-chí như là một sợi dây để xâu những hạt ngọc làm thành chuỗi. Sợi dây không quý bằng hạt ngọc, nhưng không có nó những hạt ngọc rời, dù quý bao nhiêu, cũng không thành chuỗi được.

Ta đừng bao giờ vội vã, hấp tấp, sốt ruột. Cứ tuân tự mà tiến. Chạy mau sẽ ngã đau; vội vã sẽ vấp váp, đổ vỡ; sốt ruột sẽ làm hư việc, mất công. Nên nhớ luôn luôn rằng "cuộc đời không hoàn thiện". Muốn có một kết quả hoàn thiện, tất phải trải qua những cái xấu xa vây bọc, cản đường. Nếu chúng ta thiếu bình tĩnh, thiếu nhẫn nại, thiếu kiên tâm, ta sẽ hối tiếc tất cả, và hối tiếc luôn cả công việc quý báu ta đang làm chưa xong.

Nhiều khi chỉ một phút chán nản, mất bình tĩnh mà đại cuộc trở thành tro bụi, và suốt đời phải sống trong ân hận. Người nuôi dưỡng, luyện tánh kiên nhẫn như kẻ trèo thang cao, phải cẩn thận từng bước chân, chân bước. Hết sẩy chân, sút tay là nguy hiểm đến tánh mạng; hối dừng lại nửa chừng là bao nhiêu nắc thang mình đã bước trở thành vô dụng, vì mục tiêu không đạt đến.

Người tu hành đừng tưởng rằng khi mình làm việc thiện, việc tốt thì mọi người sẽ hoan hô, tán thành mình. Không đâu! Trái lại, có nhiều khi mình còn bị người đời tấn công phá ta mình nhiều hơn nữa. Càng đi đến gần thành công nào, thì trở ngại lại càng nhiều hơn chừng ấy. Tục ngữ có câu: "Càng cao danh vọng, càng đầy gian nan". Trong kinh Phật cũng thường dạy: "Phật cao một thước, ma cao một trượng". Công việc tu hành của chúng ta, cũng như cuộc chạy đua có trở ngại: Càng đến gần mức, trở ngại càng nhiều, rào càng cao, hố càng nguy hiểm.

Vậy cho nên, hành giả càng bước dài trên đường đạo, càng thu lượm nhiều kết quả, lại càng thận trọng, lo toan, càng động viên thêm nhiều nghị lực, sức chịu đựng bền bỉ, trường kỳ.

Ta cố gắng rèn luyện nuôi dưỡng thế nào tánh kiên-chí của ta cứng chắc như sắc thép, vững vàng như bàn thạch, không chút nao núng trước mọi nỗi thử thách, gian nguy, ta làm được như thế, thì dù con đường đi đến quả vị Phật có gian lao, hiểm trở, xa xăm bao nhiêu cũng có ngày ta đặt chân đến được.

"Ở đời chẳng có việc gì khó, Người ta lập chí phải nêu kiên".

# trao cho thời nai mo tien o dung phat cha á

HT Thích Đức Nhuận

--- 000 ---

Sống giữa giai đoạn xã hội chuyển tiếp con người hôm nay đã và đang nếm trải mọi thử thách ác liệt do các ý thức hệ bạo hành gây ra; càng cố vùng vẫy, con người càng cảm thấy bất lực, sa lầy thêm sâu trong tình trạng mất hướng, mất tự tin. Những vết tàn phế của xã hội đang hằn lên nét mặt lo âu của mọi người; đang tuôn chảy vào tâm tư thế hệ hai mươi những vết đen dài băng hoại, đã hợp thành tiếng kêu cứu, trông chờ nơi những người trí thức sớm đưa thế cuộc ra khỏi ngã tối lịch sử.

Để đưa lại cho đời ánh sáng, để gây tin tưởng cho mọi người cùng chung xây xã hội, điều cần là: ổn định nhận thức con người đã bị các nhà sử quan cận thị làm lạc hướng; khiến con người hăng hái tàn sát nhau, vì luôn luôn nghĩ rằng mình đi đúng đường lịch sử; ý thức hệ sẽ dẫn tới hạnh phúc, tới chân lý cuộc đời. Trạng huống đau thương này còn được lấp vào việc xây cao thêm địa vị cho một số lãnh đạo nhà nước, tiêu xài máu người trong những vụ tranh giành ảnh hưởng, mưu lợi cá nhân, đoàn thể, giai cấp, chủng tộc nữa. Ngày nào nhân loại chưa giác ngộ trút bỏ được tham vọng mê lầm thì ngày đó thân phận con người còn bi đát, xã hội còn bất công, lịch sử còn lạc hướng.

Chưa lúc nào băng lúc này, danh từ giác ngộ của đạo Phật được con người ưa dùng. Chưa lúc nào băng lúc này, ý nghĩa sự giác ngộ cần được làm sáng tỏ. Vì con người đã lạm dụng từ “giác ngộ” một cách quá thường, quá bừa bãi:

- Giác ngộ quyền lợi cá nhân.
- Giác ngộ quyền lợi giai cấp.
- Giác ngộ quyền lợi dân tộc.

Và còn nhiều thứ giác ngộ ...khác nữa; mà chẳng ai thực sự giác ngộ thân phận, mối tương quan giữa mình với đời và nhiệm vụ của mình đối với mình, đối với xã hội, đối với vạn hữu cả. Có chăng chỉ là sự giác ngộ trong lời nói, trên sách báo. Còn thực chứng giác ngộ thì

quả là chưa. Vẫn cứ chấp chặt lấy quyền lợi, địa vị, danh vọng thiển cận của mình.

Muốn giải thoát cho đời khỏi khổ ải lầm than, trước hết hãy tự giải thoát cho mình khỏi vòng thành kiến, lợi danh dã. Mà muốn thực sự giải thoát cho mình trọn vẹn thì không thể không nghĩ tới và thực thi việc giải thoát cho đời; vì mình và đời gắn liền với nhau như hình với bóng. Không phóng tâm vươn tới giải thoát đời, thì công việc giải thoát mình chỉ mới tiến hành được một nửa, nếu không muốn nói là chưa được chi cả. Chỉ biết mình tức là còn chấp chặt trong lớp vỏ cứng cá nhân, vô trách nhiệm, bô lỏng, buông trôi, trước sự bạo loạn của đời. Thái độ đó không phải là thái độ của người giác ngộ. Người giác ngộ chân chính là người thấu hiểu tất cả, làm tất cả, với một từ tâm, minh trí; không mưu lợi danh, không cầu thỏa chí, mà chỉ làm với một tâm nguyện, tận dụng khả năng góp phần thăng hóa con người, thăm tô cuộc đời, để tất cả chúng sinh đủ điều kiện tự chứng lấy ý nghĩa và cảnh tính “giải thoát sinh không” của mình.

Cuộc đời của Đức Như Lai đã thực chứng điều ấy. Là Phật tử, những người may mắn được thừa kế đức sáng, trí tuệ của Đức Phật, chúng ta không thể làm ngơ trước những khổ đau của xã hội. Chúng ta cần Trao cho thời đại một nội dung Phật chất, một nội dung từ bi, trí tuệ, bình đẳng, vị tha để con người nương vào đó ổn định tâm tư, ổn định cuộc sống và cùng xây dựng một xã hội vui ấm.

Lịch sử nhân loại đang tiến vào thế tổng hợp lớn. Mọi vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa đều đang vươn khỏi phạm vi quốc gia, chủng tộc tới lĩnh vực quốc tế nhân loại. Con người ngày nay cần phải có một nhận thức tổng hợp hòng gột bỏ mọi thành kiến tôn giáo, chủng tộc, giai cấp để xây dựng một xã hội trong đó: tự do vẫn tồn tại trong công lý; công lý không nhằm tiêu diệt tự do cá nhân, mà chính là bảo vệ mọi tự do của con người, tự do tư tưởng, tự do lựa chọn, tự do xây dựng

cuộc sống, và tự do sáng tạo. Nhưng, như vậy, không có nghĩa là tự do quá trớn, tự do vô trách nhiệm, mà chính là phải ý thức được quyền tự do đó, phải có trách nhiệm về mọi hoạt động của mình. Có thể mới duy trì nổi công lý, duy trì được sự quân bình xã hội. Vì nếu xã hội loạn thì lập tức tự do bị tước đoạt; hoặc tự do bị tước đoạt thì lập tức xã hội cũng loạn:

- Cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu;
- Cái này không hiện hữu thì cái kia không hiện hữu.
- Cái này sinh thành thì cái kia sinh thành;
- Cái này hủy diệt thì cái kia hủy diệt [1]

(Kinh A Hầm)

Đạo Phật đã đoán chắc thế, thực tế đã quyết nhận thế, lẽ biến dịch sinh hóa của vạn vật là thế. Người Phật tử không thể quên được tiêu chuẩn đó của đạo Phật. Chúng ta cần thực thi nguyên tắc này trong cuộc sống, để cùng giải quyết những bế tắc hiện nay, để xây dựng một thế giới mà trong đó, tinh thần tư hữu, tổ chức gia đình vẫn tồn tại hòa hợp trong tổ chức quốc gia, vẫn tồn tại song hành trong tổ chức quốc tế và tinh thần nhân loại, để chấm dứt chiến tranh, điều hòa mức sống cho trên khắp mặt đất, điều hòa giao cấp trong xã hội, không còn thù hận đấu tranh. Một khi thù hận tan dần, lòng tham nhẹ bớt, thì mục tiêu giải thoát đã sáng tỏ trước bước đi của con người; và chiêu hướng thượng của tôn giáo chân chính hẳn nhiên phải được con người thực hiện, để giải quyết sự vươn tới của tâm linh siêu thoát.

Với một tình thương vô biên, tình người thắm thiết, với một căn bản tự do tư tưởng, với một phương pháp tự tu, tự giác, tự chứng, đề cao năng lực và ý chí của con người. Với một nhận thức tổng hợp rộng lớn; một khả năng dung hóa tế nhị, một thái độ dung dị hiếu hòa, đạo Phật chắc chắn đủ điều kiện trao cho thời đại một nội dung cuộc sống tràn đầy hạnh phúc. Nhưng ai là người trao nội dung đó vào đời? Hắn nhiên là Phật tử. Đạo Phật còn nở hoa kết trái hay không, không chỉ ở mấy tạng kinh điển mà chính ở những người hoằng pháp hôm nay có đủ đức, trí, tài, năng; có biết thích ứng với hoàn cảnh xã hội, để đưa đạo Phật vào thời đại, làm cho đạo Phật sống mạnh, sáng, đẹp, trên mọi nơi, trong mọi lúc, thích hợp với mọi người ở mọi trình độ trí thức, mọi giao cấp. Đạo Phật còn trường tồn hay không là nhờ ở đó. Đạo Phật có đáp ứng được đòi hỏi đương thời không, nhờ ở đó.

Chúng ta hẳn đã có lần nghe thấy từ cửa miệng những người còn mang nặng thành kiến hệ phái, hoặc vì chưa hiểu thấu đạo Phật, cho đạo Phật là một tôn giáo không tinh cảm, vô thần, yếm thế xa lìa cuộc đời, phản bội “nhân bản” làm cản đà tiến hóa của xã hội. Tất nhiên, họ có quyền tự do của họ, họ được hoài nghi, phê bình và lựa chọn. Vì, đạo Phật không phải là một tín lý. Đạo Phật không vĩ đoán. Đạo Phật không buộc ai phải tin

theo rập khuôn như mình. Đạo Phật chỉ là một lối hướng dẫn, hòng dắt con người từ trạng thái tham lam mê muội sang trạng thái trong trinh siêu thoát. Còn thực chứng được hay không là do nơi những con người tiếp nhận đạo Phật có gắng công thăng hóa nghiệp lực của mình hay không. Ở đây, chúng ta không làm công việc thanh minh cho đạo Phật, vì sự tồn tại trên hai nghìn năm trăm năm nay, và đạo Phật đã dung hợp được với dân tộc tính các nước Á Đông, đang rọi ánh sáng chân lý vào nếp sống cơ khí Tây phương, thưa đủ để nói rằng: Đạo Phật không nông cạn như sự nông cạn của những người đứng ngoài, ngó phớt qua vào cái vỏ của đạo Phật, rồi chê bai, ngờ vực... (Tuy chúng ta không làm công việc thanh minh.) Nhưng chúng ta có bổn phận nói tiếng nói chân chính của người Phật tử, làm sáng ý sáng của đạo Phật, hòng bớt đi cho con người phần nào ngộ nhận; hòng khai quang cho nhãn thức của con người không những về đạo Phật, mà còn về mọi vấn đề khác nữa.

Nếu hiểu “tình cảm” theo nghĩa cảm xúc đam mê vật dục thì đạo Phật không chủ trương duy trì thật, tuy không duy trì nhưng đạo Phật không chối rằng: ở thế giới chúng ta, một thế giới trong đó còn đầy rẫy dục vọng mê cuồng, còn những ham muốn thể chất. Tình cảm của con người thường nhuốm thêm sắc dục; tình cảm không thuần túy biểu lộ tự tâm linh trong trinh, mà tình cảm còn pha lẫn tính chất sinh lý và bối cảnh xã hội nữa. Do đó, Đức Thế Tôn đã mệnh danh cho cảnh giới chúng ta là “Dục giới” (Kāmadhātu) một thế giới mà sự sinh, trụ, dì, diệt còn tùy thuộc hoàn toàn vào vật dục, đam mê thể chất. Cao hơn cảnh giới chúng ta là cảnh “Sắc giới” (Rūpadhātu), thế giới của thần tiên, sinh, trụ, dì, diệt không bằng vật dục mà bằng sự rung ứng sắc tính. Cao hơn hai cảnh giới Dục, Sắc là cảnh “Vô sắc giới” (Ārūpyadhatuh), ở đây đời sống không bằng vật dục hay sắc tính mà bằng thức quan tương ứng, tương giao; nhưng vẫn còn trong vòng sinh tử phiền não. Vượt khỏi ba cảnh giới này mới tới được trạng thái “sinh không siêu thoát”, trạng thái của các bậc đại giác, một cảnh trong trinh toàn triệt, không vương vòng sinh tử luân hồi.

Đức Phật cùng sống trong cảnh dục giới như ta, nhưng Ngài đã tự chiến đấu với mình để gạn lọc tình cảm vật dục đam mê, để phát khởi tình cảm tâm linh trong sạch, thể hiện qua đức từ bi, đại trí, hỉ xả. Tình cảm của Ngài không chịu buông dưới sóng tóc người đàn bà, không chỉ yêu riêng mình, và những gì thuộc về mình, không chỉ biết tới cha mẹ, vợ con, quyền quý. Tình cảm của Ngài đã trào ra rung ứng với tất cả chúng sinh khổ đau. Tình cảm ấy đã phát xuất từ tâm thể từ bi. Nếu đạo Phật không có tình cảm, thì Đức Thích Ca đã chẳng bao giờ xuất gia, đã chẳng bao giờ quan tâm băn khoăn trước cảnh sinh tử, niềm thống thiết của thế nhân, trước cảnh tranh giành giết chóc giữa chúng sinh tham sống mà

chẳng hay biết được rằng mình đang chết, và tất nhiên không có cảnh bồng con cùu non trên đường cát bụi... Tình cảm của siêu nhân là ở đó. Tình cảm của đạo Phật là ở đó; mà chỉ ở đó mới có được ý nghĩa chân thực của tình cảm, một thứ tình cảm tâm linh trong sạch.

Bảo rằng đạo Phật “vô thần” thì quả là vội vàng, quả là chủ quan, không hiểu gì về đạo Phật cả. Nhưng, nếu tìm ở đạo Phật một vị thần có bản tính biết yêu ghét, có uy quyền, tức là được nhân-cách-hóa theo óc tưởng tượng của con người thì nhất định không có ở đạo Phật. Nếu hiểu thần theo nghĩa tâm - thần - thường - hằng - trong - trinh - bản - thể - của - thực - hữu, một chân lý cao tột mà tâm thức con người luôn luôn vươn tới, để đạt được trạng thái trong trinh ấy, thì hẳn nhiên là có. Tâm thần là bản thể của thực hữu, nên có trong mọi loài, mọi vật, nhưng vì vọng niệm mê lầm, như những lớp sa mù che phủ, khiến trí thức con người không thấy được. Con người cần gạn lọc tình cảm trinh khiết, khai quang trí tuệ, đẩy lui tham vọng u muội, mới mong làm sáng được tâm thần tự tại, hòa được với tâm thần đại thể. Như thế đạo Phật không phải là Vô mà là Hữu thần. Thần không ở đâu xa, thần không ban phúc giáng họa mà thần ở trong mỗi người, mỗi vật, chỉ cần làm sáng tâm thần là đạt được chân lý cao nhất của cuộc đời. Đạo Phật đã mệnh danh cho tâm thần nhiều tên gọi khác nhau như: Phật tính, Chân như, Tính cảnh, Niết Bàn... đều biểu hiện ý niệm trong trinh thường hằng của tâm thể, tất cả đều thu vào một chữ “Tâm” mà tâm thì ở mọi loài, mọi vật đều có thể tự tu, tự luyện tự giác, để tự chứng lấy cảnh giới trong sáng của tâm-thể.

Bởi quan niệm Tâm là bản thể nội tại nơi mỗi người, mỗi vật, nên chẳng những đạo Phật không làm hèn con người mà chính lại làm cho giá trị, địa vị và khả năng con người thêm cao, thêm mạnh. Tuy đạo Phật dùng chung từ “chứng sinh” để chỉ những chủng loại hữu tình, nhưng vẫn có điểm khác nhau, là nơi nghiệp lực của mỗi vật, mỗi loài. Loài người ở vào cấp bậc cao nhất trong chúng sinh. Loài người là chặng cuối cùng của dục giới, có khả năng chứng ngộ để thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi. Nếu dùng theo từ ngữ đương thời thì đạo Phật đã nói lên đầy đủ và trọng vẹn ý nghĩa Nhân bản nhất. Đạo Phật đã mạnh bạo và thẳng thắn phỏng trí tuệ vào thực tế đau khổ cuộc đời, không tránh sự thật ê chề của kiếp người, không ỷ lại, van xin, trông đợi ở sự bao bọc trợ giúp của bất cứ một ngoại lực nào, mà tự tìm chính nơi mình để tự giải thoát mình và giải phóng đời. Con người chỉ giải thoát được thân phận khi nào tự giác chứng thối. Nếu tự mình không cứu mình thì không ai cứu mình nổi, mình phải hoàn tất trách nhiệm và công trình tu dưỡng của mình, không ai gánh đỡ cho mình cả. Có chăng, người khác chỉ tiếp tay cho mình, cùng lầm là hướng dẫn cho mình trong một phạm vi nào đó. Còn quyết định tối hậu vẫn do nơi mình. Đó là điều tâm nguyện của người Phật tử đi theo hướng Phật.

Đã đề cao đức tự chủ, tự do và tự tạo, thì nhất định đạo Phật không bao giờ yếm thế, không tránh cuộc đời và trách nhiệm đối với con người. Đạo Phật luôn luôn đáp ứng với nhu cầu trí thức và nghiệp lực của mỗi người, mỗi loài. Ở mỗi người, mỗi loài, đạo Phật đều có phương pháp hướng dẫn riêng để tự thân mỗi người, mỗi loài thăng hóa thân phận mình. Sở dĩ có sự ngộ nhận trên là do nơi đức từ bi, thái độ bao dung, khoan hòa của người Phật tử chân chính điển hình, luôn luôn chịu đựng phân thiệt, vui vẻ tha thứ nhiều hơn là cạnh tranh bồng bột. Như vậy là can đảm và khó khăn lắm mới giữ nổi thái độ dung dị trước những chướng tai gai mắt đó. Vì, người Phật tử dù sao cũng chỉ là một người vẫn còn năng nhiều với cảnh tính dục giới, nhưng khác hơn người thường là biết làm chủ mình, làm chủ hành động của mình, không để cho những hành động đó thành xuẩn động. Tất cả Phật tử hiểu đạo pháp đều hiểu rằng: cạnh tranh, tham lam, chẳng những không đẹp đẽ gì mà chỉ làm tăng thêm đau khổ cho mình, cho đời thôi. Nên không lăn vào vòng lợi danh, nhưng với nghĩa vụ làm người, bổn phận đối với xã hội, Phật tử dù chịu xả thân cũng không than tiếc. Nếu không có sự hiểu biết đó, đạo Phật đã chẳng thể tồn tại trên hai thiên niên kỷ và đạo Phật cũng chẳng đặt vấn đề hoằng-dương chính - pháp làm chi nữa.

Nếu cho rằng đạo Phật làm cản đà “tiến hóa” của nhân loại thì hãy xét lại đã. Những cuộc cách mạng xã hội hiện nay đã đến sau các phong trào giải phóng thân phận con người khỏi phong tỏa thần quyền với mục đích tìm lấy sự tự chủ cho con người, Tự do cho tư tưởng và Tự tạo lấy cuộc sống văn minh, chính đã được đạo Phật thuyết minh ngay từ lúc Đức Phật thành đạo. Như vậy là di trước đà tiến hóa trên hai nghìn năm trăm năm chứ không phải là di sau, hay cản bước lịch sử. Với một ý chí tự tạo, chưa hề bao giờ đạo Phật kìm hãm sự tiến bộ của kỹ thuật khoa học mà chỉ phát tâm đem vào cho xã hội, cho những tiến bộ vật chất ấy một nội dung Phật-chất, để kỹ thuật khỏi quay lại tàn sát con người, phá tán xã hội.

\* \* \*

Lúc này hơn lúc nào hết, xã hội đang đòi hỏi một hướng tiến: Nghệ thuật, học thuật, kỹ thuật đang đòi hỏi một nội dung thương vui, minh mẫn và thực tế để cung ứng cho con người thời đại, đạo Phật có đủ mọi yếu tố đó.

Thế nhưng từ trước đến nay con người thường chỉ tìm nơi đạo Phật một tôn giáo dưới hình thức cổ kính, thâm uyên, chìm mình trong màu áo tiếng chuông, trong việc cúng Phật cầu siêu. Tin Phật như tin trời, thờ Chúa. Linh thiêng hóa Đức Phật như một thượng đế toàn năng, có quyền ban phát ơn lành. Sự lầm lạc này không những hại cho công cuộc tu chứng của mình, mà chẳng làm vẹ vang gì cho đạo Phật cả; trái lại, còn thêm nhiều những tấm màn che khuất mất một nội dung đạo Phật

sáng, đẹp, thực tiễn, khiến cho những người chưa hiểu, ngộ nhận nhiều điều đáng tiếc về đạo Phật. Nếu ta không cất bỏ được tấm màn hình thức dày đặc đang bao trùm đạo Phật thì tự ta, tự nơi ngộ tín của ta, ta đã thoái hóa Phật giáo, đạo Phật đáng lẽ hướng dẫn ta trên đường giải thoát, trong thực tế xây dựng cuộc sống no lành, lại hóa ta một thứ cùm xích làm chậm sự chứng ngộ của ta, của đời.

Ở một thạch động thanh tịnh thăm u, nơi tu luyện và đào tạo tăng tài của một vị Thiền sư chứng ngộ, ngài đã hướng dẫn cho rất nhiều tăng sĩ chứng đạo. Nhưng trong số đó có một đệ tử ngoan ngoãn thuần thành, hết lòng tin Phật, yêu thầy, thương bạn. Không bao giờ phạm một lỗi nhỏ, không bao giờ làm trái ý thầy. Thế mà hết mùa tuyết này tan tới mùa băng kia đóng, hết lớp bạn này tới lớp bạn khác ngộ đạo, xuống núi hoằng dương, người đệ tử này vẫn không chứng nổi phép mầu.

Vị Thiền sư sau nhiều năm tìm hiểu, ngài đã thấy được căn nguyên của sự chậm ngộ đạo đó.

Mùa tuyết năm nay đã về, đem theo một trận bão lớn. Thạch động toát ra một sức lạnh ghê người. Ngài hiểu rằng đã đến lúc phải ra tay để giúp sức cho người đệ tử yêu chứng ngộ. Sau khi thăm khám nơi trong thạch động, ngài về ngồi trên bồ đoàn, cạnh bồ đoàn là một lò sưởi sấp tàn. Ngài gọi người đệ tử đến và dạy:

- Con hãy thêm củi vào lò sưởi cho ấm.

Người học trò vâng lệnh ra đi, nhưng tuyết xuống mấy ngày liền, củi dự trữ đã hết, mà nhìn ra trời thì tuyết phủ trắng xóa không thể tìm được đường xuống núi. Sau nhiều cố gắng vô ích, người học trò buồn rầu trở vào lạy thầy:

- Bạch Thầy, củi trong động đã hết, mà ngoài trời bão tuyết quá lớn. Con xin về đây chịu lỗi với Thầy.

Vị thiền sư khoan dung dạy người đồ đệ rằng:

- Con hãy cố tìm xem trong động, có thứ gì bằng gỗ thì đem ra cho thầy. Người đệ tử ngoan ngoãn trở vào trong, lục lọi khắp nơi. Nhưng tất cả mọi vật dụng đều toàn bằng đá, không có thứ nào bằng gỗ cả. Dành trả ra thưa lại với thầy:

- Thưa Thầy trong động không có thứ chi bằng gỗ cả.

Vị Thiền sư nhân từ dạy thêm:

- Con cố tìm lại xem, thầy chắc thế nào trong động cũng có vật bằng gỗ đấy. Lần này người đệ tử quá sức lo sợ, tìm kiếm khắp nơi nhưng vô hiệu, vào cả trong điện Phật, cũng không có chi bằng gỗ cả! Người đệ tử quỳ trước Phật điện cầu xin Đức Thế tôn khai sáng cho mình. Rồi lại tiếp tục soát không trừ chỗ nào; tinh nhẩm lại tất cả thì chỉ trừ pho tượng Phật bằng gỗ, ngoài ra toàn bằng sắt và đá cả. Thất vọng hoàn toàn. Người đệ tử run sợ ra thưa lại với Thầy:

- Lạy thầy, trong động, ngoài pho tượng Đức Thế Tôn, không còn thứ gì bằng gỗ cả.

Vị Thiền sư mắt hắt vẻ trầm tĩnh thường nhật, ông lớn tiếng:

- Ta đã bảo lấy bất cứ vật gì bằng gỗ ra đây, ngươi còn hỏi chi nữa, đi ngay. Người đệ tử run sợ đi vào trong điện. Đầu dao động lên biết bao ý nghĩ, bao câu hỏi, nhưng đều không có câu trả lời. Sau khi lạy Đức Thế Tôn, người đệ tử ôm pho tượng xuống đưa ra trước mặt thầy.

Vẻ bình tĩnh nhân từ đã trở lại trên mặt và tia nhìn của vị Thiền sư, ngài khoan thai cầm cây búa bên cạnh lò sưởi, giơ lên bỗng thảng xuống pho tượng thép vàng long lanh. Pho tượng vỡ ra làm đôi, rồi làm nhiều mảnh. Như tâm tư nát vụn của người đệ tử. Toàn thân người đệ tử run lên, nước mắt tràn trề, trong lúc đó vị Thiền sư chậm rãi cầm từng miếng cốt tượng quăng vào lửa, ngọn lửa bừng sáng, tỏa khắp thạch động mờ mờ tối đục. Tâm thức người đệ tử cũng bừng sáng và từ sát-na đó chứng ngộ đạo pháp của Đức Thế Tôn.

Đã tới lúc chúng ta cần vén màn hình thức để tìm vào nội dung chân lý của đạo Phật, hòng Trao cho thời đại trí thức hôm nay một đạo Phật linh động, thực tế, thích ứng với nhu cầu tinh thần của nhân loại, để mọi người tìm nơi đạo Phật một nền văn hóa rực rỡ, hợp với lịch sử tiến bộ xã hội, một hướng thoát cho tâm linh con người.

Đạo Phật là kết tinh của các hệ phái tư tưởng sâu Ấn Độ cổ xưa. Đạo Phật ra đời để tổng hợp mọi khuynh hướng thần học, đạo học, triết học của văn minh Vệ đà. Đạo Phật là tiếng nói trọn vẹn, là một hệ thống tư tưởng vững mạnh và cao rộng nhất trong các hệ thống tư tưởng cổ kim đông tây. Tìm trong đạo Phật ta thấy mọi vấn đề từ đại thể tới chi tiết của sự việc đã và đang biến diễn trong vũ trụ đều được đặt ra và đều có phương pháp giải quyết. Nhưng, vì từ ngữ, vì hình thức của người xưa khác với ngày nay, nên ta khó lĩnh hội mau chóng, thấu đáo được đạo Phật. Bổn phận của người hoàng pháp hôm nay, là làm điểm sáng của nội dung Phật chất, đem vào những hình thức kỹ thuật, nghệ thuật, học thuật hiện đại một tinh thần sáng động toàn diện của đạo Phật.

Một đạo Phật tổng hợp giữa những anh hoa của cuộc đời, giữa những phát kiến truyền tiếp của một dân tộc sống giữa núi rừng trùng điệp; tư tưởng luôn luôn vươn lên rời vào những bí ẩn huyền như ảo diển của vũ trụ vô biên; vì họ luôn luôn cảm thấy mình như bị giam cầm trong một khung cảnh tối tăm nếu từ buổi bình minh của tư tưởng con người đã nhận rằng mình nằm trong trò ảo hóa của Brahma, một vị thượng đế, để thành hình một tôn giáo Brahma, với một quan niệm luân hồi miên tục truyền kiếp và sự phân hóa xã hội tới cùng cực đã sản sinh ra không biết bao nhiêu giai cấp. Triết phái

Upanishad xuất hiện, tuy chưa hẳn là chối bỏ hết quyền lực của Brahma nhưng đã tỏ dấu hoài nghi tột độ về những trò ảo diẽn phi lý vô ích của vũ trụ. Từ tư tưởng hoài nghi này đã mở lối cho những triết phái khác ra đời. Phái Vedanta đã đưa gần Brahma lại với con người, đưa ngay vào trong con người, để chủ trương tìm về nguồn bình đẳng của vũ trụ. Quá khích hợp, phái Vaisesika hoàn toàn đứng trên quan điểm cực vi duy vật để thành lập hệ thống triết học của mình. Đến trạng thái ôn hòa, triết học Samkhya ra đời, chủ trương vũ trụ có thần-ngã và tự- tính; mong cầu của thần ngã thông với tự tính thành ra những hiện tượng ảo hóa. Nếu dẹp bỏ mong cầu thì ảo hóa sẽ tan, chỉ còn tự tính tồn tại trong thần ngã mà thôi. Sau trên hai ngàn năm trăm năm, Đức Phật ra đời đã dung hóa tất cả mọi khuynh hướng tư tưởng cổ xưa để xây dựng thành một hệ thống đạo Phật hết sức rộng lớn căn cứ trên đức Từ bi, khả năng Giác ngộ của tâm thức, trên tinh thần Tự chủ, Tự do, Tự tạo, Đức Phật trao cho đời một nội dung cuộc sống toàn diện cả về tâm linh, luận chứng lẫn phuong pháp giác ngộ.

Ngài đã nhìn thẳng vào sự vật, vào cuộc đời mà dạy rằng: “Vạn hữu là thế đó”, chân lý không ở đâu xa mà ở ngay trong vạn pháp. Ngài đã trao cho nhân loại một nhận thức quan về vạn pháp:

- Các hành vô thường
- Các pháp vô ngã
- Bản thể chân như

Để con người dùng làm chìa khóa tự mở lấy kho tàng vô biên của trí tuệ, khám phá những bí mật của vũ trụ, đau khổ của cuộc đời. Rồi nương vào đó con người sẽ cởi lẩn chấp mê u tối, trở lại với bản thể trong trinh của mình.

Vũ trụ kết tụ bởi những hệ thống nhân duyên, con người muốn tham hóa, thấu triệt vũ trụ thì cần nương vào thuyết nhân- duyên- quả- sinh để mà tìm hiểu, để sống hợp với lẽ tiến hoá của vũ trụ. Rồi dựa vào nguyên tắc đó, con người tự thăng hóa nghiệp lực của mình, bằng cách gây nhiều nhân tốt.

Thân phận con người chìm đắm trong cảnh khổ đau, sinh tử luân hồi. Sự khổ đau vốn do dục vọng đam mê nơi mỗi người phát sinh, rồi tăng trưởng thêm mãi. Chẳng những con người không hạn chế lòng tham mà mỗi ngày lại huân tập thêm giữ làm tư kiến, khiến cho khổ đau chồng chất đầy rẫy lên thân phận con người. Để chặn đứng khổ đau, con người cần tận diệt dục vọng, khai quang trí tuệ, để thăng hóa nghiệp lực trên con đường giải thoát.

Được vậy con người cần thực thi Tám Con Đường Chính (Aryastaniga Mārgamāni) [2] của Đạo Giải Thoát bằng phương pháp Tự tu, Tự giác, Tự chứng để đạt tới cảnh “sinh không viên mãn”.

Đạo Phật đã lấy khởi điểm từ tâm linh, qua thực tế, để hướng tâm linh lên đường giải thoát, nhằm cất đi những gánh nặng khổ đau của con người. Nhưng đạo Phật vẫn chưa nhận thấy là chân lý tuyệt đối, mà đây chỉ là phương tiện giúp con người tự chứng lấy chân lý thôi. Tức là đạo Phật đã đề cao khả năng, địa vị con người và sự tự do tuyệt đối về tư tưởng. Nhờ vậy đã mở lối cho người hậu thế được gop sức xây dựng đạo Phật mỗi ngày một giàu đẹp thêm hơn. Cũng chính vì tôn trọng tự do con người nên khi truyền đạo đã không gắp một cuộc xung đột nào và được mọi người tiếp nhận như chính tiếp nhận sự phát minh của trí thức mình vậy.

\* \* \*

Trên hai thiên niên kỷ tồn tại hợp nhất với nếp sống con người hiếu hòa đồng phuơng, Đạo Phật mỗi ngày một thêm phong phú, kho tàng văn hóa mỗi ngày một thêm tươi đẹp.

**Về nghệ thuật:** phải nói rằng đạo Phật ngay khi phát từ kim ngôn Đức Thế Tôn đã được lồng dưới hình thức nghệ thuật rồi. Những lời Ngài giảng dạy môn đệ đều tiêm ẩn bên trong những câu chuyện sống động hợp với trình độ và khả năng thưởng thức của mọi người. Những câu chuyện đó được các đệ tử ghi lại qua kinh “Bách Dụ”. Xét về nội dung của các câu chuyện thì mỗi câu chuyện đều mang một tính chất truyền phổ tư tưởng của đạo Giải thoát, hoặc miêu tả những khổ đau của con người và nguyên nhân phát sinh khổ đau, đồng thời có một phương pháp giải quyết tùy theo hoàn cảnh, trường hợp và nghiệp lực của mỗi nhân vật được Ngài dựng lên trong câu chuyện. Nhờ vậy đệ tử mau hiểu và dễ sống theo những nhân vật trong truyện. Cách sống khoan hòa và trang nghiêm của Đức Phật đã thành hình ngay một cung thức lễ nghi cho đạo Phật. Giọng giảng đều đều và có mãnh lực thu hút tư tưởng của con người đã mở lối cho những vần điệu âm thanh của câu kinh, bài kệ, tiếng chuông, nhịp mõ sau này. Văn, Lễ, Thi, Nhạc của đạo Phật mở đầu ngay từ ngày Đức Phật chưa nhập diệt. Hình ảnh của Ngài đã được ghi lại qua nét Họa, Khắc và được Phật tử thành lập Phật-tự để kính, thờ. Họa, Khắc và Kiến trúc của Phật giáo ra đời. Rồi sau đấy sự tích Đức Phật, những câu chuyện của Ngài đã được dựng thành Kịch, quay thành phim để phổ biến trong quần chúng. Như vậy mọi ngành của nghệ thuật như Văn, Thơ, Lễ, Nhạc, Họa, Khắc, Kiến trúc, Kịch,Ảnh đã nảy nở toàn vẹn trong một truyền thống Từ-bi, Trí-tuệ nhưng không khép kín mà luôn luôn mang những hình thức, sắc thái của mỗi dân tộc đã được đạo Phật truyền đến. Nhờ có nội dung chuyên nhất đó, nên càng nhiều sắc thái, nền nghệ thuật đạo Phật càng thêm sáng, đẹp, giàu có, và nội dung đạo Phật càng thấm sâu vào tâm thức con người, càng thăng hóa thêm đẹp các nền văn hóa dân tộc của mỗi nước đã tiếp nhận đạo Phật.

**Về học thuật:** Với một nhận thức tổng hợp rộng lớn, với một căn bản tự do tư tưởng, đạo Phật đã phát triển và được sự đóng góp của người trí thức cổ kim để thành lập một nền văn học vĩ đại. Phải nói rằng đó là rường kinh biển chữ. Kinh điển Phật giáo chia làm ba loại chính là: Kinh, Luật, Luận.

Kinh tạng (Sùtrạm): gồm tất cả Giáo, Lý, Hành, Quả do Đức Thế Tôn nói ra được các đệ tử kết tập lại trong năm đại bộ: Hoa Nghiêm, Phương dǎng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn.

Luật tạng (Vinayah): tập hợp tất cả giới luật của đạo Phật trong sự hướng dẫn tu trì các bậc xuất gia cũng như tại gia, để giữ cho hệ thống đạo Phật được bền chặt.

Luận tạng (Abhidharma): bao hàm những tác phẩm nghị luận, với mục đích diễn giải rộng ý nghĩa kinh tạng, Kho tàng Luận-tạng rất lớn, đó là sự đóng góp miên tục của các Phật tử qua từng thời đại.

Sau khi Thế tôn nhập diệt, đại đệ tử Ca Diếp triệu tập đại hội kết tập những lời Phật dạy và định giới luật, ngăn ngừa những nguy thuyết và những hành động si mê của tăng sĩ. Đây là lần kết tập thứ nhất gồm trên dưới 500 đệ tử Phật, họp tại thành Vương xá. Tạng kinh mãi về sau mới được biên chép thành hai thứ chữ Pali và Sanskrit. Kinh do Đại đức A-Nan đọc. Luật do Đại đức Uú-Ba-li đọc. Còn Luận thì thuộc phần hậu thế diễn giải theo kinh. Kinh điển được kết tập lần thứ nhất này là kinh A-hàm và luật Bát-thập-tụng.

Khoảng một thế kỷ sau, cuộc kết tập thứ hai được tổ chức tại thành Tỳ-Xá-Ly, nhằm kiểm soát lại kinh điển và giáo luật, đồng thời xét về các dị thuyết hiện lưu hành trong đạo. Kỳ kết tập này mạnh nha cho cuộc phân phái sau này.

Theo truyền thuyết thì ngài Đại-Thiên (Mahadeva) đề ra năm điều tân thuyết [3] thổi lên một phong trào tự do tư tưởng trong đạo Phật: chia đạo Phật làm hai phái, phái bảo thủ truyền thống là Thượng tọa bộ, phái cấp tiến tự do là Đại chúng bộ. Lần lần Thượng tọa bộ còn phân thành nhiều bộ khác như: Nhất thiết hữu bộ, Độc tử bộ, Pháp thượng bộ, Hiền vị bộ, Chính lượng bộ, Mật lâm sơn bộ, Hóa địa bộ, Pháp tặng bộ, Âm quang bộ và Kinh lượng bộ. Rồi Đại chúng bộ cũng lại phân tán thành tám bộ: Nhất thuyết bộ, Thuyết xuất thế bộ, Kế dặng bộ, Đa văn bộ, Tây sơn trụ bộ, Chế đa sơn bộ, Thuyết giả bộ và Bắc sơn trụ bộ. Thật là một quang cảnh nao nhiệt. Do những cuộc phân bộ này mà kho tàng đạo Phật trở thành rộng lớn mung lung tới độ khiến người học Phật hiện nay thường bị lạc mất hướng chính. Đây cũng là một trong những điểm quan trọng mà người hoằng pháp hôm nay phải lưu tâm, phải gạn lọc tinh lý Phật, trước khi trứ tác Phật điển.

Vì không những qua sự phồn tạp gần như trái ngược giữa các bộ phái, kể từ đời vua Ca-Nhị-Sắc-Ca vào thế

kỷ thứ hai, đạo Phật dứt khoát chia làm hai ngành. Bắc phương Đại chúng bộ, Nam phương Thượng tọa bộ để thi đua quang tỏa Phật pháp ra thế giới nữa: Bắc phương Phật giáo lấy Népal làm cứ điểm xuất phát Tây Tạng, Trung Hoa rồi phân tán ra Mông cổ, Mãn Châu, Triều tiên, Nhật bản và Việt Nam. Nam phương Phật giáo đặt khởi điểm chính tại Tích Lan truyền sang Miến điện, Thái Lan, Cao miên và Lào. Đến đây dung hợp tới đó, nên đạo Phật càng thêm nhiều đặc tính mới.

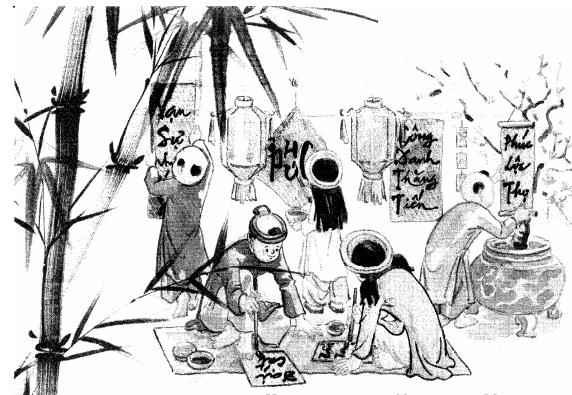
Hiện nay các nhà Phật học và các đại biểu chính thức của mỗi quốc gia đạo Phật đang cố gắng thực hiện cuộc thống nhất đạo Phật hầu cung ứng cho nhân loại một sức mạnh tinh thần để bảo vệ hòa bình và hạnh phúc cho con người trên toàn thế giới. Như thế có nghĩa trên hai nghìn năm phân hóa, lịch sử đạo Phật đang chuyển dần vào thế tổng hợp. Một chứng minh cụ thể là cuộc thống nhất tông phái Nam Bắc tông, trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã thể hiện vào mùa xuân năm 1964. Cuộc thống nhất này mở đầu cho cuộc thống nhất đạo Phật thế giới ngày mai. Muốn đẩy mạnh cuộc thống nhất đi đến thành công, Phật tử cần đập tan mọi vỏ cứng, mở tung mọi cửa lòng để đón gió ngàn phương, đồng thời tìm sâu vào nội dung căn bản của đạo Phật, của Đức giáo chủ duy nhất.

**Về kỹ thuật:** Với căn bản đạo Phật tuy không đủ điều kiện nhân lực, vật lực để thành lập một ngành kỹ thuật cơ giới, nhưng đạo Phật đã nói lên nguyên tắc căn bản của khoa học rồi vậy. Mà khoa học kỹ thuật vốn là kết quả của công cuộc suy tư thực nghiệm của con người. Nên trước khi có được nền khoa học cơ giới văn minh như ngày nay, lý thuyết khoa học phải có trước để dẫn lối cho công cuộc thực chứng của con người. Ngày nay khoa học càng tiến, càng đi sâu vào thế giới hạch tâm, vào lĩnh vực không gian thì càng thấy gần đạo Phật; tuy không xây dựng trên vật chất cực vi, nhưng với tâm linh giác ngộ, đạo Phật giải thích vũ trụ một cách rất khoa học. Khi khoa học tìm được năng lực nguyên tử tiềm ẩn trong vật chất thì cũng chính là lúc nhà trí thức quan tâm nhiều tới luận chứng của đạo Phật. Vì Phật đã quyết nhận trong mỗi loài, mỗi vật của vạn hữu đều có phần năng lực là Phật tính. Và, khi các nhà thiên văn học xác nhận ngoài thế giới chúng ta còn rất nhiều thế giới có sinh vật khác nữa, trong vũ trụ, thì trước đó hai thiên niên kỷ, sau khi rời cội bồ đề, Đức Phật đã dạy rằng trong vũ trụ có tam thiên đại thiên thế giới, [4] ngoài thế giới chúng ta. Thật là hoang đường viễn vông đối với nhận thức nhân loại đương thời của Ngài. Nhưng, tới nay, khoa học của thế giới văn minh chúng ta đã xác nhận.

Sơ lược mấy nét đại cương, ta thấy đạo Phật không chỉ là một Triết học, Đạo học mà còn là một cơ bản của Khoa học. Đạo Phật, ngoài công cuộc giải thoát tâm thức con người còn là một hệ thuyết thực tế có đủ khả năng, đủ điều kiện trở thành một nền Văn hóa toàn triết

gồm đầy đủ các yếu tố nghệ thuật, học thuật và kỹ thuật nữa. Nhưng vì chú trọng nhiều về tâm linh hơn, nên đạo Phật mang nhiều màu sắc tôn giáo, để rồi nhân loại quên mất những khía cạnh khác của đạo Phật.

Đã đến lúc những người thừa kế đức sáng của Đức Phật cần phải cụ thể hóa những nét tươi sáng của đạo Phật ra bằng hành động, để làm Đẹp, làm Sáng, làm Lành cho con người và cuộc đời, để đạo Phật mãi mãi thích ứng với hoàn cảnh xã hội, đáp ứng được mọi nhu cầu của nhân loại trí thức thời đại.



[1] \*Nguyên văn chữ Hán:

Thử Hữu tặc bỉ Hữu

Thử Vô tặc bỉ Vô

Thử Sinh tặc bỉ Sinh

Thử Diệt tặc bỉ Diệt

[2] Chính kiến: thấy biết chân chính

Chính tư duy: suy nghĩ chân chính

Chính ngữ: Lời nói chân chính

Chính nghiệp: Việc làm chân chính

Chính mệnh: đời sống chân chính

Chính tinh tiến: siêng năng chân chính

Chính niệm: tưởng niệm chân tinh

Chính định: định tâm chân chính

[3] 5 điều của Ngài Đại Thiên đế ra:

1. La hán vẫn còn bị ma chướng khiến cho lậu thất trong giấc mộng

2. La hán cũng vẫn còn bất nhiễm ô vô tri, nghĩa là cái học sai lầm về chính pháp

3. La hán vẫn có những hoài nghi chưa giải quyết được

4. La hán đắc quả không thể tự biết mà nhờ bậc Cao minh cho hay.

5. La hán có thể liễu đạo là do âm thanh mà giác ngộ.

[4] Tiếng Phạn: Trisàharasramahàsàhasre lokadhàtuh.

**... Hiểu rõ bi kịch đang ngăn cản sự phát triển quốc gia, làm cho văn hóa suy đồi, đạo lý nghiêng ngửa như thế, chư liệt vị Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, cùng đồng bào Phật tử trong và ngoài nước hãy cùng đứng lên đảm trách sự cứu khổ trừ nguy mà Đức Phật trao truyền : Hết là Chánh đạo thì tiến tới, chỉ sợ bước tới không mau ; hết không phải Chánh đạo thì lui bước, chỉ sợ lui không gấp....**

(Thông Điệp Xuân Canh Dần, của Đại Lão HT. T. Quảng Độ)

### nét bút đầu xuân

Mồng hai tết đến sở làm  
Sao nghe trống trại mênh mang tâm hồn  
Bắt đầu ngày nợ áo cơm  
Sầu len theo chỉ nghe hờn đường may  
Nợ đời vay trả trả vay  
Mà thương nhớ đã dong đầy ý thơ  
Quê hương nhầu mǎnh dư đồ  
Hồn Sông Biển cũng ngẩn ngơ năm dài  
Xuân này khai bút mồng hai  
Vần gieo bí xị viết hoài nhớ quê  
Dòng miên man, chữ lê thê  
Nhớ quê viết mãi, nhớ quê không cùng  
Bao giờ mai thăm, đào hồng  
Hoa Thương Yêu Nở Đẹp Lòng Xuân Quê  
Quê ơi ! hôn vẫn vọng về  
Trời Thơ Đất Mẹ, Hương Thể Năm Xưa.

### mùa xuân gom nắng

Lại nữa mùa xuân sấp trở về  
Nghe lòng thao thiết vọng trời quê  
Nghe sầu chợt dậy trong nhung nhớ  
Sương khói mù sa chấn nẻo về.

Lại nữa mùa xuân sấp trở hồng  
Sao chiều nghe vẫn chiều mênh mông  
Em thương mắt có xanh ngày cũ  
Hay đã xám mầu mong nhớ mong.

Lại nữa mùa xuân sấp trở vàng  
Lưng trời không cánh én bay ngang  
Sáu mùa hoa tuyết rơi phuong la  
Ai gửi lòng theo mây quá giang.

Lặng dâng giòng xuân quá khứ về  
Trời xuân thơ ngát nét si mê  
Ai đi gom nắng mùa xuân ấy  
Trải thăm biên cương đẹp lối về.

**Tuệ Nga**

# Môi Trường Sinh Thái

## bổn phận của con người và của tu sĩ

(Dalai Lama - Tuệ Uyển chuyển ngữ)

### A. Môi trường sinh thái và bổn phận con người

Những tiên đoán khoa học về thay đổi môi trường khó khăn cho những con người bình thường nhận thức thấu đáo một cách trọn vẹn. Chúng ta nghe về nhiệt độ nóng bức và mực nước biển dâng cao, tỉ lệ ung thư nâng cao, sự gia tăng dân số, tài nguyên cạn kiệt, sự tuyệt diệt của những chủng loại. Con người hoạt động khắp mọi nơi đang thúc đẩy nhanh chóng sự hủy diệt những yếu tố chìa khóa chính yếu của môi trường sinh thái tự nhiên mà tất cả các chủng loại phụ thuộc vào.

Những phát triển đe dọa này tác động mãnh liệt từng thứ một và đồng thời cũng làm kinh ngạc chúng ta. Dân số thế giới đã tăng gấp ba lần chỉ trong thế kỷ hai mươi và dự đoán sẽ gấp đôi hay gấp ba trong thế kỷ hai mươi mốt. Kinh tế toàn cầu có thể lớn thêm theo một chỉ số năm hay mười lần bao gồm cả với nó là tỉ lệ cực độ về tiêu thụ năng lượng, sản sinh khí thải carbon dioxide, và tàn phá rừng. Thật là khó khăn để tưởng tượng tất cả những thứ này xảy ra trong thời đại của chúng ta và trong đời sống của con cháu chúng ta. Chúng ta phải quan tâm đến viễn tượng của sự khổ đau trên toàn thế giới và môi trường thoái hóa chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

Tuy thế, chúng tôi nghĩ rằng có những tin tức tốt đẹp trong điều là bây giờ chúng ta dứt khoát phải tìm ra những phương pháp mới để cùng nhau tồn tại trên hành tinh này. Trong thế kỷ hai mươi vừa qua, chúng ta đã từng thấy quá đủ về chiến tranh, nghèo đói, ô nhiễm, và khổ đau. Theo giáo nghĩa của đạo Phật, những thứ đó xảy ra như kết quả của những hành động si mê ám tối và vị kỷ, bởi vì chúng ta thường thất bại trong việc nhìn thấy mối liên hệ cẩn bản thông thường của tất cả chúng sinh. Trái đất đang chỉ cho chúng ta những cảnh báo và những dấu hiệu rõ ràng về những ảnh hưởng rộng lớn và khả năng tiêu cực của những chiều hướng sai lạc nơi thái độ loài người.

Để hóa giải những thói quen tai hại này chúng ta có thể hướng dẫn chính chúng ta cảm giác hơn, tinh giác hơn, tinh thức hơn về sự lè nhẹ thuần hổ tương của chính chúng ta. Mỗi chúng sinh muốn hạnh phúc chứ không phải khổ

đau. Vì thế chúng ta chia sẻ một cảm giác thiết yếu thông thường. Chúng ta có thể phát triển hành động đúng đắn để hỗ trợ trái đất và mỗi cá nhân đặt căn bản trên một động cơ tốt đẹp hơn. Do vậy, chúng tôi luôn luôn nói về sự quan trọng nơi việc phát triển một cảm giác chân tình về nghĩa vụ của tất cả chúng ta, những con người. Khi chúng ta được thúc đẩy bởi tuệ trí sáng suốt và từ bi yêu thương, kết quả của những hành động chúng ta lợi ích tất cả mọi người, không chỉ nơi chính mỗi cá nhân hay một vài tiện lợi tức thời. Chúng ta có thể tha thứ và quên đi những hành động si mê u mê trong quá khứ, chúng ta đạt được sức mạnh có tính cách xây dựng để giải quyết những vấn đề của hiện tại.

Chúng ta nên khai triển rộng rãi thái độ này để lưu tâm cho toàn bộ môi trường sinh thái của chúng ta. Chúng tôi nghĩ thật là tốt đẹp hơn nếu bạn có thể hỗ trợ, bằng nếu không thể, tối thiểu bạn cũng cố gắng không làm bất cứ điều gì tổn hại đến môi trường. Điều này là một hướng dẫn đặc biệt thích hợp khi có quá nhiều người chưa hiểu về sự liên hệ tương thuộc phức tạp khác nhau và những hệ thống sinh thái đặc biệt. Trái đất là ngôi nhà và bà mẹ của chúng ta. Chúng ta phải tôn trọng và bảo dưỡng bà ta. Điều này thật dễ hiểu trong thời đại ngày nay.

Chúng ta cần một tri thức để bảo vệ cho chính chúng ta, mỗi bộ phận và cuộc sống trên trái đất cũng như tất cả các thế hệ tương lai. Điều này có nghĩa là sự giáo dục về môi trường là vô cùng quan trọng đối với mọi người. Học vấn khoa học và tiến trình kỹ thuật là thiết yếu để tăng trưởng những phẩm chất cho cuộc sống trong thế giới hiện đại ngày nay. Càng quan trọng hơn là những thực hành đơn giản nhằm để hiểu biết và trân trọng hơn đối với môi trường xung quanh và chính chúng ta cho dù chúng ta là niên thiếu hay trưởng thành. Nếu chúng ta có một sự trân trọng chân thành đối với những người khác và tránh những hành động thiếu hiểu biết chúng ta sẽ bảo vệ duy trì được trái đất này.

Trong một ý nghĩa rộng lớn nhất, giáo dục môi trường nghĩa là học hỏi để duy trì một phương thức cân bằng của đời sống. Tất cả các tôn giáo đồng ý nhất trí rằng

chúng ta không thể tìm thấy sự thỏa mãn nội tại cùng với sự đồng cảm và sự chia sẻ. Chúng ta có thể cảm nhận được sự mệt mỏi, sự căng thẳng và áp lực từ môi trường xung quanh họ và có thể cung ứng những thông tin đặc biệt trên cấu trúc của xã hội loài người để tồn tại trong sự cân bằng với môi trường. Thí dụ, người Tây Tạng quen thuộc nhất với đời sống của cao nguyên Hy Mã Lạp Sơn. Điều này tiến triển trong một lịch sử dài lâu của một nền văn minh bảo vệ không để lấn át và tàn phá hệ thống sinh thái mong manh của nó. Người Tây Tạng từ lâu đã trân quý sự hiện diện của những động vật hoang dã như một biểu tượng của tự do. Một sự tôn trọng sâu xa với tự nhiên rõ ràng trong nhiều nghệ thuật và nghi thức lễ lược của Tây Tạng. Tâm linh phát triển bất chấp sự giới hạn của tiến trình vật chất. Như những chủng loại có thể không thích ứng liên hệ đến những thay đổi thình lình của môi trường, văn hóa nhân loại cũng cần được đổi mới với sự chăm sóc đặc biệt để bảo đảm tồn tại. Vì thế, học hỏi những phương pháp thực dụng của con người và bảo tồn truyền thống văn hóa của họ cũng là một phần của việc học hỏi cho việc chăm sóc môi trường.

Chúng tôi luôn luôn cố gắng để tuyên dương giá trị của việc sở hữu một trái tim tốt, một lòng hảo tâm. Đây là một khía cạnh đơn giản tự nhiên của con người có được nuôi dưỡng cho một năng lực rộng lớn. Với một lòng hảo tâm và tuệ trí bạn có một động cơ đúng đắn và sẽ hành động một cách tự động cho những gì cần phải làm. Nếu con người bắt đầu hành động bởi một lòng từ bi yêu thương chân thành cho mỗi người, chúng ta có thể tiếp tục bảo vệ cho mỗi người khác và môi trường tự nhiên. Điều này dễ dàng hơn nhiều để phải thêm vào những điều kiện môi trường khó hiểu và đòi hỏi những kỹ năng cao cấp dự kiến cho tương lai.

Bây giờ trên một thế giới toàn cầu, tâm thức con người, trái tim con người hay lòng người, và môi trường là liên hệ với nhau một cách không thể chia cắt. Trong ý nghĩa này, giáo dục môi trường hỗ trợ để phát triển của sự hiểu biết là lòng yêu thương chúng ta cần đến để tạo nên cơ hội tốt nhất chưa từng có cho hòa bình và sự chung sống bền lâu. (nguồn Thinking Globally: A Universal Task)

### **B. Môi trường và phản ánh trách nhiệm của tu sĩ**

Theo dòng diễn tiến của những cuộc du hóa qua những quốc gia trên thế giới, giàu và nghèo, Đông và Tây,

chúng tôi đã từng thấy con người say sưa với niềm vui sướng, và những con người khổ đau. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật dường như có đạt được thêm một ít đường nét, một số cải tiến; phát triển thường có nghĩa thêm ít nhiều những tòa nhà ở thành thị. Như một kết quả, sự cân bằng sinh thái – căn bản chính của đời sống chúng ta trên mặt đất - đã bị ảnh hưởng vô cùng rộng lớn.

Mặt khác, trong những ngày đã qua, người dân Tây Tạng đã sống một đời sống hạnh phúc, không có vấn nạn ô nhiễm, trong những điều kiện thiên nhiên. Ngày nay, khắp thế giới, kể cả Tây Tạng, môi trường sinh thái thoái hóa nhanh chóng vượt qua chúng ta. Chúng tôi hoàn toàn bị thuyết phục rằng, nếu tất cả chúng ta không làm một sự phối hợp năng động, với một ý nghĩa trách nhiệm toàn cầu, chúng ta sẽ thấy “sự sụp đổ dần dần của những hệ thống sinh thái mong manh đã nâng đỡ chúng ta”, kết quả trong sự thoái hóa không thể đảo ngược không thể hồi phục của hành tinh chúng ta, trái đất.

Những đoạn thơ đã được viết nên để nhấn mạnh sự quan tâm sâu xa của chúng tôi, và để kêu gọi sự lưu tâm của tất cả mọi người để tiếp tục làm nên những tác động để bảo tồn và cứu chữa sự thoái hóa môi trường của chúng ta.

#### **1. Ôi Đức Thế Tôn**

Dẫn sinh từ cõi Vô ưu  
Đấng vô tỉ, không ai sánh bằng  
Người, thấy sự tỏa khắp tất cả thiên nhiên  
Của tương liên phụ thuộc  
Giữa môi trường và tất cả chúng sinh  
Luân hồi và Niết bàn  
Động và bất động  
Giáo huấn thế gian về từ bi  
Ban cho lòng nhân từ bao la trên tất cả chúng con

#### **2. Ôi Đấng cứu độ**

Người gọi là Quán Tư Tại  
Hình tượng hóa của thân thể từ bi  
Của tất cả chư Phật  
Chúng con khẩn cầu Ngài làm cho tâm linh chúng con được chín muồi.  
Và làm cho ra quả để quán sát thực tại.  
Để tan đi vọng tưởng

**3. Tính vị kỷ của chúng con như là đá khối**  
Thâm căn cố đế trong tâm thức chúng con  
Từ vô thi kiếp  
Làm nhơ bẩn, đục ngầu và ô nhiễm  
Môi trường  
Tạo thành nghiệp báo chung  
Của tất cả chúng sinh

**4. Ao và hồ đã biến mất**  
Sự trong sạch, sự xinh tươi  
Không khí bị nhiễm ô

Vòm trời tự nhiên nóng như lửa cháy

Nổ tung từng mãnh

Chưa từng được biết trước đây

**5. Núi tuyết lâu đời rực rỡ lộng lẫy vinh quang**

Cúi xuống và chảy ra thành nước

Đại dương uy nghiêm mất sự cân bằng muôn thuở

Và ngập tràn hải đảo

**6. Những sự nguy hiểm của lửa, nước và gió là không hạn chế**

Hơi nóng ngọt ngạt phơi khô rừng xanh tươi tốt

Bạo hành thế giới chúng ta với cuồng phong chưa từng nghe thấy.

Và những đại dương dâng muối cho sức mạnh thiên nhiên.

**7. Mặc dù con người không thiếu giàu sang**

Họ không đủ sức gìn giữ để thở không khí trong lành Mưa và suối làm sạch sê không

Nhưng vẫn là những dung dịch tro tro và không năng lực

**8. Chủng loại con người**

Và vô số chúng sinh

Sống trên cạn và nơi ẩm thấp

Quay cuồng dưới ách của khổ đau thân thể

Nguyên nhân bởi dịch bệnh hiểm nguy

Tâm thức họ tối tăm ảm đạm

Với chậm chạp, sững sờ và si ám

Hỉ lạc với thân thể và tâm linh

Xa, xa lắc ở nơi vô tận

**9. Chúng ta làm ô nhiễm không cần thiết**

Tâm tư công bình của bà mẹ đất chúng ta

Xé toạc những cây cối của bà để nuôi dưỡng những

tham lam thiển cận.

Biến đất đai phì nhiêu của chúng ta thành sa mạc cằn khô.

**10. Thiên nhiên lệ thuộc tương liên**

Của môi trường ngoại tại

Và tự nhiên nội tại loài người

Diễn tả trong mật điển tantra

Hoạt động về y dược và thiên văn học

Quả thực đã được chứng minh

Bằng những kinh nghiệm hiện tại của chúng ta

**11. Trái đất là nhà để muôn loài sinh sống**

Bình đẳng và công bằng đến động và bất động

Vì thế lời dạy của Phật là âm thính chân lý

Với trái đất vĩ đại là chứng nhân

**12. Như những chúng sinh cao quý nhận thức lòng ân cần**

Của bà mẹ chúng sinh

Và làm sự bão đền ơn ấy

Vì thế trái đất bà mẹ toàn cầu

Với sự dưỡng nuôi bình đẳng

Nên được lưu tâm với săn sóc và yêu thương

**13. Hãy từ bỏ sự hoang phí (làm)**

Nhiễm ô không là thiên nhiên sạch sẽ sáng trong

Của bốn đại

Và tàn phá sự cát tường của nhân loại

Nhưng hãy miệt mài chính mình trong những hành động

Lợi ích cho toàn nhân loại

**14. Dưới gốc cây là câu chuyện vĩ đại Đức Phật đản sinh**

Dưới gốc cây, Ngài vượt thăng đam mê

Và đạt đến giác ngộ hoàn toàn

Dưới hai cây sala Ngài đã nhập niết bàn

Quả thực, Đức Phật đã giữ cây trong một sự quý mến vô vận.

**15. Nơi đây, phát nguyên của Văn Thù Sư Lợi**

Đạo Sư Tông Khách Ba thân hiển lộ rực rỡ đẹp tươi

Được ghi dấu bởi cây trầm hương

Mang hàng trăm nghìn hình tượng của Phật

**16. Có phải không được biết rõ**

Rằng một số bốn tôn siêu việt

Những tâm linh và bốn tôn địa phương cao cả

Xây dựng những lâu đài của họ trong cây?

**17. Cây xum xuê tịnh hóa làn gió**

Giúp chúng ta thở không khí duy trì sự sống

Chúng làm vui ánh mắt và tâm chân thật

Bóng của chúng làm một nơi ngơi nghỉ hân hoan

**18. Trong luật tạng, Phật dạy tu sĩ**

Chăm sóc cho những cây yếu mầm

Từ đây, chúng con học đạo đức

Của trồng trọt và bảo dưỡng cây xanh

**19. Đức Phật cấm tu sĩ cắt cây**

Nguyên nhân những người khác cắt cây đang sống

Phá hoại những hạt giống hay làm ô uế cỏ xanh tươi

Điều này nên truyền cảm hứng cho chúng ta

Yêu mến và bảo vệ môi trường chứ?

**20. Người ta nói rằng, trong thế giới Cực lạc thiên đàng**

Cây cối khởi sinh

Nhờ sự hộ持 của Đức Phật

Và tiếng dội của âm thanh

Là những giáo lý đạo Phật căn bản

Như vô thường

**21. Đây là cây mang đến mưa**

Cây giữ bản chất của đất

Kalpa-Taru, cây của ước nguyện đủ đầy

Những sự cư trú thật sự trên đất

Để phục vụ tất cả những mục tiêu

**22. Ngày xưa ngày xưa ấy**

Ông bà tổ tiên ta đã ăn trái trên cây

Mặc áo quần bằng lá cây

Khám phá ra lửa bằng sự cọ xát gỗ

Ấn náo giữa những tảng cây

Khi họ chạm trán phải hiểm nguy

- 23.** Ngay cả trong thời đại của khoa học  
Của kỹ thuật  
Cây cung cấp cho ta nơi trú ngụ  
Ghế cho ta ngồi lên  
Giường cho ta nằm xuống  
Khi trái tim rực cháy  
Với ngọn lửa của giận hờn  
Nhiên liệu của cãi vả xung đột  
Cây mang đến sự tươi vui, đón chào mát mẻ
- 24.** Trên cây mang những tiếng gầm vang  
Của tất cả đời sống trên mặt đất  
Khi nó bị quét sạch đi  
Mặt đất được minh họa bằng thí dụ  
Của cây Jambu  
Sẽ chỉ còn lại chẳng gì khác hơn là một sa mạc buồn  
thảm hoang tàn.
- 25.** Không có gì thân thiết đến đời sống hơn là sự sống  
Liễu ngữ điều này, như trong Luật tạng  
Đức Phật đã ban điều ngăn cấm  
Như dùng nước có những vi sinh
- 26.** Trong những vùng hẻo lánh của Hy Mã Lạp Sơn  
Vào những ngày xưa, vùng đất Tây Tạng  
Tuân theo sự ngăn cấm săn bắt hay câu cá  
Và, trong những thời điểm định rõ, ngay cả xây dựng  
Những truyền thống này là quý báo  
Bởi vì chúng bảo vệ và ấp ủ  
Sự sống của những tạo vật thấp hèn, bơ vơ, không khả  
năng tự vệ
- 27.** Vui chơi với sự sống của những tạo vật khác  
Mà không có chút cảm thương hay ngượng ngùng  
Là trong hành động của săn bắt hay câu cá hay thể thao  
Là một hành vi bạo động không chú ý và vô ích  
Một sự vi phạm những quyền nghiêm trọng  
Của tất cả mọi sự sống và chúng sinh
- 28.** Chăm chú ân cần đến thiên nhiên  
Của sự tương tác tương nhập của tất cả tạo vật  
Của cả sinh vật lẫn những vật vô tri  
Chúng ta không bao giờ nên dê duối trong nỗ lực  
Để bảo tồn và duy trì năng lượng của thiên nhiên
- 29.** Trong một ngày, tháng, năm nào đấy chúng ta nên  
tiến hành  
Buổi lễ về trồng cây  
Do thế, chúng ta phải đầy đủ ý thức trách nhiệm  
Phục vụ những thành viên của chúng ta  
Không chỉ mang đến niềm hạnh phúc cho một người  
Mà làm lợi lạc cho tất cả.
- 30.** Nguyện cho năng lực để tuân thủ điều này là đúng  
đắn  
Và sự ngăn chừa từ những thực hành sai lầm và những  
hành động xấu ác  
Nuôi dưỡng và tăng thêm sự thịnh vượng của thế giới

Nguyện cho nó làm cho cường tráng chúng sinh và giúp  
chúng nở hoa  
Nguyện cho niềm vui sướng núi rừng và niềm hạnh  
phúc nguyên sơ  
Mãi mãi gia tăng, mãi mãi lan tỏa và bùa khắp tất cả.  
(nguồn Buddhist Monks Reflections on Ecological Responsibility  
- (Dalai Lama - Tuệ Uyển chuyển ngữ)

### bao giờ dãm lại lá Xuân quê

Nửa đêm đứng ngóng xuân ngoài ngõ  
hồn chợt bâng khuâng tiếng thở dài  
nghe gió trở mình trên lá rụng  
buồn lên cửa mắt, bước chân ai

Trở giấc vàng đông gầy tiễn biệt  
nhớ nào gói trọn mãnh tình riêng  
lạnh lùa sỏi đá tê hồn đợi  
xa vọng mù xa khúc nhạc phiền

Chừng như mùa đông làm trăng chết  
biển cũng trở buồn vọng ngắn ngõ  
bỏ bến chờ vơ mù tàn lịm  
thuyền neo chất nặng tháng năm chờ

Ta biến thành ga sầu hải đảo  
ngàn phượng mòn đợi gió đôi bờ  
em còn bên song ngồi đan áo ?  
khiến kẻ tình si phải ngắn ngõ

Ta giờ cũng vẫn sầu thơ rượu  
giữa cảnh vào đông tiếc muộn màng  
tâm sự ngút ngàn ai biết tới  
nên đành héo hắt kiếp lang thang

Thơ theo vàng võ màu đông nhớ  
năm đó một đi chẳng hẹn về  
tóc nhuộm thời gian trăng cỏ độ  
bao giờ dãm lại lá xuân quê ?

### Mường Giang

... Hòa bình chỉ có ý nghĩa đích thực khi bảo  
đảm được quyền tự chủ quốc gia và những  
quyền tự do dân chủ căn bản của dân chúng,  
trong sinh hoạt cộng đồng thế giới. (.....).

Chúng ta không có quyền trao vận mệnh dân  
tộc này cho những người phi dân tộc, ngụy dân  
tộc, phản dân tộc. (...) Chỉ có chúng ta, những  
người Việt đang sống trên đe dưới búa, đang bị  
tước đoạt quyền sống và bị phá hoại mới có đủ  
tư cách để tự biện minh trong mọi quyết định  
vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân  
tộc do chính chúng ta tự quyết mà thôi...

(Thông Địệp Xuân Kỷ Dậu 1969 Của Đệ Nhất Tăng Thống Cố  
Đại Lão HT, Thích Tịnh Khiết)



# ngày xuân với người Phật tử

Cứ mỗi lần tròn mươi hai tháng, ba trăm sáu mươi lăm ngày, đó đây không ai bảo ai, mọi người tự cảm thấy lòng mình trỗi dậy niềm hân hoan như muôn ngàn tia sáng bình minh, chan hòa hương sắc của đất trời, khắp nơi vũ trụ gió thoảng ngàn phượng, phưởng phất ánh xuân dương, tất cả như hội tụ nơi lòng nhân thế. Trên gương mặt mọi người hiện nét tươi hàn lênh, điểm trên đôi môi nụ cười cởi mở hy vọng. Hy vọng một năm mới tốt lành hạnh phúc sáng sủa.

Xuân về hoa lá nẩy nở tốt tươi như nụ cười vũ trụ. Nhưng thật sự cảnh vật xanh tươi trong ngày xuân té chỉ có với quê hương Việt-Nam, trên đất mẹ chôn nhau với tiếng khóc chào đời, chữ người Việt-Nam ty nạn cộng sản còn mang kiếp sống tha hương trên đất khách quê hương, thì mỗi độ xuân về nhìn thấy khắp nơi nơi phơi bày băng tuyết giá lạnh, cỏ cây úa lá trơ caành. Nhưng quê hương Việt-Nam giờ đây dưới chế độ vô thần cộng sản, dân chúng đâu còn lòng dạ bình an tự do

hưởng xuân, mà xuân chỉ có cho đảng và cán bộ ưu tiên đặc quyền hưởng lợi của kẻ thống trị!

Xuân té với người thế gian, ngoài việc cúng quẩy tổ tiên, tiếp theo đó là những cuộc liên hoan tiệc tùng rượu thịt, sòng bài canh bạc nhảy nhót say xưa. Thế nhưng tiếng cười mừng xuân chưa dứt, lời chúc tụng trên môi chưa tròn, là tiếp theo những nỗi lo rầu bệnh hoạn do những cuộc vui chơi dục lạc chè chén quá độ trong ba ngày xuân. Cảm nhận điều đó nên thi nhân nói:

Xuân cho thỏa chí tang bồng  
Thịt quay rượu nặng thỏa lòng ai oí!  
Xuân trong tiếng hát câu cười  
Hả hê phỉ sức một đời người thôi.

Xuân đối với người đời là dịp nghỉ ngơi đôi ngày để hưởng thụ, chè chén cuộc cờ, hoặc ngao du thưởng ngoạn lấy lại sức để rồi tiếp tục sáng chiều bôn ba đồng tây phấn đấu kiếp trâu cày cho kế sanh nhai trong suốt năm mới. Nhưng cũng trong dịp xuân té, bên cạnh những tiệc tùng rượu nồng thịt thấm, áo gấm nữ trang lòe loẹt, thì đó đây cũng có biết bao người đầu tắt mặt tối sống một đời hẩm hiu thiếu thốn nơi ăn chốn ở trăm bề! Nên chi khi xuân về khiến cho lòng họ tê tái tủi phận xót xa:

Xuân đến làm chi thêm tủi lòng  
Với xuân tôi trót chẳng chờ mong  
Nắng sương trọn kiếp còn chưa đủ  
Xuân đến lòng tôi thêm não nùng

Đâu phải xuân té đến ai cũng vui mừng, khoe khoang trang điểm tiệc tùng. Mà lầm khi xuân té đến làm cho người đang sống trong cảnh thiếu trước hụt sau, kẻ lỡ thời thất vận buồn đau não nề:

Xuân đến làm chi đầy hối xuân?  
Lòng tôi se thắt lại vô ngần  
Hoa cười áo thắm trong xuân ấm  
Lòng tôi vẫn buốt lạnh căm căm!

Xuân với người Phật tử chân chánh có tâm hạnh tu hành buông xả thì có ý nghĩa đặc biệt hơn người trần thế. Người Phật tử chân chánh biết sống tri túc, suốt rõ nghiệp duyên nhân quả, sống với thực tại, không hám hở tham trước khi việc đã thành, không đau khổ sâu thương tiếc nuối khi thất bại tan tành, không vui buồn theo sự còn mất thịnh suy, nhất là không đắm mình trong ngũ dục lạc, nên không xảy ra bệnh hoạn tai nạn một cách oan uổng, cũng không có trạng thái mong muốn vui buồn quá độ.

Xuân đến, ngoài bốn phận con cháu đối với ông bà, ngoài bốn phận hậu bối đối với tiền nhân, người Phật tử còn có bốn phận đối với chính mình. Bốn phận với chính mình là bình tâm kiểm điểm lại mình, hồi quang phản tỉnh nơi mình, suốt một năm qua có được giác ngộ trên đường giác ngộ thánh thiện hóa chưa? Có tu tâm

sửa tánh hành thiện và phát nguyện tinh tấn hơn chưa? VỚI tinh thần từ bi lợi tha hỷ xả mà mình thường đọc tụng luận bàn thì đã làm gì cụ thể chưa? Nếu chưa là còn thiếu bốn phật, là thoái hóa, là để ngày qua tháng lại thoát đã bạc đầu mà chưa làm được gì, chưa bước thêm được bước nào trên đường thánh thiện, thì nên sanh tâm hổ thẹn, với chính lòng mình, hổ thẹn với bạn hiền, hổ thẹn khi mình nghiêng mình cúi đầu lạy Phật, vậy thì tự nguyện năm mới cố gắng tinh tấn hơn nữa. Nếu không, thì sẽ mắc cái lỗi cô phụ lời Phật dạy: “Ta là Phật đã thành, các con là Phật sẽ thành. Các con nên cố gắng tu hành thì cũng sẽ thành Phật như ta.” Nếu không như thế, chẳng những phụ lòng từ bi của Phật mà ta còn vô tình phủ nhận khả năng thánh thiện của chính ta. Bởi đức Phật đã xác quyết tuyên bố rằng: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tính.”

Mỗi lần xuân đến, người Phật tử phải lặng lòng tịnh tâm phản tỉnh nhớ rằng: Mỗi lần xuân đến là ta đã âm thầm xa dần bến bờ tráng kiệt sinh lực tuổi trẻ. Đồng thời ta cũng bước dần đến hố thẳm già yếu suy tàn. Phật dạy:

Ngày nay đã qua  
Mạng người giảm dần  
Như cá cạn nước  
Nào có vui chi.

Buổi mai mùng một xuân tép đó đây phơi bày xác pháo đầy đường, muôn hoa tươi nở thì ngay trong khi đó đã âm thầm báo hiệu hiện tượng héo hon úa tàn tiếp theo:

Hoa nở để rồi tàn  
Trăng tròn để rồi khuyết  
Bèo hợp để rồi tan  
Người gần để ly biệt  
Hoa xuân không nồng cung phai màu  
Trên mặt người kia in vết đau.

Chẳng những vạn vật cỏ cây, mà ngay con người cũng theo thời gian mà tàn phai hương sắc:

Rồi một ngày kia hương sắc tàn  
Tuổi đời chôn lấp bụi trần gian  
Tới lui mấy độ quan san ấy  
Thảm gửi cho đời một tiếng than.

Người Phật tử không để cho ngày tháng trống không trôi qua vô ích, rồi buồn thương cho hương sắc tàn với thời gian năm tháng, mà phải tinh tấn với thời gian bằng cách tu tâm, sửa tánh, chánh niệm, làm lành, niệm Phật, tụng kinh, tham thiền để tiến dài tiến mãi, tiến mau trong ánh đạo vàng giác ngộ giải thoát. Có ý thức về lẽ sống, thì đời sống mới có ý nghĩa. Và như thế lòng an lành, tâm hoan hỷ, sống tự tại hài hòa trong ánh xuân tươi mát giải thoát. Đấy mới thật sự đạt ý nghĩa ngày xuân của người Phật tử.

**Tỳ kheo Thích Đức Niệm** (trích Cho Trọn Mùa Xuân)



*Đời nhân Việt Nam*

*sinh vào năm Dần*

- **Thiền sư Trường Nguyên** (Canh Dần 1110): Sư họ Phạm, người hương Trường Nguyên, huyện Tiên Du. Khi xuất gia được thiền sư Đạo Huệ ở chùa Quang Minh truyền tâm ấn. Sau, Sư vào núi Vệ Linh ẩn tích, ăn rau rừng, hạt dẻ, làm bạn với thiên nhiên, tụng kinh niệm Phật suốt năm lặng lẽ nên không ai hay biết. Vậy rồi danh tiếng của Sư cung lan truyền đến kinh đô. Vua Lý Anh Tông muốn triệu kiến mà Sư không chịu đến, vua phải sai bạn cũ của Sư là đại thần Lê Hối đến khuyên mời. Sư nhận lời cùng đi, nhưng khi đến chùa Quán Hương lại sực tỉnh hối tiếc, bèn trốn về. Để giải thích việc “đổi ý giờ chót” ấy, Sư nói với chúng đệ tử: “Ta đã thân khô lòng nguội, đổi với thế tục, phù phiếm hư ngụy có đáng là gì? Có lẽ là do chí hạnh của ta chưa thuần nên còn bị cái lòng lợi danh làm khốn!”. Mồng 7 tháng 6 năm Chính Long Bảo Ứng (1165), Sư cảm thấy thân thể khác lạ, bèn gọi đệ tử đến, đọc lời kệ: “Ở nơi bóng trầu/ Thường lìa bóng trầu/ Lòng dạ trắng trong/ Cùng vật không thân/ Tài bỗng trời đất/ Vượt cá nhân luân/ Dưỡng muối muôn vật/ Cùng vật vui xuân/ Gái sắt đứng múa/ Người gõ đánh trống”. Đọc xong, Sư xả bỏ ngũ uẩn ra đi, thọ 56 tuổi.

• **Thiền sư Quảng Nghiêm** (Nhâm Dần 1122): Sư họ Nguyễn, người Đan Phượng, từ nhỏ mồ côi cha, theo hầu cậu là thiền sư Bảo Nhạc, được cậu khai tâm điểm đạo. Sau khi cậu mất, Sư đi hành cước khấp nới để tham vấn thiền học. Nghe tiếng thiền sư Thiền Trí thuyết pháp ở chùa Phúc Thánh, hương Điển Lãnh, Sư tìm đến xin làm đệ tử. Một hôm nghe Sư Thiền Trí giảng “Tuyết Đậu Ngữ Lục”, đến đoạn đối đáp về vấn đề sinh tử, Sư đắc pháp. Từ đó danh tiếng của Sư lan truyền khắp chốn. Sau, Sư đến trụ trì ở chùa Thánh Ân, hương Siêu Loại, có Thượng thư Bộ Binh là Phùng Giáng Tường hâm mộ danh tiếng của Sư, mời về truyền giảng tại chùa Tịnh Quả, tăng lữ gần xa kéo đến xin thọ giáo rất đông. Đệ tử thân cận của Sư là Thường Chiếu sau này cũng là một thiền sư xuất chúng. Ngày 15 tháng 2 năm Canh Tuất (1190), Sư lâm bệnh, gọi chúng đệ tử đến, đọc bài kệ: “Ly tịch phuong ngôn tịch diệt khứ/ Sinh vô sinh hậu thuyết vô sinh/ Nam nhi tự hữu xung thiền chi/ Hữu huởng Như Lai hành xứ hành” (dịch: Thoát tịch diệt xong, bàn tịch diệt/ Sau vô sinh, hãy nói vô sinh/ Làm trai lập chí xông trời thẳm/ Theo gót Như Lai luống nhọc mình!). Đọc xong Sư chắp tay, an nhiên thị tịch, thọ 69 tuổi, được Thượng thư Phùng Giáng Tường làm lễ hỏa thiêu, xây tháp phụng thờ.

• **Thiền sư Tịnh Lực** (Canh Dần 1170): Sư họ Ngô tên Trạm, quê ở Cát Lăng, Vũ Bình. Thuở nhỏ, Sư rất thông minh, lớn lên càng giỏi về văn chương, nghệ thuật và chữ viết. Hữu duyên cho Sư gặp Thiền sư Đạo Huệ, tâm dừng nơi cảnh Phật, mặc cỏ ăn cây, phước tuệ song tu. Trải qua nhiều năm giữ tâm càng vững chắc, Sư vâng lời thầy thẳng lên núi cất một thảo am gọi tên Vương Trì (ở làng Cương Việt, Vũ Ninh) rồi trụ trì nơi đó. Trong mười hai giờ, Sư lê Phật sám hối, được niệm Phật tam-muội, giọng bồng tiếng trầm của Sư nghe trong vắt. Học trò theo học rất đông. Sư thường giảng kinh Viên Giác cho môn đồ nghe, nghĩa lý chỗ nào chẳng ổn, đích thân Sư cải chính. Đến niêm hiệu Thiên Cảm Chí Bảo thứ hai (1175), một hôm Sư cáo bệnh, gọi môn đồ tề tựu mà dạy: “Các ngươi! Tất cả các người học đạo lấy tâm siêng năng cúng dường Phật, không gì khác hơn chỉ cầu dứt được các nghiệp ác. Tâm miêng niệm tụng, tin hiểu nghe nhận, ở chỗ vắng vẻ yên lặng, gần thiện tri thức. Nói ra lời hòa nhã, nói phải thời đúng lúc, trong tâm không khiếp nhược. Liễu đạt nghĩa lý, xa lìa ngu mê, an trụ chỗ bất động. Quán tất cả pháp vô thường vô ngã, vô tác vô vi. Nơi nơi lìa phân biệt, ấy là người học đạo. Nay phần hóa duyên của ta đã xong”. Sư lại nói kệ: “Trước tuy nói kiết, sau gọi hung/ Từ đời Thái Tổ kiêng chẳng từng/ Vì thấy rồng lên làm Phật tử/ Chợt trông chuột hiên lặng vô cùng!”. Dứt tiếng, Sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch, vào năm 1233, thọ 64 tuổi.

• **Trần Thái Tông** (Mậu Dần 1218): tên thật là Trần Bồ, sau đổi thành Trần Cảnh, nhà nghiên cứu Phật học,

nhà thơ, và là vị vua đầu tiên của nhà Trần, quê quán ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là Nam Định). Làm vua năm 7 tuổi, ở ngôi 32 năm, làm Thái thượng hoàng 19 năm. Trước khi truyền ngôi cho con trai là Thái tử Trần Hoảng (sau là vua Trần Thánh Tông), ông đã lãnh đạo nhân dân Đại Việt chống lại cuộc xâm lược lần thứ nhất của quân Nguyên Mông, với thắng lợi vẻ vang. Ông trở thành một vị minh quân, và cũng được tôn xưng như một Thiền sư. Ông qua đời vào năm 1277, thọ 59 tuổi, tác phẩm để lại gồm: Khóa hư Lục, Thiên Tông Chỉ Nam, Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi...

• **Tuệ Trung Thượng Sĩ** (Canh Dần 1230): Thiền sư, tên thật là Trần Tung, hay Trần Quốc Tung, là con trưởng của An Sinh Vương Trần Liễu, anh ruột của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và hoàng hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm, tước hiệu Hưng Ninh Vương. Ông là người hướng dẫn vua Trần Nhân Tông vào cửa Thiền, từng tham dự cả 3 lần kháng chiến chống Nguyên Mông. Sau khi kháng chiến thành công, ông được phong chức Tiết Độ Sứ cai quản phủ Thái Bình, nhưng không lâu sau ông lại lui về ấp Tịnh Bang lập Dưỡng Chân Trang để tu học pháp Thiền. Ông được vua Trần Thánh Tông tôn làm đạo huynh. Nhiều áng thơ, bài kệ do ông sáng tác được集结 trong Thượng Sĩ Ngữ Lục được lưu truyền rất nổi tiếng. Ông viên tịch vào năm 1291, thọ 61 tuổi.

• **Đệ Tam Tổ Huyền Quang** (Giáp Dần 1254): Thiền sư, nhà thơ đời Trần, người làng Vạn Tải, châu Nam Sách (nay thuộc Bắc Ninh), tên thật Lý Đạo Tái. Nhà nghèo, nhưng từ thiếu thời ông đã lộ tư chất thông minh, học giỏi. Sau đỗ cả thi Hương, thi Hội, Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ (Trạng nguyên), ông được bổ làm việc trong Viện Nội Hàn của triều đình, đón tiếp sứ giả Trung Hoa, nổi tiếng thi văn kiệt xuất. Sau, ông buông bỏ hết chức tước địa vị, từ chối cả việc làm phò mã của vua Anh Tông, quyết chí xuất gia cầu Đạo tham thiền, theo hâu “Phật Hoàng” Trần Nhân Tông. Đến khi Đệ Nhị Tổ là Pháp Loa truyền y bát cho ông, ông trở thành vị tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Năm 77 tuổi, ông truyền y bát cho Quốc Sư An Tâm, lui về thiền thất tĩnh dưỡng. Ba năm sau, năm Giáp Tuất 1334, ông qua đời, thọ 80 tuổi, Tác phẩm lưu lại đến nay chỉ còn 24 bài thơ trong Việt âm thi tập, Trích diêm thi tập.

• **Ngô Thì Nhậm** (Bính Dần 1746): Cư sĩ, nhà văn đời hậu Lê-Tây Sơn, tự là Hy Dỗ, hiệu Đạt Hiên, còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh. Ông xuất thân gia đình vọng tộc chốn Bắc Hà, là con Ngô Thì Sĩ, quê ở huyện Thanh Oai, Hà Tây (nay thuộc Thanh Trì, Hà Nội). Ông thi đỗ Giải Nguyên năm 1768, rồi Tiến Sĩ Tam Giáp năm 1775. Sau khi đỗ đạt, ông được bổ làm quan ở bộ Hộ dưới triều Lê-Trịnh. Năm 1790, vua Quang Trung đã giao cho ông chức Binh bộ Thượng thư. Sau khi Quang Trung mất, ông lui về nghiên cứu Phật

học. Đến khi Gia Long tiêu diệt nhà Tây Sơn, ông và một số viên quan triều Tây Sơn thì bị đánh bằng roi tại Văn Miếu, sau trận đánh đòn, ông về nhà thì qua đời. Tác phẩm còn để lại: Hải Dương chí lược, Hy Dỗ thi văn tập, Xuân Thu quản kiến...

• **Thiều Chửu** (Nhâm Dần 1902): nhà văn hóa, dịch giả và tu sĩ, tên thật là Nguyễn Hữu Kha, quê quán ở Trung Tự, Đông Tác (nay thuộc Đống Đa, Hà Nội). Bút hiệu Thiều Chửu có nghĩa là cái chổi quét bụi, tâm nguyện của ông là "cây chổi quét bụi ấy sẽ làm trong sáng giáo hội qua ngòi bút cải cách của mình", và "hàng ngày phải lau quét bụi trần tham nhiễm, đừng để gương lòng vẫn đục bởi phiền não vô minh che lấp". Từ nhỏ nhở đức tính kiên trì tự học, ông đã am hiểu chữ Hán, Nho giáo và Phật giáo, lại thông thạo các tiếng Anh, Pháp, Nhật. Ông cho ra đời bản dịch Khóa Hư Lục vua Trần Thái Tông, làm quản lý và biên tập cho tờ báo Đuốc Tuệ, tham gia thành lập Hội truyền bá Quốc ngữ, đảm nhận việc dạy chữ Hán, giảng kinh và chủ trì các khóa lễ ở trường Phật học Phổ Quang. Năm 1945, Hồ Chủ Tịch đã mời ông ra làm Bộ trưởng Bộ Giáo Dục trong chính phủ Lâm thời, nhưng ông từ chối để tiếp tục việc giảng dạy cho các lớp Phật giáo, cùng Cô nhi. Ngoài bộ Hán Việt Tự Điển có giá trị vượt thời gian, ông còn dịch 14 bộ kinh căn bản của đạo Phật, viết các sách về Phật học. Bị vu cáo, cộng với sự thương cảm cho nhiều nông dân bị hàm oan trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam mà cảm thấy mình bất lực, ông đã tự vẫn vào năm Giáp Ngọ (1954) tại tỉnh Thái Nguyên, lúc 52 tuổi.

• **Ngô Lợi** (Canh Dần 1830): Tu sĩ, khai sáng đạo Từ Ân Hiếu Nghĩa, quê ở Bình An-Định Tường (Tiền Giang), lúc 20 tuổi, ông viết Đà-La-Ni Kinh, dài 223 chữ Hán, mà sau này trở thành quyển kinh quan trọng của tông phái. Năm 1872, ông cất chùa ở xã Bình Long, rồi lấy đó làm cơ sở truyền đạo. Ông đã đi nhiều nơi vừa trị bệnh, vừa thu nhận và dạy tín đồ thuyết "học Phật tu nhân, báo đáp tứ ân". Năm 1876, ông đưa một số đệ tử vào vùng Núi Tượng theo để khai hoang, lập chùa miếu và mở thôn ấp mới. Năm Canh Dần 1890, ông mất vì bệnh tại thôn An Hòa, gần Núi Tượng, lúc 59 tuổi. Ngoài bản Đà-La-Ni Kinh, ông còn truyền dạy cho tín đồ nhiều bài cung văn sớ điệp, nhiều nghi tiết cúng lễ, ghi chép lại thành tập sách Ngọc Lịch Đồ Thơ Tập Chú.

• **Đại Đức Thích Quảng HƯƠNG** (Bính Dần 1926): nhà sư vị pháp thiêu thân, pháp danh Nguyên Diệu, pháp hiệu Bảo Châu, nối pháp dòng Lâm Tế Liễu Quán đời thứ 44, thế danh Nguyễn Ngọc Kỳ, quê tại Tuy An-Phú Yên. Năm 1943, Sư xuất gia tu học ở chùa Kim Cang-Phú Yên. Năm 1949, Sư cầu Pháp và thọ Cụ Túc giới với Hòa Thượng Liễu Tôn, nhận chức Thư Ký của chi hội Phật giáo An Hiệp. Sau năm 1950, Sư vào học tại Phật Học Viện Nha Trang, được cử làm Giảng sư tại tỉnh Hội Phật-giáo Đà Lạt. Năm 1961, Sư được kiêm nhiệm trụ trì và Giảng sư tại tỉnh Hội Phật-giáo Buôn

Mê Thuột. Vì thấy Phật giáo bị đại nạn, nên Sư phát nguyện tự thiêu vào ngày 5.10.1963, khi 37 tuổi, tại bồn binh chợ Bến Thành Sài Gòn, để đấu tranh cho Chánh Pháp.

• **Nhà Sứ học Lê Văn HƯƯU**: Sinh năm Canh Dần (1230), tại làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn, (nay là xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Thuở nhỏ, khôi ngô tuấn tú, tư chất thông minh, khoa thi Đình năm Đinh Mùi (năm 1248) Lê Văn Hưu đỗ Bảng Nhã (sau Trạng Nguyên) khi 18 tuổi.

Sau khi thi đỗ, ông được giữ chức Kiểm pháp quan (trong coi việc Hình luật), rồi Hàn lâm Viện học sĩ, kiêm Quốc Sử Việt giám tu. Năm 1272, ông đã hoàn thành việc biên soạn "Đại Việt Sử ký", bộ quốc sử đầu tiên của nước ta ghi lại những việc cốt yếu trong một thời gian lịch sử dài gần 15 thế kỷ, từ thời Triệu Đà (từ năm 136 trước Công nguyên đến thời Lý Chiêu Hoàng năm 1225), tất cả gồm 30 quyển và được Trần Thánh Tông xuống chiếu ban khen.

Hiện nay, "Đại Việt sử ký" của ông không còn, "Đại Việt ký tục biên" của Phan Phù Tiên nối tiếp theo bộ "Đại Việt sử ký" của Lê Văn Hưu, ghi chép sự việc từ đời Trần Thái Tông (mở đầu nhà Trần - năm 1218) đến Lê Lợi chiến thắng quân Minh (năm 1427) gồm 10 quyển cũng đã thất truyền; chỉ còn lưu truyền bộ "Đại Việt Sử ký toàn thư" của Ngô Sỹ Liên biên soạn, gồm 15 quyển, hoàn thành vào năm Kỷ Hợi (năm 1479) dưới thời Lê Thánh Tông.

Trong bài tựa tác phẩm Đại Việt Sử ký toàn thư, Ngô Sỹ Liên viết: "Lê Văn Hưu là người chép sử giỏi đời Trần, Phan Phù Tiên là bậc cổ lão của Thánh triều ta, đều vâng chiếu biên soạn lịch sử nước nhà... Ta không tự nghĩ sức học kém cỏi, lấy hai bộ sách của các bậc tiên hiền làm trước đây sửa sang lại, thêm vào một quyển "Ngoại ký" gồm một số quyển gọi là "Đại Việt Sử ký toàn thư".

Qua đó có thể kết luận, Lê Văn Hưu là nhà sử học đầu tiên của nước ta và người đầu tiên đặt nền móng cho bộ sách "Đại Việt Sử ký toàn thư" hiện đang lưu truyền.

• **Phan Huy Chú**: Sinh năm Nhâm Dần (1782), là nhà thơ - nhà bác học thế kỷ XIX, tự là Lâm Khanh hiệu Mai Phong, sinh tại làng Thụy Khê, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội). Ông là con của Phan Huy Ích, nổi tiếng hay chữ từ nhỏ, thi đỗ Tú tài năm 1821. Vua Minh Mạng biết tiếng, triệu ông vào kinh làm biên tu ở Viện Hàn lâm.

Năm 1824, ông được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh (Trung Quốc). Năm 1828, làm Phủ thừa phủ Thủ Thiên, Hiệp trấn Quảng Nam. Năm 1830, lại giữ chức Phó sứ sang nhà Thanh, trở về bị khiển trách vì tội lạm dụng quyền hành. Năm 1832, bị buộc sang Giang Lưu Ba (Indonesia).

Đời quan trường của Phan Huy Chú lúc thăng, lúc trầm, nêu sinh chán nản, ông từ quan về làng dạy học, viết sách rồi mất vào năm 1840, thọ 58 tuổi.

Bộ sách Lịch triều Hiến chương loại chí, gồm 49 quyển với 10 năm biên soạn là công trình biên khảo đồ sộ của ông. Ngoài ra, ông còn biên soạn các cuốn sách khác như: Hoàng Việt dư địa chí, Hoa thiêu ngâm lục, và Hoa trình tục ngâm.

**Trương Đăng Quế:** Sinh năm Giáp Dần (1794), hiệu Quảng Khê, là văn sĩ, quê gốc tỉnh Hà Tĩnh di cư vào huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Ông đỗ Cử nhân năm 1819, được dạy học cho vua Thiệu Trị, làm quan đến Phụ chính Đại thần.

Ông là chủ biên của 2 bộ sách giá trị Đại Nam liệt truyện, Đại Nam thực lục tiền biên. Phan Đăng Quế mất vào năm 1865, thọ 71 tuổi.

**Nguyễn Xuân Ôn:** Sinh năm Canh Dần (1830), là nhà yêu nước, là nhà thơ, hiệu Ngọc Đường quê tại xã Văn Hiến, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An. Ông thi đỗ Cử nhân khoa Đinh Mão (năm 1867), và Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ khoa Tân Mùi (năm 1871), làm Án sát tỉnh Bình Định, Học chính tỉnh Quảng Bình.

Nguyễn Xuân Ôn nhiều lần phản đối đường lối chủ hòa, dâng sớ lên vua Tự Đức trình bày kế hoạch chống giặc nhưng không được chấp nhận, bị cách chức. Ông về quê, chuẩn bị lực lượng, hưởng ứng chiêu Cần Vương, dựng cờ khởi nghĩa ngay tại làng, rồi mở rộng ra các huyện trong tỉnh, gây cho Pháp thiệt hại lớn. Cuối cùng, bị Pháp tấn công bất ngờ, ông bị bắt khi đang ốm. Thực dân giam ông ở thành Nghệ An, sau đó giam ở Huế cho đến lúc mất vì bệnh (năm 1889) thọ 59 tuổi.

Tác phẩm để lại: Ngọc Đường thi văn tập

**Ngô Đức Kế:** Sinh năm Mậu Dần (1878), là chí sĩ yêu nước, nhà báo, hiệu Tập Xuyên, quê Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông xuất thân từ một nhà nho yêu nước, đỗ Tiến sĩ năm 1901, nhưng không ra làm quan.

Theo ý của Phan Bội Châu ông đã cùng Đặng Nguyên Cẩn, Lê Văn Hân mở Triều Dương thương điếm ở Vinh, buôn bán hàng nội, trợ cấp kinh phí, liên kết với các đồng chí trong phong trào Đông Du. Năm 1908, ông bị bắt và đày ra Côn Đảo 13 năm. Năm 1922, ông ra Hà Nội làm chủ bút tờ Hữu Thanh đối thoại với tờ tạp chí Nam Phong. Báo bị đóng cửa, ông mở Giác Quần Thư xã (năm 1926), xuất bản một số sách tiến bộ: Phan Tây Hồ di thảo (năm 1927); Đông Tây vĩ nhân.

Ông là người có nhiều uy tín với thanh niên trí thức những năm 20 của thế kỷ XX. Ông qua đời vào năm 1929, hưởng thọ 51 tuổi.

(Sưu tầm tổng hợp từ Nett)



## Cop nghe Kinh

Huỳnh Kim Quang

Bạn có bao giờ nghe nói đến chuyện cop đầu Phật, nghe kinh và tu hành?

Cop, xưa nay bị con người cho là loài thú hung dữ, tàn bạo, ăn thịt người, thì làm gì có chuyện biết đầu Phật, nghe kinh và tu hành? Khó tin lắm phải không?

Chuyện mới nghe thì tưởng chỉ có trong huyền thoại cổ xưa theo kiểu “một ngàn lẻ một đêm,” nhưng đó lại là những sự thật lịch sử được ghi trong sử truyện của Phật Giáo ở nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, v.v...

Sự thật này được xác chứng từ trên hai ngàn rưỡi năm trước qua lời dạy của Đức Phật khi Ngài nói rằng “tất cả chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật,” bất luận chúng sinh ấy là chủng loại nào, con người hay thú vật, là hung bạo, tàn ác đến cỡ nào. Trong Kinh Angulimala Sutta của Trưởng Bộ Kinh (Majjhima Nikaya) có kể chuyện tại Ấn Độ, thời Đức Phật còn tại thế, có chàng thanh niên tên là Angulimala vì tin theo tà thuyết cho rằng giết 100 người để lấy được 100 ngón tay mà xâu lại thành chuỗi hạt thì sẽ đắc quả nên, đã tìm giết cho đủ số 100 người dân vô tội. Khi gặp được Phật, chàng thanh niên Angulimala này định giết Ngài để lấy ngón tay, thì được Phật độ và đã xin xuất gia theo Phật. Không bao lâu sau thầy tỳ kheo

Angulimala đã đắc quả A La Hán. Cho nên, Phật Pháp có công năng chuyển hóa mọi ác tâm, ác nghiệp của tất cả mọi loài chúng sinh, trong đó cọp cũng không ngoại lệ.

Đại Sư Tây Tạng Akong Tulku Rinpoche, trong tác phẩm “L’art de Dresser le Tigre Interieur” (Nghệ Thuật Nuôi Dạy Con Cọp Bên Trong), đã ví tâm thức sân si điên cuồng của con người như con cọp và quá trình chuyển hóa tâm điên đảo ấy cũng giống như quá trình thuần hóa cọp. Đại sư viết:

“Hiện thời, nơi phần đông chúng ta, tâm thức giống như một con cọp hoang dã gieo rắc kinh hoàng và tàn phá những thôn làng. Chúng ta hoàn toàn bị cái tâm trí điên cuồng này thống trị, nó lôi kéo chúng ta đi mọi hướng, theo những tham muối và những ghét bỏ của nó, phá nát trên đường đi mọi cái có thể ngăn ngại nó, không ý thức gì về những xung động của riêng nó cũng như thực tại bao quanh nó. Nó dẫn dắt cuộc múa nhảy theo ý nó và chúng ta phải trả đền cho những đỗ vỡ, không hiểu điều gì đã xảy ra : chính đó là nơi chúng ta phải tìm kiếm lý do cho những khổ nhọc và những thất vọng của chúng ta.

Để tìm thấy lại sự tự do đã bị giam hãm, phải bắt con cọp hoang dã này và thuần hóa nó : nó phải phục vụ chúng ta mà không phải ngược lại.” (Bản dịch Việt của Nguyễn An Cư, Thiện Tri Thức Xuất Bản 2001. Nguồn: [www.thuvienhoasen.org](http://www.thuvienhoasen.org) )

Ngày xưa, các ngôi chùa và những vị thiền sư, tổ sư thường ở ẩn trong rừng núi để tịnh tu. Ở trong rừng thì tất nhiên phải gặp thú rừng, gặp cọp. Với người bình phàm, gặp cọp là chuyện không may, nhưng với các thiền sư là chuyện bình thường như cơm bữa. Các ngài do đắc đạo mà phát sinh diệu lực của trí tuệ và từ bi bất khả tư nghì, cho nên, có thể cảm hóa được không những loài người mà cả đến thú vật.

Sử truyện về chuyện cọp quy y đầu Phật, nghe kinh tu hành thì rất nhiều, nhưng ở đây người viết chỉ xin nêu ra một vài chuyện điển hình để hầu đọc giả nhân năm mới Canh Dần. Trước hết, xin kể về chuyện cọp trong chốn thiền môn ở Trung Quốc.

### Thiền Sư Phong Can Cõi Cọp Về Chùa

Trương Kế, một thi hào Trung Hoa đời nhà Đường, có làm bài thơ “Phong Kiều Dạ Bạc” nổi tiếng. Bài thơ như sau:

“Nguyệt lạc, ô đê, sương mǎn thiên  
Giang phong, ngư hỏa, đối sâu miên  
Cô Tô thành ngoại, Hàn Sơn Tự  
Dạ bán chung thính đáo khách thuyền.”

Thi sĩ Tản Đà đã dịch ra thơ bằng tiếng Việt như sau:

“Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi  
Lửa chài, cây bã, đối người nằm co

Con thuyền đậu bến Cô Tô  
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.”

Trong bài thơ trên của thi hào Trương Kế có nhắc đến Chùa Hàn Sơn. Chùa này nằm ở thành phố Tô Châu của Trung Quốc. Chùa được lập vào đầu thế kỷ thứ 6. Lúc mới lập, Chùa có tên là Diệu Lợi Tự. Sau đó đổi tên là Phong Kiều Tự vì nằm gần cầu Phong Kiều. Nhưng đến đời nhà Đường, vì trong Chùa xuất hiện 2 vị thiền sư đắc đạo là Hàn Sơn và Thập Đắc nên, Chùa đã được đổi thành Hàn Sơn Tự.

Thiền sư Hàn Sơn và Thập Đắc là những hiện tượng kỳ lạ và dị thường của chốn Thiền môn Trung Hoa mà hành trạng và sở chứng khó ai đo lường nổi. Nhưng, nói đến Hàn Sơn mà không nhắc đến thiền sư Phong Can là một thiếu sót rất lớn, bởi lẽ, Phong Can là người lượm Hàn Sơn từ ngoài đường xó chợ đem về chùa nuôi. Phong Can cũng là một thiền sư mà cuộc đời phong kín trong những huyền thoại bí ẩn. Người đương thời cho rằng thiền sư Phong Can là hóa thân của Đức Phật A Di Đà.

Chuyện kể rằng, thiền sư Phong Can có một ngôi thảo am trong khuôn viên Chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai nằm ở tỉnh Triết Giang của Trung Hoa. Thiền sư Phong Can có nuôi một con cọp làm đệ tử. Ngài thường cõi cọp ngao du sơn thủy, thầy trò tâm đắc, đi đi về về Chùa Quốc Thanh. Mọi người thấy cọp đều sợ, tránh xa, nhưng ngài cưỡi cưỡi mà nói rằng, “đừng sợ, nó là đệ tử của ta, nó hiền lành, không làm hại ai đâu.” Nghe thế, mọi người mới an tâm, không còn sợ nữa.

### Cọp Quy Y Với Ngài Hư Văn

Thiền sư Hư Văn (1840-1959) là một trong những cao tăng đắc đạo của Phật Giáo Trung Quốc vào hậu bán thế kỷ 19 và tiền bán thế kỷ 20. Ngài sống thọ tới 120 tuổi.

Trong cuốn “Đường Mây Trên Đất Hoa” do Thích Hằng Đạt và Nguyên Phong phỏng tác, phần tự truyện, Thiền Sư Hư Văn có kể rằng tại Chùa Nam Hoa, ngôi Tổ Đinh của Lục Tổ Huệ Năng ở tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa, trong ngày Thiền Sư Hư Văn truyền giới cho các đệ tử, có một con cọp từ trên núi tìm xuống đạo tràng. Khi thấy nó mọi người đều hoảng sợ, có người định lấy súng để bắn. Nhưng thiền sư Hư Văn cản lại không cho. Khi con cọp thấy ngài Hư Văn thì quỳ mạp xuống đất, tỏ cử chỉ thần phục, như muốn quy y. Ngài Hư Văn biết ý nó nên đã lập tức truyền Tam Quy (Quy y Phật, Pháp và Tăng) và giới pháp cho. Con cọp thọ giới xong, liền bỏ đi vào núi.

Truyền thuyết nói rằng hằng năm, con cọp đó đều đến chùa một vài lần trong các dịp lễ lớn. Ngài Hư Văn thỉnh thoảng cũng vào rừng để tìm thăm con cọp đệ tử của mình, và dạy cho nó bỏ ác làm lành. Ngài dặn nó nên ở trong núi, đừng ra ngoài làng xóm mà hại người.

## Cọp Đì Hóa Duyên Cho Đại Sư Liên Trì

Đại sư Liên Trì (1532-1612) là một cao tăng đời nhà Minh ở Trung Quốc. Ngài trú ở Chùa Vân Thê phủ Hàng Châu, chuyên tu pháp môn niệm Phật. Đại sư đã cảm hóa một con cọp, cho nó quy y Tam Bảo và nhận làm đệ tử. Thường ngày, nhiều thiện nam tín nữ đến chùa thấy cọp thì sợ không dám lại gần. Cho nên đại sư đã dạy con cọp không nên đi thẳng mặt tới mà đi lui để không khiến cho người ta sợ. Cọp nghe lời ngài, khi ra vô trong chùa đều đi lui.

Từ đó, ai thấy con cọp đi lui đều biết là đệ tử của đại sư Liên Trì nên không sợ hãi nó nữa. Con cọp này, cũng hay một mình xuống núi đi vào xóm làng để hóa duyên, tức xin thức ăn, về cho thầy mình là đại sư Liên Trì. Dân làng, mỗi khi thấy cọp đi lui đến, đều hoan hỷ đem thức ăn ra cúng dường. Cọp mang thức ăn về chùa cho đại sư Liên Trì tho dụng.

Đó là chuyện cọp trong chốn thiền môn ở Trung Quốc, dĩ nhiên còn nhiều lầm kẽ không hết. Nhưng, thôi, bây giờ, xin kể chuyện cọp với các thiền sư Việt Nam.

## Tử Đạo Hạnh Hóa Cọp Trên Thân Tái Sinh Lý Thần Tông

Trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam thời nhà Lý, Từ Đạo Hạnh là một vị thiền sư có nhiều huyền thoại bao trùm lên cuộc đời nhất. Nhưng ở đây chỉ xin kể chuyện Từ Đạo Hạnh hóa sinh làm vua Lý Thần Tông (1116-1138), rồi mắc bệnh thành cọp để phải nhờ đến thiền sư Nguyễn Minh Không chữa lành.

Tuy nhiên, nhắc đến chuyện Từ Đạo Hạnh bị nghiệp quả hóa cọp thì cũng nên biết đến nguyên nhân mà ông đã tạo ra. Nguyên nhân đó là, cha của Từ Đạo Hạnh là Từ Vinh, vì dùng pháp thuật vào cung của Diên Thành Hầu là em của vua Lý Nhân Tông để phá các cung phi. Diên Thành Hầu tức giận mới nhỡ phép sư Đại Diên dùng phép đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Từ Đạo Hạnh, vì vậy, mang mối hận cha bị giết, nên quyết chí học pháp thuật để trả thù cho cha. Khi đã có pháp thuật rồi, Từ Đạo Hạnh tìm giết Đại Diên để trả thù. Thủ trả xong, Từ Đạo Hạnh mới giác ngộ được lẽ ân oán trái chặt con người trong thù hận và sinh tử, cho nên mới tầm sư học đạo cầu giải thoát.

Khi nghe vua Lý Nhân Tông muốn phong một đứa bé kinh dị tên là Giác Hoàng làm thái tử để truyền ngôi, Từ Đạo Hạnh xúi chị mình lén vào cung để phá. Vua truy tìm và biết được Từ Đạo Hạnh chủ mưu nên bắt giam vào ngục để xử. Một hôm, Sùng Hiền Hầu, em trai của vua Lý Nhân Tông, đi ngang qua ngục, Từ Đạo Hạnh kêu cứu và hứa sẽ trả ơn trọng. Nhờ Sùng Hiền Hầu nói giúp với vua Lý Nhân Tông, Từ Đạo Hạnh được tha. Từ đó Từ Đạo Hạnh mang ơn Sùng Hiền Hầu và có lòng báo đáp. Ngày kia, Từ Đạo Hạnh đến nhà Sùng Hiền Hầu thăm và tạ ơn thì được Sùng Hiền Hầu

cho biết là đã cầu tự mà vẫn chưa có con trai để nối nghiệp nhà. Từ Đạo Hạnh nhân đó mới có cơ hội để trả ơn bằng cách về núi Phật Tích thoát xác và đầu thai vào làm con của Sùng Hiền Hầu. Khi đứa bé sinh ra thì tướng mạo khôi ngô tuấn tú và thông minh khác thường, nổi bật trong đám trẻ con của hoàng tộc nhà Lý. Do đó, vua Nhân Tông mới nhận làm con nuôi, phong thái tử và truyền ngôi vị thành vua Lý Thần Tông vào năm 1128.

Sau khi lên ngôi vua, Lý Thần Tông mắc chứng bệnh kỳ lạ là toàn thân lông lá mọc đầy, tánh tình trở nên hung dữ, tối ngày la rống chẳng khác một con cọp. Triều thần mời đủ danh y, pháp sư đến chữa trị mà vẫn không ai trị lành. Lúc bấy giờ ngoài dân gian, mấy đám trẻ nít lại hay hát câu:

“Muốn trị bệnh thiên tử  
Phải có Nguyễn Minh Không.”

Triều đình nhân đó sai người đi tìm thiền sư Nguyễn Minh Không để trị bệnh cho vua Lý Thần Tông. Đến đây, xin nói qua về mối liên hệ nhân duyên giữa thiền sư Nguyễn Minh Không (1066-1141) và vua Lý Thần Tông, hóa thân của Từ Đạo Hạnh.

Nhân duyên như thế này, thiền sư Nguyễn Minh Không ở Chùa Thiên Phúc trong núi Phật Tích nằm ở huyện Sài Sơn, phủ Quốc Oai, tỉnh Hà Tây cũ, nay thuộc Hà Nội. Từ Đạo Hạnh trên đường tam sư học đạo đã đến Chùa Thiên Phúc để nhập chung tu học. Ngày nọ, Từ Đạo Hạnh nói với thiền sư Nguyễn Minh Không rằng nghiệp cảm của ông trên thế gian vẫn còn, nên ông sẽ phải sinh ra và làm vua một đời nữa rồi sau đó mới thoát ly ba cõi. Khi làm vua ông sẽ bị một kiếp nạn rất lớn, nên xin thiền sư Nguyễn Minh Không lúc đó giải nghiệp dùm cho. Chính vì nhân duyên này mới có chuyện thiền sư Nguyễn Minh Không đến trị bệnh hóa cọp của Lý Thần Tông.

Bây giờ, kể lại chuyện Nguyễn Minh Không chữa bệnh cho Lý Thần Tông. Khi triều đình triệu thỉnh được thiền sư Nguyễn Minh Không vào cung, thì có nhiều thầy thuốc, pháp sư cũng có mặt. Họ thấy Nguyễn Minh Không ăn mặc theo kiểu một ông sư quê mùa nên có ý khinh chê, nghĩ là ông thầy quê này không tài nào chữa lành bệnh được cho vua. Thiền sư Nguyễn Minh Không mang theo một cái đinh lớn dài 5 tấc. Ông dùng tay đóng đinh vào cột và nói rằng nếu ai rút đinh ra được thì người đó sẽ chữa bệnh cho vua. Trong đám pháp sư và thầy thuốc đó không ai làm nổi. Ông lấy hai ngón tay kéo cái đinh ra một cách nhẹ nhàng, rồi sai nấu một vạc nước sôi và bỏ đinh vào đó. Rồi thì ông nhúng tay vào vạc nước sôi, quậy mấy vòng, xong, bỏ Lý Thần Tông vào vạc, dùng nước sôi xối lên mình của Lý Thần Tông. Tức thì lồng cọp trên mình Lý Thần Tông rụng hết và bệnh cũng lành luôn. Chuyện này có ghi trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Thiền Uyển Tập Anh, v.v...

Đó là chuyện vào thời nhà Lý, cách nay gần một thiên niên kỷ. Chuyện cọp quý y đầu Phật với các thiền sư thì thời nào cũng có, không riêng gì đời xưa, ngay trong thế kỷ 19 và 20 gần đây cũng xảy ra. Nay xin kể vài chuyện để hẫu độc giả.

### Đệ Tử Bạch Hổ Của Tổ Hữu Đức

Sử truyện kể rằng Tổ Hữu Đức sinh quán tại làng Bạch Mã, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Ngài sinh năm 1812 và tịch vào năm 1887. Tổ xuất gia từ thời thiếu niên và vân du đây đó để học đạo. Ngài đã vào tận Phan Thiết để tầm sư tu học. Nghe danh tiếng của Tổ Bảo Tạng, vốn là đệ tử của Tổ Giác Ngộ là vị thiền sư đắc đạo khai sơn Chùa Long Sơn Bát Nhã ở huyện Tuy An, Phú Yên, cũng vào Phan Thiết, nên Tổ Hữu Đức lần tìm đến để xin thọ giới.

Nhắc đến Tổ Giác Ngộ và Chùa Long Sơn Bát Nhã ở Phú Yên, thì người viết xin được dừng câu chuyện của Tổ Hữu Đức để kể thêm về vị thiền sư và ngôi chùa nổi tiếng tại Phú Yên này. Sở dĩ nói thêm vì chính người viết bài này đã có cơ duyên đến tận Chùa Long Sơn Bát Nhã lúc còn ở trong nước. Tên Chùa nói cho dù là Sắc Tứ Long Sơn Bát Nhã Tự. Chùa có chữ “Sắc Tứ” vì đó là ngôi chùa được vua sắc phong vì có công lớn với triều đình. Chùa Long Sơn được vua Minh Mạng phong Sắc Tứ vì Tổ Giác Ngộ đã trị lành bệnh cho Hoàng Thái Hậu là mẹ của Minh Mạng. Chùa Long Sơn Bát Nhã ở huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Từ đường quốc lộ số 1 ở thôn Phù Tân đi lên núi khoảng 3 cây số. Đường đi toàn là núi non rặng rậm. Khi lên tới đỉnh thì chỉ nhìn thấy núi rặng trùng trùng điệp điệp, nhìn hướng đông thấy Đầm Ô Loan và biển Đông xa thẳm tít chân trời. Đứng ở Chùa Long Sơn Bát Nhã nhìn ra biển, sẽ thấy 5 hòn núi nhỏ nằm thẳng hàng từ trong ngọn núi Long Sơn ra đến biển. Năm ngọn núi này, người dân ở đây gọi là Ngũ Quỷ Sơn. Truyền thuyết kể rằng khi Cao Biền thời nhà Đường sang Đại Việt để tìm long mạch mà trấn, lúc đến đây vì thấy ngọn núi này long mạch rất thịnh nên đã dùng phép thuật đá tung ngọn núi chính để phá long mạch, đất đá từ ngọn núi chính văng xuống tạo thành 5 hòn Ngũ Quỷ. Trên đầu núi Chùa Long Sơn Bát Nhã có một cái giếng đá thiên nhiên, nước trong veo. Giếng này quanh năm suối tháng không khi nào cạn nước. Thiền sư Giác Ngộ đến đây để ẩn tu. Lúc ngài đến đây, rừng núi âm u, là nơi tụ tập của nhiều thú rừng, trong đó có cọp. Nhưng ngài vẫn an nhiên tự tại tham thiền nhập định ở đây.

Nay nói lại chuyện Tổ Hữu Đức. Sau khi thọ giới với Tổ Bảo Tạng, Tổ Hữu Đức lên núi Trà Cú, có chỗ gọi là Tà Cú, để tìm nơi vắng vẻ tịch mịch mà ẩn tu. Ngài một mình leo lên núi, đi thật xa và cao trên núi để không còn ai có thể biết đến mà quấy rầy chuyện tu tập. Nơi đó chỉ có suối nước và rừng rậm thâm nghiêm, không một bóng người lai vãng, ngoài thú rừng cọp, beo, rắn, rít. Ngài vào một hang núi để tĩnh tọa thiền

quán, lúc đó thì hái trái cây và đot lá cây mà ăn. Lúc đầu thú rừng còn xa lạ, nhưng dần dần, với đức độ đắc đạo, ngài đã cảm hóa được chúng. Điều kỳ lạ là có một con cọp trắng (bạch hổ) hay đến nằm ngoài cửa hang lúc ngài tụng kinh. Lúc đầu nó nằm xa, sau dần vào gần chỗ ngài ngồi thiền. Rồi như hấp lực của kinh kệ và đạo hạnh của tổ, con bạch hổ cứ quanh quẩn bên ngài. Cuối cùng, con bạch hổ đã trở thành đệ tử quy y với ngài. Tương truyền rằng, mỗi khi có dân làng lên núi thăm Tổ, khi về vì sợ thú rừng, nên Tổ sai Bạch Hổ đưa họ xuống núi.

Tổ Hữu Đức ẩn tu trong hang núi Trà Cú được 7 năm như thế. Một hôm có mấy người Chàm đi săn đã phát hiện ra ngài và đồn đến tai dân làng Kim Thạnh ở dưới núi. Từ đó, thỉnh thoảng dân làng tìm đến để nghe kinh, nhờ ngài hướng dẫn tu tập và cúng dường thức ăn cho ngài. Sau đó, dân làng đã cùng nhau chặt cây rừng dựng am tranh cho ngài có chỗ che mưa, tránh nắng.

Do tu hành đắc đạo, ngài có oai lực chữa lành bệnh cho người dân. Tiếng đồn ấy truyền đi rất xa. Năm Tự Đức thứ 33, Thái Hậu bị bệnh nặng, nguy y trong cung đều bó tay. Quan Thủ Hiến của Bình Thuận viết thư tâu lên vua về chuyện chữa bệnh mẫu nhiệm của Tổ Hữu Đức. Vua Tự Đức hạ chiếu triệu thỉnh ngài ra Kinh để trị bệnh cho Thái Hậu. Tổ Hữu Đức từ chối không đi, nói rằng ngài đã lập nguyện không xuống núi, nhưng đồng thời ngài cũng chỉ dạy cách hành trì Chú Chuẩn Đề cho sứ giả để về Kinh phục mạng. Nhờ y theo lời dạy thọ trì Chú Chuẩn Đề của ngài mà Thái Hậu đã khỏi bệnh. Vua Tự Đức cảm ân đức nên ban sắc tứ cho chùa là Linh Sơn Trường Thọ.

Năm 1887, Tổ Hữu Đức viên tịch. Bạch Hổ ngày ngày ra nambi bên tháp Tổ, không ăn uống gì, nên sau đó cũng mất theo ngài luôn. Dân làng chôn Bạch Hổ cạnh tháp Tổ. Cho nên, ngày nay khách thập phương đến viếng tháp Tổ đều thấy có ngôi mộ nhỏ sát bên cạnh tháp, đó là mộ của Bạch Hổ.

### “Hổ Khê Tam Tiếu” (ba tiếng cười ở Suối Cọp)

Để kết thúc, người viết xin kể hầu độc giả một câu chuyện cũng liên quan đến cọp nơi cửa thiền. Đó là chuyện “Hổ Khê Tam Tiếu,” rất nổi tiếng trong thiền môn Trung Quốc.

Chuyện kể như thế này, Đại sư Huệ Viễn (334-416), quê quán ở Nhạn Môn thuộc tỉnh Sơn Tây, là một bậc cao tăng đời nhà Tấn ở Trung Quốc. Ngài là một trong những vị tổ của Tịnh Độ Tông Trung Hoa. Ngài sáng lập Liên Xã để kết duyên Tịnh Độ với những ai có duyên.

Đại sư Huệ Viễn ẩn tu ở Chùa Đông Lâm. Trước Chùa Đông Lâm có một con suối, trên suối có chiếc cầu. Dưới suối có nhiều cọp thường đến để uống nước, cho nên suối có tên là Hổ Khê (Suối Cọp). Ngài Huệ Viễn

tu ở Chùa Đông Lâm đã mấy mươi năm chưa từng bước chân qua khỏi cầu Hổ Khê này.

Nhưng, một hôm, vào năm 407, có đạo sĩ Lục Tu Tĩnh và thi hào Đào Tiềm (tức Đào Uyên Minh) đến chùa Đông Lâm viếng thăm và đàm đạo Phật lý, Đạo Lý và thi văn với Huệ Viễn Đại Sư. Khi hai vị khách quý này cáo biệt ra về, Ngài Huệ Viễn đích thân tiễn họ ra. Vừa đi, ba người vừa tiếp tục đàm đạo, vì tâm đắc câu chuyện đạo lý và thi văn nên qua khỏi cầu Hổ Khê lúc nào mà không biết. Ngay thời khắc ấy, có tiếng cọp ở dưới suối rống lên thật to. Ba người tức thì dừng lại. Hai vị khách nhìn Đại Sư Huệ Viễn. Rồi cả ba cùng cười sảng khoái... Từ đó trong chốn thiền môn lưu truyền câu chuyện "Hổ Khê Tam Tiếu," tức ba tiếng cười ở Suối Cọp.

Huỳnh Kim Quang



## Xuân Cùi Về Không

Người con gái y khoa

Người con gái mang tâm hồn nắng mới  
Đường vào xuân em nghe hồn chói vơi

Em thương về giòng sông quê hương xưa  
Tôi thương về giòng sông quê chiều mưa

Mưa đầu mùa nghe chừ nhớ quá

Xuân vươn người em nghe hồn xa lạ

Xuân vươn người tôi nghe lòng buốt giá

Hai đứa mình tâm sự cũng như nhau

Hỡi người em gái

vâng trán u sầu trời di tản

Mây quê hương trên tóc em lảng đêng

Mất rưng rưng mầu nắng hạ sân trường.

Tôi và em

hai kẻ tha phong

hai tâm hồn luân lạc

Giữa dòng đời nhớn nhác

em lìa đất me

tôi bỏ quê cha

Chúng ta không nhà

và không tổ quốc

Em nghĩ gì về quê hương ngày trước,

em nghĩ gì về quê hương ngày nay,

em nghĩ gì cho quê hương ngày mai ?

Tôi nghĩ gì với thân phận lưu đày,

tôi nghĩ gì với tâm hồn cỏ úa

Một lúc nào hồn mưa thác lũ

tôi ước cho mình say ngủ

một giấc ngủ dài vĩnh viễn tìm quean

Nhưng không đâu em, mình đâu được  
Ướn hèn ... và tôi đã thức với

tâm hồn rướm lệ

Tôi xót xa đời thăng trầm dâu bể,

em nghẹn ngào đau huynh đệ phân chia

Em đã chọn cho mình hướng đi

bàn tay thơm tình nhân loại

Hỡi người em gái mang tâm hồn nắng mới  
nghĩ đến em niềm ưu ái tràn nay

Tôi gặp em một chiều mưa tuyết bay

Năm năm đó qua chừng một thoáng

Xuân có về không với hồn di tản ?

Xuân ngoài kia em có thấy không em ?

Tôi chợt nghĩ về những ngõ không neon

Tôi chợt nhớ về dòng sông tuổi nhỏ

Em có nhớ về mái hồng rêu phủ

Em có nhớ về ngày tháng nhung tơ

Chúng ta nhớ về quê hương ngày xưa

Tôi đang viết bài thơ Xuân Viễn Xứ

Tôi đang viết bài thơ Xuân Lạc Tứ

Trên mỗi dòng từng quá khứ hiện ra

Em viết tiếp tôi bài thơ của chúng ta

Tiếp vận nhé em, bài thơ vịết

Em thấy không chúng ta mất heat

Mất Quê Hương và Mất Cả Mùa Xuân !

Tôi viết cho em bài thơ Âm Thầm

Tôi gửi cho em nhánh sầu chia nửa

Tôi đếm mùa xuân đi

từng mùa xuân ngậm ngùi

trên đất hứa

và gửi tới em

nềm rung cảm chân thành

Hỡi người em gái thanh thanh

Vâng trán u sầu trời di tản

Bài thơ viết cho em

bài thơ không vẫn hạn

Sương Lung Linh Huyền Diệu

Nét Vô Song

Tuệ Nga

# Mùa xuân Lý-Trần

Nguyễn Song Anh

«Nhân gian vô xứ bất xuân phong»

(Trần Nguyên Dán)

216 năm (1010-1225) nhà Lý và 175 năm (1225-1400) nhà Trần, ngót 400 năm nước Việt phất cao ngọn cờ tự chủ, giữ vững nền độc lập trước mưu đồ thôn tính của Bắc phương và sự khuấy nhiễu không ngừng của Chiêm Thành ở phía Nam. Kế thừa truyền thống chống xâm lăng để bảo vệ lãnh thổ suốt gần một ngàn năm Bắc thuộc qua các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, của Lý Nam Đế, của họ Khúc, của nhà Tiền Lê, của Ngô Quyền..., lòng yêu nước là yếu tính của dân tộc trước nạn ngoại xâm.

Cũng trong thời kỳ Bắc thuộc, dân tộc ta tiếp thu các tư tưởng và tôn giáo ngoại lai, đáng kể là Nho, Phật, Lão, tham vấn vào suối nguồn tư tưởng dân tộc, làm phong phú và dồi dào sinh lực cho Việt tinh. Thời đại Lý Trần đã cơ bản hoàn thiện tinh thần dung hợp tư tưởng đó, làm rạng rỡ thêm sinh lực và tiền đồ đất nước.

Vòng sinh hóa của tự nhiên tuy có biến đổi theo lẽ tuân hoà "xuân sinh-hạ trưởng-thu phục-dông tàng" (thiền sư Viên Chiếu), tuy có "vạn mộc xuân vinh thu hựu khô" (thiền sư Mân Giác), nhưng lượng tiềm ẩn của tự nhiên vẫn là nguồn sinh lực luôn vận hành từ uyên nguyên bẩn thể nên "đình tiễn tạc dạ nhất chi mai" (thiền sư Mân Giác) hoặc "Khô mộc phùng xuân hoa lạm phát, phong xuy thiên lý phúc thần hương" (Cây héo gập xuân hoa nở rộ, gió đưa hương ngát đậm ngàn xa) (thiền sư Viên Chiếu).

Lẽ thịnh suy của đất nước dân tộc cũng vậy. Chính nguồn sinh lực chính khí nhân hòa tiềm ẩn, một khi được gìn giữ, nuôi dưỡng và phát huy, sẽ đem lại thái bình thịnh trị, đem lại mùa xuân an vui. Mùa xuân Lý-Trần đã nở hoa từ tinh thần dung hợp văn hóa, văn minh cổ của Lạc Việt trên đất Giao Châu với tư tưởng tam giáo, đồng chen vai sát cánh suốt một chặng đường lịch sử. Trong tinh thần dung hợp đó, chúng ta có thể sống lại Mùa Xuân Lý-Trần qua ba khía cạnh: Triết lý nhân sinh. Tứ phương nhân trị, Thanh bình xuân tú.

## Triết lý nhân sinh



Trước khi tam giáo Phật-Nho-Lão du nhập vào nước ta, dân tộc Việt đã có một hệ thống tư tưởng nhân sinh trên địa bàn cǎn bản nông nghiệp. "Tinh thần truyền thống cố hữu là do hai nguồn gốc văn minh "đồng cổ" và "cổ mộ" (văn hóa trống đồng "Đông Sơn" ở Thanh Hóa và tín ngưỡng thần tiên qua các cổ mộ ở Lạch Trường-Bắc Ninh), đại biểu cho hai tín ngưỡng cổ sơ của nhân loại trên đất Giao Châu, tín ngưỡng Quốc Gia và tín ngưỡng Thần Tiên, nhân bản và thiên nhiên".

Các sự tích truyền kỳ, truyện kể về các anh hùng dân tộc, tinh thần tranh đấu chống thiên nhiên để đem lại ấm no cho nhân dân, và cả những mối tình lãng mạn pha màu sắc thần tiên... về sau được ghi chép trong Truyền kỳ mạn lục, Việt điện u linh, Lĩnh nam chích quái., Vũ trung tùy bút... về các nhân vật như Thánh Gióng, Thần núi Tản Viên, Sơn tinh Thủy tinh, Trọng Thủy-Mỵ Châu, Trầu cau, Chữ đồng tử và Tiên Dung, Hòn vọng phu, Từ Thức - Giáng Tiên, truyện Quả dưa hấu... là nguồn sinh lực tinh thần bất tuyệt của đất nước và con người Việt Nam.

Trong thời Bắc thuộc, Nho học được truyền bá và lưu dấu ấn trong thời các thái thú Tích Quang, Nhâm Diên và sau đến Sĩ Nhiếp. Lão giáo cũng du nhập cùng thời này. Phật giáo từ những năm hậu bán thế kỷ thứ hai du nhập vào nước ta, nhanh chóng có ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian. Quan trọng nhất là hai dòng thiền Phật giáo :

### 1. dòng Thiền Phật giáo "Tì ni-đa-lưu-chi" từ Ấn Độ.

"Sách Cổ châu Pháp vân Phật bản hành ngữ lục có chép : Vào khoảng đời đông Tấn, niên hiệu Tả Kiến (569-582) có một pháp sư tên là Tì-ni-đa-lưu-chi (Vinitaruci) người Ấn Độ nhân biết có Phật giáo ở đây (Giao Châu) liền qua trú ở chùa Pháp Vân giảng dạy Phật pháp. Phật giáo ở đây thịnh hành từ đó".

Theo "đại nam thiền uyển truyền đăng tập lục" (Viễn đông bắc cổ học viện):

"Thiền sư Tì-ni-đa-lưu-chi ở chùa Pháp Vân làng Cổ Châu-Siêu Loại-Bắc Ninh thành Long Biên là người nước Nam Thiền Trúc... Khi truyền tâm ấn cho đệ tử Pháp Hiền, ông nói: "Vả tổ ta là Tăng Xán, hồi ấn cái Tâm này cho ta, có bảo kíp đến phuơng Nam giao tiếp... nay ta gập người

(Pháp Hiền), quả hợp với lời ký chú, người nêu khéo giữ lấy Tâm ấn, đến lúc ta đi rồi đây... Nói xong chắp tay mà mất. Pháp Hiền làm lễ hỏa thiêu, thu lấy xá lị năm mà dựng tháp. Bấy giờ là năm Giáp Dần là năm thứ XIV niên hiệu Khai hoàng đời Tùy Văn Đế (603).

... Tài liệu lịch sử trên đây, cho ta biết khá rõ ràng về sự truyền bá ngành Thiền học của Phật giáo vào đất Giao Châu lần đầu tiên."(3)

Dòng Thiền Tì-ni-đa-lưu-chi bắt đầu ở đất Giao Châu (580), truyền cho sư Pháp Hiền (626) rồi sư Thanh Biện (686).

## 2. dòng Thiền Phật giáo "Vô Ngôn Thông" từ Trung Hoa:

Năm 820, đạo sĩ Vô Ngôn Thông đem dòng Thiền Tào khê (Huệ Năng, đệ lục tổ Trung Hoa) truyền vào Việt Nam: "Sau khi tổ Tào Khê tịch rồi, Thiền tông thịnh hành, ở đâu cũng có tông phái truyền thống, ở Giao Châu thì có Vô Ngôn Thông, đạo sĩ đem tôn chỉ của Bách trượng thiền sư mà khai ngộ cho dân chúng. (Việt Nam Phật giáo sử lược, Thích Mật Thể, Tân Việt xb, Hà Nội, 1944, tr.108).

Sách Đại Nam thiền uyển truyền đăng tập lục cũng ghi lại:

"Kiến sơ Thông thiền sư pháp tự Vô Ngôn Thông ở chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh là người Quảng Châu, vốn dòng họ Trịnh... Tại chùa Kiến Sơ, ngoài việc cорм cháo, thì ngồi quay mặt vào tường, chưa từng thuyết nói. Chỉ có vị sư ở chùa là Cảm Thành càng kính lẽ hầu hạ bên cạnh.... Khi sắp tịch diệt, bảo Cảm Thành (vốn tên là Lập Đức, người Tiên Du) : Không gấp được người bản lãnh cao thượng cẩn thận không nên nhẹ dạ cho biết. Nói xong chắp tay mà đi. Cảm Thành hỏa thiêu, thu xá lợi dựng tháp ở núi Tiên Du. Bấy giờ là ngày 12 tháng giêng năm Bính Ngọ, niên hiệu Bảo Lịch nhà Đuờng (826).

Thiền sư Cảm Thành kế tục và trước khi thị tịch (860), truyền thừa cho sư Định Thiền (được Cảm Thành đặt tên là Thiện Hội, mất năm 900).

Nhưng phải đợi đến thiền sư Vạn Hạnh (?-1018), Phật giáo mới thiết lập một triết lý nhân sinh nhất quán cho cả dân tộc mà sau, sử sách vẫn ghi nhận thời đại Lý-Trần là thời đại hoàng kim của Phật giáo. Tiếp thu văn hóa tư tưởng truyền thống, tham bác Nho Dịch, Phật pháp từ nhiều nguồn, nhiều hệ phái, tư tưởng Lão Trang, kể cả văn hóa Bà-la-môn của Chiêm Thành, Chân Lạp..., thiền sư Vạn Hạnh vượt lên những đối đai nhị nguyên, tự tìm ra "trung lưu chỉ trụ" (đứng yên giữa dòng để không bị lôi cuốn). Con đường tu Phật thiền định đó vượt lên những giáo điều để quay về với quê hương dân tộc, trên mảnh đất Việt, tìm ra lẽ sống đạo phù hợp với thực tiễn lịch sử, địa lý, trên bước đường trưởng thành với khát khao độc lập, thoát khỏi ách đô hộ của Bắc phương. Có thể nói thiền sư Vạn Hạnh đã bước đầu hình thành Phật Tín Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể.

Sách "Thiền uyển truyền đăng luc" : "Vạn Hạnh thiền sư ở chùa Lục Tổ làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức, vốn người làng Cổ Pháp, giòng họ Nguyễn, nhà đời đời thờ Phật. Thủa nhỏ ông đã khác thường, thông hiểu ba môn học, nghiên cứu Bách môn luận, coi công danh phú quý lạt lõe. Năm 21 tuổi mới xuất gia cùng thầy Định Huệ, theo học Thiền ông ở chùa Lục Tổ. Ngoài giờ phục vụ, học hỏi quên mồi. Sau khi Thiền ông tịch rồi, ông chuyên tập khoa trì Tam ma địa, thường nói ra câu nào ắt thành lời sấm".

Chinh triết lý nhân sinh đạo-dời hợp nhất, tiêu biểu cho ý thức mãnh liệt trường tồn dân tộc đó, được vua Lý Nhân Tông (1066-1128) viết khi truy tán (viết kể công đức) thiền sư Vạn Hạnh:

"Vạn Hạnh dung tam tế, Chân phù cổ sấm thi, Hương quan danh Cổ Pháp, Trụ tích trấn vương kỳ"

(Thiền sư Vạn Hạnh thấu suốt ba cõi / Ứng nghiệm vào những lời tiên đoán xưa / quê làng tên Cổ Pháp / chống gậy Thiền bảo vệ đất nước).

Phật giáo đến Việt Nam như vậy qua hai con đường:

- Phật-Ấn do Tì-ni-đa-lưu-chi đã sáng lập dòng thiền Nam phương với các cao tăng như Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Chân Không, Từ đạo Hạnh...

- Phật-Hoa do Vô Ngôn Thông đã sáng lập dòng thiền Quan Bích với các thiền sư Khuông Việt, Viên Chiếu, Mẫn Giác, Đàm Cửu Chỉ, Giác Hải...

Thời Lý, vua Lý Thánh Tông dựng một phái thiền học Việt Nam là Thảo Đường ở kinh đô Thăng Long, chùa Khai Quốc, truyền qua 5 thế hệ từ 1054 đến 1205.

Thời Trần, vua Trần Thái Tông sáng lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tổ thứ hai là thiền sư Pháp Loa, tổ thứ ba là thiền sư Huyền Quang.

Các dòng thiền tên gọi khác nhau, nhưng từ vua quan đến dân dã, trong tinh thần cầu đạo sống đời, đều hướng về một lý tưởng chung là bảo vệ quê hương và xây dựng đất nước an lạc, tự cường.

Hướng chung về nhân sinh quan đó, các bậc thiền sư luôn lấy con người hiện tại trong cõi đời hiện thực làm đối tượng để giác ngộ Phật tính vốn có ở mỗi bản thân họ. Sẽ hoài công tu tìm cõi Phật, như nhà sư Nguyễn Giác Hải (?) chỉ rõ:

"Bất giác nữ đầu bạch, báo nhĩ tác giả thức, nhược vấn Phật cảnh giới, Long môn tao điểm ngạch"

(Ai biết đâu cô thiếu nữ kia giờ bạc tóc

Bảo cho người học đạo rõ

Nếu mai tìm hỏi cõi Phật nơi nào

Khác chi cá không vượt được Long môn)

Trả lời sư Pháp Dung hỏi về sắc-không, phàm-thánh, thiền sư Khánh Hỷ (1067-1142) nhắc nhở nên quay về tự tánh tự tâm:

"Lao sinh hưu vấn sắc kiêm không, thiền ngoại mịch tâm nan định thể... càn khôn tận thị mao đầu thượng, nhật

nguyệt bao hàm giới tử trung... thùy tri phàm thánh dữ tây  
đông"

(Chớ hỏi sắc không mà mệt cuộc đời...

Tìm cái tâm ở ngoài trời khó mà định rõ cái thể

Trời đất cả đều trên một sợi lông

Mặt trời mặt trăng chứa trong một hạt cài...

Phàm-thánh, tây-đông ai biết được?)

Không rời tâm để cầu Phật mà cũng không cầu cạnh người  
để ngộ đạo. Nho học đề xuất "tu thân", Phật giáo hướng  
chân đạo "Phật tại tâm": "đạo vô ảnh tượng, xúc mục phi  
dao, tự phản suy cầu, mạc cầu tha đắc..."

(đạo không có hình bóng  
nhưng ngay trước mắt chẳng xa  
tự nghĩ tìm nơi bản thân  
không cầu nơi người...)

Sống đạo giữa đời, nói như nhà  
sư Nguyễn Y Sơn (1121-1213),  
đồng thiền Nam phuơng, là ăn  
ngay ở lành, xem nhẹ lợi danh:

"điều danh thị lợi, gai như thủy  
thương phù âu  
thực phúc chủng duyên, tận thi  
hung trung hoài bão"

(Câu danh chài lợi, đều giống  
như bọt nổi trên nước

Trồng phuơc gieo duyên, mới  
thật là báu giữ trong lòng)

Xuất thế hiểu như tránh xa dục  
vọng, không mê đắm vật chất  
thế gian, tìm lấy thanh nhàn  
trong thân tâm, thực ra là một  
nhân sinh quan tích cực không riêng gì ở đạo Phật. Bể khổ  
và phiền não là do tự thân tác nghiệp:

..."Vinh hoa khẳng cố nhất trường mòn, tuế nguyệt không  
hoài vạn hộc sầu, khổ thú luân hồi như chuyển cốc, ai hà  
xuất một đẳng phù âu..."

...(Chẳng ngoái nhìn vinh hoa chỉ là giấc mộng

Nên năm tháng mãi đeo đẳng muôn hộc sầu

Néo khổ luân hồi như bánh xe quay

Sông ái chìm nổi tự bọt nước...)

(Khuyên thế tiến đạo-Tuệ Trung thượng sĩ, 1230-1291)

Ngũ thường nơi Nho học, thanh tâm diệt dục ở cửa Thiên,  
sống giản dị theo Tự nhiên của đạo Lão cũng chính là đạo  
đức luân lý ngàn đời của dân tộc. Tinh thần "dung tam tế"  
của thiền sư Vạn Hạnh soi rọi phẩm hạnh sống giữa đời  
thường, một lần nữa được nhà sư Nguyễn Trí Bảo (?-  
1190), cậu của thái úy Tô Hiến Thành trả lời về vấn đề  
"biết sống đủ":

"Nhất nhật thăng đường, tri tố như đổ. Hữu vấn: "Như hà  
thi tri túc"

Sư vân: "Phù xuất gia tại gia, chỉ ư tri túc. Nhược năng tri  
túc, ngoại bất xâm nhân, nội vô tổn ngã. Thảo diệp vi tế,

bỉ sổ bất dữ, ngã bất dương thủ. Huống tha vật thuộc tha,  
khởi tha vật tưởng, chung bất ư thủ nhi sinh đạo tâm. Nãi  
chi tha thê thiếp tưởng, diệc bất ư thủ nhi sinh dâm tâm..."

(Một hôm sư đến giảng đường, tăng và tục dự rất đông. Có  
kẻ hỏi : "Sao gọi là biết đủ"

Sư nói: "Phàm người xuất gia hoặc tại gia phải biết dừng  
lại ở chỗ biết đủ. Nếu hiểu sống biết đủ, thì bên ngoài  
không xâm phạm người, bên trong chớ làm tổn hại chính  
mình. Dù cộng cỏ nhỏ nhoi mà người không cho, ta không  
được lấy. Huống hồ vật thuộc kẻ khác mà ta tơ tưởng đến,  
nghĩ cho cùng chính là sinh lòng trộm cắp. Ngay cả mơ  
tưởng vợ của người khác, suy cho cùng từ đó mà nảy lòng  
tà dâm..."

"Tham đồ hiển quyết" ghi lại lời đối  
đáp giữa tăng chúng và thiền sư  
Viên Chiếu. Trong bối cảnh lịch sử  
thời đại, Phật sự đi thẳng vào các  
vấn đề mấu chốt trong cuộc sống  
thực tiễn, mở ra con đường sống đạo  
tích cực, không bám víu vào kinh  
diển, giáo lý:

"Tăng hựu vấn: Huyền cơ thị như  
hà?

Sư vân: Bất thận thủy bàn kinh mẫn  
khứ, Nhất tao tha diệt hối hà chi?...

...hựu vấn: Nhất thiết chúng sinh,  
Giai ngôn thi Phật, Thủ lý vị minh,  
Thỉnh sư thùy thị.

Sư vân: Khuyến quân thả vụ nông  
tang khứ, Mạc học tha nhân dãi thổ  
lao...

...hựu vấn: Tổ tổ tương truyền, hợp truyền hà sự?

Sư vân: Cơ lai tu tầm thực, Hán tức hương cầu y..."

(Tăng lại hỏi : Thế nào là huyền cơ?

Sư đáp: Bưng mâm nước đầy đi bắt cá / Vấp ngã rồi hối  
hận mà chi?...

Lại hỏi : Tất cả chúng sinh

Đều nói mình là Phật

Lý lẽ này chưa rõ

Xin thầy giải cho

Sư đáp: Khuyên người hãy lo việc đồng áng

Chớ bắt chước kẻ chờ thỏ chỉ uống công...

Lại hỏi: Các tổ truyền cho nhau, vậy truyền điều gì?

Sư đáp: Khi đói nên tìm thức ăn / Lúc lạnh tất phải cần áo  
ấm...

Vào thế kỷ 18, Nguyễn Công Trứ đã từng nêu cao "Chí  
làm trai":

"Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc  
Nợ tang bồng vay trả trả vay  
Chí làm trai nam bắc đông tây

Cho phỉ sức vãy vùng trong bốn bề..."

Nhân sinh quan đó trong khuôn khổ của tư tưởng Nho giáo đang đóng vai trò chủ đạo trong chính thể quân chủ. Thời đại Lý Trần trước đó mấy thế kỷ, "chí làm trai" đã là một lý tưởng sáng ngời, được nuôidưỡng và rèn luyện trong tinh thần truyền thống dân tộc và tinh hoa của tam giáo dung hợp, mà Phật giáo được coi là ngọn tinh kỳ dẫn đường nhập thế. Thiền sư kêu gọi đấng nam nhi già từ Như Lai, vua tha thiết mong chờ bậc trượng phu và quan tự hào làm người thanh niên vãy vùng ngang dọc.

Thiền sư Quảng Nghiêm (1121-1190), thuộc thế hệ thứ 11 dòng thiền Quan Bích thuyết giáo:

... "Nam nhi tự hữu xung thiên chí  
Hữu hương Như Lai hành xứ hành"

(Nam nhi vốn có chí tung trời  
Vậy đừng bước theo con đường Như Lai)

Vua Trần Minh Tông (1300-1357) trong bài thơ ban cho ngự sử Phạm Tông Mại, ca ngợi phẩm chất ngay thẳng, can đảm bênh vực công lý không sợ mất lòng vua:

"đài ô cửu hỷ cấm vô thanh, chỉnh đốn triều cương sự phi khinh, điện thượng ngang tàng ứng hổ khí, nam nhi đáo thử thị công danh"

(Nơi ô đài (đài ngự sử) đã lâu im tiếng  
Chỉnh đốn kỵ cương trong triều là việc hệ trọng  
Trên điện ngọc, khí phách ngang tàng như cọp. như chim ưng  
Làm trai như thế mới xứng công danh)

Nho sĩ Lê Cảnh Tuân (?-1416?), tác giả bức "Vạn ngôn thư" nay đã mất (5), hiến dâng tuổi thanh xuân cho sự nghiệp cứu quốc chống lại sự đô hộ của giặc Minh. Bài thơ "Vô ý" của ông vừa thể hiện tinh thần vô úy, vừa có sī khí nho gia và cũng rất ung dung tự tại.

"Vô ý ư tri tiệm kiến tri, thử sinh hành chỉ khởi nhân vi, thân tuy lão hý chí nhưng tại, nghĩa hữu đương nhiên tử bất tử (tử), nghiệp đắng mòn la canh vạn hiểm, thương thang hạ lại thiệp thiên nguy, tử phuơng tự thị nam nhi sự, đạp biến giang san dã nhất kỳ"

(Không màng đến cái biết lại hóa biết  
Cuộc đời mình, ra giúp nước hay ở ẩn, tự mình quyết  
Thân đã già rồi nhưng chí vẫn còn nung nấu  
Việc nghĩa đáng làm, sá gì cái chết  
Trèo dốc đá, bám dây rừng, trùng trùng gian nan  
Khi lên thác, lúc xuống ghềnh, chập chùng hiểm trở  
Sự nghiệp kẻ làm trai phải ngang dọc bốn phương  
Trải khắp non sông là một điều kỳ thú)

Gần bốn trăm năm hòa mình vào dòng lịch sử dân tộc, sự đồng hành của tam giáo cũng không phải là hoàn toàn thuận buồm xuôi gió. Phật giáo cũng đã từng bị phê phán, công kích trên bước đường phát triển. Các nhân vật đấu tranh như Trương Hán Siêu, Lê Văn Hưu, Đàm Dĩ Mông, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... đều lấy tinh thần bảo vệ quốc gia trong khi tham chính để phát biểu ý kiến nhằm chấn hưng chính trị.

Hai triều Lý Cao Tông và Lý Huệ Tông cuối đời Lý, biên cương thường loạn lạc và nội phản ở triều đình. Vua quan một số sa đà trác táng, đạo pháp suy vi. Đàm Dĩ Mông, tuy không là một trung thần nhưng vẫn có quan điểm rõ rệt về tình trạng đạo Phật đương thời.

Còn ghi lại lời tâu của ông lên Lý Cao Tông về tệ nạn sú tăng và yêu cầu hoàn tục:

"Phương kim tăng đồ phả dũ dịch phu tương bán. Tự kết bạn lữ, vọng lập sư tu, tụ loại quần cư, đa vi uế hành. Hoặc ư giới trường, tịnh xá công hành tửu nhục, thiền phòng tĩnh viện tự tự gian dâm. Trú phục dạ hành, hữu như hồ thủ. Bai tục thương giáo, tiêm tiêm thành phong. Thủ nhi bất cấm, cửu tất tư thậm."

(Hiện tình số sú tăng đã gần ngang bằng số phu dịch. Họ tự kết bè nhóm, tự phong càn người đứng đầu, nhóm họp sinh hoạt chung với nhau, làm nhiều điều sai trái. Hoặc ở giới trường, tịnh xá ngang nhiên rượu thịt, hoặc như nơi thiền phòng tĩnh viện lại riêng tự gian dâm. Ngày ẩn mặt, tối ra như loài cáo chuột. Họ làm hại phong tục, tổn thương giáo pháp, lâu ngày đã quen thói... Nếu nay không nghiêm cấm, để lâu ngày càng tệ hại).

Sử gia Lê Văn Hưu (1230-?) đời Trần, tác giả bộ Đại Việt sử ký đầu tiên của nước ta, được vua Trần Thánh Tông ban chiếu khen, là người nhiệt tình với Nho học, đã phê phán hành động thiêng Phật của vua Lý Thái Tổ:

"Lý Thái Tổ tức đế vị, phủ cập nhị niên, tông miếu vị kiến, xã tắc vị lập, tiên ư Thiên đức phủ sáng lập bát tự, hựu trùng tu chư lộ tự quán, nhi độ kinh sư thiên dư nhân chi tăng, tắc thố mộc tài lực chi phí bất khả thăng ngôn dã. Tài phi thiên vũ, lực phi thần tác, khởi phi tuấn dân chi cao huyết dứ? Tuấn dân chi cao huyết, khả vị tu phúc dứ?..."

Lý Thái Tổ vừa lên ngôi hai năm, tông miếu chưa dựng, xã tắc chưa xây, đã lo lập tẩm ngôi chùa tại phủ Thiên Đức, còn cho sửa chữa chùa quán khắp nơi, cấp độ điệp (giấy chứng nhận) cho hơn ngàn chúng tăng tại kinh thành, làm hao tốn tiền tài, sức lực, đất đai, cây cối bao xiết kẽ. Của cải không từ trời mưa xuống, sức lực chẳng do thần ban cho, đó chẳng phải là vơ vét máu mồ của dân sao? Vơ vét máu mồ của dân, gọi là tu phúc sao?).

Trương Hán Siêu (?-1354) là người tôn Nho bài Phật, nhưng chỉ là bài xích các kẻ lợi dụng đạo pháp để mưu cầu tư lợi. Là một danh nho đương thời, khi mất được thờ ở Văn miếu.

Trong "Khai Nghiêm tự bi ký", ông viết:

"Tượng giáo do thiếp, nãi phù đồ thị độ nhân phuơng tiễn. Cái dục sử ngu nhì vô tri, mê nhì bất ngộ giả, tức thử dĩ vi hồi hương bạch nghiệp địa. Nãi kỳ đồ chi giáo khoái giả, thù thất "khổ-không" bản ý, vu chiếm danh viên gai cảnh, dĩ kim bích kỳ cư, long tượng kỳ chúng, đương thế lưu tục hào hữu bối hựu tòng nhì hưởng ứng. Cố phàm thiên hạ áó khu danh thố, tự cư kỳ bán. Trì hoảng qui chi, phỉ canh nhì thực, phỉ chức nhì y; thất phu thất phụ vāng vāng ly gia thất, khứ hương lý, tùy phong nhì my..."

(Tượng giáo xây dựng dùng làm phương tiện tế độ chúng sinh, giúp cho kẻ ngu chưa giác ngộ, mê muội chưa tỉnh, nơi đó mà quay về đất lành... Nhưng những kẻ giáo hoạt trong hàng tăng lữ bỏ mất cái ý "khổ-không" của đạo, chỉ mong chiếm lấy nơi đất tốt cùng cảnh đẹp, nạm vàng dát ngọc nơi trú ngụ, chúng tăng càng tô điểm xa hoa rực rỡ tựa voi rồng. Thêm bọn quyền thế, hạng dung tục a dua đua đòi theo. Từ đó, chùa chiền chiếm một nửa các nơi danh thắng. Bọn áo thám, áo vàng tụ tập, không cày mà ăn, không dệt mà mặc, thêm hạng thất phu thất phụ bô nhà cửa làng xóm theo về...)

Trong "Dục thú sơn Linh tể tháp ký", Trương Hán Siêu cũng nhấn mạnh tệ hại của một số tăng sư lợi dụng đạo pháp làm điều bất chính:

"Dư vị: Thích Ca lão tử dĩ tam không chứng đạo, diệt hậu mạt thời, thiểu phụng Phật giáo, cổ hoặc chúng sinh, thiền hạ ngũ phần, tăng sai cư kỵ nhất, phế diệt di luân, hư phí tài bảo; ngư ngư nhi du, xuy xuy nhi tòng, kỵ bất vi yêu my, gian quý giả cơ hi! Bi kỵ sở vị ô ô khả..."

(Ta nói: Thích Ca dùng tam không chứng đạo, Khi Phật tịch diệt, ít người tôn thờ giáo lý của Phật, chỉ mê hoặc chúng sinh, đất đai thiền hạ năm phần, chùa chiền chiếm một, làm bại hoại đạo thường, tổn hại tài sản, sư tăng đông dài mà đám khờ khạo tin theo. Thế mà không thành yêu quái gian tà, thật cũng hiếm thấy! Những hành vi ấy không thể được, không thể được!...)

Nhưng trong dòng tư tưởng chủ đạo thời Lý Trần, Phật giáo vẫn có tác dụng và ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội như chính Lê Quát, một danh nhân cùng thời với Phạm Sư Mạnh, dù muốn đổi mới không khí học thuật tôn Nho, bài Phật, vẫn phải thừa nhận:

"Phật thi chi họa phúc động nhân, hà kỳ đắc nhân chi thâm thả cố hĩ! Thượng tự vương công dĩ chí thứ nhân, phàm thi ư Phật sự, tuy kiết sở hữu, cố vô cần sắc... Cố từ nội kinh thành cập ngoại châu phủ, cùng thôn tịch hạng, bất lệnh nhi tùng, bất minh nhi tin, hữu nhân gia xứ tất hữu Phật tự, phế nhi phục hưng, hoại nhi phục tu, chung cổ lâu dài dữ dân cư dài bán. Kỳ hưng thậm dị, nhi tôn sùng thậm đại dã. Dư thiếu độc thư, chí ư cổ kim, thô diệc minh thánh nhân chi đạo, dĩ hóa tư dân, nhi tốt vị năng tín ư nhất hương. Thường du lâm sơn xuyên, túc tích bán thiền hạ, cầu sở vi học cung văn miếu, vị thường nhất kiến. Thủ ngô sở dĩ thâm hữu quí ư Phật thi chi đồ viễn hĩ, triếp bộc ngô dĩ thư. - Bắc Giang bái thôn Thiệu Phúc tự bi ký".

(Nhà Phật lấy họa phúc tác động lòng người, sao mà cảm được người sâu bền như thế! Trên từ bậc vương công xuống đến hạng thứ dân, hễ đóng góp cho Phật sự, dù có dốc cả tiền của cũng chẳng tiếc... Từ kinh thành đến ngoài châu phủ, tận nơi thôn cùng hẻm vắng, không bảo mà người vẫn theo, không thề hẹn mà vẫn cùi tin, hễ nơi nào có nhà dân ắt có chùa chiền, bỏ rồi lại dựng, hư thì lại sửa, số chuông trống lâu dài đạt gần phân nửa số cư dân. Phật giáo rất thịnh hành và người dân ngày càng tôn sùng. Ta lúc còn trẻ đọc sách cổ kim, cũng hiểu qua về đạo thánh (nho), lấy đó giáo hóa dân, rốt cuộc vẫn chưa

được một hướng nào tin theo.. Ta lại thường dạo chơi sông núi, nửa thiền hạ còn lưu dấu chân, vậy mà cũng chưa thấy qua một trường học hoặc văn miếu nào. Do đó ta hổ thẹn so với tín đồ nhà Phật, nên viết ra đây để giải tỏ tấm lòng. Bài văn bia chùa Thiệu Phúc ở thôn Bá, tỉnh Bắc Giang)

Triết lý nhân sinh thời đại Lý Trần thể hiện sự hòa nhập vào dòng sinh mệnh dân tộc. Chan hòa trong dòng tư tưởng truyền thống nhân bản và hòa điệu với thiên nhiên, nó đã tôn tạo một sinh thức về cội nguồn quốc gia. Nhất là sau chiến thắng quân Nam Hán của Ngô Quyền, triết lý nhân sinh đó đã đáp ứng khát vọng của nhân dân, mong muốn và có khả năng thoát khỏi sự đô hộ và bình đẳng trong quan hệ với Bắc phương. Phá Tống, bình Chiêm của triều đại nhà Lý và hai lần đánh tan quân xâm lược nhà Nguyên vào đời Trần cùng với sự mở mang văn học, xây dựng kinh tế trên cơ sở văn đức, võ trị, minh chứng cho tinh thần "dung tam tế" diệu dụng trong hiện tình chính trị đương thời.

### Tứ phương nhân trị

Trước Vạn Hạnh, một thiền sư thuộc thế hệ thứ mười dòng thiền Nam phương - Đỗ Pháp Thuận (915-990) - đã từng tham gia chính trị dưới triều Lê Đại Hành. Phát biểu ý kiến về ngôi chủ thiền hạ, thiền sư nói:

"Quốc tộ như đằng lạc, Nam thiền lý thái bình, Vô vi cư điện các, Xứ xứ tức đao binh"

(Ngôi nước như loại dây leo chằng chịt  
Muôn dặm phương nam được thái bình  
Triều chính cần áp dụng đường lối vô vi  
Nơi nơi không còn giặc giã đao binh)

"Vô vi nhi vô bất vi", nếu hiểu theo lời Lão tử. "Không làm nhưng không có gì là không làm" cho phù hợp với đạo. Lão giáo cũng chủ trương "Tuyệt học vô ưu" (không học chằng lo phiền), nhưng chính là học sống thuận theo Tự Nhiên "thu ăn măng trúc, đông ăn giá, xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao" (Nguyễn Bỉnh Khiêm), "Tuyệt thánh khí trí" để quay về soi mình vì cái biết về người chỉ là tri thức, biết chính mình mới thực là sáng suốt "Tri nhân giả trí, tự tri giả minh". Nếu Lão giáo chấp "vô", hướng về Tự Nhiên; Nho giáo chấp "hữu" vào một trật tự xã hội theo những khuôn khổ đạo đức lẽ nghĩa tam cương ngũ thường, thì đạo Phật phi hữu phi vô.

Cũng thuyết về "vô vi", thiền sư Chân Không (1046-1100) tỏ ý trong "Cảm hoài"

"Diệu bản hư vô nhật nhật khoa, hòa phong xuy khởi biến sa bà, nhân nhân tận thức vô vi lạc, nhược đắc vô vi thủy thị gia"

(Cái gốc tinh diệu hư vô vẫn biểu hiện thường ngày  
Làn gió ấm thổi khắp muôn nơi  
Người người thấu hiểu vô vi là niềm vui  
Có được niềm vui vô vi, đó chính là nhà)

Vô vi ở đây vừa là trạng thái tâm thường lạc khi đã lánh ngô "sắc không" mà cũng là cư trần lạc đạo, vui sống

dưới mái nhà thiên nhiên khi đã tận thức diệu bản của hưng vượng :

"Tam tập phúc cộng nhất cốc đương kỳ vô hữu xa chí dụng" (đạo đức kinh, chương 11)

(ổ trục bánh xe có ba mươi nan hoa, tác dụng của xe không ở nan hoa, vành xe, mà ở chỗ trống rỗng của ổ trục).

Thiền sư Hiên Quang (?-1221), thuộc thế hệ thứ mười bốn dòng thiền Quan bích, dùng nhân sinh quan Lão giáo trả lời cho tăng đồ :

"Ná tự Hứa Do đức, hà tri thế kỷ xuân, vô vi cư khoáng dã, tiêu dao tự tại nhàn"

(Như được đức của Hứa Do  
Sao biết được đời mình hưởng mấy mùa xuân  
Vô vi sống nơi quê mùa dân dã  
Tự tại nhàn tản tiêu dao)

Khổng tử cũng nói đến "vô vi",

"Mạnh ý tử vấn hiếu". Tử viết: "vô vi". Phàn Trì ngự. Tử cáo chi viết: "Mạnh tôn vấn hiếu ư ngã", ngã ối viết: "vô vi". Phàn Trì viết: "Hà vi dã". Tử viết: "Sinh, sự chi dĩ lẽ, tử, táng chi dĩ lẽ, tế chi dĩ lẽ"

(Manh ý tử hỏi về đạo hiếu. Khổng tử đáp: "Không trái". (Một hôm) Phàn Trì đánh xe (cho Khổng tử). Tử bảo: "Mạnh tôn hỏi ta về đạo hiếu", ta bảo: "Không trái". Phàn Trì đáp: "Vậy là nghĩa gì?". Tử đáp: "Cha mẹ còn sống thì phụng sự cho hợp lễ, mất rồi thì tống táng cho hợp lễ, tế, cúng tế cho hợp lễ"

Trở lại với câu "Vô vi cư điện các", có thể hiểu rộng và hài hòa hơn khi từ "vô vi" được dùng trong tinh thần đồng qui của tam giáo nói chung, của Phật Lão nói riêng. Sách "Đại Nam thiền uyển tập lục" ghi chú về sư Pháp Hiền tu thiền định"

"Sau khi Chi (Tì-ni-đa-lưu-chi) mất, Pháp Hiền vào Từ Sơn tập định. Thân hình như cây khô, vật ngã đều quên, giống chim bay đến thân mật, loài thú rừng quấn quýt. Người bấy giờ mộ tiếng đến học đông không xiết kể. Sư bèn dựng chùa dạy học, cư tăng lúc nào cũng có hơn 300 người. Thiền tông phương nam bấy giờ thịnh nhất".

"Thân hình như cây khô, vật ngã đều quên" lấy ý của Trang Tử trong thiền Tề vật luận nói về phép "tọa vong": "Hình như kiều mộc, vật ngã câu vong". Phép định của Trang Tử còn giới hạn trong con đường tu luyện bản ngã, còn Pháp Hiền tiến xa hơn tự tự giác đến giác tha, nên mới thêm chim bay đến, thú rừng tìm lại, người theo học và thiền sư lập chùa thuyết pháp "phi điểu tựu tuần, dã thú tương hiệp". Thời nhân hưởng phong lai học giả bất khả thắng số. Nhân sáng tự thụ đỗ, cư tăng thường tam bách dư nhân..."

Tác giả "Okokura Kakuzo kết luận về sự quan hệ giữa đạo giáo và thiền giáo: đạo giáo cống hiến cho những lý tưởng thẩm mỹ, thiền giáo làm cho chúng thực tế":

"Taoism furished the basis for aesthetic ideals, Zennism made them practical" (The book of Tea-p.52-Tokyo,1959).

Có thể nói đạo học "dung tam tê" của Vạn Hạnh và đường lối chính trị "vô vi cư điện các" của Pháp Thuận đem lại "mùa xuân Lý Trần" khi nhìn lại các hoạt động thực tiễn của hai vương triều này.

### 1. Vua sáng, tôi hiền:

Trách nhiệm lãnh đạo của quân thần là đầu mối của lẽ hưng vong. Thiền sư Viên Thông (1080-1151) đã tâu trình lên vua Lý Thần Tông (1128-1137) về nguồn gốc thịnh suy, trị loạn:

"Thiên hạ do khí dã, trí chư an tắc an, trí chư nguy tắc nguy, cố tại nhân chủ sở hành hà như nhĩ. Hiếu sinh chi đức hợp vu dân tâm cố dân ái chi như phụ mẫu, ngưỡng chi như nhật nguyệt. Thị tri thiên hạ đắc chi an giả dã,

Trị loạn tại thứ quan, đắc nhân tắc trị, thất nhân tắc loạn. Thần lịch quan tiền thế để vương vị thường bất đĩ dụng quân tử nhi hưng, bất đĩ dụng tiểu nhân nhi vong giả dã....

Cố chi thánh vương tri kỷ nhược thử cố tắc nhiên bất tức kỷ đức dĩ tu kỷ, pháp địa bất tức kỷ đức dĩ an nhân. Tu kỷ giả, thận ư trung dã..."

(Thiên hạ như đồ dùng, đặt nơi yên thì được yên, đặt chỗ nguy thì gặp nguy, quan trọng là hành vi của bậc nhân chủ ra sao mà thôi. Khi đức hiếu sinh thuận với lòng dân thì dân thương yêu như phụ mẫu, ngẩng mặt trông như mặt trời mặt trăng: đó chính là đặt thiên hạ nơi chỗ yên vậy!

Nước trị hoặc loạn chính từ các quan lại, được người thì nước trị, mất người thì nước loạn. Thần trải xem các bậc để vương thời trước, chưa từng ai không dùng quân tử mà chấn hưng được nghiệp, không dùng tiểu nhân mà nước bị tiêu vong....

Thánh vương đời trước biết thế nên đều bắt chước trời, miệt mài trau dồi đức để sửa mình; bắt chước đất, chăm chắm trau dồi đức để an dân. Sửa mình, luôn thận trọng trong lòng...)

Sử còn ghi lại: "Lý Thần Tông vừa lên ngôi thì đại xá cho các tù phạm, và trả lại những ruộng đất tịch thu của quan dân ngày trước. Quân lính thì cho đổi phiên, cứ lần lượt 6 tháng một, được về làm ruộng. Như thế việc binh không ngăn trở việc canh nông".

Vua Trần Minh Tông (1300-1357), nghiên cứu kinh Dịch đến "sách đứt cả lề da" (tam tuyệt vi biên đại Dịch kinh), cẩn trọng nói về việc dùng người:

"Nhân quân chi nhậm nhân, phi tư kỷ nhân dã. Dã vị chi hiền nhĩ, dĩ kỷ nhân nhân ngô tâm, cung ngô chức, sự ngô sự, phục ngô lao, cố vị chi hiền nhân nhậm chi. Ngô chi hiền dã, tắc sở nhậm chi nhân diệc hiền... Ngô bất hiền yên, tắc sở nhậm chi nhân diệc bất hiền..."

(Bậc nhân quân "vua chúa" dùng người, không phải có tình ý riêng gì với họ. Gọi là tôi hiền, phải là người biết suy bụng ta, giữ tròn chức của ta, theo đuổi sự nghiệp ta, hết sức vì nỗi vất vả của ta, cho nên gọi là người hiền mà

giao trách nhiệm. Nói ta là ông vua hiền, người mà ta giao phó cũng hiền... Còn như ta không là vua hiền? Thì người ta giao nhiệm vụ cũng chẳng hiền...)

Trị vì ngôi báu trong 15 năm (1314 đến 1329), vương triều Trần Minh Tông sáng rực những trung thần văn võ lừng danh: "Thời bấy giờ làm quan tại triều có Đoàn Nhữ Hài, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Mạc Đỉnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Chu Văn An... đều là những người có tài cán trí lự cả."

Cũng trong vương triều này, Phạm Tông Mai (?-?), người được vua Trần Minh Tông ngự túk khen tặng, một ngự sử thẳng thắn từng nhiều phen bị giáng chức. Trong bài "Thiên thu phú giám" (bài phú Lời răn giới viết nhân tiết thiên thu mùng 5 tháng 8), ông bày tỏ tấm lòng:

"Thần ngôn minh hồn tự giám, thần tâm hách hồn nhược đan, Chúng chính ư thị hồn chí thư nhí khí khoát, quần tà ư thị hồn đản lạc nhí mao hàn..."

(Lời trung thần sáng như gương, dạ trung thần đỏ như son Bác trung chính tự đó an tâm hả dạ, lũ gian tà vì đó sờn gáy tan mật...)

Bài thơ thần của Lý Thường Kiệt, Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, Thất trǎm sớ của Chu Văn An, Vạn ngôn thư của Lê Cảnh Tuân là những áng văn, lời gọi tha thiết của những trung thần một lòng vì dân, vì nước.

## 2. Nhân đức trí dũng:

Trong cõi trời-đất-người, "đức nhà vua lớn như trời đất, uy danh làm cho tám cõi được yên ổn, cả những nơi tối tăm cũng được nhờ ơn tranch..." / "để đức càn khôn đại, uy thanh tĩnh bất diên, u âm mông huệ trach..." (Khuyết danh)

và khắp nơi, hình ảnh cuộc sống thanh bình, "trai gái đồng dúc làm vẻ vang cho đời" (vinh thế nam nữ xuất đa nhân), "những trai gái khí tiết đứng đầu trong hàng các tướng" (cao thế nam nữ thượng tướng thủ), "trai gái yên vui, đời hết khổ" (an lạc nam nữ thường vô khổ) từ những lời sấm truyền đã hóa thành hiện thực. Do đâu? Chính từ vai trò lãnh đạo của bậc cầm quyền!

Không đổ thừa cho "thiên tai, thủy họa", họ tự nhận trách nhiệm và tự nhận vô tài kém đức là nguyên nhân làm cho dân chúng lầm than cơ cực.

Vua Lý Thái Tổ (974-1028), người viết "Thiên đô chiếu", đặt tên đất Thăng Long làm kinh đô từ 1010, đến nay bền vững đā

ngàn năm, vị nhân quân "tâm bi trí" đó đã thành tâm khấn trời che chở cho sinh dân khi trên đường chinh phạt trở về qua Vũng Biện, gặp phải mưa to sóng dữ:

"Tự dĩ phi đức, thiểm cư dân thương, lật lật nguy cụ, nhược tương hâm vụ thâm uyên, phi cảm tự thị binh uy, vọng hành chinh phạt... Chí ư binh nhẫn giao công chi tế, hoặc uổng thương trung hiếu, hoặc ngộ hại hiền lương, trí sứ hoàng thiên chấn nộ, dĩ chươn kỳ qua, tuy tao khuynh vẫn, diệc vô hám yên. Kỳ tại lục quân, tội do khả thứ. Duy giản tại thượng đế chi tâm"

(Tôi là người kém đức, lạm ở trên muôn dân, vẫn hằng lo sợ như sa xuống vực sâu, không dám cậy vào quân mạnh mà ý thế cất binh đánh giặc... Trong khi giao tranh, hoặc giết lầm người trung hiếu, hoặc làm chết oan kẻ hiền lương, làm cho trời nổi giận vạch rõ lỗi lầm cho tôi, thân này dù chết chẳng dám than van. Riêng đối với sáu quân, tội đó xin dung thứ. Dám mong lòng trời soi xét.)

"Chiếu hối lỗi" của vua Lý Cao Tông là một minh chứng cho việc trị dân khi "vua không hiền" "quan không hiền" mà vua Trần Minh Tông đã luận bàn trong việc dùng người (Nhậm nhân luận) :

(Trẫm ấu ưng đại nghiệp, thâm xử cửu trùng, bất tri dân sự chi gian nan, thỉnh nạp tiểu nhân chi ngôn dĩ thủ oán ư hạ. Dân kỳ tư oán, trẫm tương trù y ? Kim kỳ cải quá tự tận, dữ dân canh thủy. Chư hữu điền địa sản nghiệp một ư quan giả, tất hoàn chi.

(Trẫm còn nhỏ đã phải gánh vác việc lớn, nơi cửu trùng sâu thẳm, không biết đến nỗi khổn cùng của muôn dân, đã vậy còn nghe theo lời bọn tiểu nhân mà kết oán với người dưới. Dân oán hận thì trẫm biết dựa vào ai ?

Từ nay trẫm sẽ sửa lỗi, cùng nhân dân bắt đầu canh cải. Ai có ruộng đất sản nghiệp bị quan lại cướp đoạt, sẽ được trả lại).

## 3. Khiêm cung từ ái :

Lý Thánh Tông (1023-1072) là vua thứ ba triều Lý, người đầu tiên cho xây Văn miếu và mở khoa thi bác học chọn nhân tài. Nhưng nhắc đến công đức, không thể không nhắc đến lòng trắc ẩn từ ái của vua đối với sinh dân, ngay cả những người đang trong vòng lao lý. Chính sách nhân trị đời Lý Trần xác lập đối tượng mà chính quyền thường xuyên phải có trách nhiệm là xây dựng một xã hội thanh bình, đời sống của nhân dân được an lạc, giáo hóa nhân dân bằng từ bi khoan thứ, vì hình luật chỉ làm

### rồi cũng xuân về...

Rồi cũng xuân về giữa giá băng  
trong cơn gió loạn bước chân thầm  
đát trời trăng xóa chiều buông tối  
tàu khuất ga buồn vào xa xăm

Một thoảng sâu cũng dư nhớ nhung  
tàu theo dã ngoại tuyết muôn trùng  
Saigon có hong vàng chút nẮng  
mai mốt ta về nỗi riêng chung

Qua những ga làng tàu lướt đi  
Schwandorf ngã đường phân kỳ  
em ngơ ngác giữa lòng phố lá  
nhưng vẫn vui còn mỗi chuyến đi

Regensburg chiều nao ghé qua  
cuối năm giờ chỉ một mình ta  
tàu lại rồi ga về vạn nέo  
rừng thông phủ tuyết trăng đường xa

Rồi cũng xuân về... xuân lại về  
không chờ không đợi bóng tim quê  
trên toa ta đứng tàu vội lướt  
còn bến xuân nào giữa chốn mê.

### nguyễn song anh

người ta sợ hãi hóa căm thù,

Ngày nay, sống giữa trào lưu nhân bản và xu thế dân chủ đang từng bước xóa dần những thể chế độc tài phi nhân bản, đã và đang dùng cực hình sát máu b López nghẹt tự do và chà đạp nhân phẩm, đọc lại gươm từ ái người xưa, thật là đáng cho ta học tập và suy ngẫm :

"Trẫm cư thâm trung chi cung, ngự thú than, tập hồ cầu, lãnh khí do thả như thử. Huống tú nhân tại linh ngự chi trung, thụ luy tiết chi khổ, khúc trực vị phân, phúc chi bất sung, hình chi bất cái. Nhất vi hàn phong sở bức, khởi bất tử ư vô cô. Trẫm thận mẫn chi. Kỳ lệnh hữu ty phát khâm tịch, cập phen nhật nhị thứ cấp chi".

(Trẫm ở thâm cung, sưởi lò than thú, mặc áo hồ cừu, thế nhưng hơi lạnh còn thế. Huống chi những kẻ bị giam cầm trong ngục, khổ sở bởi gông cùm, ngay gian còn chưa xác định, bụng chẳng đủ no, áo không che kín thân. Một khi gió lạnh hành hạ, không phải là chết oan uổng sao? Trẫm rất là thương xót. Vậy ra lệnh cấp chăn chiếu và phát cơm ngày hai bữa cho họ.)

Vào tháng 6 mùa hạ năm 1065, vua ngự tại điện Thiên Khánh xét kiện, có công chúa Dộng Tiên hầu cạnh. Vua nhìn con mình rồi bảo ngục lại:

"Ngô chi ái ngô tử diệc do thiên hạ phụ mẫu chi ái kỳ tử dã. Bách tính vô tri tự mạo điển hiến. Ngô thậm mẫn yên. Ung tự kim dĩ hậu, tội vô khinh trọng, nhất tòng khoan hựu."

(Ta yêu con ta cũng như những bậc cha mẹ trong thiên hạ yêu con cái họ. Trẫm họ không biết gì nên tự phạm vào luật pháp. Ta rất thương xót. Nên từ nay về sau, tội bất kỳ nặng nhẹ đều khoan giảm.)

Sinh dân được dùm bọc từ truyền thuyết trẫm con kết tinh nòi giống Rồng Tiên theo huyền sử vừa lăng mạn vừa lạc quan, được che bồng đức hiếu sinh của Trời và từ bi nhân ái của Phật Nho. Tình yêu thương chăm sóc vô về nhân tâm đó như dài gươm soi lòng và chỉ có con người dốc lòng hướng về nhân sinh bằng từ tâm tuệ trí mới chứng đắc và phát tâm phổ độ nhân quān, thấu hiểu nỗi cơ cực của dân đen. Theo sử còn chép lại vào năm 1334, vua Trần Minh Tông khi đi tuần thú Nghệ An, nghỉ ở Hành Điện và có viết thơ:

"Sinh dân nhất thị ngã bào đồng, tứ hải hà tâm sử khốn cùng,

Tiêu tướng bất tri Cao tổ ý, Vị ương hư phí nhuận thanh hồng"

(Hết thảy sinh dân đều là ruột thịt của ta  
Nở lòng nào để cho bốn biển khốn cùng  
Tướng quốc Tiêu Hà không hiểu ý Cao tổ  
Phí tiên tô điểm cung Vị ương)

Bài thơ phê phán việc xây hành cung ở Nghệ An, gây hao tốn tài lực và dân chúng phải cơ cực vì lao dịch.

Lý Nhân Tông (1066-1128), con trưởng của Lý Thánh Tông và Thái hậu Ý Lan, là vị vua từng thân chính dẹp giặc, quan tâm đến việc nông tang, thường đi xem nông

dân gặt hái, ban chiếu cấm giết trâu. Thiết lập nền Nho học chính qui cho quốc gia, vua cho mở khoa thi tam trường, lập Quốc tử giám... giúp cho sự phát triển hài hòa của tam giáo vào công cuộc mở mang văn hóa. Trong "Lâm chung di chiếu", vua để lại di ngôn về lẽ sinh tử và khiêm cung dặn dò phải hết sức giản đơn về tang lễ:

"Trẫm văn, sinh vật chi động, vô hữu bất tử. Tử giả, thiên địa chi đại số, vật lý đương nhiên, như cử thế chi nhân mạc bất vinh sinh nhi ố tử. Hậu táng dĩ khí nghiệp, trọng phục dĩ tổn tính, trẫm bất khả thủ yên. Dư kỳ quá đức, vô dĩ an bách tính, cập chi tồ lạc, hựu sử nguyên nguyên thôi ma tại thân, thần hôn lâm khốc, giảm kỳ ẩm thực, tuyệt kỳ tế tự, dĩ trọng dư quá, thiên hạ kỳ vị dư hà?..."

...Tang tắc tam nhật thích phục, nghi chỉ ai thương. Táng tắc y Hán văn kiêm ước vi vu, vô biệt khởi phần lăng, nghi thị tiên dế chi trắc..."

(Trẫm nghe: sinh vật không giống nào không chết. Chết là số lớn của trời đất, lẽ đương nhiên của muôn loài, thế nhưng người đời thường ham sống, ghét chết. (Có người) chôn cất linh đình đến mất cả cơ nghiệp, coi trọng việc tang chế đến hao tổn tính mệnh, trẫm thực không muốn điều đó. Trẫm lại ít đức, không làm được gì để bách tính yên ổn, đến lúc chết lại bắt dân chúng mặc áo xô gai, sớm tối khóc lóc, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, làm nặng thêm lối lầm của trẫm, thì thiên hạ sẽ coi trẫm là người thế nào?...)

...Việc tang sau ba ngày phải bỏ áo trỗ, ngưng khóc than. Chôn cất theo lối kiêm ước của Hán văn dế, , không cần xây lăng tẩm riêng, hãy để trẫm được hầu bên cạnh tiên dế..."

Năm Giáp Thân 1044, sau khi dẹp yên Chiêm Thành khuấy nhiễu phương Nam, Lý Thái Tông đổi niên hiệu là Thiên Cảm Thành Vũ, ban "Xá thuế chiếu" (Chiếu xá thuế).

"Viễn sự chinh phạt, phuơng đoạt nông công, khởi liệu kim đồng, đắc đại phong thực.Cầu bách tính chi ký túc, tắc trẫm thực dữ bất túc. Kỳ tứ thiên hạ kim niênn thuế tiền chi bán, dĩ ủy bạt thiệp chi lao."

(Việc đánh dẹp nơi xa làm tổn hại đến hoạt động của nhà nông, Ngờ đâu mùa đông năm nay mùa màng lại bội thu. Nếu trẫm họ no đủ thì trẫm đây lại lo gì thiếu thốn? Vậy ban chiếu xá một nửa thuế năm nay để ủy lạo nỗi khó nhọc của muôn dân đã trèo đèo lội suối.)

Một chế độ chính trị mà tất cả mọi người đồng thuận làm việc với tâm bi-trí-dũng, lấy nhân dân, lấy con người làm đối tượng phục vụ, xã hội đó sao không chan chứa ánh xuân tươi? Dù xuất hay xử, "mỗi khi nghĩ đến dân đen lòng bao xiết ngậm ngùi" (thương sinh nhất niêm kham trù trưởng (Nguyễn Sưởng). Gặp lúc vận nước suy vi, vua chúa hoang dâm, muôn họ lầm than, lời nói của trung thần là tiếng gọi non sông.

Theo Việt sử lược, tháng mười năm Nhâm Tuất (từ ngày 18.10 đến 16.11.1202), Lý Cao Tông tuần du ngự tại hành cung Hải Thanh, yến tiệc xa hoa, sai nhạc công chế khúc

hát điệu Chiêm Thành, nghe ra sâu thẳm. Nguyễn Thủ Đường  
thắng thắn tâu lên vua lời can gián:

"Ngô kiến Thi tự vân: Loạn quốc chi âm oán, dĩ nộ kỳ  
chính quai; vong quốc chi âm ai, dĩ tự kỳ dân khốn. Kim  
chúa thượng tuần du vô độ, chính giáo quai ly, hạ dân sâu  
khốn. Chí thử dũ thậm, nhi nhật văn ai oán chi âm, vô nãi  
loạn vong chi triệu hồ? Ngô tri xa giá thử hoàn, bất tái  
hạnh kỳ cung hý."

(Tôi thấy : Tựa Kinh Thi có nói: âm nhạc nước loạn nghe  
ra ai oán vì phẫn nộ sự sai quấy của chính trị; âm nhạc của  
nước mất nghe bi thảm vì dân tình nước ấy khốn cùng.

Nay chúa thượng dong chơi vô độ, sai lìa chính giáo, dân  
đen sâu thương khốn đốn. Nay càng tệ hại, vậy mà hằng  
ngày lại vẫn nghe âm nhạc ai oán đó, chẳng phải là điềm  
báo nước loạn, nước mất hay sao? Tôi biết xa giá lần về  
này, sẽ chẳng còn dịp ra hành cung đó nữa.)

Tâm bi-trí-dũng vượt thoát lên trên tất cả định kiến, tình  
yêu tôn giáo chính là hoa sen-hương sen ở mỗi con người  
lan tỏa khắp non sông và tỏa ngát từ bi đến tha nhân,  
không phân biệt chủng tộc, quốc gia, không phân biệt đối  
xử ngay cả với kẻ thù ngã ngựa.

"Ai phù lỗ" bài thơ "Thương tên giặc bị bắt" của Thiên sư  
Huyền Quang thật là một đáo sen ngát hương từ ái. Lời  
thanh thoát, cảnh mênh mang, ý chứa chan, tình đôi nơi...

"Khóa huyết thư thành dục ký âm, Cô phi hàn nhạn tái vân  
thâm

Kỷ gia sâu đối kim tiêu nguyệt, Lưỡng xứ mang nhiên  
nhất chủng tâm"

(Trích máu viết thư muối gởi đôi lời

Cánh nhạn cô lẻ lạnh lùng bay xuyên vào đám mây nơi  
quan ải

Bao nhiêu nhà(người) đêm nay buồn ngắm ánh trăng  
Xa cách đôi nơi, tấm lòng thương nhớ chỉ là một.)

### Thanh bình xuân tú

Mạnh Tử có nói: "Muôn vật đầy đủ ở ta, quay vào bản  
thân mà thực hiện, ở đây là nguồn vui hạnh phúc vô biên"  
(Vạn vật bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên).  
Trong tinh thần tam giáo đồng qui, mùa xuân Lý Trần tỏ  
sáng ánh dương soi ấm áp với hào quang nhập thế của  
Phật giáo ở những vương triều đời Lý và sau đó là tác  
động hổ tương của tam giáo trong dòng tư tưởng truyền  
thống của dân tộc cho đến tận đời Trần, chan hòa mùa  
xuân tự chủ với văn đức, võ trị. Minh quân, thần lương  
chiếu ảnh hưởng của trào lưu học thuật, tư tưởng đương thời,  
lấy việc tu thân, đạo vô vi và tâm tông thanh tịnh bẩn  
nhiên tu dưỡng, tích cực góp phần cho đất nước.

Quan tư đồ Trần Nguyên Đán (1325-1390) khi về trí sĩ ở  
Côn Sơn, đã nói đến sự hài hòa của con người-xã hội khi  
bản thân đã vượt qua được lẽ hữu-vô:

"Trung tâm nhận đắc bản lai không, tiệm trữ hư không tại  
cá trung, thiên hạ hữu vi giai chính lý, Nhân gian vô xứ bất  
xuân phong..."

(Trong lòng nhận biết được vốn là không

Bèn dành để hư không trong đó  
Lẽ hữu vi là lẽ chính trong thiên hạ  
Nhân gian không đâu là không có gió xuân)

Trong thiên "Vi chính" (Luận ngữ), Khổng tử nói: "Chính  
giả chính dã" (Người làm chính trị ngay thẳng cai trị đứng  
đắn). Tử nói rõ hơn:

"Vi chính dĩ đức, thí như bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh  
cứng chí"

(Làm chính trị (cai trị) mà dùng đức (để cảm hóa dân) thì  
như sao Bắc Đầu ở một nơi mà các sao khác hướng về /  
thiên hạ theo về).

Theo học giả Nguyễn Hiến Lê chú thích, "đây là chủ  
trương vô vi của Khổng tử, không phải dùng hình pháp,  
tránh được mọi phiền phức, chống được mọi biến động".

Như thế, công tâm mà nói, đạo Phật làm chính trị cũng là  
lẽ đương nhiên, vì các cao tăng, thiền sư không tranh giành  
ngôi cao chức trọng, không làm điều trái nghịch với đạo lý  
luân thường của quốc gia dân tộc, họ hoạt động "chính trị",  
không thực hành "tà trị".

Sử sách, văn thơ, bi ký... còn đọng lại bao nhiêu là "gió  
xuân nồng ấm" của thời đại Lý Trần về những thành tựu  
văn đức vĩ trị, lưu lại trong thi từ, được coi trọng hơn chôn  
báu .

Trần Quốc Toại (1254-1277), tác giả "Sầm Lâu tập" đã  
khẳng định:

"Cố lai hà vật bất thành thổ, tử hậu duy thi khả thăng kim"

(Xưa nay vật gì rồi chẳng hóa thành đất  
Sau khi chết, chỉ thơ lưu dấu quý hơn vàng)

Thơ từ, thi phú, khoa cử triều đại Lý Trần còn là một điểm  
son trác tuyệt vời lên tinh thần tự chủ, độc lập và thực tế  
với nhu cầu bức thiết của lịch sử. Trong "Họa văn bài thơ  
xướng họa của các thí sinh ở trường thi", tác giả "Băng Hồ  
Ngọc Hác tập" tự hào:

"Hán Đường nhị Tống hựu Nguyên Minh, Lê thiết từ khoa  
tuyển tuấn anh

Hà tự thánh triều cầu thực học, đương tri cơ thể tuyệt cơ  
binh..."

(Hán, Đường, Nam Tống, Bắc Tống cho đến Nguyên,  
Minh

Lấy lệ khoa cử từ chương chọn người tài  
Sao băng thánh triều ta chỉ cầu vào thực học  
Phải biết điều này để đời sau dứt tiếng chê bai...)

### 1. Tự hào về văn hóa:

Vào đời Lý Thánh Tông, nhà nước cho xây Văn miếu, lập  
tượng Chu Công, Khổng Tử và 72 tiên hiền để thờ. Về văn  
học, mở khoa thi tam trường (1075), đến 1076 lập Quốc tử  
giám chọn người văn tài vào dạy, 1086 lại mở khoa thi  
chọn người vào Hàn lâm viện. Nho học dần dần thịnh  
hành và tổ chức thi cử được nâng cao, như mở khoa thi  
Thái học sinh vào năm 1232 sau đổi là thi Tiến sĩ vào năm  
1374. Khoa thi Tam giáo cũng được tổ chức vào năm 1232.

Năm Quý Sửu 1253 thành lập Quốc học viện để giảng Tứ thư Ngũ kinh.

Dưới triều đại Trần Nhân Tông, Nguyễn Thuyên khởi xướng việc sử dụng chữ Nôm làm thơ phú, mở đầu cho văn học chữ nôm phát triển... Vua Trần Nhân Tông có bài phú nôm ở giữa cõi trân vui đạo (Cư trân lạc đạo phú), tham bác Nho Phật:

"Sách Dịch xem chơi, yêu tính sáng hơn yêu chầu báu  
Kinh nhàn đọc dấu, trọng lòng rồi trọng nữa hoàng kim...  
... Tịnh độ là lòng trong sạch, chờ còn ngờ hỏi đến Tây phương  
Đi đà là tinh sáng soi, mực phải nhọc tìm về Cực lạc..."

Triều đại nhà Lý có hai điểm nổi bật. Thứ nhất là quyết tâm xây dựng chế độ vững mạnh để bảo vệ lãnh thổ, bảo toàn chủ quyền thể hiện ở lòng tận trung với nước với dân:

"Hàng năm cứ đến ngày 4 tháng 4, bách quan vào triều rồi lui ra ngoài cửa tây thành, đến đền thờ "đồng cỗ" đọc lời thề vẫn, uống máu: "Làm tôi phải tận trung, làm quan phải thanh bạch, ai trái lời thề này thì thần minh hại người ấy". Trai gái đến xem đông như kiến, cho là việc vui và long trọng." (Việt sử tiêu án)

Thứ hai là chính sách thân dân qua "Lễ tịch điền" được vua chủ trì, coi trọng nông nghiệp là nguồn kinh tế chính của nước nhà. Hơn thế, việc nông tang còn là mối giao cảm gắn bó giữa trời-đất-người mà mỗi hoi lao động vất vả của nông phu được đền bù bằng hạt thóc nuôi sống cả toàn dân.

"Việt sử lược ghi": "Năm 1038 vua ngự ra Bố hải khâu (Thái Bình) cày ruộng".

Ngô Thời Sĩ trong "Việt sử tiêu án" ghi rõ hơn:

"Vua sai hữu ti quét đất lật đàm, thân tế Thần Nông, sau đó cầm cây toan làm lê cày ruộng. Tả hữu can rằng: "đó là việc của bọn nông phu, bệ hạ làm việc ấy làm gì?". Vua nói: "Trẫm không tự cày thì lấy đâu có xôi tế, lại lấy gì nêu gương cho thiên hạ?". Vua đẩy cày 3 lần rồi ngừng... (Toàn thư q. 2, tr. 256); đời nhà Lý rất trọng việc làm ruộng, năm nào vua cũng có đi xem cấy, xem gặt, đú rỗ chính thể của nhà Lý".

Chùa chiền thời Lý Trần

được xây dựng có hàng trăm, vừa phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân vừa là nơi tĩnh tu của tăng đồ và cũng là nơi vãn cảnh. Một số chùa nổi tiếng còn đến ngày nay như Trúc lâm Yên tử, Hương tích...nhưng đẹp và đặc biệt nhất phải nói là chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) được xây dựng năm 1049 ngay trung tâm kinh thành.

Thăng Long, triều vua Lý Thái Tông. Năm 1122 triều Lý Nhân Tông, Nguyễn Công Bật có bài văn bia "Đại Việt quốc đương gia đệ tứ đế Sùng thiện Diên linh tháp bi" - (Bia tháp Sùng thiện Diên linh của vua thứ tư (Lý Nhân Tông), đang trị vì nước Đại Việt), trong đó có phần ghi chú về chùa Một Cột:

... "Tích sùng Hoàng giác, đốc mộ thăng nhân. Hướng Tây cấm chi danh viễn, xưởng Diên Hựu chi quang tự. Tích tòng tiền chi cự chế, xuất thành ý chí tân mưu. Tạc Linh chiểu chi phương trì, nhi trù trung dũng nhất thạch cán. Cán thượng phách thiên diệp liên hoa, hoa thượng nhi kiều an cam điện. Điện trung tọa kim tướng chi năng nhân. Trì chi ngoại chu nhiễu họa lang, hoàn lang chi ngoại hựu sơ Bích trì, mỗi giá phi kiều dĩ thông chi.. Tiền kiều chi đinh, tả hữu Phan lưu li bảo tháp. Dĩ nguyệt chi sóc đá, dĩ niên chi du xuân, thân thừa ngọc liền, lai khải thanh diên. Hoa hương thiết kỳ tộ chi nghi, bốn quán trần dục Phật chi thức. Trang tinh cấm chi tướng ư ngũ chúng, hoặc thát lộ tiến thoái dĩ vi dung, tác thiên vương chi đội ư tử phượng, tề kình khí bồi hồi nhi hiến vũ... Tinh cần mị dãi, kính phụng di thần..."

... (Tôn sùng đạo Phật, hâm mộ người có duyên tu phúc. Lập chùa Diên Hựu ở vườn Tây. Theo dấu xưa, vâng thánh ý ngày nay. Ao thơm Linh chiểu cho đào, giữa ao nhô lèn một cột đá, trên cột một đóa sen xòe ra ngàn cánh, trên hoa dựng ngôi đền dở sậm. Giữa đền đặt pho tượng vàng... Ngoài ao hành lang bao bọc, ngoài hành lan lại đào ao Bích Trì, bắc cầu cong để qua lại. Phía sân trước cầu, xây tháp báu lưu ly hai bên tả hữu. Vào mùng một hàng tháng, mùa xuân hàng năm, vua ngồi xe ngọc, đến mở tiệc chay. Hương hoa nghi thức kỳ yên, bồn chậu tiến lễ tắm Phật. Trang sức tượng tinh thành năm chung, hoặc hở vai tới lui nhịp nhàng, sắp đội ngũ thiên vương bốn phượng, nâng khí dung qua lại nhảy múa. Tinh cần chẳng trễ, phụng kính nào ngơi....)

Chùa Một Cột còn gắn liền với việc Cao Biền trấn yểm long mạch đất

### Qua Đèo Tam Điệp nhớ Xuân xưa

Chốn hùng vĩ, đây đèo Tam Điệp  
Nơi hội quân Nam Bắc tung chinh  
Tướng công nhị vị khấn trình  
Lui quân tội lỗi, trói mình xin tha.  
  
Tân hoàng đế cao xa dạy dỗ:  
Này các khanh chẳng rõ quân cơ  
Rút quân rất đúng thế cờ  
Cho thù mượn tạm ngủ nhờ mấy đêm.  
  
Ăn Tết trước, ban thêm lời hứa  
Khai hạ rồi chính bùa khao quân  
Hân hoan rung chuyển núi rừng  
Muôn ngàn bếp lửa sáng bừng trời mây.  
  
Sang năm mới cờ bay trống gióng  
Quân tiến nhanh, hạ lũy đoạt thành  
Làm nên lịch sử hùng anh  
Mùa Xuân Kỷ Dậu vang danh Lạc Hồng.  
  
Cầu phao gãy, dòng sông nghẽn xác  
Ngựa không yên, tướng Bắc bỏ quân  
Người Nam mở hội hoa đăng  
Thăng Long náo nức cờ giăng trống dồn.  
  
Nước Đại Việt mở trang sử mới  
Vua Tây Sơn thay đổi mối giường  
Sông Hồng sóng nổi triều cưỡng  
Từ đây trăm họ ánh dương chan hòa.

Hoàng Duy, 29.3.2009

Long Biên ngày xưa. Trần Bá Lãm viết trong "La thành cổ tích dấn vịnh" (1788), cho ta biết thêm một vài địa danh quanh chùa:

"Chùa ở xã Nhất Trụ, huyện Vĩnh Thuận. Thời xưa đất ấy hoang bô chưa có xóm trại. Cao Biền khi sang làm đô hộ An Nam bảo đất ấy là chỗ sườn rồng chạy, sai đóng một cột đồng vào đấy, cất đứt long mạch. Về sau dần dần ở thành xóm làng gọi là xã Một Cột. Vua Lý Thánh Tông (?) tuổi đã cao chưa có người nối nghiệp nhà, đêm mộng thấy đến thôn Một Cột, thấy vị Quan Âm bồ tát gọi vua bảo: "đất này rất linh, cột đồng làm thương tổn long mạch đã lâu đời, nên kíp hủy đi thì vận nước lại lâu thêm mấy đời nữa. ...Nói xong với vua lên đài vàng ấm tiên đồng ban cho.. Tỉnh mộng vua sai xây chùa ở phía tây làng ...đổi niên hiệu làm Diên Hựu (?), hủy bỏ đồng trụ ám phù, năm sau sinh hạ hoàng tử."

## 2. Tự hào về lịch sử:

Từ hội thi mùa xuân nơi đền thờ "đồng cổ" đời Lý, hội nghị "Diên Hồng" đời Trần cho đến hội thi "Lũng nhai" đời Lê sau này, toàn dân ta chỉ có một tâm nguyện duy nhất là chống lại sự xâm lược và đô hộ của Bắc phuong. Vấn đề biên giới cảnh thổ là trọng tâm xác lập chủ quyền quốc gia và bình đẳng chủng tộc trong mối sinh hoạt mà mục đích cuối cùng là nhắm vào đời sống an lạc thanh bình của muôn dân.

"Phật Tống lộ bố văn" của Lý Thường Kiệt là bài hịch đầu tiên chống xâm lược:

"Cái vạn dân tư phù ư thiêng,, hốt lạc na yếu li chi độc. Tại thượng cổ nghi khả mẫn... Bản chức phụng quốc vương mệnh, chỉ đạo Bắc hành: dục thanh yêu nghiệt chi ba đào, hữu phân thổ vô phân dân chi ý; yếu tảo tinh uế chi ô trọc..."

(Bởi tính mạng muôn dân đều do Trời phú bẩm, nay bỗng sa vào cảnh độc hại diêu linh. Lòng kẻ ở trên tất phải xót thương... Nay bốn chức vâng mệnh vua, chỉ đường tiến quân lên Bắc: mong dẹp tan làn sóng yêu nghiệt, chỉ có ý phân biệt cương thổ, không phân biệt dân chúng; chủ yếu quét sạch dơ bẩn hôi tanh...)

Cùng thời, còn để lại bài "Thơ thần" và lưu truyền trong dân gian câu hát phá Tống:

"Nục cưỡi châu chấu đá xe  
Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng"

Bài "Việt giới" của vua Trần Minh Tông là một trong rất nhiều bài thơ khẳng định:

"Tứ minh tương tiếp giới, chỉ cách mã ngưu phong, ngôn ngữ vô đa biệt, y quan bất khả đồng nguyên sinh giao thắt lanh, nhật lạc ngạc đàm không, khẳng hạn Hoa Di ngoại, tề đăng thọ vực trung"

(Châu Tứ minh giáp liền biên giới nước ta  
Cách nhau không xa mấy  
Tiếng nói không khác nhieu  
Mũ áo hoàn toàn không giống nhau  
Trăng mọc thêm lạnh cõi giao long (địa thế hiểm trở)

Mặt trời lặn đầm sấu rồng không (cảnh hoang vu)  
Không hề có sự phân biệt Hoa Di  
Nên cùng nhau sống dài lâu)

Phạm Sư Mạnh, tác giả "Hiệp thạch tập" không phải ngẫu nhiên viết nhiều bài thơ về chủ đề biên giới. Vùng Đông Triều, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Chi Lăng, Tuyên Hóa... đều là những nơi ông đã kinh qua khi thi hành nhiệm vụ. Chùm thơ biên giới cho thấy trách nhiệm của một trung thần, ý chí trung dũng và sự đoàn kết của nhân dân được quyên góp công sức vào việc giữ gìn lãnh thổ, nơi mà Bắc phuong ngày đêm dòm ngó:

..."Quan sơn Lão thủ, cốc Lâu Lai, vũ tuyết Thượng ngao lam Lộc Châu, thiết mã đồng tây thôi cổ giốc nha kỳ tả hữu túc tì hưu, bình sinh nhị thập an biên sách, nhất thốn đan trung ánh bạch đầu" (Quan Bắc)

...(Cửa ải có Lão thủ, hang động có Lâu Lai  
Mưa tuyết đỉnh Thượng ngao, lam chướng vùng Lộc châu  
Ngựa sắt đồng tây, trống tù và giục giã  
Hàng cờ tả hữu, hùm gấu (quân kỵ) uy nghiêm

Bình sinh hoài bão hai mươi sách lược trấn an biên giới  
Tắc lòng son ánh lên mái đầu bạc) (Phía bắc cửa ải)

Trong bài "Lạng Sơn đạo trung" (Trên đường Lạng Sơn), "hương bắc có biển, đâu dám từ chối khó khăn, mây ngàn trùng bảo vệ cửa Khâu ôn, trời vạn dặm hương về núi Công mẫu, chỉ huy vũ trụ, ngọn cờ phất lên, quét dọn gian dǎng nơi biên tái, tiếng tù và bắt đầu lạnh" "Động Tam Thanh" chỉ ra những gian nguy hiểm trở của thiên nhiên như ban tặng cho thế nước hình thành đường biên giới:

"Khống chế cả vùng Thất tuyền và Thượng ngao, đá làm bờ cõi, nước làm hào sâu, đất chia giới hạn nam bắc, hiểm trở như thành sắt, như hào nước sôi..."

"Thượng ngao", bài thơ ghi lại tình hình khẩn cấp nơi biên thùy, quan ải rực khí thế chiến tranh để bảo vệ từng tấc đất quê hương, bảo vệ đời sống an lành cho đồng bào thiểu số:

"Các tướng tá cùng hộ vệ viên mòn, bên trái cầm cung đao, bên phải đeo túi tên, muôn ngựa ngàn binh tuần tra đầu biên giới, cờ bài oai nghiêm chiếu rực Khâu ôn, núi non hiểm trở, kế hoạch phải tinh tường, bản mường nơi suối khe cần được quan tâm, bạc đầu trong công việc khó khăn ở Lạng châu, tấm lòng trung che cả đất trời".

Bước hành quân của Phạm Sư Mạnh còn vươn tới cả động Chi Lăng, đọc theo nơi quan tái chập chùng hiểm trở, điệu thơ hùng tráng đầy hào khí:

"Thiên lý tuần biên ẩn cổ bắc, phiên thành man trại nhất ê kê. giản nam giản bắc hồng kỳ chuyển, quân hậu quân tiền thanh chảy đê, Lâu lại cốc thâm ư tĩnh đê, Chi lăng quan hiểm dữ thiên tê..."

(Tuần tra ngàn dặm biên cương, vang âm trống trận, Thành phiên, trại mán bé nhỏ khắp nơi Hướng Nam, hướng Bắc khe suối, lay động cờ hồng Phía trước phía sau hàng quân, trâu rừng vang rống Hang Lâu lại sâu hơn đáy giếng, Chi Lăng, cửa ải gian hiểm như đường lên trời...).

Giữa thế kỷ 20, chúng ta có những bài dân ca nêu lòng yêu nước, tự hào về những chiến tích anh hùng của tổ tiên, những khúc quân hành của cả một dân tộc kiêu hùng trong quá trình giữ nước. Những bài ca "giồng sông Hát", "đêm Mê Linh", "hội nghị Diên Hồng", "ải Chi Lăng", "Bạch Đằng giang"... mãi mãi nung nấu nhiệt huyết dân tộc, lời kêu gọi thấu tận tâm can... "đây Bạch Đằng giang sông hùng dũng của nòi giống anh hùng, giống Tiên Rồng, giống Lạc Hồng, Nam Bắc Trung... mây... nước thiêng liêng còn ghi chép rành thời liệt oanh của bao người xưa trung chính, vì yêu quốc gia vui lòng hiến thân, liều mình ra tay tuốt gươm bao lần. Dòng nước trăng xóa dưới trời quang đàng. ngàn xưa nêu cao tấm gương anh hùng , dù có sấm sét bão bùng mưa nắng, đằng giang vẫn sáng, để cho nòi giống soi chung".

Bạch Đằng giang ! Chiến thắng của Ngô Quyền năm 938 tiêu diệt quân Nam Hán và của Trần Quốc Tuấn năm 1288 đập tan quân xâm lược nhà Nguyên so với các chiến công lịch sử khác, có ý nghĩa quyết định. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 mở ra kỷ nguyên của thời đại tự chủ. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đập tan mộng xâm lược bành trướng của đế quốc Nguyên sau hai lần thảm bại tại nước ta.

Chỉ riêng trong thời Trần, sông Bạch Đằng ít nhất được bốn lần nhắc đến với các tác giả Trương Hán Siêu, Nguyễn Sưởng, Phan Sư Mạnh và vua Trần Minh Tông.

Trương Hán Siêu trong "Bạch Đằng giang phú", tỏ nỗi cảm khái của một người hành nhân dạo qua miền sông nước Bạch Đằng, nghe bô lão địa phương nhắc tích xưa, bồi hồi chuyện cũ mà chiêm nghiệm đạo lý làm người:

..."Thiệp đại than khẩu, tố đồng triều đầu, để Bạch Đằng giang, thị phiếm thị phù... Giang biên phụ lão, vị ngã hè cầu? Hoặc lê phù trượng, hoặc trạo cõi châu; ấp dư nhị ngôn viết: Thủ Trùng Hưng nhị thánh cầm ô Mã Nhi chi chiến địa, Dữ tích thời Ngô thị phá Lưu Hoằng Thao chi cố châu dã..."

.... Hạnh thả ca viết: "đại giang hè cổn cổn, hồng đào cự lạng hè triều tông vô tận, nhân nhân hè văn danh, phỉ nhân hè câu dã"

Khách tòng nhị canh ca viết: ..."Nhị thánh hè tịnh minh, tựu thủ giang hè tẩy giáp binh, Hồ trần bất cảm động hè, thiên cổ thăng bình."

Tín tri: Bất tại quan hà chi hiểm hè, duy tại ý đức chí mạc kinh."



.....(Qua cửa Đại than, ngược bái Đông triều, đến sông Bạch Đằng, buông chèo trôi nổi

... Phụ lão hai bên sông, hỏi ý ta sở cầu? Người gậy lê chống trước, kẻ thuyền nhẹ bơi sau ; vái ta mà rằng:

"Nơi đây là chiến trường thời Trùng Hưng nhị thánh bắt ô Mã, cũng là chiến trường xưa, thuở Ngô Quyền phá Hoằng Thao"

...rồi vừa đi vừa hát :

"Bạch Đằng một dải dài ghê  
Luồng to sóng lớn tuôn về biển đông  
Những người bất nghĩa tiêu vong  
Nghìn xưa chỉ có anh hùng lưu danh"

Khách tiếp lời ca :

"Anh minh hai vị thánh quân  
Bạch đằng tẩy sạch bao lần giáp binh  
Hồ tan, muôn thuở thanh bình  
Không do đất hiểm, cốt mình đức cao"

Nguyễn Sưởng nhấn mạnh tinh thần "võ trị" trong chiến tích "Sông Bạch Đằng":

"Kinh quán như sơn thảo mộc xuân, hải triều hùng hùng thạch lân tuân thùy tri vạn cổ Trùng Hưng nghiệp, bán tại quan hà bán tại nhân"

(Mô chôn xác quân thù cao như núi, cây cỏ xanh tươi  
Thủy triều ầm ầm, núi đá lởm chởm  
Ai biết được sự nghiệp muôn đời của Trùng Hưng  
Nửa nhờ địa thế sông núi, nửa do chính con người.)

Thơ Phạm Sư Mạnh về chiến tích Bạch Đằng như một bước ngoặt lịch sử "làm chuyển đất xoay trời".

..."Hùng hùng Bạch đằng đào, tướng tượng Ngô vương thuyền, ức tích Trùng Hưng đế, khắc chuyển khôn oát kiêu, hải phố thiên mong đồng, hiệp môn vạn tinh chiên, phản chưởng điện ngao cực, vân Hà tẩy tinh chiên, chí kim tứ hải dân, trường thuyết cầm Hồ niên"

..."Sóng Bạch Đằng cuồn cuộn, tướng như thuyền Ngô vương, nhớ Trùng Hưng nhị đế, khoảnh khắc chuyển đất xoay trời, ngoài khơi vạn chiến thuyền, cửa ải muôn cờ lệnh, trở bàn tay đặt cõi bờ vào nơi yên ổn, kéo nước Ngân hà rửa sạch vết tanh hôi. Toàn dân đến giờ vẫn nhắc mãi năm bắt giữ giặc Hồ.)

Sông Bạch Đằng vào buổi chiều sương lạnh trong tâm tưởng vua Trần Minh Tông mang một cảm khái bi hùng về lịch sử chiến tranh giữ nước, vừa là mối cảm hoài về kiếp nhân sinh :

"Vân vân kiếm kích bích toàn ngoan, hải thần thôn triều quyển tuyết lan, xuyết địa hoa diền xuân vũ tể, hám thiên tung lại vân sương hàn, sơn hà kim cổ song khai nhẫn, Hồ

Việt doanh thâu nhất ý lan, giang thủy đình hàm tà nhật  
ánh, thác nghi chiến huyết vị tảng can"

(Núi cao ngất, lởm chởm như giáo gươm kéo lấy tầng mây  
Hải thần nuốt ngọn thủy triều cuộn sóng bạc  
Mưa xuân tạnh, hoa vàng tô điểm mặt đất  
Sương chiều lạnh, sáo thông reo  
Non sông ta xưa nay đã hai lần mở mắt

Hơn thua giữa Hồ Việt vèo qua như thoảng dựa vào lan  
can  
Nước sông rọi ánh mặt trời chiều đỏ ối  
Ngõ như máu chiến trường ngày trước chưa từng khô

### 3. Xuân từ văn phong:

Hiếm thấy thơ văn đời Lý có những tác phẩm ngâm vịnh  
về chủ đề Xuân, ngoại trừ bài "Cáo tật thị chúng" của  
Thiền sư Mân Giác :

"Xuân khứ bách hoa lạc, xuân đáo bách hoa khai, sự trực  
nhân tiền quá, lão tòng đầu thương lai, mạc vị xuân tàn  
hoa lạc tận, đình tiễn tạc dạ nhất chi mai."

(Xuân qua trăng hoa rụng, xuân về trăng hoa nở, việc trãi  
qua trước mắt, già theo về trên đầu, chờ nói xuân tàn  
hoa rụng hết, trước sân đêm qua một nhành mai).

Bài thơ lý giải về lẽ vô thường, về phi hữu phi vô của tạo  
vật nhưng trọng tâm khuyên con người ngộ về lẽ sinh-tử.

Qua đời Trần, thi ca ngâm vịnh, cảm tác về mùa xuân nở  
rộ. Thiên nhiên trữ tình mùa xuân với nếp sống thôn dã,  
những mái chùa ẩn mình nơi núi non thanh vắng, những  
đêm mùa xuân trên thuyền... là những đề tài gợi hứng  
cảm hồn thơ cho các thi nhân, trong đó, các tác giả đã gởi  
gắm tâm sự riêng tư, bộc lộ nhân sinh quan về thời thế, về  
thú vui ẩn dật hoặc quan niệm xuất xứ của mình. Dấu ấn  
"vô thường" cũng bàng bạc trong nhiều bài thơ xuân.

Vượt khỏi những ước lệ trong sáng tác, thiên nhiên nơi  
thôn quê Việt Nam là nguồn cảm hứng vô tận cho thi  
nhân. Cảnh vật đời thường giản dị đến hồn nhiên nơi thôn  
dã đưa vào thơ như một khúc nhạc thanh bình...

"...nhất thanh ngưu địch thanh lâu nguyệt, kỷ phiến nông  
soa bích lũng vân..."

(một tiếng sáo mục đồng vọng đến lâu thường trăng  
mấy mảnh áo tối nông phu dưới thung lũng phủ mây  
xanh...)

(Trần Quang Khải- đề biệt thự ở đồng quê)

"Thôn hậu thôn tiền đậm tự yên, bán vò bán hữu tịch  
dương biên.  
mục đồng địch lý quy ngưu tận, bạch lộ song song phi hạ  
diễn" (Thiên trường văn vọng)

(Trước thôn, sau thôn cảnh mờ ảo như sương phủ  
Ngõ bóng chiều, cảnh dường nửa có nửa không  
Hòa cùng tiếng sáo, mục đồng lùa trâu về hết  
Cò trăng từng đôi liệng xuống đồng)

(Trần Nhân Tông. Ngắm cảnh chiều ở Thiên trường)

"Xuân điểm trang hoa hồng giáp ất, sơn liên dã thụ lục  
tung hoành...

Cách ốc tạm đồng tăng xá túc, nhất câu đăng hỏa thoại  
bình sinh" (Xuân giao văn hành)

(Xuân điểm hoa nhà dân dã, đây đó ánh hồng tươi  
Núi giáp kẽ cây cối đồng nội, bát ngát xanh ...  
Xa nhà dân, tạm ngủ nơi chùa  
Bên đèn kể chuyện bình sinh)

(Nguyễn Tử Thành-Dạo chơi chiều xuân)

"Bàng thủy nhân gia dương liễu nộn, hàn thiên khách vien  
bán âm tình  
du phong trich mật xuyen hoa khứ,dã điệp thau hương đối  
phấn khinh..." (Sơ xuân)

(Nhà ai bên mé nước dương liễu xanh xanh  
Phòng khách mùa đông nửa râm nửa sáng  
Ông hút mật bay xuyen các khóm hoa  
Bướm trộm hương nhẹ nhàng vương phấn..)

(Nguyễn Tử Thành - đầu xuân)

Thơ xuân Nguyễn Phi Khanh thấm đượm tình quê mộc  
mạc, chan chứa lòng nhân hậu, đi vào đời sống thực tế của  
người dân, mạnh dạn giọng lên tiếng nói bất bình của họ.  
Mùa xuân đối với ông, không chỉ có hoa thơm bướm luợn,  
có tiếng nói cười hanh phúc mà còn là giá buốt của thiên  
nhiên, mà còn là tiếng than van của nông dân bối tham  
quan ô lại :

" ...Quá vĩ trì đưỡng oa ngữ quát, lạc hoa đình vien yến  
nê hương, nhân tình trạm trạm xuân giao túc, thế lô mang  
mang ngọ thụy trường, Tỉnh hậu xuất môn huề bộc khứ,  
phùng nhân chỉ hướng thuyết nông tang. »

(...Sau cơn mưa, inh ỏi tiếng éch ở ao chuôm,  
Hoa rụng, đình vien thơm hương bợ én  
Thênh thang nhàn hạ, rượu xuân mặc sức  
Mang mang đường đời, giấc ngủ kéo dài  
Tỉnh giấc dắt kẻ hầu ra ngoài  
Gặp ai cũng bàn việc nông tang) (Thú quê nhà)

"đạo huề thiên lý xích như thiêu, điền dã hưu ta ý bất liêu  
?...  
lại tư vồng cổ hồn đa kiệt, dân mệnh cao chi bán dĩ  
tiêu..."

"Thôn cư cảm sự ký trình Băng hồ tướng công"

(Ruộng nương ngàn dặm đỏ như cháy rụi  
Thôn quê than vãn biết trông cậy vào đâu ?...  
...Miệng lưỡi tham quan vơ vét đã cạn kiệt  
Mỡ màng của dân quê mất quá nửa...)

(Trình Băng hồ tướng công, nhân xúc động việc xảy ra ở  
quê nhà)

"...Liên cù vạn tính giai ngô dữ, tị ốc thùy gia diện diện  
hàn"

(Thủ đạo khê Thái học "Xuân hàn" vân )

(...Xót thương muôn họ đều là đồng bào của ta

Chen chúc dưới mái nhà ai kia mà gương mặt nào cũng lạnh cold)

(Họa vần bài thơ "Rét mùa xuân" của Thái học Đạo khê)

Thơ xuân của Lê Cảnh Tuân là cảm xúc đáng ghi nhận : thơ xuân khi còn ở quê nhà và thơ xuân trên đường lưu đày về phương Bắc. Theo "Đại Việt sử ký toàn thư", ông gửi cho Bùi Bá Kỳ bức "Vạn ngôn thư". Bùi Bá Kỳ là cựu thần nhà Trần, sang cầu cứu nhà Minh diệt Hồ. Giặc Minh xâm lược nước ta, đưa Kỳ về cho làm quan... Thư của Lê Cảnh Tuân bị giặc lấy, ông trốn thoát nhưng sau bị giặc Minh bắt giải về Yên Kinh. Vua Minh hỏi vì sao mà ông khuyên Bá Kỳ làm phản, ông trả lời : "Người nước Nam mong nước Nam còn, hỏi mà làm gì ?"

Bài "Xuân nhật hỷ tình" được viết khi còn tự do nơi quê nhà :

" ... Nhật lè phong khinh tăng khí tượng, sơn thanh thủy lục bội tinh thần trường không trạm trạm vô dư cảnh, tứ hải hy hy cộng nhất xuân..." (Xuân nhật hỷ tình)

(Mặt trời đẹp, làn gió nhẹ tăng cảnh sắc thiên nhiên  
Non xanh nước biếc thêm háng hái tinh thần  
Trời bao la không gợn cảnh khác  
Bốn biển mênh mang hòa chung một sắc xuân...)

Sơn kỳ thủy tú của đất nước vào xuân và tinh thần phấn chấn của một thanh niên giàu tâm huyết, vì lý tưởng cứu nhà nước mà bị lưu đày, tuy cô đơn nhưng vẫn giữ vẹn niềm trung hiếu :

"Hành sắc thương mang tuế chính lan, tiêu tiêu phong  
tuyết biệt ly gian... phượng thành nhị nguyệt hoa như hải,  
chuẩn nghĩ thiều quang nhất phá nhan" (Giang trung phùng  
lập xuân nhật)

(Cảnh trên đường xa mờ mịt, năm sấp tàn  
Gió tuyêt xao xác trong cảnh biệt ly  
Phượng thành (kinh đô nhà Minh) tháng hai hoa nở rộ như  
biển  
Chắc ánh xuân làm tươi nét mặt)

(Trên sông vào ngày lập xuân)

Bài thơ »Thuyền đi trên sông Cống châu gấp ngày giỗ mẹ  
» thêm rơi nước mắt :

"Nhất tòng tí địa giao tiên lũng, yêm hốt kim triêu hưu ky  
thần, sương lộ hiếu tư không tại niệm, tần phồn bạc điện  
cánh thùy nhân, bát thiên lý lộ tha hương khách, tứ thập  
ngũ niêm vô mẫu thân, tâm tích thử thời cảm bất đắc, lâm  
phong sai lệ bội thương thần". (Cống châu giang trung  
phùng tiên ti kỵ nhật)

(Từ lúc sang đất khác, xa mồ mả tổ tiên  
Thấm thoát sáng nay lại là ngày giỗ  
Móc sương nơi quê người, niềm hiếu đạo vẹn giữ trong  
lòng  
Biết ai thay mình dâng lẽ rau đậm bạc ở chốn quê  
Tám ngàn dặm làm kẻ tha hương  
Bốn lăm năm thân ta không còn mẹ  
Lúc này lòng đau như xé không cầm được

Lệ rơi trước gió, tinh thần thêm đau đớn.)

Mùa xuân lại về trên đất khách, quê hương của vần thơ trác tuyệt "đào hoa y cựu tiểu đồng phong", nhưng đối với thi nhân, lòng vẫn hướng về phương Nam xa lắc, có "cây mai nở vươn cũ" :

"Lữ quán khách nhưng tại, Khứ niêm xuân phục lai, Qui kỳ  
hà nhật thị, Lão tận cố viên mai." (Nguyên nhật)

(Vẫn làm khách tại quán trọ  
Xuân năm ngoái lại trở về  
Ngày về không biết đến khi nào  
Cây mai vươn cũ đã già cỗi.)

(Ngày đầu năm)

Thanh bình và đẹp hồn nhiên vẫn là nếp sống nhàn nhã, đậm bạc, ngày tháng cùng thiên nhiên bốn mùa hòa điệu. Cảnh sống an nhàn nơi thôn dã, không bon chen danh lợi vẫn là một giấc mơ lớn trên hành trình xuất xử :

"Trúc kính âm thảo sắc thê, sài môn thâm tỏa trú yên  
mê, chi đầu hoa trọng phong tu phấn, liêm ngạch cần  
hương yến tử nê, khóa bộc vận đồng kiêu dược phố, hô  
nhi khiên độc thí xuân lê, bàng nhân thuyết trước vi quan bảo,  
lãn tạ vô tâm báo xú thê" (Nguyễn Uc - Xuân nhật thôn  
cư)

(Ngõ trúc bóng râm, cổ xanh xanh  
Cửa sài khép kín, khói mờ giữa ban ngày  
Phấn nở hoa đầu cành nặng râu ong  
Bùn ở khóm rau cần chõ ngạch cửa thơm dấu chân chim  
én  
Gọi đầy tớ xách nước tưới vườn thuốc  
Kêu con dắt nghé thử chiếc cày xuân  
Người lân cận cứ nói đi làm quan tốt hơn  
Chỉ lười không nghĩ việc đền đáp cho người vợ quê.)

Nhân sinh bất đắc chí cũng là chuyện thường tình trong thiên hạ. Lê Cảnh Tuân vì "Vạn ngôn thư" mà bị lưu đày, ngự sử Phạm Mại can vua Trần Minh Tông mà nhiều lần bị giáng chức, đến độ lâm triều không màng góp ý, riêng Chu Văn An dâng "Thất trǎm sớ" không được chuẩn phê, cáo quan về ẩn cư tại núi Phượng hoàng, Chí linh. Giữ thân tâm yên lặng "như mặt giếng cổ chảng hè gợn sóng", thiên nhiên yên ắng chốn quê vào một buổi sớm mùa xuân thật êm á đố với kẻ thoái cư :

"Tịch mich sơn gia trấn nhật nhàn, trúc phi tà ứng hộ khinh  
hàn, bích mè vân sắc thiên như túy, hồng thấp hoa sao lộ  
vị can, thân dữ cô vân trường luyến tụ, tâm đồng cổ tĩnh  
bất sinh lan, bách huân bán lanh trà yên yết, khê điểu nhất  
thanh xuân mộng tàn". (Xuân đán)

(Cả ngày nhàn nhã ở ngôi nhà trên núi vắng lặng  
Manh liếp tre che nghiêng ngăn lèn gió rét nhẹ  
Màu xanh biếc át màu mây, trời như say  
Nắng hồng thấm hoa, sương sớm chưa khô  
Thân ta cùng đầm mây cô đơn lưu luyến nơi hốc núi  
Lòng như mặt giếng cổ không hè gợn sóng  
Hương khói thông nhạt dần, khói trà đã hết

Một tiếng chim kêu bên suối, tĩnh mộng xuân.) (Sáng xuân)

Tâm hồn lảng đọng vào từng chi tiết của tạo vật, "tĩnh mộng xuân" không phải là tâm thức "vô vi" sao ?

"Cung viên xuân nhật ức cựu" (Ngày xuân trong vường ngự nhớ người cũ) của Trần Thánh Tông như một tâm sự kín đáo rất riêng. Cứ như nội dung và âm điệu trữ tình trong thơ, "hoa xuân vì ai mà nở" ? bóng giai nhân, người tri kỷ, tri âm ... đang ở lanh cung ? như một cõi riêng của một дâng minh quân...

"Cung môn bán yếm kính sinh dài, bạch trú trầm trầm thiều vắng lai,

Vạn tử thiên hồng không lạn mạn, xuân hoa như hứa vị thùy khai."

(Cửa cung khép hờ, lối đi rêu phủ  
Ban ngày vắng lặng ít người qua lại  
Muôn hồng ngàn tía chỉ rực rõ suông  
Hoa xuân đẹp dường ấy vì ai mà nở ?)

Một bài thơ xuân của Giác hoàng điêu ngự Trần Nhân Tông, người sáng lập dòng thiền Trúc Lâm Việt Nam mới thật là siêu thoát, thân tâm và ngoại vật vượt qua chấp ngã chấp vô khi nhìn hoa rụng cuối xuân. Hoa nở, hoa tàn cũng chỉ là hình danh sắc tướng :

"Niên thiều hà tầng liêu sắc không, nhất xuân tâm tại bách hoa trung.

Như kim kham phá đồng hoàng diện, thiền bản bồ đoàn khán truy hồng" (Xuân vãn)

(Thuở trẻ chưa từng hiểu rõ lẽ sắc không  
Mỗi khi xuân về luôn gởi lòng vào trăng hoa  
Bây giờ đã khám phá ra mặt của chúa xuân  
Ngôi trên nệm cỏ bồ xem hoa rụng.) (Xuân muộn)

Tứ thơ làm liên tưởng đến "mạc vị xuân tàn hoa lạc tận" của thiền sư Mẫn Giác, lời "tựa Kinh Kim cương tam muội" của Trần Thái Tông :

"bản tính sâu trầm, chân tâm trong lảng. Khuyết tròn đều dứt, tính trí nào tìm được mối manh ; tan hợp đều quên, tai mắt há dự vào hình bóng. Hữu vô nắm được, đạo tục san bằng. Sừng sững riêng mình, cao siêu có một. Chính đó là dòng sông trọng yếu của tự tính kim cương vậy."

Mùa xuân Lý Trần nở hoa từ thuở kinh thành Thăng Long được Lý Thái Tổ đặt nền móng chủ quyền cho dân Việt. Chiếc nôi lịch sử, chính trị, văn hóa đó là biểu tượng về nguồn cội sức sống quật cường và tâm linh với những di tích và di sản thiêng liêng trên những địa bàn, địa danh cụ thể. Bạch Đằng, Vạn Kiếp, Bình Than, Hàm Tử, Chí Linh, Chi Lăng, Nam Quan... trong tổng thể cương vực quốc gia là những trang sử an dân vệ quốc. Văn miếu, miếu mạo, đền thờ là nguồn nuôi dưỡng học thuật, tư tưởng Việt Linh. Chùa Yên Tử, chùa Hương Tích... đặc biệt chùa Một cột (Diên Hựu) ngay lòng thủ đô là những đài sen tỏa hương bi-trí-dũng. Tất cả đã ngày càng hun đúc và củng cố Thăng Long lên đường với hành trang vô úy.

Thăng Long bước vào mùa xuân 2010 tròn ngàn năm tuổi. Trong nước, ngay từ năm 2001, chính quyền đã có những kế hoạch táo bạo, hoành tráng và lăng mạn để kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, vận động tuyên truyền ra cả hải ngoại. Nguồn sinh lực mùa xuân Lý Trần tiếp nối ra sao trong tình hình đất nước hiện nay, khi tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam đã đồng thuận theo đề nghị của tổng bí thư đảng cộng sản Trung Quốc vào tháng 6.2009, chọn năm 2010 là năm "Hữu nghị Việt-Trung". Từng nhận 16 chữ vàng, giờ đảng cộng sản Việt Nam lại nhận thêm 16 chữ, trọng tâm qui về bốn mối quan hệ sống còn của đảng :

"Sơn thủy tương liên, Văn hóa tương thông, Lý tưởng tương đồng, Vận mệnh tương quan."

Mong sao mùa xuân 2010, nhân dân không phải ngậm ngùi đọc thơ "Thăng Long thành hoài cổ" của Bà Huyền Thanh Quan : ... "ngàn năm gương cũ soi kim cổ / cảnh dấy người đây luống đoạn trường".

### nguyễn song anh

#### Tham khảo :

- Thiền luận 1, Daisetz Teitaro Suzuki, Trúc Thiên dịch (Lịch sử Thiền tông từ Đạt Ma đến Huệ Năng, bản in của chùa Khánh Anh, Paris, France).
- Thiền học Việt Nam, Nguyễn Đăng Thực, nxb Lá Bối, Sài Gòn, Việt Nam, 1964.
- Tư tưởng Việt Nam, (Tư tưởng triết học bình dân), bản in của chùa Khánh Anh, Paris, France.
- Việt Nam sử lược 1, Trần Trọng Kim, cơ sở "Đại Nam" xb.
- Luận ngữ, Nguyễn Hiến Lê dịch, chú, nxb Văn Nghệ, Wesminster, CA, USA, 1994.
- Thơ văn Lý, Trần 1, 2, 3, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, Việt Nam, 1989
- Nguyễn Trãi, Sinh thức và Hành động, (Lục tổ Huệ Năng và sự giao hưởng giữa Thiền Việt Nam và Thiền Trung Quốc, Võ Văn Ái, Quê Mẹ in lần thứ nhất, Paris, France, 1981..)
- Bảy đại triết gia Trung quốc đời Chu, Tần, cơ sở xb "Đại Nam", 1991.
- Biện chứng giải thoát trong giáo lý Trung Hoa, (Phái Thiền tông Trung quốc), Nghiêm Xuân Hồng, nxb Xuân Thu, CA, USA, 1991.

**"Ta yêu con ta, cũng như lòng cha mẹ  
dân yêu dân. Dân không hiểu biết mà  
mắc vào hình pháp, ta rất lấy làm  
thương xót. Từ này về sau, không cứ gì  
tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan  
giảm."**

(Lời của Vua Lý Thánh Tông)

# Ba Mươi, Ông Kênh, Cà Um...

## Tứ Diễm

Mặc dù chỉ đứng hạng ba trong tử vi Đông phương, (sau cả chú chuột nhắt lí lắc và chàng trâu khù khờ chậm chạp) nhưng họ nhà hổ lại có nhiều biệt danh nhất. Này nhé, hổ thường được gọi vắn tắt, đơn giản như: cọp, hổ, hùm, Panthera tigris (tiếng La Tinh), tiger (tiếng Anh), tigre (tiếng Pháp), cub (hổ con), v.v..., v.v....; còn trang trọng hơn một chút thì là: ông Mênh, ông Ba Mươi, ông Kênh, ông Mun, ông Cà Um, v.v..., v.v.... Mà cũng lạ, chẳng hiểu sao lại chỉ có "ông Ba Mươi", "ông Cà Um", "ông Mun" mà chẳng có "bà Ba Mươi", "bà Cà Um", "bà Mun" nhỉ?

"Chín đời còn hơn người dung", nếu tính theo gia phả, họ nhà hổ thuộc dòng họ mèo Felidae, vốn là "anh em chín họ mươi đời" với sư tử, báo, bao và với cả mèo. Bởi vậy, thoát nhìn sơ qua, hổ ta khá giống... mèo, chỉ có điều lớn, nặng và coi oai vệ hơn gấp bội. Hổ thuộc loài động vật có xương sống, có vú, sinh và nuôi con bằng sữa. Dòng họ nhà hổ chia ra làm chín loại chính, trong đó ba loại hổ Java, hổ Bali và hổ Caspi đã bị tuyệt chủng. Còn loại hổ Hoa Nam cũng không còn nhiều, có thể bị tuyệt chủng nếu không được bảo vệ đặc biệt. Hiện tại, người ta tin rằng chỉ còn khoảng dưới bảy ngàn con hổ sống rải rác ở những vùng rừng núi tại Ấn Độ, Nga, Iran, Siberi, Afghanistan, Mianma, Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, v.v..., v.v... và quần đảo Indonesia.

"Trông bằng mắt, chớ bắt bằng tay". Nhìn chung, hổ ta khá bảnh bao với bộ lông đầy mượt và mịn màng. Có loại rất đố con nặng tới 384 kg. Có loại mảnh mai hơn, chỉ nặng sơ sơ khoảng... 160 kg mà thôi. Chiều dài toàn thân có thể từ 2.3 m cho đến 3.3 m. Các nàng hổ thường nhẹ và nhỏ nhắn hơn. Đa số các loại hổ đều có bộ lông vằn vện, theo nhiều sắc độ từ đen đậm, lạt cho đến xám và nâu. Tùy theo loại mà các vằn nhiều ít. Trung bình mỗi bộ lông có ít nhất khoảng một trăm sọc vằn. Các kiểu vằn vện trên mỗi bộ lông đều thuộc loại "độc nhất vô nhị", tuyệt đối không bao giờ "đụng hàng", không bao giờ có hai bộ lông giống hệt nhau.

"Người đẹp vì lụa", hổ đẹp nhờ bộ lông. Màu sắc bộ lông họ nhà hổ thay đổi tùy theo loại. Quý và hiếm thấy nhất là loại bạch hổ, với bộ lông trắng muốt trên ngực, cổ và phần bên trong của chân. Người ta tin rằng ngồi, nằm trên da bạch hổ hay mặc áo làm bằng da bạch hổ sẽ được khỏe mạnh sống lâu. Hắc hổ, còn gọi là cọp mun hay ông Mun,

vốn là loại hắc hổ với sắc lông đen tuyền tràn đầy vẻ oai vệ dũng mãnh cũng rất hiếm gặp. Trong tài liệu cổ có nhắc đến loại thanh hổ, còn gọi Maltese tiger, blue tiger, hổ lam, là loại hổ có bộ lông xám hơi phớt xanh với những sọc vằn vện màu xám đậm. Tương truyền, loại mạnh và dữ nhất là hổ xám hay còn gọi cọp xám với sắc lông màu xám tro. Nhưng phổ biến nhất là loại hổ lông vàng vằn đen oai dũng, đã được dùng làm biểu tượng Cụp Đầu Vần của binh chủng Biệt Động Quân VNCH.

Loại hổ có sắc lông đỏ, còn gọi là xích hổ thường chỉ được thấy... trong tranh, truyện hay truyền thuyết. Chẳng hạn, loại tranh Ngũ Hổ với kích thước 55 cm x 75 cm, ngày xưa thường được bày bán ở phố Hàng Trống thuộc Hà Nội, vẽ năm con hổ mỗi con một dáng vẻ và màu sắc, tượng trưng cho ngũ hành: hoàng hổ (màu vàng, hành Thổ, trung ương chính diện), thanh hổ (màu xanh, hành Mộc, phương Đông), bạch hổ (màu trắng, hành Kim, phương Tây), xích hổ (màu đỏ, hành Hỏa, phương Nam), hắc hổ (màu đen, hành Thủy, phương Bắc) bao hàm nhiều ý nghĩa theo phong tục, tập quán và triết lý Á Đông. Người xưa tin rằng khi treo bức tranh Ngũ Hổ trong nhà sẽ xua đuổi được tà ma, tai kiếp, mang lại bình an và bảo vệ tài sản cho gia đình. Tương tự, người dân quê Trung Quốc hay mua hổ vải làm bằng các loại vải bông hay tơ lụa cắt rách tạo hình như đầu con hổ, nhồi cát hay mùn cưa; bên ngoài thêu hay vẽ màu tạo mắt mũi miệng, trông vừa ngộ nghĩnh đẹp mắt, vừa có vẻ uy mãnh, vừa dùng đồ chơi, vừa để trù trừ cho con cháu. Ngoài ra, còn có chú hổ Cringer với bộ lông xanh lá cây rất độc đáo là một nhân vật trong loạt phim truyền hình He-Man rất được các em bé yêu chuộng.

Tuy hơi "thấp cổ", nhưng họ nhà hổ không thuộc loại "bé miệng". Muôn thú đều hoảng hốt khi nghe tiếng gầm của chúa tể sơn lâm vang lên từ rất xa. Phải chăng vì thế nên hổ ta mới có thêm biệt danh "ông Cà Um"? "Sa vào miệng cọp" là điều không ai mong muốn. Nhất là khi hổ ta há to đôi hàm rộng, phô bầy trọn vẹn "miệng hùm", với hai hàm răng nhọn hoắt tỏa ra mùi hôi nồng nặc trông lại càng rất dã sơ. Chắc cũng chẳng ai ưa thích hành nghề... "xả răng cọp", nhưng nếu chịu khó nín thở để vạch miệng, đếm răng sẽ thấy họ nhà hổ có tổng cộng ba mươi chiếc răng trên cả hai hàm. Hai cặp răng nanh ở hàm trên và dưới rất nhọn, sắc và dài từ 2.5 đến 3 inches, dùng để cắn, xé và giết con mồi. Bốn cặp răng cửa nhỏ sắc và một cặp răng cửa lớn nằm kề răng nanh giúp họ nhà hổ dễ dàng

trong việc cắn và nhai thịt con mồi. Những cặp răng hàm ngoài nhiệm vụ giúp nhai và nghiền nát thịt, còn như đôi lưỡi kéo giúp ích trong việc cắt đứt thịt con mồi.

Khi mới sinh, các bé sơ sinh họ nhà hổ đã có sẵn nguyên hai hàm răng sữa. Sau khoảng sáu tháng tuổi, những chiếc răng vĩnh viễn sẽ từ từ mọc lên phía bên trong những chiếc răng sữa. Khi răng vĩnh viễn đã hoàn chỉnh, răng sữa sẽ rụng đi. Những chiếc răng vĩnh viễn này, đặc biệt là những chiếc răng nanh, tiếp tục phát triển và giữ được độ sắc bén; nhưng theo thời gian mâu của men răng sẽ dần chuyển đổi từ trắng tinh qua mầu ngà vàng. Nếu vì lý do tuổi tác hay vì một lý do gì đó khiến bị sún răng, hàm răng không còn đủ sức để nhai xé thịt thú rừng, hổ ta có thể trở nên rất nguy hiểm vì trở thành "sát thủ" tấn công loài người. Tương tự, những con hổ bị thương tật không còn khả năng săn rượt thú rừng cũng sẽ chuyển sang tìm mồi bắt người.

"Mắt sắc như dao câu", với cấu trúc đặc biệt, họ nhà hổ có đôi mắt sáng nhất trong các loài, có thể nhìn rõ trong bóng tối, thích hợp cho việc săn mồi vào ban đêm. Tuy nhiên, hổ ta chỉ nhận biết được một vài mầu sắc, chẳng hạn xanh lục, xanh dương, vàng và xám. Đầu hổ tròn. Tai vểnh và thính, có thể ve vẩy được. Hai bên mép lùn phún vài sợi râu. Có người tin rằng dùng râu hổ có thể chế ra bùa dùng để thư ếm. Lưỡi hổ mầu hồng nhạt mềm dẻo ngoài giúp trong việc ăn uống, còn giúp họ nhà hổ trong việc rửa mặt, tắm rửa, giữ cho bộ lông toàn thân và các bàn chân sạch sẽ. Khi bị thương, họ nhà hổ thường dùng lưỡi liếm vết thương để khử trùng. Các bà mẹ hổ ngoài việc dùng lưỡi để liếm lông lau chùi, tắm rửa cho các con còn dùng lưỡi để nựng tò vè thương yêu trùm mến. Tuy lông neo cụt lùn, lông mày lưa thưa, mũi lại xẹp nhưng bù lại họ nhà hổ có thân hình thon dài, ngực nở, eo thon, bốn chân săn chắc và dáng đi rất uyển chuyển nhưng không kém phần oai vệ.

"Tai nghe chẳng bằng mắt thấy", nếu lần mẩn ngồi vạch lông đêm... xương, sẽ thấy bộ xương họ nhà hổ khá giống họ nhà mèo; đúng là "con nhà tông hông giống lông cũng giống... cốt" hén. Xương sống lưng gồm ba mươi đốt có độ co giãn rất cao. Xương bả vai được nối vào thân mình nhờ bắp thịt nên có độ đàn hồi và dẻo dai. Đuôi hổ thon nhỏ dần, có một túm lông ở chót đuôi. Khi di chuyển, đuôi hổ ve vẩy nhịp nhàng theo chân bước làm tăng vẻ uyển chuyển của dáng đi. Lúc rình mồi, hổ thu gọn đuôi vào sát thân mình. Trước khi lao mình chồm tới chụp mồi, hổ có thói quen hất mạnh đuôi về phía trước. Cặp chân sau dài và mạnh hơn cặp chân trước, giúp họ nhà hổ có thể dễ dàng phóng mình lao tới vồ chụp được con mồi ở cách xa. Bốn chân hổ khỏe. Bàn chân có đệm nhún và móng sắc nhọn tương tự như chân mèo. Nếu xòe bàn chân, đếm ngón chân sẽ thấy hai bàn chân trước của họ nhà hổ gồm năm ngón, có thể dài đến năm inches, với móng sắc cong nhọn. Hai bàn chân sau chỉ có bốn ngón.

"Miệng kẻ sang có gang có thép", còn miệng họ nhà hổ với hàm răng nhọn sắc cũng đủ khiến mọi loài khiếp sợ. Bên cạnh đó, bàn chân của họ nhà hổ cũng không kém phần lợi hại. Ngoài việc giúp ích giữ thăng bằng khi đi,

chạy, leo, vươn, uốn mình ở đủ tư thế, đôi bàn chân với móng vuốt sắc nhọn còn giúp họ nhà hổ có thể tấn công con mồi hay đối thủ, dùng móng vuốt bấu sâu vào làn da, chụp giữ không cho con mồi chạy trốn. "Long hành, hổ bộ", khi cần tự vệ, đôi bàn chân hổ cũng là vũ khí rất đáng gờm, có thể tung ra những "chiêu thức" linh hoạt rất nguy hiểm. Cũng nhờ "tọa quan hổ đấu" mà một số vị tôn sư đã sáng chế ra được những thế võ rất đặc sắc, chẳng hạn: Lão hổ thượng sơn là mười bài quốc võ Việt Nam, Long Hổ Quyền (của phái Võ Vi Nam), Tọa Sơn Quan Hổ (do Quý Cốc Tiên Sinh sáng tạo), Song Thủ Hổ Bác (của Châu Bá Thông trong bộ Anh Hùng Xạ Điêu của Kim Dung), v.v..., v.v... "Nhất san bất tàng nhị hổ" (một núi không thể chứa hai cọp), đôi khi họ nhà hổ còn dùng móng vuốt cào lên thân cây, mài tỏa ra từ những tuyến giữa các ngón chân sẽ đọng lại như một cách để quy định ranh giới lãnh thổ thuộc "giang sơn" của mình. Tương truyền, móng hổ chứa rất nhiều vi trùng. Khi săn được hổ, người ta thường thuỷ râu hổ và cẩn thận tránh không để vuốt hổ làm trầy da.

"Thương người lại khó đến thân", theo truyện cổ tích dân gian, hổ vốn là cháu gọi mèo bằng cô nên học được hết những món võ gia truyền của họ nhà mèo, nhưng về sau hổ tính xoi tái cô, cũng may mèo đã phòng hờ giữ lại món nghề leo cây không truyền cho hổ nên hổ không biết leo cây, nhờ thế mèo mới thoát được nạn và phải trốn chui trốn nhủi đến nơi thành thối quen chôn giấu mỗi khi cần giải tỏa "bầu tâm sự". Vì truyền thuyết này nên nhiều người cứ định ninh họ nhà hổ không biết leo cây. Nhưng thật ra, tuy hơi vụng về và khó khăn nhưng họ nhà hổ vẫn có thể leo trèo được khi bị lâm vào cảnh "mãnh hổ nan địch quần hổ" hay khi cần rượt đuổi săn lùng theo con mồi. Phải chăng vì không muốn "vạch áo cho người xem lưng", phô bầy sở đoản của mình nên họ nhà hổ hiếm khi chịu leo trèo?

"Đi cho biết đó biết đây", tính hổ ưa thay đổi nên không có hang ổ cố định. Họ nhà hổ vốn thích sống đơn độc một mình; đôi khi sống quây quần cùng vợ con ở vùng rừng núi hay thảo nguyên cây bụi, trảng cỏ. Khi kết đôi, họ nhà hổ rất chung tình, chỉ một vợ một chồng, không có chuyện "năm thê bảy thiếp" nên các nàng hổ không cần phải đánh ghen. Mỗi lứa, hổ cái chỉ sinh được từ ba đến bốn con. Nhưng, thường chỉ có một hay hai con sống sót và trưởng thành. Tuổi thọ trung bình của họ nhà hổ từ 10 đến 15 năm nếu sống hoang dã, và từ 16 đến 20 năm nếu được nuôi dưỡng. Ngày trước, khi rừng rú còn hoang vắng, chưa bị loài người khai phá, hổ mặc sức mà sinh sản. Càng về sau, số lượng hổ ngày càng ít vì bị loài người ráo riết săn bắt để lấy lông và xương và cũng vì đất đai bị khai phá khiến thú rừng không còn đất để sinh sống. Số hổ con sinh ra không đáng kể so với số hổ bị bắt, giết. Vì thế, hiện nay, hầu hết các nước đều đặt ra những điều luật để ngăn chặn việc săn bắt bừa bãi có thể khiến tuyệt chủng loài hổ.

"Cọp chết để da, người chết để tiếng", lông hổ thuộc kỵ rất đẹp và là vật trang trí quý giá, đắt tiền, có thể nhồi trầu để trưng bầy hay làm thảm, làm áo, bọc ghế, v.v..., v.v... Người ta tin tưởng xương hổ giúp bồi bổ gân cốt, thể

lực nên được dùng làm nguyên liệu chính để chế tạo món thuốc Cao Hổ Cốt rất hiếm và đắt. Thịt hổ được làm thành nhiều món ăn, nghe nói rất được dân nhậu ở Việt Nam ưa chuộng. Có người còn tin rằng nanh hổ mang lại sự bình yên nên được xem như bùa hộ mạng. Ngoài việc bị săn giết, họ nhà hổ còn bị bắt để bán cho các gánh xiếc làm trò cho khán giả xem hay đem bán cho các sở thú thuộc nhiều quốc gia.

"Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh", nhờ có đôi mắt sáng và rất tinh, nhìn rõ trong bóng đêm nên họ nhà hổ thường săn mồi vào ban đêm. Ban ngày, hổ ta chỉ "dài lưng tốn vải, ăn no lại nǎm" ngủ kỹ. Đến khi mặt trời khuất dạng, bóng đêm ùa đến cũng là lúc hổ ta đi săn mồi. Nhờ thêm tai thính, mũi đánh hơi giỏi, bàn chân có đệm nhún di chuyển rất êm nên họ nhà hổ có thể lặng lẽ đến gần rồi bất ngờ nhảy đến vồ mồi. Hổ thường dùng móng sắc cấu mạnh vào dây thần kinh ở cổ hay đầu khiến con mồi bị té liệt, trước khi dùng răng cắn cổ hút máu rồi xé thịt ăn, bỏ lại bộ xương.

Mỗi loài thú rừng kể cả hươu, nai, heo rừng, sơn dương, trâu rừng đều có thể thành mồi ngon cho họ nhà hổ. Thường chỉ những con hổ già yếu hay bị tật không còn khả năng săn bắt thú mới tấn công gia súc và người. Muốn gài bẫy hay săn bắt hổ cũng không đơn giản. Vào ban đêm, nếu đi săn trong rừng mà thấy cặp mắt mầu đỏ là đã gặp hổ vì mắt các loài thú khi gặp đèn săn đều có mầu xanh. Nếu không muốn nguy hiểm, người thợ săn nên nhanh chóng bỏ đi nơi khác, tránh kinh động đến chúa tể sơn lâm. Nếu muốn bắt cần phải canh thận xác vào giữa hai chấm đỏ, bắn xong phải tránh ngay qua một bên để phòng hổ bị hổ chồm tới chụp bắt.

Người ta hay nói "ở bẩn như lợn", nhưng lại quên không nhắc đến cái nết ăn ở khá sạch sẽ vệ sinh của họ nhà hổ. Hổ ta rất thích bơi lội và tắm dưới sông suối, lại còn siêng nắn lè lưỡi liếm sạch lông trên người và bốn chân. Đặc biệt hổ ta biết giữ vệ sinh, không phóng uế xuống dòng nước nơi hổ tắm và uống nước. Nhưng dù siêng năng tắm rửa, họ nhà hổ vẫn "hôi miệng", với mùi xú uế nồng nặc tỏa ra rất... ấn tượng.

Trong chế độ phong kiến, rồng làm biểu tượng dành riêng cho vua chúa, hổ được xem như biểu tượng của các bậc quan lại. Chẳng hạn như "hổ phù" chỉ lệnh bài của chủ tướng, có hình đầu hổ, "hổ trưởng" ám chỉ trưởng phủ của vị chủ tướng khi xuất chinh, "hổ tướng" dùng để khen tặng người tướng giỏi có tài uy dũng, "bảng hổ" là nơi niêm yết tên những vị thư sinh đã thi đậu. "Long đàm, hổ huyệt" (đầm của rồng, sào huyệt của hổ) ám chỉ nơi quan trọng, căn cứ địa nguy hiểm. "Hổ khẩu" nghĩa đen là miệng hổ, nghĩa bóng chỉ nơi trọng yếu. "Hổ cứ" cũng được dùng để chỉ nơi quan trọng, nguy hiểm, địa thế hiểm yếu. Từ "hổ lang" thường dùng để ám chỉ lòng dạ độc ác như cọp và chó sói.

Ngoài ra, chẳng hiểu tại sao lại có nhiều từ kép dù có chữ "hổ", "cọp" nhưng chẳng liên can chi đến loài hổ. "Hổ phách" do nhựa các loài lá kim kết tụ trong lòng đất lâu ngày tạo ra. "Hổ mang", "hổ lửa" là tên gọi của một

loại rắn có nọc độc. "Hổ ngươi" có nghĩa tương tự như e thiện, mắc cở. "Hổ thiện" thường dùng diễn tả cảm giác ăn năn sau làm một việc xấu. "Hổ lốn" chỉ sự lộn xộn, không thứ tự. "Xấu hổ" có nghĩa tương đồng với "hổ ngươi". "Cop dê" chỉ việc bắt chước, sao y bản chính. Kể cung vui, chẳng hiểu sao từ chữ "copier" (tiếng Pháp), người ta lại bắt "dê" đi theo "cop" để chế thành chữ kép "cop dê". Tương tự, chữ "xem cop", "coi cop" thường dùng khi đi xem hát ... lậu vé. Ở Anh, có loài "Bướm Hổ" rất lớn với mầu sắc vằn vện như da hổ. Cỏ "tai hổ" (còn gọi là hổ nhĩ thảo, cỏ chân vịt, áp túc thảo, tuyết hạ, ... tên tiếng Anh là strawberry saxifrage, dựa tên khoa học Saxifraga stolonifera) là một loại cây có lá mang hình dáng như tai hổ, có hoa rất nhỏ như một con ong hay bọ có cánh. Loài "hổ răng kiếm" (còn gọi là "thú răng kiếm") vốn là các loài Smilodon có những chiếc răng nanh dài như dao, hiện nay đã tuyệt chủng. "Hổ Tasmania" có hình dáng giống chó, có vằn, nhưng không thuộc về họ chó và họ hổ, nhưng đã bị tuyệt chủng cách đây gần một thế kỷ.

Có nhiều địa danh trên thế giới và ở Việt Nam cũng có chữ "hổ" trong tên gọi. Thí dụ như di tích Hổ Quyền (còn gọi là Hổ Quyển hay Hổ Khuyên) tọa lạc tại thôn Trường Đá, xã Thủ Biều, thành phố Huế là dấu trường vừa để nuôi dưỡng vừa để thi đấu giữa voi và hổ trong các buổi lễ hội lớn và là phương tiện tiêu khiển giải trí cho vua, quan và dân chúng. Ngoài ra còn có các địa danh như Hổ Lao thuộc Quảng Ninh, Hổ Soái thuộc Cần Thơ, Hổ Tiêu, Hổ Yên, Hổ Long thuộc Lai Châu, Cù Lao Hổ thuộc Bến Tre, Rạch Ông Hổ thuộc Tiền Giang, cầu Bạch Hổ bắc qua sông Hương thuộc Huế, miếu Ông Hổ thuộc Bà Rịa, v.v..., v.v... Ở làng Thổ Tang thuộc tỉnh Vĩnh Yên, có miếu thờ Thần Hổ kiến trúc rất uy nghi. Ngoài ra, Thần Hổ còn được thờ ở nhiều nơi khác nhau, nhất là trong các điện lén đồng bóng. Ở Thái Lan, có một ngôi chùa ở vùng Kanchanaburi gọi là Đền Hổ rất nổi tiếng vì các vị sư đã nuôi dậy, thuần phục hóa bầy chúa tể sơn lâm trở nên ngoan hiền thuần thực.

Họ nhà hổ được nhắc nhở đến trong rất nhiều câu ca dao tục ngữ thành ngữ. Thủ kẽ sơ một số câu thông dụng thường nghe nhắc đến: hổ lạc bình dương bị khuyến khích, hổ ngã phùng nhân thực nhân cùng khởi đạo tâm, hổ ngôn loạn ngữ, hà chính mãnh ư hổ, hổ chẳng nỡ ăn thịt con, hổ dữ còn ẩn bóng cây, hổ giả hổ oai (cáo mượn oai hùm), hổ phụ sinh hổ tử, hổ phụ sinh khuyển tử, hổ trực quần dương, hổ tử lưu bì nhân tử lưu danh (cọp chết để da, người chết để tiếng), họa hổ họa bì nan họa cốt tri nhân tri diện bất tri tâm, bất nhập hổ huyệt bất đắc hổ tử (không vào hang hùm sao bắt được cọp con), bất úy mãnh hổ nhi úy sàm ngôn, bạo hổ bắng hà, cửu ngưu nhị hổ (chín trâu hai cọp), đàm hổ biến sắc, điệu hổ ly sơn, dương chất hổ bì, dương hổ di họa, dương hổ thương sanh, khỏe như hùm như hổ, ky cọp cho cọp nó xơi, ky hổ nan hạ, làm hùm làm hổ, long hành hổ bộ, long tượng hổ bộ, lưỡng hổ tượng đấu tất hữu nhất thương, mãnh hổ nan địch quần hổ, nam thực như hổ nữ thực như miêu, nhục huyền hổ khẩu, phóng hổ quy sơn (thả cọp về rừng), quân vô tướng như hổ vô đầu, quần hổ bất như độc hổ, si nhi bất úy hổ, tay long tay hổ, thị trung

hữu hổ, tọa quan hổ đấu, tránh hùm măc hổ, trên rừng thì hổ lang dưới làng thì mặt rõ, tửu nhập tâm như hổ nhập lâm, úy thực như úy hổ, vẽ cọp giống chó, vẽ hùm thêm cánh, U Minh Rạch Giá Thị Quá Sơn Trưởng. Dưới sông sáu lội trên rừng cọp đua, sa vào miệng cọp, rừng nào cọp nấy, rồng gấp mây cọp gấp gió, ngồi trên lưng cọp, mưa Đồng Cọ gió Tu hoa cọp Ô Gà ma Đồng Lớn, mèo tha miếng thịt thì đòi kẽnh tha con lợn măt coi trừng trừng, mèo tha miếng thịt xôn xao kẽnh tha con lợn thì nào thấy chi, lùa dê vào miệng cọp, hổ lạc bình dương bị khuyển khi, cọp dữ còn không ăn thịt con, cọp dữ Mông Dương nước độc Hà Tu Da đầy, cọp Khánh Hòa ma Bình Thuận, cọp ngã lăm kẽ cầm dao, cọp nhai bọ măt, cọp núi Lá cá Sông Hình, bán thỏ mua hùm, chở thấy hùm ngủ vuốt râu đến khi hùm dậy đầu lâu chẳng còn, v.v..., v.v...

Họ nhà hổ còn là đề tài cho các vị nghệ nhân sáng tác nhiều tác phẩm nghệ thuật đặc sắc chạm khắc trên gỗ, đá, ngọc, vẽ trên lụa, giấy, tường hay thêu thùa lên những tấm trướng lồng lẫy. Cũng như được nhắc nhở trong nhiều điển tích và tác phẩm văn chương. Bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ cho đến nay vẫn còn được truyền tụng đã khéo diễn tả tâm sự một chú hổ bị sa cơ thất thế. Họ nhà hổ còn được nhắc đến trong nhiều tác phẩm của nhà văn Tchya, Lan Ngọc, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, .... cũng như trong nhiều câu truyện cổ tích. Thí dụ như truyện "trí khôn của ta đây" giải thích lý do tại sao hổ lại có bộ lông vằn vện và trâu chỉ có một hàm răng. Truyện "khỉ và hổ" giải thích nguyên do tại sao hổ lại ghét khỉ đến thế, và lý do tại sao khi chết khỉ thường nhăn răng ra. Truyện "hổ và cóc" kể về sự tinh ranh của chú cóc đã lừa được hổ khiến hổ phải chịu thua. Truyện "dê đôi lốt cọp" ngụ ý nói những kẻ bất tài dù có dùng lớp vỏ để che đậy, nhưng khi gặp việc thì chẳng che dấu được sự kém cỏi của mình.

Câu "cáo mượn oai hùm" dịch từ thành ngữ "Hồ giả hổ uy" của Tầu, do điển tích thời Chiến Quốc nhắc chuyện vị đại thần Giang Ất mượn chuyện ngụ ngôn để phân tích thiệt hơn cho Sở Hoàn Vương. Ngoài ra, còn có truyền thuyết, lúc chúa Nguyễn Ánh bị nhà Tây Sơn truy lùng, đuổi giết, hết lương thực nhưng nhờ có hổ tha thú rừng tiếp tế mỗi ngày. Về sau, khi lên ngôi vua Gia Long (tức chúa Nguyễn Ánh) đã ban lệnh lập miếu thờ tại vùng Mô Xoài thuộc tỉnh Bà Rịa để tạ ơn. Dân gian thường gọi là miếu Ông Hổ. Tục truyền, vua ban lệnh cấm giết hổ. Nếu ai lỡ tay giết chết hổ bị phạt ba mươi trượng. Nếu bắt sống được thưỡng ba mươi quan tiền. Cũng vì lệ này mà hổ còn được gọi là ông Ba Mươi.

Nhân tiện, xin nhắc đến có vài nhân vật khá nổi tiếng có liên quan đến "hổ". Ông Lê Như Hổ, con nuôi của đức Tả quân Lê Văn Duyệt, nổi danh ăn khoẻ cùng có sức mạnh hơn người. Ông Phạm Đình Hổ và những bài thơ đối đáp với nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã tạo nên một giai thoại văn chương rất thú vị. Nhà thơ Trần Dần nổi danh với những câu thơ bất hủ, tuy rất tài hoa nhưng cuối cùng phải tự tử vì bị chính quyền ngoài Bắc đấu tố. Bên Trung Hoa, vào thời Sở Thành Vương, Đấu Cấu Ô Đồ (Ô Đồ còn có nghĩa là cọp) là vị tướng tài giỏi giúp nước Sở cường thịnh. Ông Võ Tòng nổi tiếng với tài tay không đấm chết cọp.

Thời Tam quốc, Lưu Bị hoàn thành đế nghiệp cũng nhờ công của "Ngũ hổ đại tướng" (gồm Quan Vân Trường, Trương Dực Đức, Triệu Tử Long, Mã Mạnh Khởi và Hoàng Trung), Khổng Minh và nhiều nhân tài khác.

Theo tử vi Đông Phương, năm 2010 là Canh Dần, thiên can Canh, địa chi Dần, sau mươi hai năm sẽ đến năm Nhâm Dần (2022). Cứ luân chuyển như thế đến 60 năm nữa sẽ lại là Canh Dần. Người ta tin rằng bốn tuổi Dần, Thân, Ty, Hợi thuộc tứ hành xung và Dần, Ngọ, Tuất hợp thành tam hợp. Có người còn tin rằng hổ tượng trưng sức mạnh, nên thích hợp với phái nam. Nếu phái nữ lỡ sinh vào năm Dần sẽ bị cao số, chậm trễ trong việc lập gia đình. Chẳng hiểu cao số là do số mạng hay chỉ vì thành kiến xã hội?

Nãy giờ mãi vui đem họ nhà hổ ra luận bàn cũng đã khá đông dài. Xin mạn phép tạm ngưng bài phiếm nơi đây. Kính chúc quý vị độc giả một năm mới an khang, thịnh vượng và vạn sự如意.

## Tứ Diễm

---

Tài Liệu Tham Khảo:

1. "Tiger Territory", tác giả Maxine Annabell, 2001.
  2. "Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam" của giáo sư Nguyễn Lan, NXB Khoa Học Xã Hội, 1997.
  3. "Wikipedia, the free encyclopedia", Wikimedia Foundation, Inc.
  3. "Bách khoa toàn thư", Online.
  4. "The American Heritage Dictionary", Third Edition, version 3.5, 1994.
  5. "The Complete Book of Chinese Horoscopes", Element Books Limited, 1997.
  6. Và một số tài liệu sưu tầm từ nhiều nguồn trên mạng.
- 

... Tâm tư của người Phật tử ngày nay là tâm tư của kẻ bị dày xéo từ một thế kỷ rưỡi qua vì những thế lực ngoại lai muốn biến Việt Nam thành chiến trường, thành thị trường, thay vì đạo trường. Tâm tư ấy biến thành cuộc vận động không ngưng nghỉ của Phật giáo suốt thế kỷ XX cho đến nay để phục vụ dân tộc, tổ quốc, nhân loại theo sứ mệnh tôn giáo, chứ không theo cương vị chính trị. Vì vậy mà thái độ của Giáo hội đối với nhà đương quyền Xã hội Chủ nghĩa là thái độ của tôn giáo đối với những chính sách sai lầm, những khuynh loát chính trị, những lạm dụng đất nước và quần chúng....

(Thông Điệp Xuân Canh Dần 2010, của Đại Lão HT. Thích Quảng Độ)



# möa xuâ veamuoö

Trần Đan Hà

Lâm trở về quê sau một biến động của đất nước, một khúc quanh lịch sử trôi qua đã lâu, nhưng thảm cảnh chiến tranh vẫn còn ám ảnh. Từ những ngày triệt thoái cao nguyên, với hàng hàng lớp lớp chui ra từ lửa đạn; đến những ngày Sài Gòn tan tác, cảnh hỗn loạn khiến cho bao người hốt hồn, kinh hoàng. Mọi chọn lựa đều không mang tính trọn vẹn để đáp ứng nhu cầu cho những người đã một lần đánh mất quê hương. Ngày đó, anh chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ trở lại nơi chốn thân yêu. Vì nơi ấy, chiến tranh đang lan tràn, khiến cho hoài vọng trở về vẫn còn mịt mù khuất vắng.

Nhưng hôm nay, anh đang đi trên con đường mà ngày xưa anh đã từng đi nhiều lần. Nét quen thuộc của phong cảnh hai bên đường khiến cho anh cảm thấy bớt lẻ loi. Hình như có một cái gì mà Lâm không thể hình dung ra được, nhưng nó đã tạo nên một cảm giác ấm áp, bâng khuâng. Lâm thấy hân hoan với cảm nhận vừa trùm mến như khúc phim quay lại khung trời tuổi nhỏ với biết bao mến yêu, mà chàng đã sống với từng ấy ký niêm êm đềm. Tuy không gian xa cách chẳng giúp gì cho chàng nối lại những dở dang, vì chuỗi ngày thơ mộng ấy chưa có cơ hội ghi lại trọn vẹn vào ký ức, nên bây giờ hình như đã tàn phai theo thời gian vô tình.

Lâm chợt nhớ đến chuỗi ngày chung bước với cô bạn gái cùng làng lên học trường Quận. Người con gái tên Lan ấy ở cách nhà Lâm non nửa cây số, muốn đến trường thì phải đi theo hướng đến nhà chàng. Thành ra không hẹn mà cứ mỗi buổi sáng, Lâm đều chờ đợi bóng dáng của Lan đến ngay đầu ngõ, chàng mới bước ra để đi chung. Ngày ấy, tình bạn giữa hai người rất đơn sơ trong trắng, tự nhiên như đôi chim chuyền cành, chạy nhảy tung tăng, hót ca líu lo giữa đất trời cao rộng.

Lâm chưa có một cảm giác gì khác thường khi đi chung với một người con gái. Nhưng hình ảnh ấy, bóng dáng của Lan đã in sâu trong chàng lúc nào không hay. Tình tự mến yêu đã nuôi dưỡng đôi tâm hồn son trẻ, sống

trong một nguồn suối mát ngọt ngào tuôn chảy vào đời, như thiên nhiên mưa nắng. Từ nhà đến trường phải đi bộ non nửa tiếng đồng hồ, nhưng dần rồi cũng quen. Vì ở thôn quê trường gần chỉ có bậc Tiểu học; trường Quận mới có các lớp Trung học lên đến lớp 9 (đệ tử) và ai có khả năng học tiếp thì phải lên trường Tỉnh. Vì thế hầu hết những người sinh trưởng nơi làng quê, không mấy ai học lên cao. May mắn lắm là học hết lớp cuối của trường Quận, rồi trở về theo nghề cha truyền con nối trong gia đình.

Tiên đường đi học, thỉnh thoảng Lan ghé nhà Lâm chơi. Mẹ Lâm xem Lan như con cháu trong nhà. Lan đối với gia đình Lâm rất tự nhiên, thường gọi mẹ Lâm bằng dì. Còn Lâm vẫn xem nàng là người bạn học như người bạn khác mà thôi, chứ chưa có tình ý gì cả. Mẹ Lâm đã dành cho Lan với tất cả cảm tình và bà luôn hy vọng sau này, nàng sẽ trở thành cô dâu trong gia đình bà ta. Có lần bà nói với Lâm:

- Mi coi giữ gìn con Lan cho kỹ, đừng để mất nó thì uống lầm đó nghe con!.

Lâm chưa hiểu ý mẹ, nên thành thật trả lời:

- Thì Lan vẫn đi học với con hằng ngày đó chớ, mần rãng mà mất đi cho được?

Mẹ nhìn Lâm với lòng thương hại và nói với chàng:

- Nầy thằng ngốc của mẹ, sao con bâng tai nở rồi mà còn ngu ngơ như rứa?

Lâm chống chế:

- Con đến trường đều thuộc bài, về nhà cũng làm bài tập được, răng mạ nói con ngốc?

Đến đây thì bà lắc đầu và phì cười, nói thêm: “Thôi được con hãy cố gắng lên, chứ đừng để cho mạ thất vọng đó nghe”. Tuy nói vậy, nhưng lòng bà luôn lo lắng, không biết sao thấy Lâm lớn nhanh và khoẻ mạnh, mà vẫn còn ngu ngơ như đứa trẻ mới lên ba. Không lẽ nó “không có nam tính?”, trông bên ngoài đều tốt, không có triệu chứng gì khả nghi cả!

Rồi bà lại tự suy nghĩ có lẽ sự phát triển của những đứa con trai ở thôn quê đối với tình cảm lứa đôi hơi chậm, đến tuổi mười lăm mười sáu, nhưng đứng trước người bạn gái “vẫn thấy như không...!”

Còn Lan thì hoạt bát, tự nhiên hơn nên thỉnh thoảng đến nhà Lâm chơi đã khiến cho mẹ chàng đặt nhiều kỳ vọng nơi nàng. Hai gia đình rất thân thiết với nhau, tuy ba của Lan mất sớm, nhưng mẹ đã dành cho Lan với tất cả tình thương.

Có lần mẹ Lâm nói với chàng:

- “Tau chộ con Lan càng ngày nó càng chả lầy, hiền thục dễ thương lắm chớ. Hèn chi người ta thường nói: “Lâu ngày trổ sắc thêm duyên”. Những đứa con gái mà có cái duyên thầm: với khuôn mặt bánh đúc, nước da

bánh mật, thì tha hồ mai mốt mà nựng“. Rồi bà nhìn Lâm mỉm cười, nụ cười của bà như thầm nhủ: “Mẹ đã chọn cho nhà mình một nàng dâu rồi đó”.

Nhưng Lâm chỉ hiểu “nựng” là như bà mẹ đang bồng trên tay một đứa bé rất bụ bẫm, nâng lên đưa xuống rồi nói với nó:

“Âu... âu con ai mà dẽ ghét quá chưa nè, cho bà cắn một miếng nghe, bà cắn nè, rồi rúc mặt vào bụng đứa bé, thì nó sẽ cười như dưới ưới, nắc nẻ...”. Lại nhắc đến chuyện hai con vật gần như huyền thoại này nữa. Con đười ươi thì Lâm có thấy hình, nhưng con nắc nẻ thì chưa bao giờ thấy. Mặc dầu ngày xưa mẹ có kể cho Lâm nghe rằng: “hai con ấy mỗi lần gặp gỡ thì ôm nhau cười rồi lăn ra chết giấc”. Chuyện kể đã lâu, lúc ấy Lâm còn nhỏ nên không biết, bây giờ nhắc lại mà chàng cũng đứng đứng, không muốn truy tìm nguồn tích làm gì.

Lâm chỉ biết đợi khái vậy thôi, nên nhiều khi tự hỏi: “đối với Lan thì bây giờ nàng đã là một thiếu nữ, mai mốt sẽ lớn lên nữa thì làm sao mà nựng?”. Một lần khác, Lan thêu tấm khăn tay tặng cho Lâm, với hình cánh lan rừng, trên có hai chữ L viết hoa, tạo thành hình cánh bướm.

Lâm hỏi mẹ ý nghĩa của cành hoa thêu trên khăn có cánh bướm. Mẹ néo nhẹo mắt tủm tỉm cười, như thầm nhủ đến bây chừ mà còn như “con nai vàng ngơ ngác!”. Nhưng mẹ cũng đem chuyện tích ngày xưa để ngầm giải thích cho Lâm hiểu ý nghĩa bức thêu với cành hoa lan rừng và cánh bướm:

- “Có lẽ ngụ ý chuyện ngày xưa Trang Sinh nằm mơ thấy mình hóa bướm, đến khi thức giấc thì không biết mình là bướm hay người. Bức tranh thêu hình bướm đậu trên cánh lan rừng, ngụ ý gì con cứ tìm hiểu đi”.

Lâm thấy câu chuyện hơi rắc rối, nên lặng sang chuyện khác. Vì mẹ chỉ giải thích nửa chừng chứ không bao giờ nói rõ ràng chi cả. Hình như tính tình của Lâm đơn sơ như vậy, chưa cần biết đến những việc còn trong ý niệm về tương lai. Hiện tại thì Lâm chỉ nghĩ đến lời khuyên của mẹ: -“Con gắng học ba chữ, để sau này không hối hận vì thua sút bạn bè”.

Cuộc sống đầm ấm của gia đình Lâm thật hồn nhiên như cây cỏ, cứ thản nhiên trôi đi như những áng mây trắng bay thong dong trên bầu trời xanh. Cha Lâm thì ít nói, chỉ biết ngày ngày ra đồng cà cấy, mong sao cho mùa gặt hái mau về, để cho gia đình khỏi thiếc thốn. Khi nào mưa thuận gió hòa, được mùa lúa gạo đầy sân, sắn khoai cao đồng thì thể hiện trên khuôn mặt ông niềm vui rất lớn. Ông chỉ có niềm vui khi thấy thành quả ấy mà thôi. Ngoài ra không ước mơ gì cao vời, nên đời sống của ông rất giản dị và bao dung. Còn mẹ Lâm thì với vợ yêu thương, đã dành cho chồng con một nguồn hạnh phúc chan chứa, một tình mẹ nồng nàn đã

nhiều lần bà dùi bước con trẻ từ mới chập chững vào đời; đến những bước vững chải, luôn dõi lòng theo dõi đường cho con khỏi vấp ngã.

Chợt một hôm chiến tranh lan tràn và tàn phá một vùng quê nơi Lâm đã sinh ra và lớn lên trong cuộc sống tuy không mấy sung túc, nhưng đã cho gia đình Lâm những tháng ngày bình yên và sau này đã trở thành kỷ niệm đáng nhớ. Tuy chưa đến tuổi trưởng thành, nên cảm giác về nơi chốn thân yêu ấy chỉ mơ hồ, lâng lâng ẩn hiện trong tâm hồn ngày thơ và hồn nhiên của Lâm. Cho đến một đêm định mệnh đã cướp đi tất cả những gì mến yêu nhất của đời chàng.

Lâm chỉ nhớ mang máng là một đêm, dân làng đang sống trong yên vui hạnh phúc, chợt đâu xuất hiện rất nhiều người xa lạ, người nào cũng có súng ống trên tay, ăn mặc lùi lùi đi vào làng với mày người hương dẫn. Họ chia nhau vào từng nhà, rồi sau đó đào hầm trú ẩn. Họ liên lạc với nhau bằng ám hiệu, như những người bí mật. Họ giữ dân làng lại nhà nào ở nhà đó, không được đi đâu và canh phòng cẩn mật. Lâm thấy cha mẹ mình lo lắng gần như nỗi sợ hải, với tâm trạng bất an của cha mẹ khiến chàng cũng lo lắng.

Đêm vẫn âm thầm buông xuống một màu đen tối, phủ trùm lên cảnh vật và thân phận của bao người đang bắn khoan, lo sợ. Chưa ai đoán biết việc gì sẽ xảy ra, nhìn ra ngoài vường thấy những bóng người đang âm thầm di chuyển, lúc ẩn lúc hiện như những bóng ma. Dân làng sống trong nỗi lo âu đến cùng cực, họ tìm những chỗ thuận tiện để khi hữu sự có thể ẩn nấp. Chỉ mới một đêm thôi mà ai nấy đều phờ phạc không phải vì thức đêm, mà vì sống trong một nỗi chờ đợi không lối thoát. Cứ chập chờn ẩn hiện sự di động của những người xa lạ, như những bóng ma.

Trời vừa hừng sáng, thì Lâm đã nghe tiếng súng từ nhiều phía. Mới đầu còn lẻ té, càng sáng thì càng liên tục vang rền. Tiếp theo ngoài cánh đồng đã thấy xe thiết giáp chạy vào làng, rồi máy bay yểm trợ dội bom. Qua một ngày quần thảo giữa đôi bên vẫn không phân thắng bại. Vì những người lá mặt ở trong làng họ đã đào hầm trú ẩn dọc theo bờ đê có rặng tre bao bọc. Họ có súng chống xe thiết giáp, nên đã cản bước tiến của bên ngoài rất hữu hiệu. Máy bay dội bom, trọng pháo bắn vào tạo nên nhiều đám cháy đang âm ỷ bốc khói, cây cối xác xơ thật tiêu diệt.

Những đợt tiến công từ ngoài vào đều bị dừng lại, vì sau khi dứt sự yểm trợ của máy bay và hỏa pháo, thì những người nấp dưới rặng tre trồi lên chống trả. Họ cầm cự suốt ngày hôm ấy, đến tối mới mở đường di chuyển lên rừng để trốn thoát. Trước khi trốn thoát, họ đã đào hố để chôn cất vội vã những người chết, súng ống họ không thể mang theo hết được.

Sau này Lâm nghe những người lớn kể lại đó là bộ đội việt cộng từ ngoài miền Bắc xâm nhập vào, bị quân đội

miền Nam bao vây nơi làng này. Từ đêm kinh hoàng ấy, gia đình Lâm không còn lại gì nữa. Nhà cửa cháy thành tro, làng xóm không còn an ninh để tiếp tục sinh sống. Nên gia đình Lâm phải theo dòng sông của người di lánh nạn. Bước đầu đến sống tạm dưới những tẩm lều vải. Sau một thời gian ngắn, thì chính quyền miền Nam thông qua Quốc Vụ Khanh đặc trách di dân, trưng dụng máy bay quân sự, chuyên chở đồng bào chạy loạn vào miền Nam.

Bấy giờ các tỉnh Long Khánh, Bà Rịa Vũng Tàu đang nhộn nhịp tiếp đón dòng người tỵ nạn ấy vào nhập cư. Cũng như mọi người, gia đình Lâm được trợ cấp một số thực phẩm và vật liệu để dựng một mái nhà, và canh tác khu đất quanh nhà để trồng trọt. Vài năm sau cuộc sống gia đình đã có nơi ăn chốn ở, có một mái nhà để dung thân. Nhưng còn phải vất vã nhiều lăm để có một cuộc sống thăng bằng, từ vật chất đến tinh thần. Tuy vậy, cha mẹ của Lâm cũng cảm thấy bấy giờ đã đem đến cho gia đình một nguồn sống an vui. Nhờ vùng đất này rất yên ổn, tuy đã xa bà con láng giềng, nhưng bù lại không còn lo lắng đến cảnh chiến tranh như lúc còn ở ngoài quê. Đêm đêm bị pháo kích phải xuống hầm trú ẩn không biết đến bao giờ mới ngưng, tạo nên cảnh bất an triền miên.

Giờ đây tuy cuộc sống tạm ổn định, nhưng thấy cha mẹ không vui, vì chưa hợp với phong thổ, không quen biết ai để thỉnh thoảng tâm sự. Lâm cảm thấy bùi ngùi nhưng không biết lấy gì để an ủi mẹ cha.

Và rồi vài năm sau nữa, thì Lâm lại đến tuổi nghĩa vụ quân sự. Vào trung tâm nhập ngũ, qua mấy tháng quân trường, Lâm được thuỷ chuyển về phục vụ một đơn vị gần nhà và địa phương nơi đây khá yên ổn, nên Lâm về thăm nhà luôn. Tiền lương của lính tuy không bao nhiêu, nhưng Lâm tiết kiệm dành dụm đem về cho mẹ phụ giúp thêm kinh tế gia đình.

Gặp vận may mà gia đình Lâm thoát khỏi vùng chiến tranh tàn khốc, để bấy giờ được an cư và chàng có thêm một niềm tự hào là mình cũng đã có cơ hội đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tình đồng đội dần quen đã đem đến cho Lâm nguồn an ủi lúc xa nhà. Lâm tự nhủ biết đâu trong hoàn cảnh lưu lạc này, đã cho mình một cuộc sống đầy ý nghĩa hơn. Biết đâu bấy giờ còn sống ở ngoài quê, khi đến tuổi nghĩa vụ thì cũng phải đi xa, có thể đi xa hơn bấy giờ nữa là khác. Lâm thấy thỏa mãn với những gì đang có, và thầm cảm tạ ơn trên đã ban cho gia đình mình một cuộc sống tốt đẹp.

Lúc này thì Lâm đã thực sự vững chãi rồi, dời lính đã dạy cho chàng thêm kinh nghiệm sống, cùng với cảm xúc về đời sống tình cảm. Sự trưởng thành này là hoài vọng mà cha mẹ chàng luôn ôm ấp. Nhất là mẹ chàng đang dấu kín niềm vui, khi thấy báo hiệu hiện tượng tốt đẹp đang đến với chàng.

Những lúc Lâm về nhà, mẹ thường chuyện trò với chàng để đo lường sự trưởng thành của con. Có lần chợt dừng mẹ hỏi Lâm: Con còn nhớ con Lan không? Câu hỏi bất ngờ khiến Lâm không che dấu được tâm sự của mình, nên trở thành vụng về và ngớ ngẩn. Mẹ đã thấy rõn vẹn cử chỉ đáng yêu của Lâm, khi vô tình thú thực với mẹ tất cả những gì đã dấu kín trong lòng, khiến mẹ mỉm cười và cảm thấy lòng rộn lên một niềm vui. Thỉnh thoảng mẹ cũng trắc nghiệm tình cảm của Lâm có ghi lại một chút kỷ niệm tuổi thơ nào không, nhưng lần nào bà cũng thấy thất vọng!

Bấy giờ thì Lâm đã thú thật với cảm giác xao xuyến mỗi lần nhắc lại kỷ niệm tuổi thơ của mình. Và tình cảm đối với Lan cũng đã bắt nguồn từ xa vắng, niềm nhớ nhung về một người bạn học ngày xưa. Tuy chưa có một dấu ấn nào rõ rệt, để xác định đó là tình yêu đôi lứa. Nên đã mấy lần Lâm đánh bạo viết thư về thăm Lan, nhưng không biết phải viết gì. Cũng như thời điểm này đường về miền Trung hay bị đặt mìn, khủng bố, nên thư từ không thể gởi về được. Thế rồi tin tức mỗi xa dần và đi vào quên lãng...

Nhưng rồi cuộc sống đầm ấm hạnh phúc, tuy như tạm thời ấy cũng không còn dừng lại với gia đình Lâm, với tất cả mọi người ở miền Nam. Mà giao động trở lại khốc liệt hơn, với một cuộc chiến kết thúc vào ngày 30.4.75. Người người chạy đi tìm đường sống, lính tráng thì rã ngủ tan hàng. Cảnh hỗn loạn kéo dài mấy tuần lễ, khiến cho nỗi lo âu của mọi người dần dần trở nên nghén lối. Không biết chọn lựa gì đây, đành để cho cuộc đời trôi theo dòng định mệnh. Gia đình Lâm ở cách thủ đô Sài Gòn non trăm cây số, thế mà cảnh khủng hoảng còn lan đến. Mấy tháng trước thì dòng người từ cao nguyên đổ xuống, bấy giờ đến thành phố tan tác chạy về.

Tình trạng gia đình Lâm cũng không thoát khỏi định luật ấy, ba mẹ của chàng thì rút vào trong nhà, chờ đợi con trở về. Và mấy ngày hôm sau thì Lâm đã trở về thật, mẹ con ôm nhau mà nước mắt dàn dụa...

Tiếp theo mấy tuần sau nữa tình hình ổn định trở lại, thì người ta lại đua nhau chạy trốn ngã khác. Người có tiền của thì tổ chức các cuộc vượt biên, người nghèo khó lại trở về quê quán để sinh sống.

Mấy tỉnh nơi đây phần lớn là người di cư từ miền Bắc vào năm 1954, nên họ đã có nhiều kinh nghiệm với cộng sản, họ đã tìm đủ mọi cách lánh xa, vì họ biết chắc chắn sẽ không bao giờ có tương lai khi ở lại.

Trước tình thế như vậy, gia đình Lâm bàn luận với nhau những điểm lợi hại, hơn kém của việc ở lại hay trở về. Mẹ của Lâm cho rằng tuy nơi đây tuy dễ sinh sống, nhưng suy lại cho cùng thì không nơi nào bằng quê hương cả. Ở đây cũng cày cuốc, sản xuất ra của cải để tiêu dùng; về ngoài quê cũng phải làm lụng để kiếm cái ăn cái mặc. Nhưng về ngoài mình còn có bà con

làng xóm, hôm sớm có nhau. Còn ở đây thì tứ cổ vô thân biết lấy ai an ủi.

Lâm đồng ý với mẹ còn thêm niềm hoài vọng lâu nay ôm ấp trong lòng, tuy chưa thổ lộ cho ai biết cả, nhưng hy vọng thì vẫn luôn dấu kín trong nỗi chờ.

Còn ba thì khi nghe mẹ Lâm giải thích hợp lý như vậy, ông không thêm ý kiến gì nữa. Ông chỉ yêu cầu nên ở lại một thời gian ít nhất một năm, để giải quyết hoa màu đã trồng trọt. Bán hết tất cả những gì đã tạo dựng mấy năm nay, để khi về chỉ mỗi người xách một xách tay quần áo mà thôi.

Trước khi trở về, Lâm không quên viết thư báo tin cho Lan biết và hứa hẹn sẽ dành nhiều sự ngạc nhiên, cũng như ngầm bảo “người đầu tiên” sẽ đến thăm chính là nàng. Lâm chỉ viết vỏn vẹn vài hàng vây thôi, chứ chưa biết tình trạng như thế nào vã lại giữa hai người chưa có điều gì hẹn ước.

Lan nhìn ra đầu ngõ, thấy bóng dáng Lâm đang đi đến mà nghe lòng xao xuyến lạ. Cái cảm giác mà nàng không biết nên vui hay buồn, nên đón chờ hay chạy trốn? Vì biết rằng hiện tại nàng đã lỡ làng, không còn gì nữa để đợi chờ! Bao nhiêu nỗi niềm chót đến, khiến cho Lan có cảm tưởng như đây là một tai nạn sắp sửa giáng xuống, cho cuộc đời hẩm hiu mà nàng đã trải qua và gánh chịu.

Như không bao giờ nghĩ đến ngày còn có thể gặp lại người bạn xưa, tuy chưa có lời ước hẹn nhưng hình như trong lòng của hai người, đã ngầm trao nhau những lời hẹn biển thề non. Vì hoàn cảnh trở trêu phải đôi ngã phân ly, cho nên chưa bao giờ có thể nghĩ đến sẽ có một cuộc trùng phùng như thế này.

Tháng trước, Lan nhận được thư của Lâm cho biết ngày này sẽ về thăm. Vỏn vẹn mấy lời ngắn ngủi, nhưng đã khiến cho Lan dài thêm chờ mong, hình bóng của một người bạn, hình như đã mến hút trong tâm mình sau những tháng ngày chia xa. Tuy chưa có một chút gì để ràng buộc, để đợi chờ, chưa có một lời giao ước, nên cũng không có trách nhiệm tinh thần, cần phải đáp ứng cho phải đạo. Suy nghĩ của Lan không phải vô lý, vì khi chia tay Lâm không có lời hứa hẹn gì cả.

Nhưng dù sao thì Lan vẫn cố gắng tạo ra vẻ thản nhiên đón Lâm như một sự bình thường. Sau khi đã dấu kín tất cả nỗi niềm vào trong ngăn kéo ký ức, để cho ngày về của Lâm không đến nỗi quá bẽ bàng. Lan cố gắng trang điểm cho ngày trở về của Lâm còn mang một ý nghĩa hồi sinh. Để chàng được tìm lại khung trời tĩnh lặng, dù chỉ những mảnh vụn còn sót lại trong ký ức nhạt mờ.

Lan đã mường tượng được những hoài vọng của Lâm khi nàng nhận được thư cho biết chàng sẽ trở về. Lan đã hết sức cố gắng để cất lên tiếng chào:

- Anh Lâm mới về? Sao dì và ba của anh có khỏe không? Đi đường có mệt lắm không?

- Ủ, thì từ từ hỏi, chứ dồn dập như rửa mần răng trả lời cho kịp?

- Tại mần răng bây chừ gia đình anh mới về?

- Vì gia đình anh phải thanh toán hết tất cả những gì đã tạo dựng nên, đem bán hết mới trở về được.

- Vào trong ấy anh Lâm có được chi mới mẻ không?

- Chẳng có gì hết, vì nơi chốn đất lạ quê người...

- Và bây giờ anh lại trở về với làng quê này với hai bàn tay trắng?

- Đúng thế, vì anh nghĩ không nơi nào có thể cho mình nguồn mến yêu, như nơi vùng quê mà mình đã sinh ra và lớn lên với biết bao nhiêu điều...

- Vậy mà em cứ tưởng anh đã quên đi tất cả! Vì vào trong ấy gặp nhiều điều mới lạ, và cũng đã gặp...

- Chuyện đời thường là vậy, sao với anh thì lại cứ long đong.

- Sao em là “người đầu tiên” được anh đến thăm?

- Vì em đã nói câu chờ...

- Răng chờ rứa?

- Từ ngày anh bước chân đi... đôi ta cùng đứng bên hàng tường vi. Em nói rằng em sẽ đợi tôi...

- Ơ...nói hay chưa...?! Đó chỉ là câu hát.

- Nhưng sao có câu hát trùng hợp với tình cảm của chúng ta như vậy, không lẽ em chưa bao giờ nghĩ đến nội dung của câu hát chẳng? Em biết không câu hát ấy thoát đi từ một người, và đậu lại trong lòng anh lâu. Đến nỗi anh cứ tưởng đây là lời thề nguyên, bằng chứng để hy vọng, ước mơ, và đợi chờ ...!

Nghe Lâm nói một thôi, như một chuỗi trách móc vu vơ. Như muốn níu kéo những lý do để biện minh cho thời gian xa cách. Vì ngày xưa, Lan cũng đã chờ đợi câu nói ấy, nhưng chưa bao giờ được nghe đến !

- Xin lỗi anh, hồi ấy em không định hát câu ca mong chờ, vì anh đã không ngỏ ý... “À mà răng bừa ni nghe anh ăn nói lưu loát như rửa, mà ngày xưa thì cứ câm cái miệng hến lại, không muốn chia sẻ với ai điều chi cả.”

- Lâm nghe Lan nhận xét cái “anh chàng Lâm” của ngày xưa, thì đậm ra thiện thùng và nghĩ rằng câu hỏi ấy như ngầm trách móc những ngày rất xa, đến bây giờ mới hiểu ra, bây giờ mới nghe đến. Khi Lâm biết tình cảm của Lan đã dành cho chàng chỉ đơn sơ nhưng là một trời thăm thẳm dấu kín trong lòng, nên Lâm phân trần:

- Thị ngày xưa anh đâu có ngờ sẽ có ngày chúng ta phải đôi ngã, nên khi nghe em nói thì anh không còn thắc mắc gì nữa, chỉ biết ghi lòng...

- Xin lỗi anh, lúc đó em không biết nói gì, đành phải nhâm nhi câu hát, mà lòng em không dám ước hẹn. Vì hình như anh không một mảy may muốn chạm đến cõi lòng em đang chơi với, đang chờ đợi người mà em hăng ôm ấp trong lòng. Để em được bám víu, che chở và được sống trong khung cảnh yêu thương.

- Anh xin lỗi em vì thuở ấy thấy cuộc đời còn đang đưa như giọt nắng, chưa biết tương lai sẽ ra sao. Chuyện đời thì anh chưa biết gì nhiều, nên đâu dám “đón ngõ đưa đường, hay buông lời hẹn ước...”!

- Lan cúi xuống như dấu một nỗi niềm. Ngày ấy tuy xa, nhưng trong lòng vẫn còn ghi nhớ những điều...

Câu chuyện giữa hai người chợt dừng lại khi thấy đứa bé gái từ ngoài ngõ chạy vào gọi mẹ. Lâm hết đổi ngạc nhiên, như tất cả những ý tưởng đang khụng lại, những nỗi ước mơ thầm kín bấy lâu nay đang tan vỡ thành từng mảnh vụn. Như áng mây mù đang phủ kín niềm hy vọng mà Lâm đã ôm ấp, đang nâng niu, trong khi Lan vẫn điềm nhiên nói với con bé rằng: Con hãy đến chào cậu Lâm đi con, và nàng giới thiệu đây là con của em, rồi bắt đầu tiếp tục kể chuyện:

- Ngày anh đi rồi, thì non tháng sau mẹ em ngã bệnh, nhà chỉ mình em đơn chiếc, thật bối rối không biết tính sao, thì anh Hậu xuất hiện. Chắc anh còn nhớ anh Hậu? Anh ấy ở làng trên, cùng học chung với chúng ta một thời. Anh ấy đến thăm và có nhã ý muốn giúp đỡ đưa mẹ em đi bệnh viện. Trong tình cảnh như vậy nên em đành phải nhờ vã anh ấy, cầu mong mẹ qua cơn nguy biến. May nhờ anh Hậu mà mẹ em được bình phục sau một thời gian ngắn.

Đầu tháng sau, anh ấy đưa mẹ đến thăm gia đình em với ý định cầu hôn (“có lẽ

anh ta đã âm mưu từ lâu rồi mà em không biết đến”). Em chưa chuẩn bị tinh thần, không biết quyết định như thế nào, vì em nghĩ “tình cảm không bao giờ lẩn lộn với chuyện ân nghĩa, mà người đời giảng ra như một thứ cạm bẫy”!

Nhưng nhìn đôi mắt cầu khẩn của mẹ, nhớ lại sự nhiệt tình của anh Hậu đã giúp mẹ qua khỏi cơn trọng bệnh, mà em thấy nao lòng...! Cuối cùng đành chấp nhận một cuộc tình mà em chưa có cơ hội để dọn đường cho lòng mình gấp gáp. Em vẫn chưa cảm thấy một chút xao xuyến nào, mỗi lần anh ấy đến nhà thăm em. Hình như em chưa có dịp để ghi dấu hình bóng và tình cảm của anh Hậu vào trong tim mình. Nên em chưa cảm nhận thương yêu, của một người con gái trước ngực cửa hôn nhân. Không biết Hậu có cảm thấy không, nhưng thâm tâm em vẫn cứ mãi cắn rứt một điều là cho đến ngày bước chân về nhà chồng, mà lòng em vẫn đứng đờ. Không có một cảm giác trao truyền, chia sẻ niềm hạnh phúc đến với anh ấy. Hay nói cách khác là em chấp nhận cuộc hôn nhân này, là để đền đáp công ơn của anh Hậu đã giúp đỡ gia đình em bước qua cơn hoạn nạn. Chứ em chưa chuẩn bị một tình cảm, một chút gì khả dĩ làm hành trang cho người con gái trước khi về nhà chồng.

Chúng em làm đám cưới đơn sơ vì thời buổi chiến tranh, người người ly tán, gia đình khốn khổ. Nhưng cũng chỉ được một năm, thì anh Hậu phải lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự. Và cũng không may cho chồng em vẫn số. Không đầy một năm sau nữa thì được tin anh ấy hy sinh trên chiến địa Hạ Lào. Hoàn cảnh gia đình em thì mẹ em trở bệnh, đau rề rề hoài và năm sau bà cũng qua đời. Từ đó em sống với con bé như nguồn an ủi duy nhất của em.

Bây giờ em mới cảm thấy ân hận, là sao em “không trao trọn vẹn trái tim của em cho anh Hậu cất giữ”, để lúc anh ấy ra đi còn có hành trang để dấp ấm, còn có kỷ niệm để nâng niu. Nghĩ lại thật tội nghiệp cho chồng em, một người con trai chân thành, nhiệt tình, và đã dành cho em trọn vẹn tất cả tình yêu thương.

## mô xuân natal Việt

Xứ người chào đón Xuân sang  
đập dùi lễ hội, hoa đăng ngập trời  
nghĩ thương dân Việt như tôi  
còn lênh đênh mãi bên trời tha hương

Với băng tuyết lạnh trừ không  
làm sao sưởi ấm chiều đông xứ người  
chiếc thân còn mãi nổi trôi  
lênh đênh không biết đến nơi an bình

Ngày đi buồn bã lặng thinh  
làm cây cổ cưng hư linh nhuốm sầu  
dấu yêu khuất nోo đêm sâu  
đường chia hai lối biết đâu quê nhà

Đến bây giờ vẫn cách xa  
tuổi buồn hiu hắt nhạt nhòa hồn đau  
thôi thì ngày cũng qua mau  
đời xanh ngọn tóc ngã màu phôi phai

Chưa về nên vẫn còn hoài  
niềm thương nỗi nhớ trên vai nǎo nề  
cõi sầu mưa rụng tái tệ  
ngày dài hiu quạnh đêm về đâu hay

Én còn bay lượn từng mây  
mang mùa Xuân thăm cổ cây đất trời  
xin Xuân đến với nụ cười  
thắp tình yêu sáng muôn đời Việt Nam  
  
mơ Xuân đất Việt huy hoàng  
bừng theo thế giới liên hoan linh đình  
trong nhà ngoài ngõ đẹp xinh  
hát câu dân tộc hoà bình muôn năm !

Trần Đan Hà

Lâm ngồi nghe Lan kể lại chuỗi đời của mình mà ngõi tưởng như đang sống trong cõi mộng nào. Nghe lòng đang nhói lên một nỗi niềm đắng cay như không còn hoàn cảnh nào có thể hơn thế nữa. Lâm cảm thấy tội nghiệp cho Lan vô cùng, nỗi cùng khổ mà Lan đã chịu đựng gần mươi năm nay, không có ai san sẻ, không có ai ủi an, không có ai đền bù ! Chỉ một mình thu vào ngõ hẹp, nuốt trọn vào lòng những đắng cay cùng cực, những tiếc thương mất mát, với nỗi đời tàn phai khiến cho tâm hồn nàng trở thành chai đá.

Trong phút giây như thấp thoáng hư thực lẩn lộn, buồn tủi dâng cao lên tột đỉnh mây trời, Lâm cảm thấy thương Lan vô cùng. Thứ tình yêu như gừng cay, muối mặn đã chín chắn, đã sàng lọc ra ngoài những bóng dáng của thị phi, những so đo hơn thiệt. Tình cảm mà Lâm dành cho Lan đã vượt lên trên tất cả những tính toán của đời thường, được gom lại từ những kỷ niệm ngày xưa, vọng lại những lời thầm chưa nói, chất chứa những nỗi nhớ chia xa, hân hoan với phút giây đoàn tụ. Những thứ ấy đã ươm mầm cho cành hoa yêu thương chớm nở.

Lâm muốn nói với Lan lời an ủi, mong san sẻ bớt buồn đau mà nàng đã gánh chịu. Nhưng không biết mở lời như thế nào, nên lặng lẽ để cho thời khắc dâng lên một nguồn thương cảm ngập lòng. Nghe đòn đoạt cho tình đời mà thầm trách con tạo khéo đa đoan. Và tôn trọng giây phút trộn lẫn giữa thương đau và hạnh phúc đang hiện diện cùng một lúc với hai tâm hồn đã từng chung nhau khổn khó, đang hồi sinh trở lại trên mảnh đất quê hương của một thời chưa chan kỷ niệm.

Chợt Lâm cầm tay Lan như mong muốn truyền qua một cảm giác chia sẻ, san sớt nỗi buồn của phận người, với hệ lụy đa mang, khổ đau chồng chất lên đến ngợp người mà một mình Lan gánh chịu.

Lan để yên bàn tay trong tay Lâm như thầm cảm ơn và cúi xuống để cho hai dòng nước mắt tự do tuôn trào. Lan nghe lòng mình như ấm lại, tươi mát như cây cỏ sau cơn mưa đã gội sạch.

Nàng chợt nhớ đến một cuốn sách mà mình đã đọc lúc trước, một nhà văn nào đó đã viết: “Những lúc nào mà bạn cảm thấy như đang rơi vào tình trạng khổn khổ nhất, đau thương nhất thì bạn hãy khóc lên, vì khi khóc nước mắt sẽ rửa sạch hết tất cả những bụi bẩn đang bám trong hồn bạn, khiến cho bạn dịu bớt cơn đau”.

Lan được an ủi bởi giọt nước nhiệm mầu kia đang rơi xuống, đang xoa dịu dần vết thương đau, nỗi buồn thân phận hẩm hiu của đời nàng. Khiến cho cõi lòng dâng lên một nguồn cảm vui sướng, tưởng như đang chìm đắm trong biển hạnh phúc vô biên !

Ngoài kia cánh đồng trải dài, gió xuân đang nhẹ lướt trên tóc lúa xanh non, dưới làn mưa xuân phơi phới mà tưởng chừng như mái tóc con gái đang trải xuống nguồn

mến yêu. Khiến cho mỗi cảm hoài cũng lảng xuống, nhẹ nhàng hơn như được trút hết bao phiền muộn, với đi những lo lắng của tháng ngày chia xa. Chàng nhủ thầm với mình là nên cảm ơn đời, dù sao thì hình như tất cả vẫn còn, Lan vẫn còn mặn mà duyên dáng, dầm thắm dịu dàng như ngày nào...!

Lâm mơ hồ như đang hình dung lại những ngày xa xưa, thấy bóng dáng của Lan từ rất xa đang hiện đến, với đầy đủ nét duyên dáng mà ngày xưa mẹ mình đã nhận xét: “khuôn mặt bánh đúc, nước da bánh mật...” Người con gái có cái duyên thầm ấy, đã một thời chiếm trọn cảm tình của mẹ, và bây giờ đã giúp cho chàng tìm lại nguồn cảm mến yêu, nên thấy đời không còn cô độc như tháng năm mong chờ...!▪

Trần Đan Hà



## EM SÁU CỦA TÔI

Vũ Nam

Sau nhiều năm suy nghĩ về em Sáu tôi thấy có bốn phần phải viết lại những dòng chữ kể lại cuộc đời của em.

Năm tôi lên hai tuổi, em Sáu đã được môt. Sanh năm một chắc là má tôi mệt lắm. Hai vợ chồng gọi là trẻ nhưng cũng không còn trẻ nữa phải lo cho đến năm đứa con. Sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, hoà bình lập lại ở miền Nam. Từ một làng chài lười, nhà lá mái tranh, ba má tôi dời cư về ấp du lịch, nơi có núi, có biển. Thời chiến tranh ấp này đầy Việt Minh ẩn núp,

nên là vùng mất an ninh, nhưng khi nước nhà độc lập, ấp này trở thành nơi du lịch, người ta có thể đến đó để mở quán ăn, nhà hàng.

Ba má tôi về cắm dùi trên một miếng đất cạnh biển. Cất lên một căn nhà lá, mái lợp bằng tranh, vách bằng lá dừa. Chị em tôi áo quần vá chằng chịt. Có một tấm hình tôi còn giữ mãi đến hôm nay. Trong hình tôi đèn đúp, ở truồng, chỉ được có chiếc áo sơ-mi màu đen che được cái lưng mỗi khi đang nắng khỏi phỏng da. Sau này khi nhìn tấm hình này, vợ tôi hay cười nói rằng hồi nhỏ tôi xấu quá trời! Hình chụp trước quán ba má tôi, với những người khách du lịch giàu có từ Sài Gòn xuống đây để tắm biển, nghỉ ngơi cuối tuần, sau ngày đất nước đã có hòa bình. Tôi đứng cạnh một thằng bé con tuổi bằng tôi, có quần áo đẹp và giày sandal sang trọng. Trong hình tôi đang nhìn nghiêng hướng mắt về thằng bạn. Đâu thấy thằng mặt tôi, vậy mà bà xã vẫn chê tôi xấu, chắc tại vì tôi quá đen, đứng bên cạnh mấy cậu Sài Gòn có da mặt thật trắng.

Quán ba má tôi bán cà phê suốt cả ngày. Bán thức ăn chỉ có hai ngày cuối tuần. Cứ bất cứ lúc nào khách muốn có cà phê, hay nước giải khát, đều có ngay trong khoảng từ 5 giờ sáng đến 10 giờ tối. Vừa sáng sớm đã có chiếc xe đò chạy chuyến sớm nhất mang cho quán nửa cây nước đá, để bán cho suốt cả ngày. Đường sữa, cà phê, nước ngọt thì khi hết ba tôi lấy xe đạp đi đến làng lân cận mua đem về. Ngày thường má tôi ngồi bán lai rai, ba tôi làm trưởng ấp, làm thêm vươn rãy. Nhộn nhịp nhất là hai ngày cuối tuần. Khách Sài Gòn xuống tấp nập. Ba má tôi phải lo nấu ăn cho khách, bỏ mặc anh chị em tôi muốn làm gì thì làm.

Gió biển hài hòa cứ thoả và từ từ chị em tôi cũng dần lớn lên trong khoảng thời gian thanh bình của đất nước. Dãy núi nằm trước mặt nhà tôi gần đến đổi tôi còn nghe tiếng con man tát (man kêu) mỗi buổi sáng. Sương và mây trắng phủ trong những ngày mùa đông. Hè về lá cây xanh màu rực rỡ. Phía sau nhà là biển, gió biển thoả vào nhà suốt cả ngày. Mùa hè ánh nắng rọi xuống mặt biển. Mặt biển chiếu sáng như màng kim tuyến. Mùa gió bắc, mặt biển lồng lộn với những cơn sóng, đầy bọt trắng.

Dần dà có tiền ba má tôi phá bỏ cái quán ăn làm bằng tranh và lá dừa, xây lại quán bằng gạch, xi-măng, mái lợp tôn thiếc. Có thể nói quán ba má tôi là trung tâm "dịch vụ" ở đây. Những người dân từ ở nơi xa dời cư về đây làm nghề hái củi halm than, làm vươn làm rãy trồng khoai bắp trái cây; những gia đình được chủ Tây, chủ Việt mướn đưa về đây để làm gác-dan cho những Villa to lớn vừa mới cất, hay đến ba tôi để xin hỏi những giấy tờ cần thiết. Không nườm nượp, nhưng trong quán ba má tôi hằng ngày thường vẫn có khách vãng lai.

Thế rồi nhịp độ chiến tranh ngày càng tăng, khách vãng lai ngày càng vắng, vì những buổi chiều thỉnh thoảng đã

có những du kích Việt cộng xuất hiện. Ban đầu chính quyền Quốc gia còn chịu để dân tiếp tục sinh sống nơi đây, sau du kích làm quá nên chính quyền ra lệnh cho dân tản cư về vùng an ninh. Như mọi người dân khác trong ấp, gia đình tôi dành bỏ ấp du lịch, dời lại về làng đánh cá.

Dù xa núi rừng ở ấp du lịch, nhưng từ xa, những sorm mai, hay những buổi chiều, từ nơi nhà mới chúng tôi đều có thể dõi mắt về những đỉnh núi xa xa, màu xanh đậm và mơ một ngày nào sẽ quay về lại nơi đây, khi không còn chiến tranh.

Đến mười tám tuổi, tôi phải vào lính. Tôi xa nhà, xa các chị, dần dà không còn nghĩ gì đến chuyện của em Sáu. Chuyện về em dần dần mờ như sương chiều mỗi lúc một dày đặc phủ trên cảnh vật theo thời khắc của đêm thâu. Bỗng nhiên, lúc đang ở quân trường tôi nghe nhà nhẫn tin ra là nhà đã tìm lại được em Sáu. Qua những thư từ nhà gửi đến, tôi cũng thấy rộn ràng trong lòng. Lý do: Em Sáu của tôi rất đẹp, dù cô mới 17 tuổi. Nhà cho biết thêm, cứ nhìn cô ca sĩ cải lương Phượng Liên, thì nhan sắc của em Sáu tôi cũng vậy. Phượng Liên vóc dáng mảnh mai, giọng ca rất ngọt. Cô đẹp nhưng bao giờ trong tuồng hát mặt cưng dào dào buồn vì đóng đào thương. Dù là anh em ruột, thất lạc nhau từ lúc em còn nhỏ, nhưng nghe tin tôi cũng mong có ngày về phép để gặp em.

Năm em Sáu vừa được gần một tuổi, ba tôi có lăng nhăng với một người nấu ăn cho đoàn hát, tên Dì Hai. Rất mê cải lương nhưng ba tôi không mê đào hát mà lại mê người nấu ăn cho đào hát. Có lẽ mỗi buổi sáng đi chợ mua hàng về cho quán ăn, ba tôi đã quen Dì Hai. Ba tôi lén lút gặp mặt Dì Hai, chờ không ra mặt, vậy mà cũng đến tai má tôi. No mất ngon, giận mất khôn, đang mệt mỏi với năm đứa con, cộng giận chồng có vợ nhỏ, má tôi đem em Sáu tôi đi cho.

Chỉ chưa đầy một tháng sau đó, ba tôi nghe tin mất con, về đi xin lại. Đến nơi họ giấu, họ không muốn cho lại. Chúng tôi mất em Sáu từ đó.

Nỗi buồn dần dà vì một đứa em, đứa con bị mất, cũng theo ngày tháng phôi pha. Chị em tôi lớn lên với những gợn sóng biển lăng tăng trong ngày hè. Lớn dần lên với những người bạn hàng xóm, như Hùng như Lạc, cô gái hàng xóm sorm chiều có nhau. Chúng tôi cùng vào tiểu học ở ngôi trường làng, vì ấp du lịch không có trường tiểu học. Chiều thứ bảy tan học, chị em tôi cùng anh em Hùng, Lạc đi bộ từ làng về ấp, nơi còn gia đình tôi và Lạc. Ngày chủ nhật cuối tuần, xa trường lớp, chúng tôi sống với núi rừng cây cổ trong ấp. Sống trọn vẹn một ngày, để sáng hôm sau, thứ hai lại phải cắp tập lục đục trở về làng để học. Chiến tranh từ từ lan rộng, tàn khốc hơn. Chúng tôi linh cảm được rằng ngày chúng tôi phải xa ấp không còn bao xa.

Rồi qua tuổi thiếu niên, bước vào tuổi thanh xuân tôi cũng biết yêu người, yêu đời. Hình ảnh em Sáu ngày càng xa hơn.

Tết năm 1973 tôi được về phép thăm nhà và là dịp đầu tiên tôi gặp em Sáu. Chị tôi diễn tả về em Sáu không sai. Nét mặt em giống cô đào cải lương Phượng Liên lấm. Ở nhà quê nên em không mặc quần áo điêu đà. Em mặc rất đơn giản. Một chiếc áo bà ba màu hồng và chiếc quần dài đen. Tóc em để đến thắt lưng. Màu tóc đen mượt. Vóc mình em nhỏ, mảnh mai. Nếu không biết trước là anh em, gặp đâu đó ngoài đường, những thằng thanh niên đang đi lính như tôi, chắc theo chọc ghẹo, tán tỉnh em ngay. Anh em từ ngày để ra đến mười chín hai mươi năm sau mới gặp mặt lần đầu, nên dù muôn thiện cung không thể thiện nhanh được. Hai anh em nói chuyện với nhau như cặp tình nhân vừa mới quen, còn đầy e ngại. May mà em đã về lại nhà tôi được hơn nửa năm, nên trong gia đình em không còn ai rụt rè e lệ với ai, ngoại trừ tôi, người anh vừa từ xa về nhà.

Dời lính, nên sau mấy ngày phép rồi tôi cũng phải ra đi. Và em Sáu tôi vẫn đi qua lại giữa hai gia đình cha mẹ nuôi và ruột của mình. Trong thư từ về gia đình lần nào tôi cũng viết vài lời thăm em Sáu. Sau đó tôi còn biết em Sáu sắp lên xe hoa với một trung sĩ Địa Phương Quân. Gái lớn lên thì phải lấy chồng và em Sáu đi lấy chồng là việc bình thường. Tôi ở xa quá nên cũng không về dự đám cưới được. Và tôi chỉ gặp lại em Sáu, cũng như gặp lại gia đình là sau ngày ba mươi tháng tư năm bảy mươi lăm, khi đất nước được gọi là đã chấm dứt chiến tranh.

Nhưng khi tôi vừa về đến nhà sau ngày đất nước vừa hòa bình, thì như nhiều người dân Việt Nam lúc bấy giờ thường gặp những chuyện buồn, tôi cũng biết được một chuyện buồn cho em Sáu: chồng em mới vừa tử trận chỉ trước ngày 30 tháng 4 vài tuần! Đang xin tiền tử thi miền Nam hoàn toàn được "giải phóng". Chồng chết, tiền tử không có, con chưa đầy một tuổi. Bao chồng chất khó khăn cho người thiếu phụ.

Đất nước vừa có hòa bình. Tiếng súng đã không còn đêm đêm vọng về, nhưng nỗi lo âu về sự đổi khổ, thiếu ăn, đã làm mọi gia đình ở miền Nam trong những ngày tháng này cũng thật khổ sở.

Trong những ngày này chúng tôi rủ nhau đạp xe trở về ấp du lịch để thăm lại làng bản ở đây và ngôi nhà của cha mẹ nằm cạnh bờ biển. Quang cảnh tiêu diệu. Cầu sập. Đá núi lòi ra trăng xoá vì bom đạn. Đường xá đầy những lỗ đào để chống chiến xa. Cây hai bên đường bị bom cày sới....

Phải tạm quên tất cả để bước vào giai đoạn mới của đất nước. Phải làm lại từ đầu. Phải lao động. Trong nhà tôi phận ai nấy làm. Việc ai người ấy tiếp tục. Riêng em Sáu vì chồng chết nên không còn ở bên nhà chồng, em

về tá túc lại với nhà cha nuôi. Vì gia đình trong hiện tại chỉ còn mình ông. Dù sao em Sáu cũng phải có bổn phận chăm sóc ông trong tuổi già. Em làm lại nghề may, ngồi may ở nhà, hằng ngày nấu cơm, chăm sóc con nhỏ và người cha nuôi.

Gái một con trông mòn con mắt. Người đời nói không sai. Em Sáu đã đẹp, giờ sau một lần sanh nở lại đẹp hơn. Đang độc thân nên không thiếu ong bướm ve ván. Nhà cha nuôi của em Sáu cách nhà tôi khoảng mười cây số, nên thỉnh thoảng có việc ngang qua chị em tôi hay ghé thăm Sáu. Ngược lại em Sáu thỉnh thoảng cũng ầm con xuống thăm gia đình ba má ruột.

Ở miền Nam vào thời kỳ sau năm 75, chắc ai cũng còn nhớ là Cộng Sản có chính sách đưa bộ đội xin vào ở trong nhà dân. Nhà nào đồng con cự tuyệt không cho thì họ chịu. Nhà nào ít người thì phải chịu để cho họ ở chung đụng trong nhà. Nhà cha nuôi em Sáu chỉ có ba người nên phải để bộ đội vào ở. Thấy Sáu đẹp, tên trung úy người Bắc, đại đội trưởng, lấy nhà Sáu làm bộ chỉ huy đại đội. Nghĩa là cả ngày và đêm hắn ở đây, ngoài lúc đi công tác. Tên này đã có vợ con ở ngoài Bắc, nhưng lại mê em Sáu kinh khủng, dù biết Sáu là vợ "lính Ngụy". Chuyện anh trung úy bộ đội "thả dê" em Sáu mạnh nha đến tai ba má tôi. Nhưng dù có thương em Sáu, ba má tôi cũng phải để em Sáu tiếp tục ở nhà người cha nuôi để chăm sóc ông trong lúc tuổi ông cũng đã già và đã phải chịu chứng ghiền rượu đế. Mỗi bữa cơm không có nửa xì rượu cho ông là không được. Ông lại có thêm bệnh suyễn.

Biết phận mình không lo gì được cho em trong cuộc sống mới đầy gian nan vất vả, nhưng vì tình máu mủ ruột thịt vẫn còn đó, nên thỉnh thoảng tôi ghé thăm gia đình người cha nuôi của em Sáu, nhất là muôn thăm em và đứa con trai đầu lòng vừa được sinh ra đã mất cha. Tình thương em trong tôi không khắng khít mặn nồng như mùa hè chói chang, không quá lạnh lẽo như mùa đông, mà mơ hồ như mùa thu, bàng bạc với cơn gió nhẹ. Tôi cũng nghe nói có anh bộ đội đang theo đuổi em nhưng cũng không biết phải khuyên can em ra sao. Vài chuyện tình của tôi sau ngày đất nước không còn chiến tranh cũng đã đi vào ngỏ cụt. Chuyện tình cảm của tôi, tôi còn lo chưa xong thì còn biết lo cho ai! Ngọc từ Sài Gòn lăn lộn đến thăm tôi một lần rồi biệt tăm vì biết tôi không thể nào trong hiện tại lập gia đình với Ngọc được. Hoàn cảnh sau 75 đầy khó khăn, có muốn một mái ấm gia đình nhỏ cũng là chuyện không đơn giản chút nào. Vài cô gái cùng làm chung trong nhà thầu xây dựng, cũng chỉ là nỗi vui để qua những ngày rộn ràng dài không thấy tương lai trong lúc này.

Nhưng tai họa lớn nhất cho em Sáu là sau khi em có bầu với người bộ đội. Anh này biết tẩy ông già nuôi em Sáu nghiện rượu nên cứ chiều mua về cho ông một xì rượu đế, uống xong ông còn biết trời trăng là gì, và tay bộ đội cứ ra tay hành động theo những toan tính

đã có từ trước. Ngày mọi người hàng xóm biết em Sáu có bầu cũng là ngày không còn thấy bóng dáng anh chàng bộ đội này trong nhà em Sáu nữa. Anh xin đổi đi đơn vị khác hay xin phục viên ra khỏi bộ đội cũng không ai biết, mọi người chỉ biết một điều là anh đã có vợ con ở ngoài Bắc. Điều này do chính những người lính Bắc Việt dưới quyền anh "báo cáo" cho bà con làng nước biết.

Em Sáu lại có bầu, lại sanh con một mình, nói như câu người đời thường nói là đi biển một mình! Chị em tôi thỉnh thoảng ghé lại thăm em Sáu và hai đứa cháu không cha. Ba má tôi ít dám bàn nhiều đến chuyện em Sáu vì nghĩ mình có ít nhiều trách nhiệm đến cuộc đời gian truân của em trong hiện tại.

Sau này, khi nói chuyện đôi lúc em Sáu tâm sự với tôi. Mình là đàn bà con gái ở một mình, lại mấy ổng cứ nói mình là vợ của "lính ngụy", nên ổng hiếp mình, mình cũng phải ráng chịu chở biết đi thưa với ai. Sau bảy mươi lăm có người vợ "lính ngụy" nào dám đi thưa cán bộ, bộ đội nếu bị họ chọc nghèo, bị hiếp? Không khéo còn bị qui chụp là nói xấu cán bộ! Cũng tại số phận hết anh Năm à! Cũng có thể Sáu bị hiếp, cũng có thể Sáu nồng nỗi, cũng có thể sự đồi hỏi từ người goá phụ trẻ..., mọi câu hỏi từ từ cũng không ai buồn nhắc đến. Mọi người chỉ thấy Sáu lo tần tảo may vá nuôi hai đứa con mà cha nó là hai người Việt Nam, trong thời chiến tranh Quốc Cộng đã ở hai bên chiến tuyến. Một đã hy sinh cho miền Nam và một đang trốn tránh vì hành vi "tiêu cực" của mình.

Bây giờ, mỗi khi anh em gặp lại, là mỗi lần tôi thấy em Sáu mập thêm ra. Lại cũng giống y như cô đào Phượng Liên khi tôi thấy cô xuất hiện trên sân khấu ở hải ngoại. Cũng mập ra. Lớn tuổi nên người mập ra là chuyện bình thường, nhưng có lẽ do gia đình không còn quá khó khăn vất vả vì con trai con dâu biết ráng lo làm ăn, dành dụm, nên người đàn bà dễ trở nên đầy đà, có da có thịt. Hai đứa con trai Sáu trở thành tài xế cho một công ty lo về xây dựng. Cả hai đã có gia đình. Một ở riêng và một ở chung với Sáu. Ngoài giờ coi cháu, đưa đón cháu đến trường, hình như Sáu chỉ còn một việc làm và làm mỗi ngày là đánh Tứ sắc, nhất là trong dịp Tết. Tôi nghe hàng xóm Sáu nói như vậy. Tôi cũng thấy, những bà hàng xóm đến rủ Sáu đi đánh Tứ sắc, thình lình gặp tôi họ cũng thập thò không dám vào rủ, phải đợi đến lúc tôi về họ mới dám trở lại rủ gầy sòng. Chắc mấy bà này cũng bức mình vì tôi lăm. Đồ kỳ đà cản mũi. Ai có ghiền bài bạc, Tứ sắc thì biết sự ghiền ra sao.

Nghe Sáu kể hai thằng con trai rất thương yêu nhau. Sáu không cho tôi biết tụi nó có biết là hai đứa cùng mẹ khác cha không. Nhưng chuyện này không quan trọng. Quan trọng là chúng biết thương yêu nhau và cùng lo cho người mẹ đã vì cha chúng nó mà phải trải qua một thời thanh xuân đầy gian truân, khổ cực. Giờ

Sáu phải có quyền được hưởng sự an bình, hạnh phúc trong tuổi già bên cạnh cháu con.

Những ngày trước Tết chị tôi thuận đường xe hay ghé cho tiền để em Sáu sài, sau đó em mang bánh trái qua nhà chị chúng tôi cho lại. Gặp nhau em Sáu thường lập lại với chị tôi: Giờ ba má cả ruột lẫn nuôi đều chết hết rồi. Hồi nhỏ em không ở được với anh chị vì hoàn cảnh gia đình, giờ em chỉ còn anh chị là ruột thịt, anh chị cho phép thỉnh thoảng em ghé thăm anh chị, nhà có giỗ lễ ba má, anh chị gọi điện thoại cho em, em sẽ đến phụ anh chị cúng kiến, dù gì cũng là cha mẹ của chung, em cũng muốn phụ một tay.

Người chồng trước đã chết thì không nói làm gì. Người chồng sau, bộ đội, mãi đến tận hôm nay vẫn chưa trở lại để nhìn mặt đứa con trai đã có với Sáu.

Đó là câu chuyện về em Sáu của tôi.

Vũ Nam



# rừng khóc giữa mùa Xuân

Phạm Tín An Ninh

Hơn hai mươi năm nay, từ ngày định cư ở Na-Uy, một nước Bắc Âu nổi tiếng với những mùa đông dài băng giá, nhưng lại rất đẹp vào những ngày hè và lặng mạn vào thu, tôi vẫn giữ thói quen đi len lỏi trong rừng,

không chỉ vào những ngày nghỉ cuối tuần mà bất cứ lúc nào thấy lòng mình trăn trở. Không phải tò mò vì những cuộc tình cháy bỏng trong "Rừng Na-Uy", cuốn tiểu thuyết nổi tiếng mới đây của một ông nhà văn Nhật Bản, nhưng để được lắng nghe những tiếng khóc. Tiếng khóc của cây lá, của gỗ đá trong rừng. Tiếng khóc có mãnh lực quyến dụ tôi, thúc bách tôi, cho dù nó đã làm cho tôi đau đớn, khốn khổ gần cả một đời.

Tôi sinh ra ở Huế, nhưng lớn lên ở thành phố Nha Trang, sau khi cùng cả nhà theo cha tôi vào đây nhận nhiệm sở mới. Có lẽ ngày ấy tôi là một cô gái khá xinh. Ngay từ năm tôi học lớp đệ lục trường Nữ Trung Học, cũng đã có vài chàng học trò khờ khạo si tình, đạp xe theo tôi sau những buổi tan trường. Đến năm đệ tam, cũng có vài chàng SVSQ Hải Quân, Không Quân chờ trước cổng trường tán tỉnh. Nhưng như là số trời, trái tim tôi chỉ rung động trước một người. Anh là bạn chí thân với ông anh cả của tôi, hai người học cùng lớp từ thời còn ở trường Võ Tánh. Tháng tư năm 68, chúng tôi làm đám cưới, kết thúc một cuộc tình đầu thật dễ thương, không có nhiều lăng mạn, cũng chẳng có điều gì trắc trở. Ông xã tôi là lính biệt động quân. Hậu cứ đóng ở Pleiku. Ngày về làm đám cưới, đôi giày saut của anh còn bám đầy đất đỏ hành quân. Đám cưới chúng tôi được tổ chức tại một nhà hàng nằm gần bờ biển, không xa tòa tỉnh, nơi vừa mới trải qua khói lửa Mậu Thân.

Sau đám cưới, cha mẹ chồng cho tôi theo anh lên Pleiku một tháng, rồi phải trở về sống ở nhà chồng, bởi anh đi hành quân liên miên, không an toàn khi tôi phải sống một mình. Chỉ những khi nào tiểu đoàn về hậu cứ dường quân, anh đánh điện tín để tôi lên với anh.

Mãi đến ba năm sau, tôi mới sinh cho anh đứa con đầu lòng. Một đứa con trai bụ bẫm. Có lẽ vì nặng nợ với núi rừng, anh đề nghị tôi đặt tên cho con là Cao Nguyên, Lê Cao Nguyên. Anh về phép thăm con khi cháu vừa đầy tháng. Càng lớn Cao Nguyên càng giống cha. Đôi mắt to, sống mũi cao, và đặc biệt là trên đầu mỗi vành tai đều có một "lỗ tai nhỏ" như ba nó.

Chỉ đúng một tuần sau khi chia tay vợ con về đơn vị, anh bị thương nặng trong lúc đơn vị hành quân giải vây căn cứ Pleime. Tôi bồng con lên Pleiku. Hậu cứ lo cho mẹ con tôi nới ăn chốn ở và có xe đưa đón mỗi ngày để tôi thăm và săn sóc anh trong quân y viện. Sau khi xuất viện, đôi chân còn đi khập khiếc, nên anh được chuyển về Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn đảm trách một công tác tham mưu ở hậu cứ. Mẹ con tôi ở lại Biển Hồ với anh kể từ ngày ấy. Mẹ chồng tôi rất nhân từ, thường xuyên lên thăm chúng tôi và thuê cho tôi một người giúp việc. Cuối năm 1973, trong một lần VC pháo kích vào trại gia binh làm một số đàn bà con nít bị thương, trong đó có cháu Cao Nguyên. Rất may, mảnh đạn gây một vết thương khá lớn ở cánh tay, nhưng không vào xương. Sau hôm ấy, chúng tôi ra thuê một căn nhà bên ngoài doanh trại để ở. Năm sau, khi Cao Nguyên vừa

tròn hai tuổi, tôi sinh đứa con thứ nhì. Lần này là con gái. Con bé giống mẹ, được chúng tôi đặt tên Thùy Dương để nhớ thành phố biển Nha Trang, nơi hai chúng tôi lớn lên và yêu nhau.

Mấy năm sống ở Pleiku, cái thành phố "đi dăm phút trở về chốn cũ" ấy, những ngày nắng chỉ thấy toàn bụi đỏ, còn những ngày mưa bùn bám dính gót chân. Pleiku đúng là một thành phố lính. Những người vợ lính sống ở đây dường như chỉ để chờ chồng trở về sau những cuộc hành quân, hoặc để chăm sóc chồng những ngày bị thương nằm trong quân y viện. Với họ thì đúng là "may còn có anh đời còn dẽ thương". Trong số ấy đã có biết bao người trở thành góa phụ !

Giữa tháng 3/75, sau đúng một tuần Ban Mê Thuột mất vào tay giặc, một buổi sáng, từ bản doanh Liên Đoàn về, chồng tôi hối hả bảo mẹ con tôi và chị giúp việc thu dọn đồ đạc gấp, bỏ lại mọi thứ, chỉ mang theo những gì cần thiết, nhất là thức ăn và sữa cho các con, theo anh vào hậu cứ.

Khi vừa đến cổng trại, tôi ngạc nhiên khi thấy tất cả mọi người đều đã ngồi sẵn trên xe. Chúng tôi rời khỏi doanh trại. Thành phố Pleiku như đang ngơ ngác trước những người từng bao năm sống chết với mình nay vội vàng bỏ đi không một tiếng giã từ. Dang giũa mùa xuân mà cả một bầu trời u ám. Pleiku tiễn chúng tôi bằng một cơn mưa đỗ xuống khi đoàn xe vừa ra khỏi thành phố. Đến ngã ba Mỹ Thanh, đoàn xe dừng lại. Phía trước chúng tôi dày đặc xe và người, vừa dân vừa lính, đủ các binh chủng, đủ các loại xe, kể cả xe gắn máy. Tôi nghe chồng tôi và bạn bè nói là một số đơn vị Biệt Động Quân được chỉ định đi sau, ngăn chặn địch quân tập hậu để bảo vệ cho đoàn quân di tản! Đây là trách nhiệm nguy hiểm và nặng nề nhất trong một cuộc hành quân triệt thoái.

Hơn một ngày mò mẫm trên Tỉnh Lộ 7, chúng tôi đến thị xã Hậu Bối vào lúc trời sắp tối. Vừa dừng lại chưa kịp ăn cơm thì bị pháo kích và súng nổ khắp nơi. Xe và người dẫm lên nhau trong cơn hốt hoảng. Dịch đã bao vây. Các đơn vị BĐQ chống trả kiên cường, nhưng địch quá đông, và bên ta thì vừa quân vừa dân chen chúc nhau hỗn độn. Trong lúc nguy nan này trời lại giáng xuống cho bên ta thêm một điều bất hạnh: Một chiếc phản lực cơ dội bom nhầm vào quân bạn. Đoàn xe vội vã rời Hậu Bối, di chuyển đèn gần Phú Túc thì lại bị địch tấn công từ khắp hướng. Nhiều xe bốc cháy và rất nhiều người chết hoặc bị thương. Cả đoàn xe không nhúc nhích được. Chúng tôi có lệnh bỏ lại tất cả xe cộ, băng rừng tìm đường về Cửng Sơn. Chồng tôi, vừa chiến đấu vừa dẫn đường chúng tôi cùng một số binh sĩ, vợ con. Tôi dắt theo Cao Nguyên còn chị giúp việc bồng cháu Thùy Dương. Chúng tôi lâm lũi trong rừng. Tiếng súng vẫn còn ầm ĩ, những viên đạn lả lướt như muôn xé màn đêm. Khi chúng tôi mệt lả cũng là lúc đến bờ một con sông nhỏ. Chồng tôi lo chở ngủ cho mẹ con tôi

dưới một gốc cây, rồi cùng một số đồng đội chia nhau canh gác. Một quá, tôi ngủ vùi một giấc, thức dậy thì trời vừa sáng. Chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Tôi không còn đủ sức để bồng Cao Nguyên, nên chồng tôi phải dùng cái võng nilong gùi cháu sau lưng, bên ngoài được phủ bằng cái áo giáp. Vừa ra khỏi bìa rừng tôi ngạc nhiên khi thấy từng đoàn người lũ lượt kéo nhau đi cùng hướng chúng tôi, trong đó có nhiều người vừa bị thương, mình đầy máu. Tôi nghĩ họ cũng là những vợ chồng, con cái, cha mẹ dắt dìu nhau đi tìm sự sống. Hình như họ không còn mang theo bất cứ thứ gì. Nhìn nét mặt ai nấy cũng kinh hoàng. Chồng tôi bàn bạc cùng một số bạn bè trong đơn vị, chúng tôi lại tách khỏi đám đông này, tìm một lộ trình khác mà đi, để tránh sự phát hiện của địch. Vừa rời đoàn người vài phút thì đạn pháo thi nhau rót xuống. Tiếng la khóc thất thanh cộng với tiếng súng nổ khắp nơi làm cho cả một khu rừng như trải qua một cơn địa chấn. Trong nhóm chúng tôi cũng đã có một số người chết. Đến lúc này thì mạnh ai nấy tìm đường sống. Gia đình tôi cùng gia đình vài người bạn nữa chạy vào khu rừng phía trước, nơi không nghe tiếng súng. Kinh nghiệm bao nhiêu năm chiến trận, bây giờ chồng tôi chỉ còn dùng để mong cứu được vợ con mình. Dịch quân tràn ngập. Một số đơn vị tan rã. Đồng đội kẻ chết người bị thương. Có thể một số đã bị bắt. Tôi không thể tưởng tượng được số mệnh bi thảm của những người lính biệt động một thời oanh liệt trên khấp chiến trường, giờ này lại tan tác trong bất ngờ, tức tưởi! Chồng tôi suýt bật khóc, khi nghe cấp chỉ huy truyền lệnh từ ông tướng tư lệnh Quân Đoàn : "Đạp lên mà đi!" Trong cả đời binh nghiệp, chắc những người lính không còn nhận cái lệnh nào đau đớn hơn thế nữa!

Sau chừng một tiếng đồng hồ băng rừng, chúng tôi bất ngờ gặp một toán lính hơn 20 người thuộc tiểu đoàn cũ của chồng tôi. Thầy trò chưa kịp nắm tay mừng rỡ thì súng nổ. Dịch quân phía trước mặt. Trở lại cương vị chỉ huy, chồng tôi lung mang con, điều động anh em xông vào trận mạc. Một cuộc đánh tốc chiến, toán địch quân bị tiêu diệt. Chồng tôi quay lại tìm và hướng dẫn đám đàn bà con nít chúng tôi đi tiếp. Trong núi rừng đêm xuống thật nhanh. Cái bóng tối bây giờ thật rợn người. Tôi hình dung đến cái bóng của tử thần. Chúng tôi dừng lại trên một ngọn đồi thấp. Tôi nghiệp cho những người lính trung thành. Đáng lẽ họ lợi dụng bóng đêm để đi tiếp, vì đó là sở trường của họ, nhưng thấy một số vợ con bạn bè cùng vài anh em bị thương không thể đi nổi, nghe lời chồng tôi, tất cả cùng ở lại qua đêm. Sau khi sắp xếp anh em phòng thủ, chồng tôi trở lại phụ lo chỗ nằm cho mẹ con tôi. Tôi hôm ấy, dù mệt, nhưng sao tôi cứ trằn trọc, không ngủ được. Chồng tôi ôm tôi dựa vào một gốc cây. Anh ôm tôi thật chặt vào lòng, thỉnh thoảng hôn nhẹ tôi, trên môi, trên tóc. Trong hoàn cảnh này chẳng ai còn lòng dạ nào để lâng mạn yêu thương, nhưng có lẽ anh đang tôi nghiệp cho một người con gái đã trót chọn chồng là lính chiến. Và không ngờ đó lại là

những nụ hôn cuối cùng anh dành cho tôi. Buổi sáng sớm khi vừa xuống chân đồi, chúng tôi chạm súng với địch. Cũng là lần cuối cùng tôi chứng kiến những người lính biệt động can trường. Các anh phân tán từng toán nhỏ, xông vào lòng địch mà đánh, tiếng thét "Biệt Động Quân Sát" vang dội cả một vùng. Nghe súng nổ, tôi đoán lực lượng địch đông lắm. Một anh trung sĩ bị thương ở cánh tay trong trận đánh hôm qua, được chỉ định dắt tất cả đám đàn bà con nít chúng tôi ra khỏi vùng giao chiến. Đã vậy anh còn phải dìu theo một người lính bị thương khác. Vợ chồng tôi thất lạc nhau kể từ phút ấy. Tôi còn lạc mất cả cháu Cao Nguyên, được ba nó gùi theo phía sau lưng ngay cả những khi lâm trận. Không biết chiếc áo giáp có đủ che chắn hình hài bé nhỏ của con tôi. Hình ảnh này trước đây tôi nghĩ chỉ có diễn ra trong mấy cuốn truyện Tàu mà tôi đã đọc.

Tiếp tục di chuyển chừng vài giờ đồng hồ nữa, khi tới một con đường mòn, chúng tôi lại nghe súng nổ. Anh trung sĩ dẫn đường chúng tôi nhận ra từng loạt lựu đạn nổ, bảo tất cả chúng tôi nằm rạp xuống. Chờ im tiếng súng, đám chúng tôi rời con đường mòn, chạy về hướng rừng bên phải, mà theo anh trung sĩ, có thể an toàn hơn. Khi đến bìa rừng, tôi bàng hoàng nhìn thấy mấy người lính biệt động quân nằm chết bên cạnh xác quân thù, máu me lai láng. Sau này tôi được biết những người lính này bị địch bao vây, đã tự sát để cùng chết chung với giặc. Đi vào cánh rừng bên phải chỉ vài trăm mét nữa thì chúng tôi bị một đám khá đông VC chặn lại. Anh trung sĩ bị tước hết vũ khí. Tất cả chúng tôi bị lùa vào bên bờ suối nhỏ. Ở đây tôi gặp một số sĩ quan, binh sĩ của ta bị bắt, nhiều người tay bị trói ngược ra sau, ngồi theo hàng dọc quay lưng ra suối, trước họng súng sẵn sàng nhả đạn của kẻ thù. Tôi cố ý tìm xem, nhưng không thấy chồng tôi trong số người bị bắt. Lòng tôi lo âu vô hạn. Từ lúc ấy, tiếng súng tạm im, chỉ còn tiếng quát tháo với cái giọng rất khó nghe của đám người thắng trận. Tất cả chúng tôi bị lùa về địa điểm tập trung, một ngôi trường nằm trong huyện Cửng Sơn (Sơn Hòa).

Trong cảnh khốn cùng này, tôi chỉ còn lại một điều may mắn. Chị giúp việc rất tốt bụng và trung thành. Vừa bồng bế, bảo bọc cho cháu Thùy Dương, vừa lo lắng cho tôi. Chị đi đâu đó xin cho tôi nửa bát cơm, nhưng tôi không nuốt nổi, mặc dù đã trải qua hai ngày đói khát. Nhìn đứa con gái vừa mới lên hai lây lất bên cạnh và nghĩ tới chồng tôi và đứa con trai giờ này không biết sống chết ra sao, lần đầu tiên tôi bật khóc.

Cuối cùng thì tôi cũng lần mò về đến Nha Trang, khi thành phố này cũng vừa lọt vào tay giặc. Khi nhận ra tôi, mẹ tôi ôm tôi vào lòng và khóc như mưa. Tôi không đủ can đảm mang tin buồn đến nhà chồng, nhờ cha tôi sang báo tin tôi và cháu Thùy Dương vừa mới về nhà, chồng tôi và cháu Cao Nguyên còn đang mất tích. Cả nhà chồng kéo sang thăm tôi, bồng cháu Thùy Dương

về nhà săn sóc. Mẹ chồng tôi thẫn thờ cả mấy ngày liền khi nhận được tin này. Năm nhà hơn một tuần, nhờ mẹ tận tình chăm lo, sức khỏe tôi đã gần bình phục, tôi xin được trở lại Phú Bổn tìm chồng và cháu Cao Nguyên. Cả nhà tôi và cha mẹ chồng đều ái ngại, âu lo. Nhưng qua sự nài nỉ của tôi, cuối cùng cha mẹ chồng cho đưa em trai út của chồng tôi, dùng xe honda chở tôi ngược đường lên Tỉnh Lộ 7.

Mặc dù đã chứng kiến bao nhiêu máu lửa tang tóc, cũng như đã chuẩn bị tinh thần, nhưng tôi thực sự kinh hãi những gì trước mắt, khi nhìn thấy ngổn ngang bao nhiêu xe cộ bị đốt cháy, những bộ xương người con vương vãi đó đây, bao nhiêu nấm mộ lấp vội bên đường. Cả một vùng xông mùi tử khí. Chiếc khăn bịt miệng tẩm ướt dầu Nhị Thiên Đường đã giúp tôi và cậu em vượt qua chặng đường gần 100 cây số. Đến Cheo Reo, hỏi thăm một vài người dân, được biết một số sĩ quan bị bắt làm tù binh, đang còn giam ở Thuần Mẫn. Chúng tôi đến đó, trình giấy phép đi tìm chồng của Ủy Ban Quân Quản, mới được cho vào trại. Sau khi tên VC trực ban cho biết không có tên chồng tôi trong danh sách tù binh, tôi xin được gặp bất cứ một sĩ quan nào cùng đơn vị với chồng tôi. Rất may, tôi được gặp anh đại đội phó lúc chồng tôi còn ở tiểu đoàn. Anh cho biết là có gặp một số binh sĩ cùng chồng tôi chiến đấu dưới ngọn đồi gần đèo Tu Na. Họ cho biết chồng tôi bị thương, nhưng cố tìm cách đưa cháu Cao Nguyên đến một nơi nào đó. Tôi sáng lên niềm hy vọng. Ngay hôm ấy tôi thuê năm người Thượng, theo tôi lần theo con đường dọc bờ sông mà tôi còn nhớ, trở lại khu đồi thấp, rồi bung ra xa đi tìm. Liên tục trong một tuần, chúng tôi chỉ tìm được mấy bộ xương người, một số ngôi mộ vô danh, nhưng không thấy dấu vết của chồng tôi. Tôi trở về mang theo niềm tuyệt vọng, không chỉ cho tôi, mà cho cả nhà chồng.

Cha mẹ chồng tôi lập bàn thờ cho chồng tôi và Cao Nguyên, đứa cháu đích tôn của ông bà. Ngày 19 tháng 3 là ngày giỗ của hai cha con.

Hàng năm, cứ đến ngày này, tôi và Thùy Dương đều trở lại Phú Bổn, tìm đến chân đồi, dưới gốc cây nằm giữa đỉnh đồi, mà đêm cuối cùng chồng tôi ôm tôi vào lòng, thắp hương tưởng niệm anh và cháu Cao Nguyên. Tôi đã dùng dao khắc đậm tên anh và cháu Cao Nguyên vào thân cây. Và lần nào, khi nước mắt ràn rụa, trong tiếng gió rừng, tôi mơ hồ như có tiếng khóc từ gốc cây này, rồi văng vẳng bao nhiêu tiếng khóc từ những thân cây khác, từ những khúc gỗ nằm vương vãi do bom đạn hôm nào, tạo thành một thứ âm thanh nao núng, xé ruột.

Tôi đã mang dư âm của tiếng khóc ấy đến tận Bắc Âu, nơi mẹ con tôi định cư sau chuyến vượt biển được một chiếc tàu của vương quốc Na Uy cứu vớt. Tháng 5 năm 1985, cha mẹ chồng tôi góp vàng cùng một người bạn ở vùng biển Lương Sơn đóng ghe vượt biển. Tôi, cháu

Thùy Dương và một đứa em trai của tôi được đi cùng với gia đình chồng. Tôi cũng xin được một chỗ cho chị giúp việc lúc trước (chị đã về quê trên vùng Diên Khánh, sau ngày cùng tôi thoát chết trở về), nhưng chị chối từ. Tôi âm thầm gom nhặt tài sản của nhà chồng và của tôi mang lên biếu chị trước khi rời khỏi quê nhà.

Hai mươi năm sau, khi Thùy Dương vừa làm đám cưới, tôi muốn đưa vợ chồng cháu về lại Việt Nam trình diện ông bà ngoại, và đến địa điểm cuối cùng khi chồng tôi và Cao Nguyên còn sống, như là một nghĩa cử để cháu tưởng nhớ đến cha và anh mình. Chúng tôi đến đây đúng vào giữa mùa Xuân, một ngày trước ngày giỗ chồng và đứa con trai.

Con đường Tỉnh Lộ 7 ngày xưa bấy giờ đã được tráng nhựa và đổi tên thành Quốc Lộ 25. Chúng tôi thuê bao một chiếc xe tám chỗ ngồi. Ngoài tôi và vợ chồng cháu Thùy Dương, còn có cậu em trai út của tôi và vợ chồng chị giúp việc ngày xưa. Chúng tôi đến Cheo Reo, bấy giờ có tên mới là A Yun Pa thuộc tỉnh Gia Lai. Tất cả không còn gì dấu vết của chiến tranh. Người ta đã cố tình trát phấn tó son lên thành phố núi này để có dáng dấp của thời kỳ đổi mới. Màu sắc lòe loẹt, vài ngôi nhà cao tầng quê mùa kệch cỡm, những ngôi nhà sàn "cải biên" thành những biệt thự của các ông quan lớn, nằm chơ vơ giữa một vùng nghèo nàn được mang tên "thị xã". Nhìn dãy núi Hàm Rồng từ xa, ẩn hiện trong những đám mây mù, lòng tôi chùng xuống. Nơi ấy, đã bao lần tôi đến thăm chồng, để được hòa mình vào đơn vị với những người lính trẻ, sẵn sàng chết cho quê hương. Cũng ở nơi ấy tôi đã vinh dự chứng kiến chồng tôi cùng nhiều anh em đồng đội được ông tướng Vùng gắn huy chương lên ngực áo khi ban quân nhạc trổi khúc quân hành. Tất cả bấy giờ đã trở thành huyền thoại.

Sau khi thuê phòng trọ, tắm rửa và cơm nước xong, chúng tôi hỏi đường đến tháp Yang Mun và tháp Drang Lai. Vì nghe dân ở đây bảo các vị thần Chàm trong hai ngôi tháp này linh thiêng ghê lấm. Tôi khấn vái và xin xăm. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi lá xăm tôi bốc trúng lại là bốn câu Kiều của ông Nguyễn Du::

Từ phen chiếc lá lìa rừng  
Thăm tìm luống những liêu chừng nước mây  
Rõ ràng hoa rụng hương bay  
Kiếp sau họa thấy kiếp này hẳn thôi

Tôi bán tín bán nghi, vì nghe nhiều người nói ở Việt Nam, chuyện cúng bái, mê tín dị đoan, bấy giờ là một business. Chẳng lẽ ông thần Chàm này lại thuộc cả truyện Kiều. Nghĩ như vậy, nhưng thấy bốn câu thơ lại đúng vào trường hợp của mình, tôi cũng thấy lòng buồn vô hạn. Trở về phòng trọ, bà chủ nhà cho biết ngày mai có chợ phiên của người dân tộc, vừa đông vui vừa có thể mua nhiều thứ thổ sản, giá cầm với giá rất rẻ. Tôi cũng muốn mua mấy con gà, để cúng chồng tôi. Khi còn sống anh thích ăn gà luộc. Bà còn cho biết thêm

dân chúng ở vùng này đa số là người Thượng thuộc các sắc tộc Djarai, Bahnar, Hroi và M'dhur. Có một số sống trong các bản rất xa, cách thị xã này từ 10 tới hơn 20 cây số.

Sau một đêm trăn trọc với những cơn ác mộng, vừa mới chợp mắt tôi đã nghe tiếng người réo gọi nhau. Ngôn ngữ của các sắc tộc, tôi không hiểu họ nói gì. Chợ phiên nhóm rất sớm.

Chúng tôi vội vàng ăn sáng rồi kéo nhau ra khu chợ, nầm không xa trước nhà trọ. Tôi có cảm giác lạ lẫm vì đây là lần đầu tiên tôi đến một buổi chợ phiên của người sắc tộc. Đã vậy vợ chồng cháu Thùy Dương cứ theo hỏi tôi điều này điều nọ. Khi đang cố giải thích về nguồn gốc của người Thượng, chúng tôi đến một quầy gà. Những con gà tre nhỏ xíu được nhốt trong mấy cái lồng đan bằng tre. Tôi ngồi xuống lựa hai con gà béo nhất, bảo người chủ bắt hộ hai con gà này ra khỏi lồng. Người chủ là một anh đàn ông Thượng vừa đen vừa ốm, nói tiếng Việt chưa rõ.. Khi anh xắn tay áo lên và thò tay vào lồng gà, tôi bỗng giật mình khi phát hiện vết sẹo trên cánh tay trái. Vết sẹo có hình dáng đầu một con cọp. Tôi nhớ tới Cao Nguyên, đứa con trai ba tuổi, bị thương trong trận pháo kích của VC vào trại gia binh ở Biển Hồ. Vết thương trên cánh tay cháu sau khi chữa lành cũng để lại một vết sẹo có hình ảnh đầu một con cọp. Biểu tượng binh chủng BĐQ mà chồng tôi luôn mang trên vai áo. Tôi biến sắc, nắm chặt cánh tay anh người Thượng và nhìn vào mặt anh ta. Cũng hai con mắt khá to, cũng cái sống mũi cao, nhưng khuôn mặt cháy nắng, mái tóc màu nâu sậm như màu đất đỏ Pleiku. Không có nét đẹp của Cao Nguyên ngày trước. Anh người Thượng ngượng ngùng, cúi mặt xuống, khụng lại. Nhưng tôi kịp nhớ ra trên vành tai của Cao Nguyên có một lỗ tai nhỏ, giống như ba nó, tôi cúi xuống để nhìn kỹ vào tai anh người Thượng. Tôi bàng hoàng khi nhận ra hai cái lỗ tai nhỏ trên hai vành tai. Bất giác, tôi ôm chầm lấy anh và nước mắt trào ra. Nhưng anh bán gà đầy mạnh tôi ra rồi nói một tràng tiếng Thượng. Vợ chồng cháu Thùy Dương ngạc nhiên tôi, không biết xảy ra điều gì. Nghĩ tôi chị giúp việc ngày trước có thể xác nhận cùng tôi đôi điều kỳ lạ, tôi bảo cháu Thùy Dương đi gọi chị từ gian hàng hoa lan phía trước. Tôi kéo chị ra xa, nói vào tai chị:

- Chị nhìn kỹ anh người Thượng này xem có giống ai không ?

Sau một lúc nhìn không chớp mắt, mặt chị biến sắc, rồi không trả lời tôi mà thì thầm một mình :

- Thằng Nguyên ? Chẳng lẽ là thằng cu Nguyên ?

Rồi chị nhìn thẳng vào mặt anh ta hỏi :

- Mày có phải là thằng Nguyên, Lê Cao Nguyên không?

Anh người Thượng lắc đầu :

- Tao là thằng Ksor Tlang,

Tôi mua hết những lồng gà hôm ấy và đưa cho anh một nấm tiền. Sau khi đếm xong anh trả lại cho tôi hơn một nữa, rồi buột miệng :

- Mày bắt cái con gà nhiêu tiền quá !

Tôi mất hết bình tĩnh, bảo vợ chồng chị giúp việc đứng giữ anh ta, rồi chạy vào phòng trọ tìm bà chủ nhà. Tôi kể rất vắn tắt những gì đã xảy ra. Có lẽ bà ta là người tai mắt ở đây, nhưng là một người tốt bụng, nhắc điện thoại gọi công an. Chưa đầy ba phút, hai gã công an chạy tới bằng xe gắn máy, một Kinh một Thượng, cúi đầu chào bà chủ. Chưa kịp nói gì, bà chủ kéo tay hai gã công an ra chợ. Vừa đi bà vừa giải thích. Đến nơi, gã công an nói một tràng tiếng Thượng. Tôi không hiểu gì nhưng thấy anh bán gà gân cổ cãi lại. Cuối cùng hai người công an kéo anh đi, mặc dù anh cố tình chống lại. Chúng tôi đi theo phía sau trở về phòng trọ.

Qua trung gian của bà chủ nhà trọ, tôi nhờ gã công an giúp tôi, dịch lại các điều trao đổi giữa tôi với anh bán gà, và cố gắng bằng mọi cách tìm ra tông tích của anh ta. Tôi nhét vào tay bà chủ hai tờ giấy bạc 100 đô la.

- Em có cha mẹ không ? Tên ông bà là gì ?

- Tôi có cha mẹ. Cha tôi tên Ksor H'lum, mẹ tôi tên H'Nu.

- Có anh em không ?

- Không.

- Anh có nhớ ngày sinh không ?

- Không.

(Gã công an nhìn sang tôi, bảo là sẽ tìm khai sinh sau)

- Anh có nhớ lúc còn nhỏ, khi ba, bốn tuổi anh ở đâu không ?

- Không! Thì chắc tôi ở với cha mẹ tôi mà.

- Cái sẹo trên cánh tay trái, anh biết vì sao mà có cái sẹo này không?

(Gã công an bảo anh xắn tay áo lên và chỉ vào vết sẹo)

- Không ! Chắc là bị cành cây đâm trúng.

Tôi thở ra thất vọng. Nhưng vừa chợt nghĩ ra điều gì, tôi lại hỏi :

- Cha mẹ anh đang ở đâu ?

- Buôn Ban Ma Dek.

(Gã công an nhìn tôi, bảo Ban Ma Dek cách đây hơn 10 cây số)

- Anh ở chung với cha mẹ anh ?

- Không, ở bên cạnh, với vợ và hai đứa con.

- Đã có vợ con rồi à ! Tôi buột miệng.

Tôi đề nghị hai gã công an cùng đi với chúng tôi và anh bán gà về buôn Ban Ma Dek. Sau khi hỏi nhỏ bà chủ nhà trọ, hai gã công an gật đầu. Nhưng bảo là chúng tôi phải thuê xe ôm, vì về buôn Ban Ma Dek chỉ có đường rừng, xe ô tô không chạy được. Bà chủ nhà trọ gọi hộ chúng tôi bảy cái xe ôm.

Cha mẹ của anh bán gà đã khá già, trước đây chỉ sống lẻ loi trong núi nên không nói được tiếng Việt. Chúng tôi lại trao đổi qua sự thông dịch của gã công an người Thượng. Vợ và hai con của Ksor Tlang thấy có nhiều người cũng chạy sang nhìn .

Ông bà cứ nhất quyết Ksor Tlang là con đẻ của ông bà. Nhưng thấy tôi khóc lóc, năn nỉ và nhờ gã công an gạn hỏi, cuối cùng ông cha mới kể lại sự thực:

- Năm ấy, lâu rồi, sau mấy ngày chiến trận ác liệt, mà vợ chồng tôi phải nằm suốt sau tảng đá to trước nhà để tránh đạn. Bỗng một buổi chiều có người lính mặc áo rắn ri, bị thương nặng lắm, nhưng cố lết vào dưới căn nhà sàn của tôi rồi gục chết, trên lưng có mang một đứa bé. Nó là thằng Ksor Tlang bây giờ.

- Rồi xác người lính ấy ở đâu ? Tôi hỏi .

Ông chỉ tay ra rừng cây phía trước:

- Tôi đã chôn ông ta dưới gốc cây ấy, rồi rào lại, sợ thú rừng bòi lên ăn thịt.

Chúng tôi theo hai người công an đi tìm ông già đi về phía khu rừng.

Tôi khóc ngất khi nhìn thấy nấm mồ thấp lè tè nằm dưới tảng cây, được rào lại bằng những que gỗ nhỏ. Vợ chồng cháu Thùy Dương cũng quỳ xuống ôm vai tôi mà khóc. Tôi ngược lên dáo dác tìm Ksor Tlang, thằng Cao Nguyên, đứa con trai duy nhất của vợ chồng tôi. Nó đang đứng bất động, hai tay nắm chặt hai đứa con đang trần truồng, đen黢. Tôi chạy lại ôm hai đứa nhỏ vào lòng, nhưng cả hai đứa trố mắt nhìn tôi đứng đứng, xa lạ.

Tôi khóc lóc, năn nỉ lắm, ông già mới cùng vợ chồng và hai đứa con thằng Ksor Tlang về nhà trọ với tôi. Nhờ bà chủ thuê một cậu học trò thông dịch. Suốt một đêm, tôi, cháu Thùy Dương và vợ chồng chị vú giúp việc ngày xưa, giải thích, khóc hết nước mắt, xin vợ chồng Ksor Tlang và hai đứa con theo chúng tôi về Nha Trang ở với ông bà ngoại, rồi tôi sẽ tìm cách đưa sang Na Uy. Cả hai ông bà già, nếu muốn, chúng tôi sẽ mua nhà cửa ở Nha Trang và chu cấp tiền bạc cho ông bà sống gần Ksor Tlang. Nhưng cả Ksor Tlang và ông già một mực chối từ, bảo là họ không thể nào bỏ bản mà đi. Núi rừng mãi mãi là nhà của họ. Họ không thể sống xa rừng cũng như loài cá không thể sống mà không có nước.

Dự trù lên đây ba ngày. Vậy mà chúng tôi đã ở lại đây hơn hai tuần rồi. Ban đầu tôi dự định xin phép cha mẹ

nuôi của Ksor Tlang cho tôi cải táng phần mộ của chồng tôi, mang về an táng trong nghĩa trang gia tộc ở Nha Trang, nhưng rồi tôi đã đổi ý. Bởi anh phải nằm ở đây, bên cạnh đứa con trai và hai đứa cháu nội của anh, mặc dù bây giờ tất cả đã trở thành người Thượng và chắc không biết gì về anh. Và có lẽ anh cũng muốn nằm lại với bao nhiêu đồng đội, một thời cùng anh vào sinh ra tử, mà linh hồn chắc đang còn phảng phất ở quanh đây. Tôi muốn thợ xây lại ngôi mộ. Trên tấm bia không có hình chân dung của anh, mà có tấm ảnh anh chụp chung với tôi cùng hai cháu Cao Nguyên và Thùy Dương trong ngày sinh nhật bốn tuổi của Cao Nguyên, chỉ hơn một tháng trước ngày anh mất. Tấm ảnh này lúc nào tôi cũng mang theo.

Tôi cũng không thể bắt Cao Nguyên và vợ con phải rời khỏi núi rừng, nơi đã cưu mang nó. Có lẽ cái tên Cao Nguyên mà ngày xưa chồng tôi đề nghị đặt cho nó đã vận vào cuộc đời của nó. Điều làm tôi đau đớn hơn là tôi chẳng làm được điều gì cho đứa con trai ruột thịt máu mủ của mình, ngoài việc nhờ bà chủ nhà trọ thuê người dựng cho vợ chồng nó và ông bà cha mẹ nuôi một ngôi nhà sàn chắc chắn và rộng rãi hơn, sắm cho vợ chồng nó và hai đứa con một số quần áo mới. Nhưng phải năn nỉ khóc lóc mãi nó mới chịu nhận, cùng số tiền 200 đô la. Bằng đúng số tiền mà tôi đã trả công cho hai gã công an!

Ngày cuối cùng, chúng tôi ở lại với vợ chồng Cao Nguyên trên ngôi nhà sàn mới. Buổi chiều, tôi bảo Cao Nguyên và vợ con nó, thay quần áo mới, cùng với tôi và vợ chồng Thùy Dương ra thắp hương trước mộ ba nó. Nó quỳ bên cạnh tôi, cúi đầu nói điều gì lầm thầm trong miệng và khi ngược lên, đôi mắt đỏ hoe. Suốt đêm hôm ấy, tôi ngồi khóc một mình. Tôi nghĩ tình mẫu tử thật thiêng liêng, nhưng có lẽ ông trời đã phạt tôi. Tôi sinh ra Cao Nguyên, nhưng không bảo vệ được con mình, để mất nó trong núi rừng này từ ngày chỉ vừa lên bốn tuổi.

Tôi rời khỏi Cheo Reo, chạy ngược về cầu sông Ba theo Tỉnh Lộ 7 ngày xưa, mang theo trong lòng nỗi đau đứt ruột. Đang giữa mùa xuân nhưng cả bầu trời nhuộm màu ảm đạm. Nhìn núi rừng hai bên đường, trong ràn rụa nước mắt, tôi mơ hồ như cây lá không còn nữa, mà tất cả đều mang hình dáng của những bộ xương người nối tiếp nhau, trùng điệp. Tai tôi nghe trăm ngàn tiếng khóc quyện vào trong gió. Không biết đó là tiếng khóc của người hay tiếng khóc của cây?

**Phạm Tín An Ninh** (phỏng theo lời kể của một người vợ lính BĐQ)



# chúa tể lên ngôi

Nguyễn Quý Đại

Năm cũ trôi qua năm mới lại về, chúng ta sửa soạn nghênh đón tên con vật mới, từ trước đến nay việc chọn tên các con gia súc và thú vật hoang dã làm biểu tượng mỗi năm gọi là 12 con giáp. Theo thời gian có sự liên hệ 12 cung Hoàng đạo cần phải nói đến Ngũ Hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Người Tây phương tính theo chu kỳ sao Jupiter (Mộc tinh) quay quanh mặt trời là 12 năm. Mỗi năm nó xuất hiện ở một phương vị nhất định, nơi đó do một trong 12 con giáp đang trấn giữ. Mười hai con vật được gọi là 12 địa chi tượng trưng cho chu kỳ một năm. Trong số các con giáp này mỗi con vật đại diện 2 giờ đồng hồ trong một ngày 24 tiếng. Con rồng là con vật thần thoại và Tí, Dần, Ty, và Thân là những con vật sống hoang dã và thường tránh gặp con người. Bảy con còn lại là gia súc, theo chu kỳ 12 năm thì lại mang tên con vật cũ.

Dời sống Việt Nam ảnh hưởng nông nghiệp nên sử dụng cả Âm Lịch và Dương lịch. Trong dân gian tính

ngày âm theo phong tục: tế tự, lễ hội, ma chay, cưới gả, dựng nhà.. Năm 2010 theo Âm lịch ngày 14.2.2010 Dương lịch là ngày Mùng Một Tết năm Canh Dần Hổ đứng thứ 3 trong 12 con giáp lên ngôi. Nhìn lại 12 tháng qua con Trâu siêng năng, làm việc mệt nhọc suốt ngày đêm, từ từ đưa cơn suy thoái kinh tế vượt qua vực thẳm, thế giới nhiều thay đổi, Tổng thống đầu tiên Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ là người da đen.

## Hổ trong thiên nhiên

Trên rừng núi Hổ là một trong nhiều loài thú dữ, nhưng Hổ (cọp, hùm) to lớn di chuyển nhẹ nhàng có sức mạnh phi thường, có thể nhảy cao 2 m, dài 8 m nhanh nhẹn, bơi lội giỏi nên được gọi là Chúa Tể Sơn Lâm. Nhưng ngược lại Hổ có một trí nhớ rất kém.

Thời xa xưa đời sống con người ở các vùng đồi núi chưa có vũ khí để chống lại Cọp, đành bó tay sợ hãi, làm miếu thờ đôi khi thần thánh hóa gọi Cọp là ông ba mươi. Hổ không thích ánh sáng, ban ngày lẩn trốn trong bụi cỏ, lùm cây hay ngủ, khi mặt trời lặn. Hoàng hôn về Hổ thường xuất hiện tìm mồi, mắt Hổ rất sáng trong đêm tối có thể thoi miên những con mồi nhỏ bé ăn cỏ như nai, hươu..

Một trăm năm trước trên thế giới có khoảng 100.000 con sống rải rác trên núi rừng, ngày nay Cọp không là mối đe doạ nữa, mà còn bị con người bắt giết lấy xương da, còn lại hơn 5000 con, nhiều loại bị diệt chủng! Cọp đứng chi thứ 3 trong 12 con giáp nên gọi là Dần, giờ Dần chỉ thời gian từ 3 đến 5 giờ sáng. Cọp nay còn nhiều hay ít, hình ảnh và truyền thuyết về loài Cọp vẫn nằm trong tâm lý và văn hóa các dân tộc Á Đông.

## Phân loại Hổ trong đời sống và khoa học

Giới (regnum), Animalia động vật.

Ngành (phylum), Chordata loại có xương sống.

Lớp (class), Mammalia động vật có vú.

Bộ (ordo), Carnivora động vật ăn thịt.

Họ (familia), Felidae họ mèo.

Chi (genus), Panthera Báo bão.

Hổ lớn nhất trong họ mèo, nhưng có nhiều loại Hổ có một số đặc trưng khác nhau. Đuôi dài giúp nó quân bình thân thể khi lèo lái lúc rượt bắt mồi, râu dài giúp nó tìm mồi, đánh hơi như mèo. Hổ đực trọng lượng nặng từ 150 đến 310 kg và Hổ cái từ 100 đến 160 kg. Hổ đực dài từ 2,6 đến 3,3 m Hổ cái từ 2,3 đến 2,75 m. Trong các loại Hổ, giống Corbett nhỏ, loại Hổ Amur lớn nhất. Màu của chúng có thể là bất kỳ màu nào trong khoảng từ vàng đến đỏ-da cam. Sau tai có đốm trắng, cằm và họng màu trắng, trên ngực, cổ, cũng như phần bên trong của chân màu trắng nhạt. Bộ lông có nền vàng màu da bò, vàng nhạt có nhiều sọc (vằn) màu đen hoặc màu nâu đen. Đuôi có vòng nâu đen không

dều từ trong đến nút đuôi, một biến thể “gen” là Hổ trắng,

### Các loài hổ khác nhau

\* *Panthera tigris altaica* Hổ Siberia hay Hổ Amur, còn gọi là Hổ Mãn Châu (Trung Hoa gọi là hổ Đông Bắc), gần như toàn bộ sống trong những khu vực rất hạn chế của miền Đông Nga, ở đó hiện nay chúng được bảo vệ. Trong thiên nhiên có ít hơn 400 con. Hổ Siberia là giống Hổ to con, con đực thường dài trung bình 2,7 mét và nặng khoảng 290 kg, với bộ lông dày và những đường vằn lớn màu vàng nhạt.

\* *Panthera tigris amoyensis* - Hổ Hoa Nam. chũ amoyensis tên khoa học của nó xuất xứ từ tên địa danh Amoy, còn gọi là Xiamen tức Hạ Môn, đang nằm trong tình trạng nguy hiểm nhất, sẽ tuyệt chủng ...

\* *Panthera tigris corbetti* - Hổ Đông Dương Indochina-Tiger (còn gọi là hổ Corbet), được thấy ở Việt Nam, Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanma, Mã Lai, Trung Hoa. Tại Việt Nam phần lớn hổ đã bị giết để lấy da xương nấu cao hổ cốt.

\* *Panthera tigris jacksoni* - Hổ Mã Lai đồng nghĩa: *Panthera tigris malayensis*, tiếng Mã Lai: Harimau Malaya, chỉ tìm thấy ở khu vực phía Nam của bán đảo Mã Lai.

\* *Panthera tigris sumatrae* - Hổ nầy sống ở đảo Sumatra (Indonesia) đảo hoang dã có khoảng 400 đến 500 con.

\* *Panthera tigris tigris* - Hổ Bengal sống trong rừng già và đồng cỏ của Bangladesh, Bhutan, Trung Hoa, Ấn Độ và Nepal. Còn từ 3.000 đến 4.600 con, phần lớn sống ở Ấn Độ và Bangladesh.

Ba loại Hổ đã tuyệt chủng:

\* *Panthera tigris balica* Hổ Bali-Tiger,

\* *Panthera tigris sondaica* Hổ Java-Tiger

\* *Panthera tigris virgata* loại Hổ Caspi-Tiger

Hổ sống trong môi trường thiên nhiên có tuổi thọ tối đa 25 năm, phần lớn chỉ sống tới 17 hay 21 năm, tuy nhiên vì nạn săn bắn không tính được tuổi thọ! Hổ có thể sống thích hợp với thời tiết thay đổi theo từng địa phương nóng +40 hay lạnh -40 độ Celsius, trên núi cao đến 3000m. Mỗi ngày đêm có thể di chuyển 30km, ít hoạt động ở một chỗ trong nhiều ngày, nó thường đi một mình, thích thịt bò, nai, heo rừng... mỗi ngày ăn từ 8 đến 50 kilo, phần thịt còn lại cất dấu một nơi, sau khi ăn no nó uống rất nhiều nước và nằm ngủ, răng Hổ còn dính thịt thường được các con công xiết răng, Hổ có mùi hôi vì ăn thịt sống máu còn dính hai bên miệng, râu mép. Bởi vậy râu Hổ rất độc có chất ptomaine, khi săn hay bẫy được Hổ, người ta thường đốt râu, sợ người

khác lấy râu Hổ bỏ vào bệ măng sê sinh ra loại sáu có phân rất độc tác dụng giết người.

Tuổi trưởng thành của Hổ từ 3-4 năm, Hổ cái động dục 5 ngày theo chu kỳ 50 ngày, sau thời gian giao phối có chửa kéo dài khoảng trên dưới 100 ngày, sinh từ 2 đến 6 con, mỗi con lúc vừa sinh nặng chừng 900 Gramm đến 1400 Gr dài 40 cm. Từ 4-12 ngày thì mở mắt, 2 hay 3 tuần sau mọc răng sữa, một tháng rưỡi Hổ con bắt đầu ăn thịt. Chúng bú sữa mẹ tới 6 tháng và theo mẹ tập săn mồi từ 2 đến 3 năm. Thời gian nuôi con Hổ mẹ không giao phối, tuy nhiên nếu tách Hổ con ra, thì Hổ mẹ tiếp tục giao phối sinh đẻ. Bạch Hổ là loại Hổ lông màu trắng có vằn đen rất hiếm, năm 1951 người ta phát hiện trong rừng của tiểu vương Rewa người ta bắt được 4 chú Hổ con, 3 con màu vàng đặc biệt, một con màu trắng lúc 9 tháng. Con Hổ màu trắng tên là Mohan đem về nuôi dưỡng ở lâu đài Govindgarth, khi trưởng thành, người nuôi cho giao phối với con Hổ lông vàng tên Begun, sinh 4 con cái tên Radha được nuôi lớn cho giao phối với Mohan sinh ra 4 con Bạch Hổ là Raja, Rani, Mohine, Sukheshe. Hổ Radha sinh thêm 4 lứa được 11 con Bạch Hổ. Chính phủ Ấn Độ tài trợ cho việc nuôi dưỡng, các con Bạch Hổ sinh sản nhiều hơn. Ngày nay các con Bạch Hổ ở sở thú hay các đoàn xiếc đều là giống từ Ấn Độ.

### Hổ trong lịch sử và văn chương Việt Nam

Giai thoại ngày xưa Tả quân Lê Văn Duyệt cùng với sứ thần Xiêm La (Thái Lan) hay Chân Lạp ngồi trên vọng đài xem các võ sĩ đấu với Hổ. Dân chúng chen chúc đứng chung quanh đài. Tả quân truyền lệnh thả hổ ra để võ sĩ biểu diễn bắt sống hổ cho sứ thần xem. Lê Văn Khôi mìn Trần mặc quần cùt, tay cầm dùi heo. Không ngờ gặp con Hổ quá dữ tấn công ngay, ông né mìn đánh ra một côn trúng Hổ ngã lăn một lúc rồi tắt thở. Sứ thần Xiêm La tấm tắc khen ngợi, nhưng Tả Quân nổi trận lôi đình truyền dao phủ bắt trói Lê Văn Khôi đem chém, vì theo lệnh đấu với hổ chỉ được bắt sống chứ không được đánh chết. Lê Văn Khôi đến trước vọng đài xin tha tội vì không biết, xin được bắt sống Hổ khác để chuộc tội. Tả quân đồng ý ra lệnh thả Hổ ra, bên ngoài trống thúc vang trời. Cuộc tỷ thí lần này thật là gay go Lê Văn Khôi đá trúng hàm dưới của Hổ. Hổ nầm bất tĩnh ông trói hổ và đặt dưới vòng đài làm lể xin chuộc tội. Sứ thần Xiêm La thấy vậy khen không dứt lời. Tả Quân ung dung nói: Bọn tiểu tốt dưới trướng tôi đều như vậy cả, có chi đáng cho đại nhân khen. Đây là hình thức phô trương nhân tài về võ nghệ cao cường của người Việt Nam, dần mặt quân Xiêm đừng sang quấy phá nước ta.

Ngày xưa các Vua Chúa còn thích xem Hổ đấu với Voi, ở cố đô Huế còn lại phế tích trường đấu Hổ Quyền xây dựng năm 1830. Trường đấu gồm hai vòng tường thành hình tròn đồng tâm xây bằng gạch vồ, trát vôi vữa. Tường dày 1,1m ở nền và 0,5m ở đỉnh. Đường kính của

vòng tường ngoài là 45m, chu vi 140m, cao 4,5m. Vòng tường trong có đường kính 35m, chu vi 110m, cao 6m. Hai vòng tường cách nhau 4m. Từ dưới chân tường có hai cầu thang để đi lên con đường đất. Cầu thang thứ nhất có 20 bậc dành cho vua và hoàng gia. Khán đài là một khu đất hình chữ nhật, diện tích 96m<sup>2</sup> cao 1,5m so với mặt đường đất. Từ trên khán đài nhìn xuống người ta thấy khu lòng chảo của trường đấu. Cầu thang thứ hai có 15 bậc dành cho lính và dân xem. Khoảng giữa hai cầu thang là một lối vào rộng 1,9m, cao 3,9m dành cho voi vào trường đấu. Đối diện với khán đài dành cho vua, ở phía bên kia của đấu trường là 5 chuồng Hổ và Báo. Phía trên chuồng ở chính giữa có một tấm biển bằng đá chạm hai chữ Hán “Hổ Quyền”, trận đấu cuối cùng giữa Voi và Hổ ở Huế dưới thời vua Thành Thái năm 1904.

Thi ca được truyền tụng trong dân gian về hình ảnh Chúa Tể Sơn Lâm:

- Chở thấy hùm ngủ vuốt râu, đến khi hùm dậy đầu lâu chẳng còn
- Vuốt râu hùm - xỉa răng cọp: làm các việc nguy hiểm
- Rừng già lấm voi, rừng còi lấm hổ - kinh nghiệm của thợ săn
- Hùm chết để da, người chết để tiếng - nói lên ích lợi của loài hổ và con người ngay cả sau khi chết
- Hổ đội lốt thầy tu, ám chỉ kẻ giả đạo đức, thành phần lợi dụng tôn giáo để được vinh thân gọi là "Sư hổ mang"
- Trời sanh hùm chẳng có vây  
Hùm mà có cánh hùm bay lên trời
- Địa hổ ly sơn dụ cọp ra khỏi núi, một cách lược để đổi thủ yếu đi
- Hổ ngọt phùng nhân thực, nhân thực cùng khởi đạo tâm/con cọp đối gặp người bắt ăn, cũng như người nghèo khổ sinh ra lòng trộm cắp?
- Nam thực như hổ, nữ thực như miêu/ đàn ông ăn nhiều đàn bà ăn ít.
- Hùm mất hươu hơn mèo mất thịt/ giống như trèo cao té nặng.
- Đuổi hùm ra cửa trước rước sói cửa sau! chống kẻ ác nầy nhung rước kẻ ác khác vào.
- Hổ phụ sinh hổ tử/ hổ cha sinh ra hổ con.

Trong truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du đã chỉ cái uy của con Hổ (hùm)

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.  
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này  
Râu hùm, hàm én mà ngài

Giai thoại về câu đố, ngày xuân khách viếng Chùa (ông Hoàng Phan Thái?) bị nhà sư ra câu đố, ông đã đổi lại rất chỉnh:

Cái là tượng, tượng là voi, voi chầu cửa cái  
Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thầy Tu

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương với Phạm Đình Hổ tức Chiêu Hổ ngày nọ đến chơi, chỉ có một mình Xuân Hương ông muốn giở trò suông sã bị Xuân Hương mắng vốn:

Anh đồ tinh, anh đồ say  
Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày  
Này này chỉ bảo cho mà biết  
Chốn ấy hang hùm chớ mó tay  
  
Hùm là Hổ tức tên Chiêu Hổ cũng không thua họa lại  
  
Này ông tinh, này ông say  
Nay ông ghẹo nguyệt giữa ban ngày  
Hang hùm ví bằng không ai mó,  
Sao có hùm con bỗng chốc tay?

Trong Việt Nam Thi Nhân Tiên Chiến bài Nhớ rừng của Thế Lữ đã diễn tả tâm hồn thi nhân rất phóng khoáng, hòa với thiên nhiên hơn đời sống gò bó! bài thơ này cũng là nỗi lòng của những Sĩ quan, Công chức miền Nam sau biến cố đổi đời 1975, hàng trăm ngàn người bị nhà cầm quyền CS tập trung vào các trại cải tạo mất tất cả tự do bị đối xử tồi tệ, như những con Hổ bị nhốt trong chuồng:

Gậm một khối căm hờn trong cùi sắt,  
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.  
Kinh lũ người kia ngọt mặn, ngắn ngơ  
Giương mắt bé riệu oai linh rồng thảm  
Nay sa cơ, bị nhục nhặc tù hãm....

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,  
Thuở tung hoành, hống hách những ngày xưa.  
Nhớ cõi sơn lâm, bóng cǎ, cây già  
Tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hé tui,

Hổ sống trên rừng cao, trong sở thú, nhưng hình ảnh Hổ quen thuộc, gần gũi trong sinh hoạt con người. Ngân hàng Quốc Gia Việt Nam phát hành ngày 25.8.1972 loại 500 Đồng màu vàng cam đen, mặt trước là Dinh Độc Lập mặt sau là con Hổ. Biệt Động Quân mũ nâu với phù hiệu đầu Cọp trên ngôi sao 5 cánh màu trắng. Biệt Cách Dù mũ xanh phù hiệu con Cọp vàng nhảy qua chiếc dù trắng, trong quân đội có chuồng Cọp để nhốt phạt quân nhân vi phạm kỷ luật. Bọn thực dân Pháp gọi ông Hoàng Hoa Thám là con Hùm Yên Thế. Trong các đèn, miếu thường thờ tranh Ngũ Hổ: Hoàng hổ, Hắc hổ, Bạch hổ, Xích hổ, Thanh hổ. Ngoài ra có bia hay tranh điêu khắc hình, tượng cọp thật oai. Trong các phái Võ lâm có các bài Quyền về hổ: Mạnh Hổ

quyền, Xà Hổ Hạc quyền, Long Hổ quyền, Phục Hổ quyền, Hổ quyền dưỡng sinh khí công.....

Hổ khẩu là tên huyệt đạo nằm giữa ngón cái và ngón trỏ (hình chữ V) huyệt này rất quan trọng trong ngành châm cứu. Ngoài ra còn rất nhiều từ về Hổ: Hổ cứ, Hổ linh, Hổ môn, Hổ bộ, Hổ mang, Hổ thận, Hổ mặt, Hổ tướng, Hổ giấy... Tết có môn chơi Bầu, Cua, Cá, Cọp.

Thế vận hội năm 1988 ở Seoul dùng biểu tượng con hổ, hăng dầu cù là Tiger Balm Singapore với hình cọp đang chạy. Năm 1945 hãng bia BGI có "Bière Larue" ở Việt Nam sản xuất bia nhãn hiệu đầu Cọp màu vàng, chai cao (0.66 lit). Singapore năm 1932 có hãng bia con cọp Tiger Beer. Truyện tranh Calvin and Hobbes của Bill Watterson. Tác giả A.A. Milne trong truyện Winnie the Pooh diễn tả hổ luôn đem lại may mắn... tiểu thuyết Life of Pi/ cuộc đời của Pi viết về cậu bé sống sót trên Thái bình dương với con Hổ Bengal. Tuy nhiên con Hổ Shere Khan trong tác phẩm The Jungle Books là con vật nguy hiểm nhất của Mowgli. Chuyện Khổng Tử trả lời Tử Lộ “nǎm đuôi cọp mà giết” hay chuyện “Cọp Mặc Tử” là những triết lý rất hay nói về thế thái nhân tình.

### Thảo dược mang tên Hổ

\* Hổ Cao hay Hy Thiêm tên khoa học Siegesbeckia orientalis L. họ cúc có nơi người ta gọi là cổ của trời, hái lúc cây chưa ra hoa, phơi khô dùng để chữa chân tay tê, lưng, đầu gối đau vì bệnh phong thấp.

\* Hổ Kế hay Ô Rô còn gọi là đại kế tên khoa học Cnicus japonicus Maxim, họ cúc là loại cỏ mọc hoang ở Á Châu, hái cây đang lúc nở hoa, phơi khô. Trong dân gian dùng cây này để chữa chảy máu cam, thổ huyết, phù thận người ta dùng cây tươi giã vắt nước uống hay cây khô sắc nước uống như trà.

\* Hổ Trương Cảng còn gọi là củ cốt khí Polygonum Cuspidatum họ rau răm, trong rễ cây này có chất antraglucosid dùng làm thuốc chữa té thấp do té ngã bị thương.

\* Đơn lưỡi Hổ hay lưỡi cọp. Sauropus rostatus, họ thầu dầu còn gọi là cây Cam Xưng mọc hoang ở rừng núi, lá rẽ hái về sấy chữa dị ứng tiêu chảy..

\* Hổ Thiết còn gọi là lưỡi hổ hay Lô Hội, (lô là đèn hội tụ lại nhựa cây có đặc có màu đen) tên khoa học Aloe Vera họ hành tỏi, loại cây thông dụng chế biến trong ngành mỹ phẩm, làm kem thoa da, dầu gội đầu... người ta cắt lá lấy nhựa, tinh dầu, nhựa, chất Aloin. Đây là vị thuốc dùng trong Đông và Tây Y, giúp tiêu hoá kích thích niêm mạc ruột.....

\* Hoa Hổ Ngươi là Hoa Trinh Nữ, còn gọi là Hoa Mắc Cở, nấu lấy nước uống theo Nam Y trị bệnh cao máu?

Ngoài ra xương Hổ dùng nấu Cao hổ cốt tên khoa học Panthera tigris L, dùng toàn bộ xương con Hổ, không

thể thiếu miếng xương nào. Do đó phải có người biết xem và chọn lọc xương. Xương hổ quý nhất là xương tay (hổ hình cốt) rồi xương chân, xương đầu, xương sống liền với xương đuôi (không thể thiếu những xương này được). Xương tay hơi vặn ở khuỷu, có một lỗ ‘thông thiên’; đặc điểm này dùng phân biệt xương hổ, xương beo với các xương khác: răng hàm có hình chữ ‘tam sơn’. Hổ chết trong rừng lâu ngày xương tráng bợt, nếu ngâm nước lâu thì bị ảm, hổ săn bắn được thì xương dính liền nhau, tráng ngà, để hơi vàng. Xương hổ tốt nhất nặng 10 - 15kg. Nếu có đủ 5 bộ xương cùng nấu thì tốt nhất. Một kg xương đã chế nấu được độ 230g cao mềm, cho nên nấu Cao hổ cốt người ta thường nấu lẩn với xương Sơn dương (tỷ lệ 1/5). Nếu được “ngũ dương nhị hổ” thì càng có lực mạnh. Xương sơn dương nấu với xương Hổ cũng phải làm sạch như gạc (sạch tuỷ, gân, thịt). Ngành Y học Tây phương chưa khám phá ra các chất bổ dưỡng trong Cao hổ cốt, họ chưa dùng các loại được phẩm ngâm rượu đó, nhưng tuổi thọ họ rất cao. Chúng ta cần phải xét lại quan niệm của người Tàu ăn gì bổ đó ngay cả thai nhi? điều này không thể nào chấp nhận được.

### Các quốc gia Á Châu ăn Tết Canh Dần

Mỗi quốc gia có một phong tục riêng về quan niệm 12 con Giáp. Đại Hàn, Nhật, Hoa họ gọi là: Chuột-Bò-Cọp-Thỏ-Rồng-Rắn-Ngựa-Cừu-Khỉ-Gà-Chó-Heo.

Người Việt thì chọn con đứng thứ 4 là Mèo là và thứ 8 là Dê. Đón Tết giống nhau về ngày Âm lịch, nhưng Nhật là quốc gia chọn Tết Dương lịch theo các nước Tây Phương từ khi cuộc Duy Tân Minh Trị do Thiên Hoàng Meijig năm 1868. Người Nhật chuẩn bị năm mới từ ngày 31.12 có tên gọi là Omisoka và đón mừng năm mới Oshogatsu, vui chơi 3 ngày Tết theo phong tục truyền thống của Nhật.

Thái, Lào, Campuchia ăn Tết theo Phật lịch năm mới bắt đầu bằng ngày Đản sinh của Đức Phật 15/4 và ngày lễ chính thức được mở đầu bằng lễ tắm Phật từ 13 đến 15 tháng 4. Ngày xuân với lễ hội té (tạt) nước người ta tin nước sẽ giúp gột rửa đi điều xấu xa, bệnh tật và cầu chúc năm mới sống lâu, sạch sẽ và mạnh khỏe, để cầu may, bình yên cho cả năm, người dân sẽ té nước lên nhau bằng cách xô... người được té nhiều nước càng may mắn. Tuy nhiên mỗi nước có nghi thức lễ hội và sinh hoạt khác nhau: Thái Lan ăn tết gọi là Songkran. Sau lễ tắm Phật trên chùa, bắt đầu mừng năm mới bằng lễ té nước. Các món ăn đặc trưng của Thái: cà ri xanh nấu với gà (gaeng kiao wan gai), canh chua tôm (tom yam), bánh gạo thịt gà và tôm, xôi ngọt sầu riêng... Tết Campuchia gọi là Chol Chnam Thmay (Chol Chnam Thmây). Ngày tết gia đình quây quần bên nhau, cùng thưởng thức món cà ri. Lào tết gọi là Bunpimay, món ăn Tết là Lạp được làm bằng thịt gà hay thịt bò, trâu tươi băm nhuyễn với rau bạc hà xắt nhỏ và nước cốt chanh, không dùng đường, vị chua cay. Người ta thường

dùng Lạp chung với các loại rau như húng lủi, ngò gai ăn với xôi nóng... trong những ngày tết thường có lè phóng sanh .

Người Philippines ăn Tết theo Dương lịch là dịp để những người trong gia đình suy ngẫm về những chuyện diễn ra trong một năm qua, và cùng hướng về tương lai với những hy vọng tươi sáng. Đối với người Philippines ngày tết biểu tượng cho sự thay đổi, hy vọng, cơ hội sửa sai và làm những điều tốt đẹp. Giao thừa bàn tiệc "Media Noche" để cả gia đình cùng thưởng thức vào đúng nửa đêm. Bàn tiệc thường có trái cây xếp theo hình vòng tròn, biểu thị những đồng tiền xu, với ước vọng đem lại may mắn về tài chính cho gia đình.

Dân tộc Indonesia và Malaysia là quốc gia, ảnh hưởng Hồi giáo có nhiều tôn giáo và sắc tộc, do đó cách chào đón tết cũng rất đa dạng và khác biệt. Đó là tết của người Hồi giáo (Tahun Baru Hijriah), tết của người Hindu tại đảo Bali (Tahun Baru Saka) và tết cổ truyền theo kiểu Trung Quốc (Tahun Baru Imlek) hay còn được gọi là Imlek, chính thức được công nhận là ngày lễ quốc gia tại Indonesia.

### Tuổi Dần tốt xấu

Người tuổi Dần thường có nét uy quyền tính can đảm, thích mạo hiểm. Họ có tính tập trung cao, luôn đem hết cả sức lực, tinh thần để làm việc. Dời sống tình cảm của họ rất phong phú, nên khi còn trẻ họ có lối sống khá lập dị, ham bay nhảy, du lịch đó đây. Người nữ tuổi Dần rất có duyên, hoạt bát, linh lợi, thanh lịch, họ không bao giờ hài lòng với bất cứ việc gì. Người tuổi Dần hợp với người tuổi Hợi, vì người tuổi Hợi điềm đạm, tử tế, họ sẽ bồ túc, kiềm chế sự nóng nảy của người tuổi Dần. Dần ý hợp tâm đầu với người tuổi Ty vì cả hai đều rất đa nghi. Sự khác biệt là ở chỗ người tuổi Dần liều lĩnh trong khi người tuổi Ty thì thận trọng. Người tuổi Dần sẽ nếm hậu quả nếu đối đầu với người tuổi Thân vì người tuổi Thân nhanh nhẹn, tháo vát, l้า mưu nhiều kế. Người tuổi Dần mệnh Mộc có tài ngoại giao trọng danh dự, có thể tạo dựng nên sự nghiệp lớn.

Dời người không thể lệ thuộc vào tử vi, tướng số, mà dời sống con người thăng hoa tốt đẹp cần giàu lòng vị tha chia sẻ buồn vui với đời, tính tốt con người rất hiếm trái lại thói hư tật xấu khá nhiều, những kiêu căng, oán giận tham tiền, háo danh, háo sắc... là những tật xấu đưa con người đến bại hoại thanh danh... như tục ngữ có câu "cọp chết để da người ta chết để tiếng" Mong năm 2010 đời sống chúng ta được tràn đầy yêu thương, hạnh phúc và khoẻ mạnh. Chúa Tể Sơn Lâm lên ngôi, nhưng con người vẫn là con của Thượng Đế, là Chúa của muôn loài.

### Nguyễn Quý Đại

**Tài liệu tham khảo:** Tiger im Natur Lexikon và Wikipedia



# COP thực chất và huyền thoại

## Mường Giang

Ngay từ thời thượng cổ, con người đã nể sợ và sùng bái loài "Cọp" nên coi đó như là vật tổ (totem), thậm chí có nhiều bộ tộc ở miền Tây Bắc Trung Hoa như Tây Khương, Tây Nhung, Lộc Lộc, Quả Quả... đã thờ phụng và coi cọp như vị thần hộ mệnh của dân tộc mình. Đó cũng là lý do phát sinh ra nhiều huyền thoại thần kỳ về cọp, không những được truyền khẩu khắp dân gian mà còn có mặt trong lãnh vực văn chương nghệ thuật.

Điều này thật ra cũng chẳng có gì lạ, vì nếu ở Phi Châu sư tử được tôn sùng là chúa tể sơn lâm, thì cọp lại là mãnh thú hạng nhất ngự trị khắp rừng già nhiệt đới Châu Á, từ Tây Bá Lợi Á (cọp Siberia) tới tận bờ Đông bán đảo Triều Tiên, xuống tận miền Nam Á (cọp Bengale) và hải đảo Nam Dương (cọp Bali...), Phi Luật Tân...

Thần thánh hóa Cọp chưa đủ, người ta còn dùng tên nó để gọi các loại quân dụng và những nhân vật nổi tiếng trên thế giới như : xe tăng Tiger của Đức Quốc Xã thời Thế Chiến II, trang bị đại bác 88 ly là vũ khí lợi hại nhất thời đó. Trực thăng Tiger là loại máy bay chiến đấu tối tân nhất hiện nay của Pháp. Chiến đấu oanh tạc cơ phản lực F5F Tiger II do hãng Northrop của Mỹ chế tạo từ năm 1972. Phi hành đoàn Flying Tigers (Cọp bay) của Mỹ lái chiến đấu cơ Curtiss P40 Warhawk tham chiến bên cạnh quân đội Trung Hoa Quốc Gia chống quân phiệt Nhật thời Đệ II thế chiến. Hổ Tamil

là tên tổ chức phiến quân chống lại chính quyền Sri Lanka vừa bị dẹp tan...

Ngoài ra còn có Eldrick Tiger Woods là danh thủ số 1 người da đen trong thế kỷ XXI về môn Golf, Pat Boone nổi tiếng cuối thập niên 50 qua bài hát bất hủ "Like a tiger". Công ty Asia Pacific Breweries của Singapore đã sản xuất loại bia nổi tiếng Tiger. Bạch Hổ là tên mõ dâu lớn nhất hiện nay của VN được chính quyền Miền Nam Tự Do tìm thấy vào năm 1974 ngoài khơi Vũng Tàu và "Cọp Ba Đầu Răng" là danh hiệu của Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân thuộc Liên Đoàn 4 BĐQ nổi tiếng tại đồng bằng sông Cửu Long. Cọp 37 BĐQ là tiểu đoàn VN duy nhất được tăng phái cho Lực lượng Đề III Thủy Bộ Hoa Kỳ (3 MAF) trấn giữ mặt trận Khe Sanh vào ngày 27-1-1968. Sư đoàn Mānh Hổ Đại Hán khi tham chiến tại Nam VN đã trấn giữ các tỉnh thuộc Vùng II chiến thuật (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa). Hoa Kỳ cũng có một đơn vị nổi tiếng, đó là Lữ đoàn Tiger thuộc Sư đoàn 2 Thiết giáp Nhảy dù, đã tham dự cuộc chiến Iraq lần thứ I vào năm 1991.

#### + Cọp: mānh thú của rừng xanh

Cọp là loài dã thú có sức mạnh và sự tinh khôn gần bằng con người. Theo kinh nghiệm của giới thợ săn và làng võ, những nhân vật từng chạm trán với ác vật trên cho biết tính nết cọp rất kỳ lạ. Đó là khi vô mồi (bất kể là người hay thú vật) nếu bắt trúng "tai" thì cọp bỏ đi. Khi đã bắt được mồi, bao giờ cọp cũng dựng xác người hay vật ở tư thế ngồi hay nằm rồi mới ăn thịt và luôn luôn moi lục phủ, ngứa tạng ăn trước. Cọp nào làm ngược những qui tắc trên, được giới thợ săn gọi là "cọp trả mồi", một báo hiệu cho biết nó sắp bị giết bởi thợ săn hay sập bẫy. Ngoài ra khi thấy cọp quì chân sau chống chân trước là lúc cọp sắp tấn công. Khi vô mồi, cọp chạy theo thế bò sát và phóng tới, cái đuôi phe phẩy theo hướng nào là cọp tấn công theo hướng đó. Sau cùng lúc cọp nằm ngửa bụng lên trời là để dưỡng sức đợi dịp tấn công tiếp đối thủ. Nhưng cọp cũng rất yếu bóng vía khi bị tấn công bất thắn. Những lúc đó thường cong đuôi bỏ chạy và khi hùn hồn, lại quay về nēo cũ để bắt mồi.

Với người VN, cọp được gọi bằng nhiều danh xưng như Hổ (miền Bắc, cop miền Nam) hay ông ba muối, ông Kẽnh, ông Hùm... Cọp thuộc họ Mèo với 240 loài là thú ăn thịt sống lớn nhất hiện nay gồm chó, mèo, chồn, gấu... Chúng có bộ răng và móng chân đặc biệt để thích nghi trong việc xé mồi sống ăn thịt. Bộ răng gồm răng cửa nhỏ nhưng sắc bén dùng để róc xương, còn răng nanh vừa nhọn lại dài, lớn dùng để xé mồi. Riêng răng hàm được cấu tạo như lưỡi kéo có nhiều màu sắc nên có thể nhai nát thịt lẫn xương. Còn các móng chân của bộ ăn thịt đều có vuốt cong được đệm bằng lớp thịt dày nên bước đi của chúng rất nhẹ nhàng uyển chuyển, thích hợp cho sự rình mồi. Loài này có bán cầu não lớn

mang nhiều nếp nhăn, con thú mới sinh rất yếu nên thường bị chết yếu.

Họ Mèo (Felidae) là loài thú tiêu biểu nhất trong bộ thú ăn thịt gồm có cọp, beo, sư tử và mèo. Chúng săn mồi bằng cách tinh rập và tấn công bất thắn vào đối thủ (người hay vật) qua hành động nhảy cao và xa vì hai chân sau của chúng dài hơn chân trước. Chuyên săn mồi vào ban đêm nhờ có thị và thính giác cực mạnh, còn râu chỉ là cơ quan xúc giác phụ mà thôi. Trừ thời gian động động dục và nuôi con, hầu hết các thú thuộc họ Mèo sống đơn độc.

COP (Panthera Tigris) hay Hổ là loài thú có kích thước lớn nhất trong họ Mèo. Một con cọp xứ Bengale (Ấn Độ) vào tuổi trưởng thành có trọng lượng hơn 250 kg, dài gần 2m và để nuôi thân, mỗi tuần phải ăn một con nai hay heo rừng. Trong 11 loài cọp còn tồn tại, nhỏ nhất là loài cọp sống trên đảo Sumatra (Nam Dương) nặng chừng 120 kg, còn loài lớn nhất hiện nay là cọp Tây Bá Lợi Á (Amua Panthera Tigris Longipilis) dài 3 m và nặng trên 320 kg. Trong rừng xanh cọp là chúa tể muôn loài trừ voi, sư tử, tê giác và trâu rừng.

Cọp Tây Bắc Á sinh sống tại Nga, Tàu và Bắc Cao Ly, trước đây được mệnh danh là lãnh chúa của rừng Taiga, nay cũng sắp bị diệt vong trước mũi súng của phuơng săn. Tại Trung Hoa, chúng sống ở hai tỉnh Hắc Long Giang và Cát Lâm (Mân Châu) có bộ lông phát triển rất mạnh kể cả phần đuôi, biến đổi theo thời tiết từng mùa từ vàng nhạt sang đậm. Tại Tây Bá Lợi Á, cọp Siberia rất hung dữ và là kẻ thù không đội trời chung với chó sói, nên nếu có sự hiện diện của cọp trong vùng thì sói bỏ đi nơi khác để kiếm ăn.

Hơn một thế kỷ trước tại Ấn Độ có chừng 40.000 cọp, nay chỉ còn lại 3000 trong số 6000 khắp thế giới vì hầu hết cọp sống tại Bali, biển Caspienne và Java sắp bị tuyệt chủng. May mắn nhất có lẽ là loài cọp Felis Paleosinensis cũng thuộc giống Siberia sống ở miền Nam nước Tàu, Ấn Độ và vùng Đông Nam Á hiện phân bố thành 8 loài khác nhau qua màu lông, kích thước. Một số cọp Siberia được nuôi dưỡng trong khu vực có rào sắt tại tỉnh Vladivostok (Nga) và vườn thú Minnesota (Mỹ) nhưng đặc biệt nhất là tại Vân Nam (Trung Hoa), cọp rất được người thiểu số Lolo thuộc bộ tộc Di trọng vọng vì coi nó như vị thần hộ mạng.

Là loài thú sinh sản rất hạn chế, cop nhỏ lên tới 4 tuổi mới trưởng thành. Cọp cái mỗi lần sinh dễ với khoảng cách 2, 3 năm và trong đời chỉ sinh tối đa là 7 lần và tới năm 20 tuổi là chấm dứt. Cọp cái mang thai khoảng 4 tháng thì sinh nở mỗi lứa từ 1-5 con nhưng tối đa chỉ vài con sống sót. Tuy là loài thú dữ nhưng cop cái rất thương con nên chăm sóc kỹ càng tới năm 3-4 tuổi, cop con mới rời mẹ để sống một mình.

Về nguồn gốc, theo các nhà động vật học thì cách đây hơn 300.000 năm, tại vùng rừng núi Siberia còn ôn hòa

Ấm áp nén đã thấy cọp xuất hiện. Chúng là hậu duệ của loài Creodon sống cách đây hơn 60 triệu năm nay đã tuyệt chủng. Sau đó khí hậu vùng này càng lúc càng lạnh lẽo băng giá nên loài cọp mới di cư tới nơi khác ngoại trừ giống cọp to khoẻ Siberia chịu đựng được thời tiết nén ở lại tới ngày nay. Chúng chia thành hai nhóm đi về hướng Tây nước Nga tới vùng biển Caspienne, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Afghanistan... Nhóm khác đi về hướng Đông vào Tân Cương, Trung Hoa, Mãn Châu và xuống tận miền Nam vào Ấn Độ hợp với nhóm một, thiên di tới các nước Đông Nam Á ra tận các hải đảo Nam Dương, Phi Luật Tân... Đó cũng là cuộc di cư cuối cùng của dòng họ cọp. Hiện các nhà khoa học chọn giống cọp Bengale làm con vật trung gian giữa giống cọp lớn nhất (Siberia) và nhỏ nhất (Bali) để đại diện cho dòng họ cọp, vì nó mang đủ các đặc điểm của hai loài cọp trên về sức nặng, kích thước, màu lông và các yếu tố tâm sinh lý. Đặc biệt là loài cọp trắng mắt xanh, chỉ có tại Ấn Độ. Ngoài ra còn có Liger là loài cọp được lai giống từ sư tử đực và cọp cái. Nó có cơ thể giống sư tử với những sọc vằn và thích bơi lội như cọp. Một con thú lai thứ hai giữa cọp đực và sư tử cái Tigon, mang đặc tính loài cọp.

Tương cận với cọp có loài Báo bờm (Acinon Jubatus) có bốn chân rất dài với móng vuốt co giãn được. Chúng sống tại Châu Phi, Ấn Độ, Afghanistan, Arab Saudi. Người ta thuần dưỡng báo bờm để săn linh dương nhưng rất khó khăn vì chúng thường chết yếu khi xa rừng. Báo Sư Tử hay Puma (Panthera Concolor) hiện có hơn 30 loài sống tại Nam Mỹ săn tất cả các loài thú to bằng con cừu. Báo Tuyết (Unica Ucin) màu lông vàng nhạt với các đốm đen, sống tại vùng núi cao Altai và rặng Hy Mã Lạp Sơn. Ngoài ra còn có loài Báo Gấm (Leo Pardus Pardalis) màu lông có đốm đồng tiền rất đẹp và Báo Panther Padus sống nhiều tại Á Phi, quần đảo Sonde ăn chó, linh dương, chim và thằn lằn. Tất cả các loài Báo đều sợ người.

Sư Tử là chúa tể tại vùng thảo nguyên Phi Châu, có hình dáng rất oai vệ nhất là con đực. Sư tử sống khắp hai châu Âu và Phi, Ấn Độ. Hiện chỉ còn một số ít tại Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, vùng đồng cỏ quốc gia Bom Bay (Ấn Độ). Trừ Voi, Cọp, Tê Giác, Trâu Rừng và Khỉ đột Gorilla... sư tử ăn thịt tất cả các loại thú khác. Các loại Mèo Nhà (Mèo Xiêm - Felix Catus Domestica), Linh Miêu (Lynx Lynx), Mèo Vàng Châu Phi (Profelis Aurata) và Mèo Rừng (Felis Chaus)... đều là loài thú nhỏ nhất trong bộ ăn thịt sống.

#### + Huyền thoại và những truyền thuyết bí ẩn về Cọp:

Cọp và Sư tử là chúa tể của rừng xanh nên từ xa xưa con người nhất là ở Đông phương đã thần thánh hóa con vật này. Ở nước Tàu trước đây thường có tục lấy vuốt cọp làm bùa cho trẻ con đeo để được mạnh khỏe. Riêng mặt cọp được dùng làm vật trang trí giáp trụ cho các võ quan. Theo các nhà nghiên cứu thì cọp và người đã

chạm trán ngay từ thời tiền sử vì cả hai đều sống bằng việc săn mồi. Hoàng đế August của La Mã có một chuông riêng nhất với 420 cọp dùng trong các cuộc đấu giữa người nô lệ và thú dữ. Nhiều vua chúa Ấn Độ lấy việc săn cọp làm dịp để khoe sự giàu sang và quyền lực. Trong chuyến đi vòng quanh thế giới từ Venise tới nước Tàu, Marco Polo (1260) cho biết Kubilai Khan, hoàng đế Mông Cổ đã nuôi hơn 1000 con Báo để săn Cọp. Người Anh khi đô hộ Ấn Độ cũng thường tổ chức nhiều cuộc săn cọp rất qui mô mà điển hình nhất là vào năm 1911, Hoàng đế George V tới Nepal mở cuộc săn trong vòng 11 ngày đã giết được 39 con cọp.

Nói chung thời xưa, cọp rất được nhiều dân tộc như Altai, Tungus, Kieghidi, Buriat... sùng bái, thờ cúng và lập miếu thờ. Riêng các thầy thuốc xưa của Trung Hoa và Ấn Độ đều xác nhận hầu hết các bộ phận trong cơ thể của cọp đều có khả năng kỳ diệu chứ không riêng gì cao hổ cốt nổi tiếng.

Lại có học thuyết cho rằng thủy tổ của loài người là do sự tương quan giữa rồng và cọp. Niềm tin trên được phát xuất từ sự liên quan giữa loài cọp và thiên nhiên như cổ thư của người Tàu đã viết "vân tòng long, phong tòng hổ" ý nói "mây theo rồng, gió theo hổ" hoặc "rồng ngâm mây xuất hiện, hổ gầm gió phát sinh". Điều này cho thấy quan niệm của người xưa luôn cho rằng mọi cử động của cọp đều có ảnh hưởng tới thiên nhiên vì nó là loài thú thần. Bởi vậy trong kỳ môn bát quái, ta luôn thấy hai vi thần Thanh Long và Bạch Hổ đi liền nhau ở hai phương Đông và Tây. Các nhà nhân chủng học cũng cho rằng rồng là hóa thân của rắn nên người Vân Nam xưa thờ rắn tượng trưng cho đất mẹ. Trong khi đó người Lộc Tộc tại Tứ Xuyên lại coi cọp là thủy tổ của dân tộc mình.

Về nguồn gốc của Hán tộc, căn cứ vào sử liệu đã xác nhận họ là hậu duệ của Phục Hy (cọp) và Nữ Ôa (rắn), nên thời cổ xưa khi tạc tượng hai nhân vật trên có đầu người, mình rắn, chân cọp trong tư thế tương giao. Lão giáo cũng lấy hình ảnh của cọp trắng (bạch hổ) để tượng trưng cho khí dương (nam giới) và rồng xanh (thanh long) biểu hiện cho âm tính, nói lên sự hòa hợp giữa nam nữ sinh ra vạn vật, biểu tượng của sự sinh sôi nẩy nở không ngừng. Điều này chứng tỏ ảnh hưởng to lớn của con người đối với loài cọp vào thời thượng cổ.

Vì lẽ đó người ta coi cọp như là hóa thân của khí hạo nhiên và chính nghĩa, nên cọp có thể là khắc tinh của tà ma quỷ quái vì người bị cọp ăn thịt sẽ hóa thành quỷ. Quan niệm này có ghi trong "Sơn Hải Kinh" nói về sự tích của hai vị Thần Trà và Uất Lũy, chuyên bắt ma quỷ đem về núi Độ Sóc để cọp ăn thịt. Vì vậy trong ba ngày Tết người ta thường dán hình hai vị thần này trước cửa để trừ tà, ém quỷ ngăn cản ma vào nhà quậy phá.

Nhưng quan niệm cho rằng cọp tượng trưng cho chính nghĩa đã bị phản bác kịch liệt vì nếu cọp là kẻ tốt tại

sao lại ăn thịt người ? Bào chữa cho sự mâu thuẫn này có Lang Anh (đời Minh) và Kỷ Hiệu (Nhà Thanh) đưa ra nhiều biện giải như cọp chỉ ăn thịt người xấu... Tất cả đều bị coi là cưỡng điệu vô lý... Tuy nhiên cũng có những nhận xét rất thú vị về con vật đặc biệt này, chẳng hạn như cọp khi ăn thịt đàn ông thì sời "cái của quý" của nạn nhân trước nhất. Với phụ nữ thì ăn cắp nhũ hoa đầu tiên nhưng tuyệt đối không bao giờ đụng tới phần hạ bộ. Ngoài ra mỗi lần cọp ăn thịt một người thì vành tai của nó bị lồng một lỗ. Điều này được chứng minh từ những con cọp đã ăn thịt nhiều người trước khi bị thợ săn bắn hạ, đều có vành tai lồi lõm như lưỡi cưa.

Tóm lại Cọp là loài vật hoang dã có nhiều liên quan mật thiết nhất với con người. Sự kiện trên được minh chứng khi các nhà khảo cổ vừa tìm thấy tại bờ sông Amur thuộc Tây Bá Lợi Á (Nga), nhiều vật dụng của người Gordis sống vào thời tiền sử cách đây hơn 6000 năm, với vô số minh họa về cọp. Cũng tại vùng này, thổ dân Udeges sống trong thung lũng Bikin đã sử dụng nhiều ngôn ngữ nhắc tới cọp Siberia, được coi như vị thần có đền thờ tại Primosky và Kharra Rovsk.

Tại Ấn Độ, các loại sách thần thoại đều vẽ hình nữ thần Durga cưỡi cọp. Riêng trong kho tàng văn chương lịch sử của người Tàu, thì thời nào cũng thấy nhắc tới cọp nay vẫn còn lưu lại như "phong tục thuyết" nói về nhân vật Lý Nhĩ "giáo chủ của Lão giáo" cưỡi cọp đi tìm ý nghĩa của cuộc sống, chống lại các tà thần, tà thuyết làm hại đời. Từ ý nghĩa trên nên giáo chủ Thái thượng Lão quân mới chọn Ngũ Hổ làm biểu tượng của ngũ hành "kim, mộc, thủy, hỏa, thổ".

Sách "Hiếu tử truyện" có nói về chuyện cọp đền ơn ông Quách Văn đã cứu nó, giống như chuyện Đổ Khu Bá đời Hán đã che chở cho cọp lúc bị thợ săn đuổi giết, được ghi trong truyện "Vương Phu An thánh truyện". Những huyền thoại này cũng được phổ biến rất nhiều tại VN qua chuyện Bà Mụ Tư Trần Thị Hoa, đã đẻ để cho một con cái tại Rạch Bàn, Cái Nước (Cà Mau) được cọp trả ơn rất hậu. Trong Đại Nam Nhất Thống Chí, có ghi chuyện cọp được dân chúng xã Xuân An, Bình Sơn (Quảng Ngãi) có công giúp người trừ giặc Mọi Đá Vách, nên được nhà Nguyễn phong chức Hương Cả, hiện đền thờ cọp vẫn còn được gọi là Kha Hổ.

Nhà bác học Trương Vĩnh Ký (1837-1898) trong tác phẩm "chuyện đời xưa" đã viết 6 câu chuyện về cọp. Trong Việt sử, nhiều giai thoại về cọp có liên quan tới Đinh Tiên Hoàng Đế (968-980) đã dùng chuồng cọp để duy trì phép nước sau khi dẹp yên loạn Thập Nhị Sứ Quân cuối đời Ngô. Sách Đại Nam Tiền Liệt truyện, có nhắc tới chuyện Đào Duy Từ năm mộng thấy cọp ném thau nhện Nguyễn Hữu Tiến lại còn gã con gái và tiến dần với Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên. Từ đó Tiến được gọi là Hổ tướng. Các nhân vật Bùi Tá Hân, Dương Công Trừng, Tăng Bạt Hổ... đều là hổ tướng vì có công đánh cọp cứu giúp dân lành.

Tuy nhiên khùng khiếp nhất vẫn là truyền thuyết "vi hổ tác xương" được truyền khẩu hơn ngàn năm qua ở nước Tàu, nói về chuyện người bị cọp hại biến thành quỷ đặc biệt gọi là "hổ xương" giúp "ác thú ăn thịt người". Qua những câu chuyện được đồn đãi khắp nhân gian, thì cọp rất kiêng kỵ ăn thịt người lúc họ còn đang mặc quần áo. Hồn quỷ "hổ xương" đã giúp cọp cởi bỏ hết y phục của nạn nhân và xếp rất gọn gàng để tại hiện trường. Quỷ "hổ xương" rất linh biết trước nơi nào có người đi qua cũng như những cạm bẫy của thợ săn, nên báo trước cho cọp tránh né.

Và hoang đường nhất trong các huyền thoại có liên quan tới cọp vẫn là chuyện người hóa hổ hay ngược lại, đã được ghi trong sách Luận Xung của Vương Sung thời Đông Hán hay sách Thuật Dị Kỳ thời Nam Bắc Triều... Còn Trương Hoa đời Tấn viết "Bắc Vật Chí" cho biết cọp hóa thành người rất thích mặc quần áo màu tía đi chân không. Đó là đặc trưng để nhận dạng người cọp.

Thực tế ngoài đời có một bộ tộc mang tên người Hổ. Đó là dân tộc Di sống rải rác tại các tỉnh Quảng Tây, Quý Châu và Tứ Xuyên (Trung Hoa) hiện có hơn 6.570.000 người. Di tự nhận mình là hậu duệ của Khương Tuất mà tổ tiên là loài cọp. Vì vậy từ đời sống vật chất tới tinh thần của bộ tộc này đều có mùi cọp hiện diện, kể cả tên các địa danh mà họ đang định cư như La La, La Ba, La Vũ, La Ngoa...

Các sử sách của Di đang phổ biến trong đó có sử thi Mai Cát đã ghi rõ câu chuyện đền bà người Di giao hợp với cọp sinh con để cháu lưu truyền tới ngày nay. Hằng năm người Di đều tổ chức Hội Cọp khắp các làng xã đang cư ngụ rất trang trọng và vui vẻ.

Thời Pháp thuộc, người thiểu số sống tại các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận... dùng râu cọp làm thuốc độc để giết hại lẫn nhau. Theo truyền thuyết khi giết được cọp, người ta cắt râu nó đem về bào chế thuốc độc. Một là đem râu cọp cắt ngắn trộn với đường dẽo làm thành kẹo, người nào ăn phải sẽ bị thổ tả vì râu cọp vào trong người, sẽ đâm thẳng bao tử và gan ruột. Cách thứ hai ghê gớm hơn là đem râu cọp cắm vào mعن măng non sau thời gian ngắn sẽ sinh ra vô số sâu rộm. Muốn hại ai đó chỉ cần lấy phân và lông của sâu này bỏ vào thức ăn hay nước uống thì họ sẽ chết vì trúng độc.

Việc hại nhau bằng râu cọp được học giả Thái Văn Kiểm từng làm Tỉnh trưởng Khánh Hòa và Ninh Thuận (1953-1954) ghi lại trong tác phẩm "VN gấm hoa" và giáo sư người Pháp từng sống lâu năm tại VN là G.Chochod xác nhận trong "La Faune Indochinoise". Còn việc râu cọp trở thành thuốc độc, cũng được hai bác sĩ Nguyễn Minh Tâm và Huỳnh Trọng Nhi giải thích rằng "cọp là loài thú ăn thịt sống nên râu mép luôn đính lại một số thức ăn, lâu ngày biến thành độc tố

Ptomaine. Ngoài ra râu cọp rất cứng và nhọn, nên khi ai ăn phải sẽ bị bệnh chết".

#### + **Từ hổ quyền tại Huế tới chuồng cọp Côn Sơn:**

Ngày xưa tại làng Nguyệt Biều tỉnh Thừa Thiên có hai địa danh nổi tiếng. Đó là Điện Voi Ré (Long Châú) và Hổ Quyền (chuồng cọp) cách nhau chừng vài chục thước. Hổ Quyền là nơi mà các vua chúa nhà Nguyễn dùng làm đấu trường để voi và cọp tương tranh. Đó là một cái giếng cạn lộ thiên được xây bằng vôi gạch, có đường kính 50 m cao 6m, gồm 2 tầng : phía trên là khán đài dành cho vua quan ngự khán, phần dưới là đấu trường có cửa thông với chuồng voi và cọp. Lý do có các cuộc đấu này là để tập cho voi bạo dạn hơn để khi đụng trận thật sự không khiếp sợ bỏ chạy. Theo sử liệu, Hổ Quyền được xây năm 1748 và lần giao đấu cuối cùng được tổ chức vào đời vua Thành Thái thứ 18 (1904). Sau đó nơi này trở thành hoang phế.

Thời Đông Dương thế chiến lần thứ II (1960-1975), một số trí thức miền Nam theo CS Bắc Việt đã tố cáo chính phủ VNCH dùng chuồng cọp Côn Sơn (Côn Đảo) để giam giữ hành hạ các tù nhân chính trị đối lập. Thực ra danh từ "chuồng cọp" rất được phổ biến ở miền Nam suốt thời gian trên nhất là trong giới nhà binh, vì hầu hết các đơn vị lớn nhỏ đều có một chuồng cọp, để trừng trị cảnh cáo các quân nhân vô kỷ luật. Còn các quân trưởng, quân lao, nhà lao cũng đều có một chuồng cọp, để tạm giam phạm nhân guy hiểm, phá rối trị an.

Từ năm 1940, trước cao trào toàn dân VN nổi lên đánh Pháp cứu nước, nên thực dân đã cho xây tại Côn Sơn (Côn Đảo) 120 căn hầm lò thiêu gọi là chuồng cọp tại Banh III để giam giữ các tù nhân chính trị đủ mọi đảng phái quốc gia lẫn cộng sản. Sau khi được Pháp trao trả chủ quyền cho VNCH vào năm 1954, nhà lao Côn Sơn vẫn được duy trì để giam nhốt các tù thường phạm nguy hiểm giết người cướp của và những tù nhân chính trị CS cũng như đối lập với chính quyền miền Nam.

Câu chuyện chuồng cọp Côn Sơn bắt đầu năm 1970, từ đám Việt Cộng trá hình dưới lớp áo trí thức sinh viên miền Nam. Họ này bị bắt qua các cuộc biến động tại miền Trung cũng như trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân (1968) với nhiều tội ác giết người tại Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn... Do chính sách nhân đạo nên chính quyền đã không tử hình bọn sát nhân trên mà chỉ đày ra Côn Đảo và hầu hết được phóng thích về Sài Gòn vào năm 1970.

Nhưng chứng nào tật đó nêu vừa được tự do về Sài Gòn, chúng đã nhận ngay chỉ thị của Hà Nội, đưa tài liệu ngụy tạo cho bọn phản chiến quốc tế lúc đó như Jane Fonda và chồng là Tom Hayden, Robert Chenoweth, Jean Pierre Derris Pháp)... cấu kết tuyên truyền khắp nước Mỹ và thế giới, qua những hình ảnh cũ từ thời Pháp thuộc trước 1954, để đầu độc dư luận và bêu xấu VNCH. Hậu quả tất yếu là miền Nam đã bị

Hoa Kỳ cúp hết nguồn viện trợ vào tháng 3-1975, sau khi phái đoàn lưỡng viện quốc hội mà đa số thuộc đảng dân chủ phản chiến tới Sài Gòn để điều tra sự leo thang chiến tranh của Bắc Việt sau khi chúng đã cùng Mỹ ký hiệp định ngưng bắn tại VN vào ngày 27-1-1973 ở Ba Lê.

Bọn lập pháp Mỹ thay vì làm công tác được quốc hội Hoa Kỳ giao phó, chúng lại đòi hỏi chính quyền phải đưa tới Côn Sơn để chụp hình chuồng cọp đem về Mỹ phổ biến. Kết cuộc VNCH bị bức tử vào ngày 30-4-1975, khiến cho đất nước và đồng bào từ Nam ra Bắc đắm chìm trong địa ngục ngục nô lệ đói nghèo từ đó đến nay.

Bỗng dung thấy thấm thía vô cùng khi đọc lại bài thơ "Nhớ Rừng" của Thế Lữ viết vào thời tiền chiến, trong đó có nhiều đoạn chẳng những phù hợp với hoàn cảnh của người Việt sống trong vòng nô lệ của thực dân Pháp lúc đó :

... gặm một mồi cầm hờn trong cùi sắt  
ta nằm dài trong ngày tháng dần qua  
khinh lũ người kia, ngạo mạn ngắn ngô  
gương mắt bé riếu oai linh rừng thẳm ...

và xã hội VN ngày nay dưới chế độ toàn trị độc tài của đảng cộng sản

nay ta ôm niềm uất hận ngàn thu,  
ghét những cảnh không đổi nào thay đổi...

"Hùm chết để da, người ta chết để tiếng", CSVN đã làm đủ mọi chuyện buôn dân bán nước cho Tàu đỏ, nên dù có sửa đổi lịch sử để lừa bịp dư luận thì viên miến cũng lưu xú ngàn năm khi muốn "họa hổ thành khuyển". Câu chuyện "Hà chánh mãnh ư hổ" của Khổng Tử ghi trong sách Luận Ngữ, nói về việc người dân không hề sợ cọp ăn thịt, mà chỉ lo chính trị thối nát, tham quan ô lại... đã đủ nói lên cái thực trạng "cây cột đèn ở VN ngày nay nếu có chân cũng tìm cách vượt biên tị nạn cộng sản" để tìm tự do mà bất cứ người VN nào cũng biết.

Viết từ Xóm Cồn Hạ uy Di, Muồng Giang

**... Hai nghìn năm Phật giáo Việt Nam  
là hai nghìn năm phấn đấu cho tâm linh  
giác ngộ và bảo vệ chủ quyền quốc gia,  
mà các triều đại Đinh Lê Lý Trần Lê là  
dấu ấn của đạo Phật trong lòng dân tộc.**

**Truyền thống ấy phải được tiếp nối,  
phát huy vào đầu thế kỷ XXI này ....**

(trích Thông Tư Xuân Mậu Tý 2008 của VHD)



# chuyện Cọp kim cổ đó đây

Tâm Không Vĩnh Hữu

• **Chùa Cọp:** Ngôi chùa đặc biệt này nằm cách thủ đô Bangkok của Thái Lan 120 km về phía Tây Bắc, nơi có dòng sông Kwai chảy quanh co, có tên là Wat Pha Luang Ta Bua. Vào năm 1999, người dân tỉnh Kanchanaburi xin gửi vào chùa một chú Cọp con bị thương sau vụ tấn công của những người săn trộm, để nhờ quý sư thầy chăm sóc. Kể từ lúc đó, chùa bắt đầu nhận nuôi tất cả những con Cọp sa cơ lạc loài. Tính đến cuối năm 2007 có 21 chú Cọp đã được thuần dưỡng, và cho đến nay con số đó lên đến 34 con. Các nhà sư đã cho bầy Cọp ăn thực phẩm nấu chín, bớt mùi tanh tao, để chúng quên đi bản năng hung dữ của loài “chúa sơn lâm”, và kết quả là con nào con nấy hiền khôn như những con mèo cưng. Khách du lịch muốn vào vãn cảnh “Chùa Cọp” phải mua vé 15 Mỹ kim, còn như muốn chụp ảnh với Cọp phải rút hầu bao... 50 Mỹ kim. Du khách có thể “an nhiên” cho Cọp nằm lên đùi mình, rồi tự tay vuốt ve và tạo dáng để chụp ảnh. Nhà chùa dùng số tiền thu được để chăm sóc bầy Cọp (mỗi con Cọp “xực” trung bình khoảng 6 ký thịt/ngày chớ mấy!), cũng như xây dựng khu nhà chuồng cho chúng sống thoải mái.

• **Giống Cọp lớn nhất thế giới:** Kỷ lục lớn nhất của loài mãnh thú “Ông Ba Mươi” thuộc về giống Cọp Amur, chúng có hình vóc cao to hơn cả loài sư tử. Hiện trên thế giới chỉ còn lại khoảng trên dưới 500 con, được

phân bố ở các vùng rừng sâu thuộc các nước Nga, Trung Quốc và Triều Tiên.

• **Bạch Hổ vô quản thú:** Vào trung tuần tháng 9 năm 2009, một con bạch hổ quý hiếm đã vô chết người quản thú đang quét dọn quanh hàng rào trong vườn thú hoang dã Zion (New Zealand) trước những cắp mắt kinh hoàng của 8 du khách. Vụ tấn công xảy ra ở Whangarei, cách Auckland khoảng 200 km về phía Bắc. Những nhân viên khác vội chạy đến xua đuổi nó, nhưng mãnh hổ vẫn lì lợm không thả nạn nhân. Sau tai nạn, người ta đóng cửa vườn thú, và buộc phải “xóa sổ” con thú quý hiếm. Trước đó, hồi đầu năm, một quản thú khác cũng bị bạch hổ tấn công, và phải phẫu thuật mới giữ được mạng sống. Giống Cọp Trắng quả đúng là càng quý hiếm càng hung tợn dữ dằn!

• **Cọp Trắng quý hiếm nhất thế giới:** Cọp Trắng (White Tiger- Bạch Hổ) không phải là giống Cọp bị bạch tạng (albino). Cọp Bạch Tạng gần như không có sọc, hoặc chỉ thấy sọc rất mờ, trong khi Cọp Trắng vẫn có sọc đen như Cọp thông thường. Sắc trắng của Cọp là do đột biến gen; theo đó, hai Cọp bố mẹ thông thường mang những gen lặn có thể sinh ra Cọp con màu trắng. Cọp Trắng còn được gọi là Cọp tuyết (Ice Tiger) chỉ bởi sắc màu của bộ lông, chứ không phải vì môi trường sống của chúng, tuy nhiên cũng có một số Cọp Trắng sống tại vùng Siberia quanh năm tuyết phủ. Cọp Trắng ngoài thiên nhiên hết sức hiếm hoi, người ta chỉ thấy được loài này ở các Vườn Thú lớn trong điều kiện được nuôi dưỡng. Những vùng được ghi nhận có Cọp Trắng ngoài thiên nhiên là Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên, Nepal, Myanmar, Malaysia và các đảo Sumatra, Java của Indonesia.

• **Cọp U-Minh khét tiếng:** Nằm ở cực Tây Nam Bộ, giữa hai tỉnh Cà Mau và Kiên Giang, rừng U Minh với diện tích gần 2.000km<sup>2</sup>, xưa kia động vật rừng sống nhiều vô kể, và Cọp là loài được bàng dân thiên hạ nhắc đến nhiều nhất với sự kiêng dè và khiếp đảm. Các thành ngữ “Xuống sông hốt trứng cá sấu, lên bờ xả răng Cọp”, hoặc “hùm tha, sấu bắt” được dân gian truyền tụng. Dân ở vùng U Minh gọi Cọp là “ông hùm”, hay “ông ba mươi”, có nơi người ta còn lập miếu, tôn “ông hùm” làm đền chức... Hương Cả. Chuyện kể rằng hồi đó ở miệt Lung Tràm có một con Cọp đực già, to lớn, lông màu vàng sậm đan xen những vệt đen, nên dân làng gọi là “ông Văn”. Rất nhiều lần người ta đặt bẫy, vây bắt, nhưng lần nào “ông Văn” cũng thoát được. Người đánh Cọp nổi tiếng thời đó, tên là Năm Thịnh, trong một lần dụng độ quyết chiến với “ông Văn”, đã bị Cọp tát đứt phẳng cánh tay trái, đầu đập vào phiến đá, trở nên “tam tam” từ đó. Riêng “ông Văn” thì bị thương ở chân, một mắt bị mù, chạy sâu vào núi ẩn mình một thời gian rất lâu. Rồi, “ông Văn” tái xuất giang hồ, quay lưng lên dữ dằn hơn trước, gây kinh hoàng khắp vùng U Minh. Dân bấy diệt không nổi, bèn

phải nghĩ cách lập miếu thờ. Từ lúc được lập miếu, và cúng đầu heo đều đều, nên “ông Vần” bớt quấy phá. Dân làng vì vậy càng tin Cọp rất linh thiêng. Từ đó mới sinh ra cái tục lệ vẽ hình Cọp treo làm bùa, bùa được gọi là “Hắc Cọp trấn phù” để cầu cho con nít dễ nuôi, và khỏi bị ma quỷ bắt. Đôi khi người ta còn treo bùa “Ngũ Cọp” để cầu cho gia đạo được bình yên. Sau này, với súng ống đạn được hiện đại, người Pháp đã mở các cuộc săn lùng, và hạ được nhiều “ông Ba Mươi” ở vùng rừng U Minh.

• **Tình nhân ái giữa Cọp và Gà con:** Nhiều người ghé thăm Sở Thú Paradise Wildlife (Vương quốc Anh) đã thích thú lần cảm động trước cảnh một chú Cọp 5 tháng tuổi, tên Khan, đang tỏ ra thân thiện với một chú gà con mới nở. Chú gà con bé bỗng mới nở được mấy ngày, lạc mẹ nên đi bừa qua chuồng Cọp, thời may gặp phải chú Cọp hiền lành, nên được Cọp che chở, dùng bộ lông mịn màng của mình ủ cho gà con.

• **Sóng trong “Giường Cọp”:** Tỷ lệ thất nghiệp tăng kỷ lục ở Hồng Kông đã đẩy một số người vào cảnh phải thuê nhà là những căn “giường Cọp” (may là không có “Cọp”, mà chỉ có “giường” với những song sắt lưới kẽm giống như... chuồng Cọp!), đó là chốn nương thân bị dư luận phê phán tồi tàn nhất, xếp hạng chỉ sau cảnh ngủ trên vỉa hè.

• **Đi câu với Cọp:** Là một người quản thú, chuyên huấn luyện Cọp, anh chàng Steven Noyes Smith thường hay dắt Cọp cùng đi câu cá với mình bên ao cá ở sát bên Sở thú Glasgow (Vương quốc Anh), làm cho nhiều người thấy được phải khiếp sợ, lật đật tránh xa. Ai cũng khiếp là phải, vì con Cọp được anh chàng Smith dắt theo thuộc giống Cọp Bangaler rất hung dữ. Một lần, anh chàng Smith câu được một con cá hồi, định và chưa kịp đưa cho Cọp “vờn chơi đỡ buồn”, không ngờ con Cọp hất anh văng tóm xuống ao, rồi cướp lấy con mồi “xực tươi” ngay, làm cho anh chàng một phen hoảng vía.

• **Cọp... xay lúa:** “Đêm đó, lúc tôi đang xay lúa, bỗng nghe hơi Cọp, liền biết ổng đang rình bên ngoài. Nhờ biết trước, tôi vừa xay lúa vừa thủ thắt. Quả nhiên, trong chớp mắt Cọp nhào vô chụp tôi. Tôi liền né sang bên. Cọp lỡ đà vướng hai chân trước vào giằng xay. Thế là nó sa đà theo vòng quay của cái cối đang quay. Thấy vậy, tôi hối bà xã xúc lúa đổ vào cối. Đợi cho tới lúc Cọp xay hết 20 giã lúa, tôi liền hé lén một tiếng thật to: Cọp! Nó hoảng quá, đâm đầu chạy tuốt ra rừng. Từ đó về sau Cọp bỏ tật bắt người ăn thịt!”. Đó là câu chuyện về Cọp xảy ra tại vùng Minh Hải Nam Bộ nước ta vào những năm xưa xửa, được kể lại bởi “tổ sư dốc phết” có tên gọi là... Bác Ba Phi!

• **Trà đạo trong chuồng Cọp:** Khi đang còn là một Viên chức cấp cao của chính quyền Krasnoyarsk (Nga), cũng là ứng cử viên hàng đầu chuẩn bị tranh chức tổng thống Nga vào năm 2000, ông Alexanderr Lebed đã

cùng với phu nhân là bà Inna sánh đôi nhau vào ngồi uống trà đàm đạo trong một chuồng Cọp, gọi là góp vui tiết mục vào show diễn xiếc mạo hiểm trong ngày 07/5/1999.

• **Chó nuôi Cọp:** Vừa mới bị Cọp mẹ bỏ rơi, một con Cọp Bengal sơ sinh đã may mắn có được một bà mẹ khác nuôi dưỡng mình. Đặc biệt ở chỗ, mẹ mới của chú Cọp may mắn này không phải là một con Cọp, mà là một con Chó Trâu giống Pháp có tên là Nana-Chan. Hiện, cặp Mẹ Chó - Con Cọp này đang sống thoả mái tại vườn thú Tokyo của Nhật. Cô Yuki Matsumura, nhân viên vườn thú cho biết: “Con Cọp con có vẻ tin tưởng con Chó Trâu chính là mẹ của mình. Khi nào đói, nó đều kêu to để mẹ chó cho nó bú”.

• **“Ông Ba Mươi” đáng kinh hãi nhất trong lịch sử:** Con Cọp ăn thịt người đáng kinh hãi nhất trong lịch sử là con Champawa ở Ấn Độ. “Hung thần” này đã sát hại 436 người trong vòng 8 năm, gieo rắc kinh hoàng cho dân làng khắp các vùng ở Ấn Độ và cả Népan láng giềng. Đến năm 1910, mãnh hổ gặp phải “sát thủ lừng danh” chuyên săn Cọp: đại tá Jim Corbett, người Anh, và nó đã bị hạ sát, chấm dứt một thời vây vùng oanh liệt. Sau khi con Cọp hung ác này “bỏ xác tại sa trường”, người ta mới phát hiện ra nguyên nhân vì sao nó trở nên dữ tợn điên cuồng, đó là vì nó bị vỡ nhiều cái răng, gây đau nhức thường xuyên.

• **Tinh tinh làm bạn với Cọp:** Một cảnh tượng “hơi bị lạ” gây xúc động cho nhiều người, khi họ “mục sở thị” chú tinh tinh 2 tuổi rưỡi, có tên Anjana, đang chơi đùa với người bạn tốt nhất là một chú Cọp trống mới 21 ngày tuổi, tại Viện bảo tồn các loài quý hiếm và bị đe dọa ở bãi biển Myrtle, Nam Carolina- Hoa Kỳ.

• **Bộ ba mãnh hổ xổng chuồng:** Vào ngày 5/11/2008, 3 con Cọp cái đều đang độ tuổi lên 3, có cùng “hộ khẩu thường trú” ở một rạp xiếc, đã lợi dụng sự lơi lỏng của những người quản thú, rủ nhau thoát khỏi chuồng để... dạo chơi. Bộ tam mãnh hổ này chui tọt vào vườn một nhà dân trong thành phố Zitacuaro, ở phía Tây Mexico, “quản” một trận phá tanh bành hàng rào của ngôi nhà mà chúng “dừng chân nghỉ ngơi”, gây náo động cả khu vực. Cảnh sát được huy động đến, nhưng không được lệnh bắn, nên buộc phải ném vài con gà cho lũ Cọp “ăn đỡ ghiền”, để giữ chân chúng trong khi chờ người giữ thú và người của rạp xiếc tới. Rất may là “cuộc phiêu lưu” của bộ ba mãnh hổ chỉ kéo dài trong vòng 1 giờ. Tất nhiên sau đó, khoán tiền gà mà cảnh sát “bồi dưỡng” 3 con Cọp, cũng như tiền sửa chữa lại hàng rào của nhà dân, người của rạp xiếc phải thanh toán đầy đủ kèm theo lời xin lỗi chân thành và... cảm ơn rối rít.

• **Đôi bạn Cọp-Heo:** Vào thăm Vườn thú Sriracha ở Thái Lan, du khách sẽ lấy làm ngạc nhiên thích thú khi chứng kiến cảnh một đôi bạn Cọp và Heo sống thân tình quấn quýt bên nhau như “đồng loại đồng bào”.

- “Sản phụ” Cọp đời thứ 2: Sau hơn 100 ngày mang thai (từ 15.9.2006, đến ngày 30.12.2006), con Cọp Đông Dương có tên Mi được nuôi tại Vườn thú Hà Nội đã sinh ra 4 Cọp tử, 2 đực, 2 cái. Đây là lần thứ hai Cọp Đông Dương để thành công trong điều kiện nuôi. “Bà ngoại” của 4 chú Cọp nhỏ mới sinh này có tên là Lâm Nhi, vốn được lực lượng kiểm lâm Thừa Thiên Huế cứu sống từ các đối tượng buôn bán động vật hoang dã vào 1998, được đưa về Vườn thú Hà Nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ đó, Lâm Nhi đã “trụ” lại trong Vườn thú, đến ngày 20.4.2003, “sản phụ” Cọp đã sinh được 4 con, nhưng chỉ có một con sống sót, đó là Cọp Mi. Được biết, với 4 con Cọp con mới sinh đã đưa tổng số Cọp nuôi tại Vườn thú lên 13 con, và khẩu phần ăn mỗi bữa cho “sản phụ” Mi là 5kg thịt bò, 1kg sườn lợn và mỗi tuần bổ sung 2 bữa thịt thỏ tươi đã lột da và bỏ lòng.

- **Vườn thú có bầy Cọp trắng đông nhất thế giới:** Vườn thú Thế Giới Động Vật Hoang Dã Hương Giang (Xiangjiang Wildlife World) ở Phiên Ngung, cách thủ phủ Quảng Châu của tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc chừng nửa giờ ngồi xe, là Vườn thú đang nuôi dưỡng bầy Cọp Trắng đông tới hơn 60 con, được xác lập kỷ lục là bầy Cọp Trắng đông nhất và duy nhất trên thế giới. Có tới hơn 1/4 Cọp Trắng nơi đây là con của Kaili, một con Cọp Trắng cái được đưa từ Thụy Điển về Hương Giang năm 1997, khi vườn thú mới mở cửa đón khách. Kaili có nhiều con như vậy là nhờ nó rất mắn đẻ, và quan trọng hơn, nhờ kỹ thuật thụ tinh nhân tạo được thực hiện hết sức thành công tại Hương Giang, mà giống là từ một Cọp Trắng đực được nuôi tại Mỹ. Năm 1998, Kaili đã lập kỷ lục khi sinh tới 6 chú Cọp con. Ba trong số những con cái do Kaili sinh ra tiếp tục làm công việc nhân rộng bầy đàn. Đặc biệt, tại Vườn thú Hương Giang có một con Cọp Tuyết vùng Siberia cực kỳ quý hiếm, hiện chỉ còn 75 con trên thế giới và chủ yếu sống ở vùng băng giá Siberia.

- **Cọp “Kết Hôn” với Sư Tử:** Một con Cọp đực và một con Sư Tử cái sống tại Khu Bảo tồn Thực vật và Động vật Hoang dã ở tỉnh Hà Nam, Trung Quốc đã trúng “tiếng sét ái tình” của nhau, và có nhiều triển vọng sẽ trở thành “phu thê gắn bó”. Được biết, Khu Bảo tồn đã cố tình để Cọp và Sư Tử sống cùng với nhau từ lúc chúng chỉ mới 2 tháng tuổi nhằm tạo ra một con thú lai, đến nay “cặp đôi” đặc biệt này đều đã cùng lên 2 tuổi. Thí nghiệm này đã tiến triển rất tốt vì Cọp và Sư Tử tỏ ra là một cặp rất “tâm đầu ý hợp”. Tuy nhiên, việc hai con vật này có giao phối với nhau, và sinh con hay không thì hiện vẫn chưa dám chắc. Khu bảo tồn trên cũng đã từng ghép đôi một con Sư Tử đực và một con Cọp cái với nhau, kết quả là cặp đôi này đã sinh ra 9 con thú lai giữa Cọp và Sư Tử.



## tranh thờ ngũ Hổ

của hai dòng tranh dân gian Việt Nam

Tâm Không Vĩnh Hữu

Tranh thờ Ngũ Hổ không xa lạ gì với dân ta. Có hai bức tranh thờ Ngũ Hổ khác nhau, đã và đang được lưu truyền trong dân gian từ vài trăm năm trước đến tận hôm nay: một bức của dòng tranh Hàng Trống, bức kia của dòng tranh Đông Hồ.

Tranh Hàng Trống được làm chủ yếu tại phố Hàng Nón, Hàng Trống của Hà Nội xưa. Hàng Trống xưa kia thuộc đất cũ của thôn Tự Pháp, tổng Tiêu Túc, huyện Thọ Xương, nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Phố Hàng Trống nằm kề các phố Hàng Nón, Hàng Hòm... là nơi chuyên sản xuất đồ thờ như: tranh thờ, quạt, lọng, trống, cờ... Dòng tranh này hiện nay gần như đã bị mai một, chỉ còn lưu giữ trong các viện bảo tàng, nghệ nhân vẽ tranh Hàng Trống cũng giảm dần đến ít ỏi. Dòng tranh này có hai thể loại tranh chính: tranh thờ và tranh Tết, mạnh nhất là tranh thờ dùng trong sinh hoạt tín ngưỡng Đạo giáo. Các nhà chuyên môn, những nhà nghiên cứu dân gian đều cho rằng dòng tranh Hàng

Trống xuất hiện từ khoảng... 400 năm trước, là kết quả của sự giao thoa tinh hoa giữa Phật giáo và Nho giáo, cũng như giữa loại hình tượng thờ ở đình chùa miếu mạo với những nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa hằng ngày. Tranh Hàng Trống sử dụng kỹ thuật nửa in nửa vẽ, tranh chỉ in ván nét lấy hình, còn màu là thuốc nước, tô bằng bút lông mềm rộng bản, một nửa ngon bút chấm màu, cõi nửa ngon bút kia chấm nước lõi, tô tranh theo kỹ thuật vỡn màu. Tranh được in trên giấy dò bồi dày, hoặc giấy báo khổ rộng.

Tranh Đông Hồ, là dòng tranh dân gian xuất xứ từ làng Đông Hồ, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tranh được in hoàn toàn bằng tay với các bản màu, mỗi màu dùng một bản, và bản màu đen chạy nét là công đoạn chót. Nhờ cách in này, tranh được “ra lò” với số lượng lớn, nhưng bị hạn chế về mặt kích thước, tranh không lớn quá 50 cm mỗi cạnh. Nét dân gian dân dã của tranh Đông Hồ được biểu hiện ở màu sắc và chất liệu giấy in. Giấy in tranh Đông Hồ được gọi là giấy điệp, loại giấy được chế biến từ vỏ con điệp (một loại sò vỏ mỏng ở vùng biển) nghiền nát, trộn với hồ (hồ được nấu từ bột gạo té, hoặc gạo nếp, có khi nấu bằng bột sắn) rồi dùng chổi lá thông quét lên mặt giấy đó. Màu sắc dùng trong tranh là màu tự nhiên từ cây cỏ như màu đen (từ than), màu xanh (từ gỉ đồng, lá chàm), màu vàng (từ hoa hè), màu đỏ (từ sỏi son, gỗ vang) v.v...

Tranh thờ Ngũ Hổ là bức tranh thể hiện tín ngưỡng của người Lạc Việt về một sức mạnh thiên nhiên huyền bí. Tranh thờ các vị “Chúa Sơn Lâm” này thường được đặt dưới tranh tượng thờ Phật, hoặc thánh thần. Một điều đương nhiên là những ai đã thờ “Ngũ Hổ” đều tin rằng có một sức mạnh siêu nhiên (thần lực huyền bí) luôn hộ trì cho gia đạo bình an, và khả dĩ chặn ngan được những tai ương hiểm họa.

Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian cho rằng tục thờ Ngũ Hổ bắt nguồn từ nguyên thủy, nhất là giai đoạn con người bắt đầu bước vào cuộc sống nông nghiệp, vào thời điểm đó thì loài hổ (cọp, kẽnh, hùm) chính là một sức mạnh thiên nhiên vừa gần gũi, lại vừa là mối họa ghê gớm đối với con người, vì vậy mà con người phải thờ hổ. Theo nguồn sử liệu, ngay cả tận trong miền cực Nam của tổ quốc, vùng U Minh nổi tiếng “xuống sông hốt trứng cá sấu, lén bờ xả rǎng cọp”, khi người dân từ xứ về đó khẩn hoang lập nghiệp, chịu hết siết sự lộng hành của “Ông Ba Mươi”, đánh bẫy không xong, dân làng mới nghĩ cách lập miếu thờ hổ, mỗi khi khấn vái cầu xin xong, họ mang đầu heo ra cúng rồi để lại giữa rừng. Vậy rồi, từ khi được lập miếu và cúng đầu heo, mấy “Ông Ba Mươi” có lẽ hài lòng do được cung phụng đầy đủ, bớt được cái công rình mò, nên đã “hiền đi”, bớt quấy phá. Người dân vì thế càng tin hổ rất linh thiêng, từ đó mới nảy sinh lệ vẽ hình hổ treo làm bùa - gọi là “Hắc Hổ Trần Phù”- để cầu cho

con nít dẽ nuôi, khỏi sài đẹn hay ma quỷ bắt. Đôi khi người ta còn treo bùa “Ngũ Hổ” - 5 ông Thần Cọp - với năm sắc của Ngũ Hành (xanh, đỏ, vàng, trắng, đen) để cầu cho gia đạo được bình yên”.

Tranh thờ Ngũ Hổ có xuất xứ từ học thuyết vũ trụ quan cổ gọi là thuyết Âm Dương-Ngũ Hành. Theo thuyết này thì Ngũ Hành là một sự vận động vật chất từ bản nguyên của vũ trụ sau Âm Dương, sự tương tác vận động của Ngũ Hành trong sự chi phối của Âm Dương tạo nên sự hiện hữu của vũ trụ hiện nay. Mỗi hành có một màu đặc trưng: hành Thổ màu Vàng, hành Hỏa màu Đỏ, hành Thủy màu Đen, hành Kim màu Trắng, và hành Mộc màu Xanh Lá.

Xem cả hai bức tranh thờ Ngũ Hổ của hai dòng tranh dân gian Việt Nam, chúng ta sẽ thấy có tất cả năm hình tượng hổ. Một con ở trung tâm (chính giữa tranh), bốn con trấn bốn góc. Theo thuyết Âm Dương Ngũ Hành thì hành Thổ là sự qui tàng của bốn hành kia trong chu kỳ vận động của Ngũ hành, vì vậy Hổ Vàng (Hoàng hổ)-Hành Thổ (màu vàng) đứng giữa (đặc khu) và lớn hơn cả.

Nếu lưu ý bố cục sắp xếp vị trí các con Hổ trong tranh của hai dòng tranh, ta sẽ thấy sự khác nhau. Bốn con hổ bốn góc trong tranh Hàng Trống được bố trí như sau:

Hổ Xanh (Thanh hổ): màu xanh, đứng dưới nhìn lên, được tượng trưng cho hành Mộc, trấn thủ phương Đông (mộc khu)

Hổ Đỏ (Xích hổ): màu đỏ, đứng dưới nhìn lên, đối xứng với Hổ Xanh, tượng trưng cho hành Hỏa, trấn thủ phương Nam (hỏa khu)

Hổ Trắng (Bạch hổ): màu trắng, đứng phía sau bên trái Hổ Vàng, tượng trưng cho hành Kim, trấn thủ phương Tây (kim khu).

Hổ Đen (Hắc hổ): màu đen, đứng phía sau bên phải Hổ Vàng, đối xứng với Hổ Trắng, tượng trưng cho hành Thủy, trấn thủ phương Bắc (thủy khu).

Bốn con hổ trong tranh Đông Hồ thì vị trí sắp xếp khác đi. Theo các nhà nghiên cứu thì “Ngũ Hổ Hàng Trống” thuận theo chiều kim đồng hồ, gọi là Ngũ Hành Tương Sinh, còn “Ngũ Hổ Đông Hồ” thì nghịch chiều kim đồng hồ, gọi là Ngũ Hành Tương Khắc. Trên tranh Đông Hồ thì Hổ Vàng đặt chân trước lén trên một hòn ẩn có khắc sáu vạch, còn trên tranh Hàng Trống thì Hổ Vàng không chặn lén hòn ẩn, mà ôm lấy miếng phù ghi dòng chữ: “Pháp Đại Uy Nô” (qui luật chủ yếu bao trùm).

Cả hai tranh Ngũ Hổ đều có điểm xuyết thêm những hình tượng: mặt trời đỏ, năm lá cờ ngũ sắc và năm thanh kiếm. Mặt trời đỏ là biểu tượng của Thái cực và xuất xứ phương Nam (phương Nam màu đỏ theo thuyết Ngũ hành) của nền văn hóa Đông phương. Cờ lệnh và

kiếm thể hiện sức mạnh của tự nhiên trong qui luật vận động của Âm Dương Ngũ Hành, chỉ phối sự vận động của vũ trụ và sự tương tác với Trái đất.

Xem và hiểu tranh thờ Ngũ Hổ mới thấy: người xưa thờ hổ không chỉ đơn thuần là vì khiếp sợ một loài thú dữ gây nỗi kinh hoàng, cũng không chỉ vì “vẽ” ra những dãng thần linh huyền hoặc vô hình để nương tựa khấn cầu, mà còn gói ghém gửi gắm vào trong đó một nền minh triết đầy tư duy sáng tạo, lấp tâm linh huyền ảo. Tính minh triết trong tranh dân gian của người xưa đáng để cho bao người hậu thế với trang bị khoa học hiện đại, với công nghệ thông tin ngang ngửa với phép thần thông, cũng phải nghiêng mình cúi chào và điên đầu nghiên cứu tìm hiểu!

Thời đại hiện nay, người ta dường như đã hết còn thờ hổ, rất ít thấy ai còn dùng loại tranh dân gian thờ Ngũ Hổ, vì rừng núi ngày càng bị khai phá mất dần đi, muôn thú trong đó có loài hổ có nguy cơ bị tuyệt chủng, đã được ghi danh vào “Sách Đỏ Thế Giới” thì lấy đâu mà sợ hãi để rồi phải thờ phụng với cúng kiến? Còn chăng, chỉ thấy những con hổ trong Vườn bách thú, trong các Khu du lịch-giải trí, những con hổ đã bị khống chế, bằng xích xiềng chuồng rào, hay những con hổ đã được thuần hóa thành những “con mèo to” hiền lành ngoan ngoãn trong các gánh xiếc cho mọi người mua vui. Đã không thờ thì thôi, người ta còn săn lùng truy sát loài hổ, “đông lạnh” hổ trong những cỗ xe để vận chuyển mua bán trái phép, chế biến hổ thành một bài thuốc bồi bổ cơ thể-tăng cường sức khỏe có tên gọi là “Cao Hổ Cốt”... mặc cho các Tổ chức bảo vệ Động vật Hoang dã kêu gào bao năm qua...

Nhưng dù gì đi nữa, tranh thờ Ngũ Hổ của hai dòng tranh dân gian Việt Nam vẫn còn đó, và bất tử với thời gian.

### Tâm Không Vĩnh Hữu

«... Trong lịch sử truyền bá Phật Giáo Việt Nam cũng như thế giới, có lúc rất bi thảm đầy tủi nhục, nhưng cũng có lúc vẻ vang rất đáng tự hào. Lúc bi thảm là lúc bản thể của Tăng bị lu mờ, nội bộ của Tăng bị phân hóa và thành phần của Tăng có nhiều quan điểm dị biệt, giới hạn suy kém và hiểu biết đeo lý một cách cục bộ, phiến diện. Trái lại, lúc vẻ vang là lúc nội bộ chúng Tăng hòa hiệp, biết gạt bỏ những quyền lợi riêng tư, những ngã chấp tầm thường, để tiến xa trên con đường tịnh hạnh, lối giác ngộ, giải thoát làm cứu cánh, lối bẩn nguỵện độ sanh làm sự nghiệp ...»

(Lời của Cố Đề Tam Tăng Thống, Đại Lão HT, Thích Đôn Hậu)

# cọp trong

## ca dao, tục ngữ

### Tâm Không Vĩnh Hữu

Cọp là con vật dữ tợn của chốn rừng xanh, còn có những tên gọi khác như Hùm, như Hổ, như Kênh... và nhiều biệt danh như “ông Ba Mươi”, “Chúa Sơn Lâm”, “Xích Lô”, “Ông Kẹ” v.v... Cùng với những tên hiệu phong phú của mình, Cọp đã đóng góp không ít cho kho tàng ngôn ngữ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam. Hãy thử tìm xem:

- Bán hùm buôn sói.
- Cha hổ đẻ con liu điu.
- Ác như hùm.
- Ký ca ký cợp cho cọp nó ăn.
- Dựa hơi hùm, vễn râu cáo.
- Gặp phải hang hùm.
- Hang hùm, nọc rắn.
- Hổ phụ, sinh hổ tử (hoặc khuyến tử).
- Miệng hùm, gan sứa.
- Nam thực như hổ, nữ thực như miêu.
- Miệng hùm chờ sơ, vảy rồng chờ ghê.
- Rừng nào cọp nấy.
- Sa vào miệng cọp.
- Trên rừng thì hổ lang, dưới làng thì mặt rồ.
- Trời sinh hùm chẳng có vây  
Hùm mà có cánh hùm bay lên trời!
- Như rồng thêm cánh, như cọp thêm vây.
- Tróc hổ dị, phóng hổ nan (bắt cọp dễ, thả cọp khó)
- Cáo mượn oai hùm.
- Ăn như hùm như hổ.
- Cọp chết để da, người ta chết để tiếng.

- Cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận.
- Lâm thế cưỡi hổ.
- Dưỡng hổ di họa (nuôi cọp tác hại về sau).
- Hang hùm ai dám mó tay.
- Hùm thiêng măc bẫy mọi
- Hùm dữ chẳng ăn thịt con
- Hùm mất hươu tiếc hơn mèo mất thịt
- Hùm thiêng khi đã sa cơ cưng hèn
- Ky hổ nan hạ (cưỡi cọp khó xuống)
- Không vào hang cọp, làm sao bắt được cọp con?
- Làm hùm làm hổ
- Họa hổ bất thành hổ
- Bạo hổ băng hà
- Ăn như hùm đố đó
- Quần hổ bất như độc hổ
- Mảnh hổ nan địch quần hổ
- Diệu hổ ly sơn (Dụ cọp ra khỏi núi)
- Hổ đội lốt thầy tu
- Vuốt râu hùm, xỉa răng cọp
- Mèo theo thịt mõi ồn ào  
Kênh tha con lợn thì nào thấy chi!
- Cà Mau khỉ gọt trên lưng  
Dưới sông sấu lộ, trên rừng cọp um!
- Họa hổ bì nan họa cốt  
Tri nhân tri diện bất tri tâm  
(Vẽ hổ, vẽ da hổ, xương khó vẽ  
Biết người, biết mặt, khó biết lòng)
- Họa hổ họa bì nan họa cốt  
Tri nhân tri diện bất tri tâm  
May không chút nữa thì lầm,  
Củ khoai lang mà em ngỡ cao ly sâm bên Tàu!
- Họa hổ họa bì nan họa cốt  
Tri nhân tri diện bất tri tâm  
Buổi xưa kia chưa rõ, em lầm  
Bây giờ biết được, vàng cầm cũng buông!
- Họa hổ họa bì nan họa cốt,  
Tri nhân tri diện bất tri tình,  
Dầu ai dèm xiểm, hai đứa mình đừng xa!
- Họa hổ họa bì, nan họa cốt  
Tri nhân tri diện bất tri tâm  
Xa xôi chi đó mà lầm  
Phải hương hương bén, phải trầm trầm thơm!
- Họa hổ, họa bì nan họa cốt

Tri nhân, tri diện bất tri tâm  
Anh ở xa không biết mà lầm  
Chồng bậu đứng đó có cầm cây dao!  
• Hùm giết người rồi hùm nầm ngủ  
Người giết người thức đủ nầm canh  
Gặp thời thì cứ hoang huyênh  
Hết thời thì chỉ lênh đênh như bèo!

Còn rất nhiều câu tục ngữ ca dao khác có hình tượng lẩn tên danh của cọp hiện diện. Nhân năm Dần tất Cọp, chỉ xin thu nhặt gom góp một ít xem qua, cho biết rằng cọp cũng khoái "chữ nghĩa văn chương" chứ không phải chỉ mê... thịt!

## chiều xuân

## lạnh leo sáng

Chiều xuân lạnh leo sáng  
Gió thì thầm thổi qua  
Đưa mắt nhìn lặng lẽ  
Vươn tới một cõi xa

Những xót xa cay đắng  
Những nỗi niềm khổ đau  
Đã được sầu xao xuyến  
Lần lượt kế tiếp nhau  
Âm thầm và chậm rãi  
Theo ký ức chập chùng  
Những đêm trường trôi dạt  
Chìm đắm trong mông lung

Ngọn gió buồn vô hạn  
Cứ thổi hoài không nguôi  
Từ chân trời dĩ vãng  
Qua mấy nẻo đường đời

Ánh ban mai trong suốt  
Nhìn thấy từng quãng sông  
Chảy lượn quanh từng khúc  
Đất mềm mại cõi lòng

Sưởi hôn trong hiu hắt  
Tia nắng lạ đong đầy  
Chiều xuân lạnh leo sáng  
Cho lời nói chắp tay.

## Cơ Phu

# vai naóng sañ chua

Chiêu Hoàng

Neten Rinpoche - Người ta thường cho thầy là một vị Tulku, chỉ cho những vị đã từng tu tập từ đời trước và có nguyện trở lại tái sanh trong cõi người. Do sự kính mến, ngoài cái pháp danh của thầy là Neten, họ thường kèm theo chữ "Rinpoche" (có nghĩa là cao quý). Neten có phong tư rất hiền hòa và từ bi, thầy có nhiều Phật tử, và những buổi lễ lớn thầy ban thường có rất nhiều tín chúng tới tham dự.

Năm lên bảy. Một vị sư già đi ngang và quả quyết Neten là một vị Lama đã từng tu tập nhiều kiếp, nay có nguyện tái sinh trở về cõi người này. Sư còn bảo, trong tương lai, nếu Neten chọn đi trên con đường đời sẽ là một người rất thành công, còn nếu đi theo con đường tu hành thì sẽ trở thành một vị đại đạo sư nổi tiếng. Cha mẹ Neten rất hoan hỷ khi nghe tin này, lập tức họ đưa Neten đến một tu viện lớn nổi tiếng của người Tây Tạng ở Ấn và xin cho Neten được xuống tóc, quy y. Neten nhớ rõ lòng mình lúc ấy. Thật bồi hồi, sung sướng và xúc động tới độ không thể cầm được nước mắt.

Quả nhiên, thầy rất thông minh, tựa như người đã từng học qua, nay chỉ ôn lại mà thôi. Dù như một đoàn kinh rất khó nhớ, đối với các vị tu sĩ khác cần phải một thời gian dài mới có thể lanh hội được thì đối với Neten, chỉ khoảng vài ngày thầy đã hiểu cặn kẽ và thuộc lòng. Vị bổn sư của thầy rất hài lòng về việc đó, càng quý mến và kỳ vọng ở Neten nhiều hơn nữa.

Năm mươi bốn tuổi, Neten thọ giới tỳ kheo. Năm hai mươi hai tuổi, thầy xong bằng tiến sĩ Phật học (sau khi đã trải qua tất cả những sự thử thách và tranh luận). Thầy được hội kiến với đức Dala Lama nhiều lần. Năm ba mươi tuổi, thầy bắt đầu đi khất nới thuyết pháp... Danh thầy nổi như cồn, tín chúng còn gọi thầy bằng một cái tên Lama thân mến...

Dòng đời cứ xuôi chảy...

Một hôm, thầy bổn sư muốn ủy nhiệm Neten đến trụ trì một ngôi chùa mới xây ở tận một tiểu bang xa xôi bên nước Mỹ. Tâm thầy dường như không vui. Có lẽ thầy không muốn xa vì bổn sư mình. Ngoài lý do đó, hình như còn một lý do nào mà thầy chưa biết rõ, chỉ thấy tâm xao động, mà sự sao động đó thầy không sao dần

được. Chẳng biết điều lành hay dữ. Tối đó, thầy ngồi nhập định, xem xét tìm hiểu nguyên nhân. Thầy chỉ thấy một đám mây đen lớn vờn trên bầu trời. Nó mờ nhòa, không rõ. Chỉ biết sẽ có điềm họa sắp đến, mà chẳng biết đó là điềm gì. Định bụng, sáng ra thưa với thầy bổn sư xin được ở lại học tiếp và xin ngài ủy nhiệm một vị khác. Nhưng, ngẫm nghĩ, nếu đó là nghiệp quả phải trả, thì cũng nên dứt khoát trả hết trong kiếp này... Vì ý nghĩ đó. Thầy quyết định tuân hành bổn sư mình ..

\* \* \*

Phái đoàn đi đón Neten Rinpoche ngoài phi trường gồm năm người. Ba nam, hai nữ. Họ đứng thành hàng dọc dâng tấm khăn trắng (một truyền thống của Tây Tạng khi gặp một vị Lama đạo hạnh). Thầy nhận khăn rồi lần lượt quàng lại lên cổ để ban phước lành cho người dâng khăn. Tới người cuối cùng là một nữ nhân. Dù không nhìn rõ mặt, vì nàng dâng tấm khăn lên ngang mày. Thầy chỉ nhìn thấy đôi bàn tay trắng mịn với những ngón thon dài, nhưng thầy cũng nhận ngay rằng, đây chính là điềm họa cho mình. Thầy hơi khụng lại một thoáng. Nhưng, tâm trở lại bình tĩnh, thầy khẽ nhận khăn rồi choàng lại lên cổ nàng. Lập tức, nàng chấp hai bàn tay vào nhau, khuôn mặt nhìn xuống, lưng hơi khom lại tỏ một thái độ cung kính. Thấp thoáng, thầy thấy một khuôn mặt son trẻ, với đôi mắt đen nhánh như mắt con chim câu... Nàng khá đẹp. Nét đẹp dịu dàng của dân gốc Á. Mái tóc dài, mượt như một dòng suối. Trông nàng có một nét rất quen thuộc nào đó, nhưng tuyệt nhiên thầy không nhận ra được mình đã gặp nàng ở nơi chốn nào. Năm người đi đón thầy đều là người Việt. Họ vừa lúi rúi theo chân thầy vừa kể cho thầy nghe những sinh hoạt ở Mỹ. Ông Đoàn, người trong ban chấp hành của chùa, tường trình ngay:

- Thưa Neten Rinpoche, vì còn một vài trực trặc về giấy tờ, hiện tại chùa chưa thể xin được để thầy có thể thành thường trú dân tại đây. Nhưng chúng con xin được visa, thầy có thể ở tại Mỹ sáu tháng. Trong khoảng thời gian này, chúng con sẽ cố gắng xin thẻ xanh cho thầy.

- Được. Chuyện ở lại còn tùy có đủ nhân duyên không. Tôi hy vọng trong thời gian ở đây. Mọi sự sẽ tốt đẹp...

Con đường từ phi trường về chùa cũng khá xa, mọi người nói chuyện ríu rít. Nhưng nàng chỉ dõi mắt ra ngoài cửa kính xe, nhìn dòng xe cộ chảy ngược xuôi, tuyệt nhiên nàng chẳng nói lên lời nào. Hình như nàng cũng chẳng chú ý gì tới vị thầy cho lăm. Ông ta trông còn quá trẻ - nàng nghĩ - chẳng biết sự tu chứng của ông tới đâu...

Những tuần lễ kế tiếp, Neten Rinpoche ban một loạt những buổi lễ quán đảnh. Tín chúng đi dự rất đông. Vì người thông dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ đi xa, nên tình cờ nàng lại được bầu làm thông dịch viên tạm thời trong khi chờ đợi. Nàng rất sung sướng vì được lựa chọn, đồng thời thật hãnh diện, vì từ hồi nào tới giờ, nàng chưa bao giờ làm được một việc gì hữu ích cho ai. Nay, tự dưng nàng lại được đề cử và nhất là được thân cận với một vị đại đạo sư đầy đủ phẩm hạnh, chẳng ít nhiều gì nàng cũng cảm thấy mình rất quan trọng ..

Trong việc thông dịch, thầy dành rất nhiều thời gian để giải thích thêm những danh từ Phật học nàng chưa hiểu rõ, nên nàng thường dành một ít giờ trước buổi lễ, hay những buổi giảng lên gặp riêng thầy, tóm tắt ghi chép những gì thầy muốn giảng. Tuy chưa làm thông dịch viên bao giờ, đôi khi gặp những danh từ chuyên môn làm nàng lúng túng, nhưng vì có được một kiến thức rất khai về Đại thừa, và nhờ sự kiên nhẫn của Neten Rinpoche, cộng với lòng mong học hỏi, trí thông minh, chịu khó của nàng nên cũng hiểu được ít nhiều những gì thầy muốn nói.

Tình thân giữa Thầy, trò ngày càng đậm. Khác với ý niệm đầu tiên nàng gặp Neten Rinpoche tại phi trường. Ngược lại, nàng nhận ra rằng, cái ông thầy này thật đáng nể. Ông có thể đọc suốt được tư tưởng của người đối diện. Hơn thế nữa, hình như ông có thể nhìn thấy được một vài điều của quá khứ và tương lai. Nhưng chẳng bao giờ ông nói, các nhóm đệ tử biết được đều do sự tình cờ rồi họ kháo nhau thêm, từ một thành mười, từ mươi thành trăm, tò điểm vị thầy mình thêm huyền hoặc... Nàng bắt đầu tâm phục, khẩu phục vị sư trẻ này. Lối hành xử của nàng cũng tỏ vẻ tôn kính và yêu mến thầy hơn.

Một buổi sáng. Trong sân chùa ngập nắng, thầy Neten thấy nàng mặc chiếc áo dài Á đông bước vào cổng chùa, khuôn mặt rạng rỡ... Nhìn thoáng, thầy có cảm tưởng nàng chính là vạt nắng đầu ngày, thầy thấy lòng rung động, bàng hoàng, cảm nhận pháp giới này không phải một, cũng không phải khác, nó thật chập trùng biến hiện. Có phải chăng, người thiếu nữ kia đang "biến" thành vạt nắng hòa nhập với bản thể nhất như của vạn pháp? Thầy nghiêm tâm nghe lòng mình rung động, rồi với sự phản xạ máy móc của nghiệp dư còn đọng lại trong tâm, thầy vội vã bước ra sân "đón" lấy vạt nắng ấy. Cả hai nhìn nhau. Kỳ diệu thay, thầy có cảm giác mình cũng biến thành ánh nắng chan hòa, hợp với vạt nắng vừa xuất hiện thành nhất thể như nước hòa

với sữa. Trong phút giây mầu nhiệm ấy, ngôn ngữ quả là "bất khả ngôn thuyết"... Hình như người nữ cũng cùng trong một tâm trạng ngây ngất ấy. Nàng thốt lên với một giọng tràn đầy xúc động:

- Thầyơi...

Nàng loạng choạng muốn té quy, thân người mảnh mai như muối đổ ập về phía Neten. Bằng một phản xạ tự nhiên, máy móc, thầy Neten vội đưa tay ra đỡ. Cùng lúc thầy cũng đủ tỉnh thức để lùi lại một vài bước, tránh cho toàn thân nàng dựa hẳn vào mình, giọng thầy lấy lại bình tĩnh, hỏi khẽ:

- Chị có sao không?

Thiếu nữ ấp úng:

- Không... không...!! Bỗng dưng..., con chỉ... thấy... một niềm... cảm động tới muôn... bật khóc...

Vì sự tự trọng. Nàng cũng vội vã lùi lại làm cho thân mình bị mất thăng bằng, lảo đảo. Hai bàn tay dơ ra gần chạm nhau lại bị vội vã rụt về. Cả hai đứng nhìn nhau trong suốt chiều sâu của tâm thức. Hốt nhiên, Neten Rinpoche đọc được trong ánh mắt nàng cả một khung trời vừa sụp đổ, trong đó cưu mang một nỗi đau đớn tận cùng của của sự thất vọng và yêu thương...

Sau buổi sáng hôm ấy, phong tư của Neten Rinpoche hình như không có gì thay đổi. Nhưng nếu để ý kỹ, trong những hành động và cách cư xử - tuy kín đáo - nhưng thầy cũng dành cho nàng một sự chăm lo đặc biệt hơn, cùng với lòng bi mẫn như lúc nào cũng phủ chụp xuống nàng. Thầy vẫn gặp nàng trước những giờ thuyết pháp. Nhưng có lẽ thầy tránh không muốn gặp riêng nàng ở bất cứ chỗ nào trong chùa. Còn riêng nàng, gần như một huyền lực của nghiệp cũ đã chín mùi. Dần dần, nàng bỗng nhận ra một điều "khủng khiếp", nàng không thể sống thiếu thầy, nàng bỗng thấy mình có một nhu cầu rất cần thiết mỗi ngày là phải được gặp thầy, phải nhìn thấy, nghe thầy nói, ngắm thầy cười, hay chẳng cần làm gì, chỉ cần phục dưới chân thầy nghe thầy lần tràng hạt với những câu chú như một chuỗi âm thanh dính liền nhau không dứt. Tệ hơn nữa, trong tận cùng sâu thẳm của tâm thức, nàng khởi tâm muôn "chiếm hữu" thầy cho riêng mình, cảm giác chiếm hữu ấy mạnh tới độ nàng nàng cảm thấy rất khó chịu và ghen tức khi thấy thầy nói chuyện vui vẻ với những người khác. Những lúc như vậy, tâm nàng thật bồn chồn, không yên và cực kỳ đau khổ. Biết điều đó là xấu, nhưng nàng thực không thể cưỡng nổi sự ghen tuông.

Một hôm lên chùa sớm, định vào chào thầy thì nàng đã thấy có một chị Phật tử khác đang trong phòng trò chuyện, chẳng biết chị nói chuyện gì mà nàng nghe tiếng thầy cười hòa với tiếng cười ròn rã của chị. Buồn bã, nàng ra ngoài sau hè ngồi khóc. Khóc chán, nàng lại thò đầu vô xem chị Phật tử nói chuyện xong chưa.

Vẫn thấy chị ngồi thẹp dưới chân thầy nói cười vui vẻ. Nàng thấy tim mình quặt thắt lại. Nàng cũng thấy mình thật vô lý khi cứ quẩn quanh trong một ngõ cụt như thế. Trong lúc này, hình như những giáo lý của Phật mà nàng học hỏi từ bao lâu, cứ chảy trôi theo dòng nước mắt, chẳng giúp được gì cho nàng mấy đỗi...

Nhưng nỗi buồn không hẳn mãi sẽ là. Nó chính là "mặt bên kia" của niềm vui. Đôi khi nàng được thầy cho tham gia vào công việc của chùa, như việc tô những bức tượng Phật. Thật lạ, chẳng hiểu những tượng Phật đó ở đâu ra mà đầy cả bàn. Mỗi bức cao khoảng một tấc, đủ các vị Phật với những thế ngồi khác nhau. Nàng ngồi xà xuống và hỏi thầy với giọng đầy khích động và ngạc nhiên:

- Ôi chao... Tượng Phật ở đâu nhiều thế. Cho con tô với nhé?

Vị thầy ngược nhìn người thiếu nữ đọc được tất cả sự khích động trên đôi mắt ngày thơ của nàng, thầy cười:

- Được! Nhưng chị tô có khéo không? Tô tượng cũng là một hình thức thiền định và quán tưởng. Lại nữa, có một vài chỗ phải rất cẩn thận, không được tô lem nhem, nhất là điểm nhãn Phật thì lại càng phải khéo léo lắm!

Sợ thầy đổi ý, nàng nói ngay:

- Con làm được mà! Nàng sung sướng vô cùng khi được ngồi bên thầy như thế. Ban đầu thầy cho nàng tô những phần dẽ, thấy nàng tô khéo, thầy cho tô phần tóc (một chút xíu phần trên trán, nơi đó nếu không khéo sẽ bị lem qua vương miện trên đầu). Nàng thích nhất ngồi tô thân thể Phật một màu vàng ròng. Tô lớp đầu không thấy vàng mấy, nhưng nếu kiên nhẫn tô lên từng lớp chồng nhau, đợi lớp này khô, lại tô thêm lớp mới cho đến khi có một mầu vàng óng đẹp như một khối vàng thật. Nàng thích tới độ mê mải làm mãi tới gần bảy giờ tối mới chịu về. Trước khi về, nàng khoe với thầy "công trình" mình vừa làm cả ngày. Một tượng Phật Thích Ca, một tượng của ngài Quán Âm. Cả hai tượng đều có một màu vàng óng trông rất đẹp mắt...

Niềm hạnh phúc của nàng bị cắt đứt khi người thông dịch viên cũ trở về. Nàng không còn có cơ hội gần gũi thầy nữa. Nàng nhớ thầy, sự nhớ nhung kỳ quặc đến độ nàng cảm thấy hổ thẹn và mặc cảm, nghĩ rằng, mình chính là con ma nữ đến quấy rối người tu hành. Lòng nàng luôn luôn cảm thấy đau khổ và buồn sầu. Đau khổ vì biết rằng, tình yêu (nếu có) của mình chính là một tình yêu bệnh hoạn và mù quáng vì nó đã đặt không đúng chỗ. Buồn sầu khi biết chắc rằng mình đã chẳng ít điều gì cũng đang tạo những nghiệp xấu, ác... Vì sự mặc cảm ấy, nàng thường có thái độ tránh né và không dám đến gần thầy nữa. Nhưng vì lòng nhung nhớ cứ dâng đầy, nên chẳng bao giờ nàng bỏ một thời thuyết pháp nào cả.

\* \* \*

Một buổi chiều, sự nhớ thương gần như không còn chịu đựng được nữa. Nàng lang thang xuống phố, mua ba cành hoa Lilly trắng đem lên chùa dâng thầy. Cảnh chùa vắng vẻ, nàng bước vào với nhịp tim đập thình thịch trong lòng ngực. Nàng ôm chặt ba cành hoa trước ngực như một sự che chở, ngăn cấm mình phạm tội. Các thầy nhỏ chắc đang ở sân sau chùa trống tấp, chỉ còn lại Neten Rinpoche ngồi trong một phòng cạnh chính điện đang tô các tượng Phật. Nàng bước vào với một thái độ của một kẻ phạm trọng tội, mặt người nữ tái xanh, rụt rè và lấp bấp:

- Con đem... dâng thầy mấy... cành hoa... Lilly... trắng... Neten Rinpoche ngẩng lên, ánh mắt từ bi như thấy suốt được tâm tư nàng, thong thả đáp:

- Thật tuyệt diệu. Ta đang đợi chi đến... (Rồi ngắm nhìn ba đóa hoa trắng nuốt, đôi mắt lung linh, hoan hỷ, thầy tiếp). Mấy đóa hoa mới đẹp làm sao!!.. Chị hãy cắm vào bình dâng lên lê Phật. Sau quay lại đây, ta muốn cho chị coi cái này...

Thiếu nữ líu ríu làm theo như một mệnh lệnh. Cắm những cành hoa trắng vào bình, xì xụp lạy trước những tượng Phật đang ngồi trên bệ thờ rất trang nghiêm. Chẳng hiểu sao lúc đó nàng cảm thấy xúc động lạ kỳ và nước mắt cứ tuôn như mưa...

Nàng phải đợi một lúc cho tâm lảng đọng mới dám bước qua phòng bên gấp Neten. Thầy nhìn nàng chăm chú. Như người đã biết rõ được vấn đề, nhưng vẫn cứ hỏi:

- Chắc chị đang gặp chuyện... khó khăn?

Chỉ chờ có thể, nàng òa lên, nức nở:

- Phải. Xin thầy ban bình an cho con...

Vị thầy thở dài. Nhìn người nữ một đỗi rồi nắm lấy bàn tay lạnh ngắt của nàng dịu dàng bảo:

- Có những điều ta cần phải nêu buông bỏ thì sự khổ đau mới chấm dứt...

Vừa nói đến đó, Neten buông tay nàng, dùng cả hai bàn tay mình ôm lấy khuôn mặt người nữ, (dưới dạng hình thức ban phép lành), rồi thầy cúi xuống, thấp dần... thấp dần... cho tới khi trán của Neten dựng lên trán nàng...

Do sự già trì của vị đạo sư. Mọi sự như được hiển bày trước mắt. Nàng nhìn thấy rõ trong một kiếp quá khứ nào đó của chính nàng. Hình ảnh người nữ đang đứng với chiếc áo cánh trắng mong manh. Trên tay cầm ba cành hoa Lilly màu trắng nuốt. Sau lưng nàng là một khung cửa chói lòa ánh nắng với vườn hoa muôn sắc. Đối diện là chồng nàng, họ đang trao nhau những ánh mắt thương yêu. Người nữ đặt ba cành hoa lên ngực người nam nhìn chàng say đắm nói khẽ qua hơi thở:

- Anh ạ. Em nguyện sẽ đời đời kiếp kiếp được làm vợ anh và được hạnh phúc như thế này mãi mãi...

Đôi mắt người nữ ngược lên long lanh. Mùi hoa Lilly thơm ngát đâu đây...

\* \* \*

Vị đạo sư buông tay, rời trán mình khỏi trán nữ nhân. Nàng xúc động tới độ bật khóc. Nàng nhớ lại tất cả như chuyện mới xảy ra hôm qua. Tim nàng run run như con chim non bị lạnh. Giọng đạo sư trầm trầm:

- Đã vài đời, vài kiếp, chúng ta từng là vợ chồng và rất sung sướng, hạnh phúc, đã từng được làm thân người, thân chư thiên, nhẫn đến có được những thân vi diệu trên từng trời Phạm Thiên và đã từng hưởng tất cả những sung sướng của cõi nhân gian này... Dẫu vậy, chúng cũng chẳng đem lại hữu ích gì mấy đổi. Ngược lại, chúng ta cũng đã từng nhiều đời, nhiều kiếp - do sự vô minh, tham ái - mà phải chịu mang thân ngại quý, súc sanh, nhẫn đến ở trong những địa ngục nóng, lạnh để phải chìm nổi trong luân hồi và thọ nhận tất cả những khổ đau. Nay, cơ may trở lại được thân người, tôi lại được gặp em, dẫu trong một hoàn cảnh hoàn toàn đổi khác, nhưng đó cũng là cơ may cho chúng ta gỡ những nghiệp quả từ kiếp trước. Sao em không nhân cơ hội có được thân người hiếm quý này tu tập cầu giải thoát? Sao cứ phải cam chịu loanh quanh trong luân hồi tạo thêm ác nghiệp? Hạnh Phúc ư? Thế nào là Hạnh phúc? Nếu lấy cái Hạnh phúc của trần gian này để làm niềm vui thì cái niềm vui ấy thật bợt bèo, dẽ vỡ...

Vị đạo sư đứng lên. Ông mở tung cánh cửa sổ trông ra vườn. Nắng vẫn còn lung linh trên những đóa cúc vàng hắt lên những ánh sáng cuối cùng của ngày tàn. Ánh sáng bên ngoài tràn vào căn phòng bắt đầu tối làm thành một viên sáng quanh thân ông. Ông quay nhìn người thiếu nữ vẫn còn đầm đìa nước mắt thong thả nói rõ từng tiếng:

- Phải. Em vẫn còn vương với tôi một lời nguyện ước. Thỏa nào lần đầu tiên gặp em ở phi trường, tôi đã nhận ra được nét thân quen. Nhưng thực tâm tôi không muốn đổi, bởi mọi sự đều đã thay đổi. Tôi đang đi trên con đường tìm kiếm chân Hạnh phúc cho mình và cho người. Trong tôi, vẫn có tình yêu dành cho em, nhưng tình yêu tôi nay không còn ngừng trên một đối tượng, mà là trên toàn thể pháp giới... Từ sau buổi sáng tôi đón em như một "vật nặng sân chùa", em luôn luôn hiện hữu trong tôi, là một điểm sáng, một sự thanh khiết, cao quý nhất. Em đi cả vào trong những buổi cầu nguyện của tôi. Tôi luôn nguyện em cũng sẽ đạt được chân Hạnh Phúc ấy. Muốn vậy, em nên xả bỏ tất cả. Có những điều ta cần phải nêu buông bỏ thì sự khổ đau mới thực sự chấm dứt...

Thiếu nữ òa khóc. Nàng nghe trong tim một sự rạn vỡ... Trong cơn đau đớn tận cùng, nàng cảm nhận được tình yêu rộng lớn của vị đạo sư dành cho mình. Nàng hiểu rất rõ rằng nàng không còn một môt sự chọn lựa nào khác. Người chồng năm xưa nay đã đổi hướng đi, không

còn muốn đi chung với nàng trên con đường xưa cũ, mà ở đó, Hạnh Phúc hay Đau Khổ đều tùy thuộc vào sự vô thường, bèo bọt của kiếp người. Nay, nàng cũng phải thay đổi, nàng phải đi tận cùng nỗi khổ đau để vươn lên, để có thể trở thành một "giải nén thênh thang". Nơi ấy, nàng sẽ gặp chàng ở đó...

## Chiêu Hoàng

### Lời chúc đầu năm

Lời chúc đầu năm, tôi xin gởi:

Bạn xa gần, cuộc sống an vui,  
Mẹ già yếu đùa cười cùng đàn cháu,  
Hồn cha yêu thanh thản với vãng thiêng.

Lời chúc đầu năm, tôi xin gởi:

Đến em thơ da rám đèn màu nắng  
Tóc vàng hoe khô cứng với gió mưa  
Sẽ không còn những sáng, trưa, chiều, tối  
Rao bán hàng, bán báo khắp phố phường.  
Sẽ không còn đêm vỉa hè công lạnh  
Nhớ bạn bè, sách tập, tiếng thầy cô.  
Hàng phượng xanh rộng mở đón em vào,  
Ôm sách thơm, em sóng bước ngang cao.

Lời chúc đầu năm, tôi xin gởi:

Đến chị hàng xôi, đêm chút thảnh thoảng  
Đùa với con và nhìn chồng âu yếm.  
Đến chị hàng chè, gánh rao mời mọc,  
Dành đủ tiền mua sách học cho con.  
Đến anh xích lô còng lưng mỗi sáng,  
Khách hàng đông, đạp mỏi cẳng, mỏi lưng,  
Vẫn vui tươi hồn hở với ước mơ:  
Mảnh áo thiên thanh tặng người yêu nhỏ.

Lời chúc đầu năm, tôi xin gởi:

Đến cô gái Việt đầu đường xứ lạ,  
Thôi nhọc nhăn, tìm được chỗ dựa thân.  
Thôi mưa dầm, nhớ, đẫm ướt thân em.  
Nắng xuân ấm sưởi khô dòng nước mắt.  
Đến em nhỏ Việt, món hàng đổi chất,  
Thân gầy còm! Lắm kẻ bán người mua.  
Ánh nắng xuân tươi dấn dắt tìm đường  
Trả lại em tương lai, đưa em về với mẹ.

Lời chúc đầu năm, tôi xin gởi:

Lòng trân trọng!  
Dâng khấn lên mùa xuân mới:  
Nắng tự do sưởi ấm đời dân tôi.

### Võ Thị Diêm Đạm

# Nguyễn Du

## khắc khoải thơ xuân

Nhân tự tiêu điêu xuân tự hảo (Nguyễn Du)

Sinh quán của Nguyễn Du thuộc làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Quê mẹ của nhà thơ ở làng Hoa Thiều, tỉnh Bắc Ninh.

Sinh năm 1765, mất năm 1820, Nguyễn Du sống qua một giai đoạn cực kỳ đen tối của lịch sử. Chiến tranh tranh giành quyền lực giữa Lê-Trịnh, nhà Nguyễn và nhà Tây Sơn kéo theo sự suy đồi tinh thần đạo lý dựa trên căn bản tam giáo, tạo ra sự thống khổ cho nhân dân khắp nơi và cũng trực tiếp gây ra thảm họa cho chính gia đình nhà thơ.

Năm 19 tuổi (1784), Nguyễn Du đậu tam trường tại trường thi Sơn Nam. Bao kỷ niệm đẹp thuở thiếu thời ở quê Hồng Lĩnh, Lam Giang, chí tang bồng, mộng văn chương cũng ngay từ năm ấy ngậm ngùi, trắc trở.

Nguyễn Khản, anh cùng cha khác mẹ với Nguyễn Du, vì chống lại mưu đồ phế truất lập thứ của Trịnh Sâm, dẫn đến việc quân Tam phủ nổi loạn phá tan nhà cửa của ông. Nguyễn Du phải theo anh trốn lên Sơn Tây. Đến khi Tây Sơn ra Bắc và họ Trịnh mất nghiệp chúa (1786), tiếp theo triều Lê bại vong (1788), một người anh của Nguyễn Du là Nguyễn Quýnh nổi lên chống lại Tây Sơn. Việc không thành, Nguyễn Quýnh bị giết, toàn bộ cơ ngơi gia đình Nguyễn Nghiêm là cha Nguyễn Du ở Tiên Điền bị thiêu hủy, gia sản bị tịch thu, huynh đệ phải ly tán. Nguyễn Du lui về ẩn náu nơi quê vợ ở Quỳnh Côi (Thái Bình).

Suốt tuổi đời từ 21 đến 30, Nguyễn Du trải mười năm lánh mình nơi thôn dã với nỗi sầu quốc phá gia vong, với cảnh ngộ đau yếu nghèo nàn, bản thân phải sống e dè để giữ thân. Từng mùa xuân, mùa xuân trôi qua trong lạnh lùng, hiu quạnh:

Dị hương dường chuyết sơ phòng tục  
Loạn thế toàn sinh cửu úy nhân..." (U cự 1)  
Nơi đất lạ, giả vung về để phòng thói đời

Thời loạn lạc phải luôn thường sợ người để giữ toàn tẩm thân)

Thập tải phong trần khứ quốc xa  
Tiêu tiêu bạch mãn ký nhân gia  
Trường đồ, nhật mộ, tân du thiểu  
Nhất thất, xuân hàn, cựu bệnh đa (U cự 2)

(Mười năm gió bụi xa lìa quê nhà  
Bạc phơ mái tóc, ở đâu nhà người  
Dường cõn xa, chiêu tàn, bạn mới ít  
Một mái tranh, xuân lạnh, bệnh cũ nhiều.)

Nguyễn Du có rất nhiều anh em trai gái (Nguyễn Nghiêm có 8 vợ, 21 con) nên khi gia đình ly tán, ông ở Quỳnh Côi lo lắng, đau khổ trông tin gia đình. Xuân đến, xuân đi trong niềm thương tâm ly biệt:

Sài môn trú tĩnh sơn vân bế  
Dược phố xuân hàn lũng trúc sơ  
Nhất phiến hương tâm thiềm ảnh hạ  
Kinh niên biệt lệ nhạn thanh sơ  
Cố viên đệ muội âm hao tuyệt  
Bất kiến bình an chỉ nhất thư' (Sôn cự mạn hứng)

(Ngày lại ngày lặng lẽ, mây núi che cửa củi  
Mùa xuân lạnh, hàng trúc thưa quanh vườn thuốc nổ  
lũng sâu  
Tấm lòng thờ thẩn nhớ quê dưới ánh trăng  
Nước mắt ly biệt tuôn trào theo tiếng nhạn giao mùa  
Em trai, em gái đều bắt tin  
Không có thư từ báo bình an...)

Kỷ niệm đẹp thời thơ ấu nơi quê Hà Tĩnh với hình ảnh khắc sâu ngày cha về trí sĩ, lúc Nguyễn Du được 6 tuổi, sống lại:

Uc tích ngô ông tạ lão thi  
Phiêu phiêu bồ tứ thủ giang mi  
Tiên chu kích thủy thần long đấu  
Bảo cái thùy không thụy hạc phi...

(Nhớ xưa cha cáo lão về hưu  
Trên bến sông, xe bồ ngựa tứ dập dù  
Thuyền tiên vượt sóng nào khác rồng thần giao đấu  
Lòng quý dập dờn che rợp không trung tự chim hạc báo  
diềm lành...)

để rồi hình ảnh huy hoàng chìm trong sâu thương mất  
mát:

Nhứt tự y thường vô mịch xứ  
Lưỡng đê yên thảo bất thăng bi  
Bách niên đa thiểu thương tâm sự  
Cận nhất Trường an đại dĩ phi (Giang đình hữu cảm)

(Từ lúc bóng áo xiêm không còn thấy nữa  
Xiết bao thương tâm nhìn khói quyến cỏ hai bên sông  
Cõi người trăm năm, chuyện đau lòng không nhiều thì ít  
Ngay cả Trường An (Thăng Long) gần đây cũng khác  
lắm rồi.)

Bài “Quỳnh hải nguyên tiêu” được viết lúc ông ba mươi  
tuổi. Nỗi bi thương của bản thân, của gia đình, cảnh ngộ  
bi tráng của một thanh niên buổi cùng đường dồn lại  
trong một đêm xuân với cảnh tình đầy tương phản:

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên  
Y bất cải cựu thuyền quyên  
Nhất thiên xuân hứng thùy gia lạc  
Vạn lý Quỳnh Châu thủ dạ viên  
Hồng linh vô gia huynh đệ tán  
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên  
Cùng đồ liên nhữ dao tương kiến  
Hải giác thiên nhai tam thập niên

(Rằm tháng giêng, sân vắng lặng, sao đầy trời  
Vẻ đẹp của trăng rằm muôn đời không đổi  
Cả một trời xuân hứng không biết lạc vào nhà ai  
Muôn dặm nơi Quỳnh Châu, đêm nay đều trọn vẹn  
Nơi Hồng Linh không còn nhà, anh em ly tán  
Mái tóc bạc phơ, ôm hận ngày tháng đổi thay  
Bước đường cùng, thương người từ xa gặp nhau  
Nơi gốc biển chân trời, tuổi tròn ba mươi.

Công danh chừng đã là hư ảo, lòng nhà thơ chừng như  
người lạnh, duy mối tình vẫn thương đeo đẳng mãi  
không thôi :

Ổn cổn lồng hoa phù cổ cầm  
Trần thế bách niên khai nhãm mộng.. (La phù giang  
thủy các độc tọa)

Hoa sóng cuồn cuộn trời nổi xưa nay  
Cuộc đời trăm năm cũng chỉ là giấc mơ mở mắt...

Giang nam, giang bắc nhất nang không  
Bách niên cùng từ văn chương lý (Mạn hứng 2)

Dạo hết phía Nam, phía Bắc sông, một chiếc túi rỗng  
Trăm năm chết rục trong vòng văn chương)

Mười năm tù túng ở Quỳnh Côi, bảy năm ẩn cư nơi quê  
nhà lấy thú đi săn, câu cá khuây khỏa (lấy hiệu Hồng

Sơn liệt hộ, Nam Hải điếu đồ), hoài bão giúp nước an  
dân vẫn theo vào trang thơ đầy ắp, trong khi đó, bệnh tật  
và nghèo đói vẫn đeo đẳng bên mình:

Da bệnh đa sầu khí bất hứ  
Thập tuần khốn ngựa Quế giang cư  
... Cơ thủ duyên sàng khiết ngã thư (Ngựa bệnh)

(Bệnh nhiều, sầu lầm, tinh thần không an  
Năm liệt suốt mười tuần tại sông Quế  
... Chuột đói leo quanh giường gặm sách ta)

Chẩm bạn thúc thư phù bệnh cốt...  
Táo đầu chung nhật vô yên hỏa (Tạp ngâm 2)

(Chồng sách bên gối đỡ thân bệnh...  
... Cả ngày trong bếp không khói lửa)

Cả khi dấn thân vào hoạn lộ từ 1802 đến 1820, mùa  
xuân trong thi ca Nguyễn Du vẫn héo hon, tàn tạ. Trên  
bước đường làm quan, ông đã đi qua nhiều nơi. Từ Sơn  
Nam, Thượng Tín (1802) rồi lên trấn Nam Quan (1805);  
vào Phú Xuân lại tiếp ra Quảng Bình (1809), ghé qua  
Thăng Long trên đường Bắc xứ (1813), đâu đâu cũng  
nhìn thấy dấu tích chiến tranh, đống xương vô định từ  
nhân dân đến những kẻ cầm quân bách chiến. Hình ảnh  
đó là nỗi ám ảnh không rời khi nhà thơ trải qua bao  
mùa tao loạn, theo nhau những mùa xuân mất mát:

Cô thành nhật mộ khởi âm vân  
Thanh thảo man man đáo hải tần  
Khoáng dã biển mai vô chủ cốt  
Thù phượng độc thác hữu quan thân (Ngẫu đắc)

(Luồng mây đen ngày tối bốc lên nơi thành cô (Lũy  
Thùy)

Cỏ xanh mờ mịt lan ra đến tận biển  
Nơi đồng không mông quạnh, xương vô chủ vùi khắp  
Chốn xa xôi này riêng gởi tấm thân làm quan.)

Tam quân cựu bích phi hoàng điệp  
Bách chiến tàn hãi ngựa lục vu (Đô Linh giang)

(Lũy xưa của ba quân lá vàng bay lả tả  
Hải cốt của kẻ trăm trận đánh nhau vùi trong bãi cỏ  
hoang.)

“Xuân tiêu lữ thứ” viết vào năm 1805, khi tác giả lên  
trấn Nam Quan đón sứ Tàu sang sắc phong cho vua Gia  
Long. Một chuyến đi công vụ nhưng lòng vẫn vương  
mang chuyện văn chương. Nơi biên ải, đứng dưới chân  
thành Đoàn (Lạng Sơn), cảnh xuân nùng diễm nhưng  
riêng ông vẫn lệ tràn thấm khăn:

Tiêu tiêu bồng mấn lão phong trần  
Am lỳ thiên kinh vật hậu tân  
Trì thảo vị lan thiên lý mộng  
Dinh mai dĩ hoán nhất niên xuân  
Anh hùng tâm sự hoang trì sinh  
Danh lợi doanh trường lụy tiểu tần  
Nhân tự tiêu điêu xuân tự hảo  
Doàn thành thành hạ nhất triêm cân

(Mái tóc bồng phơ phơ già cùng gió bụi  
Trong lặng lẽ riêng lo sợ trước cảnh vật đổi mới  
Nơi xa ngàn dặm vẫn chưa tan giấc mộng cỏ bờ ao  
(giấc mộng văn chương)

Cây mai ngoài sân đã đổi một năm xuân  
Lòng kẻ anh hùng đã nguội lạnh đường dong ruỗi  
Trong vòng danh lợi từng lụy cảnh khóc cười  
Người riêng buồn thảm, xuân riêng đẹp  
Dưới chân thành Đoàn, đứng một mình lệ thấm khăn.)

Trên bước đường làm quan, hình như Nguyễn Du chỉ ở riêng một mình, không mang theo gia đình. Cảnh sống ở kinh đô Phú Xuân vì thế mà thêm cô quạnh, nhất là lúc xuân sang:

Triệu xan nhất vu phạt  
Mộ dục nhất bồn thủy  
Bế môn tạ tri giao  
Đỗ vũ nhất thanh xuân khứ hỉ

(Ngẫu thư công quán bích)

(Sáng ăn một bát cơm  
Chiều tắm một bồn nước  
Dóng cửa từ tạ người quen  
Cuốc kêu một tiếng mùa xuân đã qua mất.)

Bài thơ "Ngẫu đê công quán bích" còn thê lương hơn. Mùa xuân như giấc mơ qua, người lìa quê phiêu bạt vì một chức quan. Trong cảnh xuân lạnh, co ro trên giường với nỗi buồn cô lẻ. Sông Hương núi Ngự, cảnh xuân nên thơ đẹp đẽ của ai kia và chỉ là nỗi sầu tư của ta đó :

Xương hạp môn tiên xuân sắc lan  
Cách giang dao đổi Ngự Bình san  
Xuân tòng giang thượng lai hà xứ  
Nhân ý thiên nhai trệ nhất quan  
Mãn địa phồn thanh văn dạ vũ  
Nhất sàng cô muộn địch xuân hàn...

(Trước cửa Xương hạp (cửa vua) mùa xuân tàn phai  
Sông bên xa kia đổi với núi Ngự  
Xuân theo dòng sông trôi về đâu  
Người lụy vì chức quan nương nau nơi chân trời  
Trong đêm nghe tiếng mưa rơi đầy đất  
Trên giường với nỗi buồn mô cõi chống lại khí lạnh  
mùa xuân.)

Có một bài thơ không nói về cảnh xuân nhưng bất chợt trong đó đôi dòng hiện lên làm người đọc lạnh người, thông cảm sâu sắc nỗi buồn của tác giả trước những mùa xuân xa xứ. Mà quê nhà cách biệt có bao xa ! Chỉ cách một ngọn núi trong dãy Hoành Sơn mà ngày về thăm thẳm như cách tận mặt trời... Bài "Từ cửa sông Nẽ trông về quê hương" (Nẽ giang, còn gọi sông Ròn, phía Bắc Quảng Bình, gần đèo Ngang) :

Vọng vọng gia hương tự nhật biên  
Hoành sơn chỉ cách nhất sơn diên  
Khả liên qui lộ tài tam nhật  
Độc bão hương tâm dĩ tứ niên.

(Mong về làng xóm quê nhà tựa xa như tận mặt trời  
Chí cách nhau có một ngọn núi trong dãy Hoành sơn  
Khá thương thay đường về nhà chỉ nội ba ngày là tới  
Mà suốt bốn năm ròng riêng ôm mối nhớ quê.)

Bốn năm ròng, bốn mùa xuân của thời gian nhật nguyệt. Nhưng nếu tính theo thời gian tâm lý "nhất nhật bất kiến như tam thu hế" thì niềm thương nỗi nhớ dằng dặc biết bao !

Bên này và bên kia một ngọn núi của không gian gang tấc vẫn không về thăm được thì nỗi đau khổ dằn vặt biết bao !

(Nghĩ đến chyện lòng, tôi không sao không nhớ đến cha tôi. Người bỏ làng Lỗ Giáng, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam cùng người cậu vào Sài Gòn tha phương cầu thực từ năm 17 tuổi. Gần ba mươi năm sau, được tin thân phụ (ông nội tôi) mất, gia đình vay tiền để có một chiếc vé cho cha tôi về dự tang lễ. Về đến nơi thi ông nội tôi đã yên giấc dưới mộ phần. Cha tôi trở về Sagon và mãi đến năm 59 tuổi, ông không còn dịp về cố hương, có chăng là mỗi lúc một mình trầm ngâm bên ly rượu nhạt hay những lúc ngâm nga vài câu thơ cổ giữa canh khuya. Mà Sài Gòn-Quảng Nam vào những năm 1960, xe cộ đi lại cùng lầm cũng chỉ hai ngày đường. Lũ con cái chúng tôi không đứa nào biết nghĩ đến nỗi đau đứt ruột của cha mình. Mới biết con cái bất hiếu với cha mẹ đáng trách phạt biết bao nhiêu !)

Trong một thoáng nào đó, tình xuân nơi nhà thơ Nguyễn Du cũng dâng lên nồng nàn say đắm, cảm hứng lâng man lúc xuân về rộn rã con tim. Hình như ta có thể cảm nhận được điều này ở tác giả qua bài "Quảng Tế ký thắng", bài thơ viết về cảnh xuân tươi mới đất khách trên đường Bắc Xứ :

Giang Nam, Hồ Bắc địa tương lân  
Nhật nhật phồn hoa ký bất xuân  
Ngọc địch lâu đầu thiên thượng khứ  
Thùy dương môn ngoại họa trung nhân  
Tất bồn dục điếm khuynh phù tạo  
Ngọc thủ Hồ cơ khoái tế lân...

(Giang Nam, Hồ Bắc đất giáp nhau  
Cảnh phồn hoa náo nhiệt ba ngày xuân khó mà phân biệt  
Tiếng ngọc địch trên lầu nghe như tấu từ thiên cung  
Bên ngoài cửa dương liễu, người đẹp như tranh  
Châu sơn nơi nhà tắm đầy xà-phòng thơm  
 Tay ngọc của gái Hồ thái nhỏ gói cá...)

Nguyễn Du không sao không hồi tưởng đến ngày vui khi còn niên thiếu ở Thăng Long, được trông thấy và nghe người con gái dạo đàm "khéo trang điểm, mà y thanh, má phấn, áo hồng..." (Long Thành cầm giả ca) :

Sóng xuân dao động trong lòng người tài hoa, những muôn chuốc một cơn say cuối đời theo sắc xuân vui...  
Mà thôi !

Dục điển túc sương mưu nhất túy

Nại hà đâu dĩ bạch như ngân

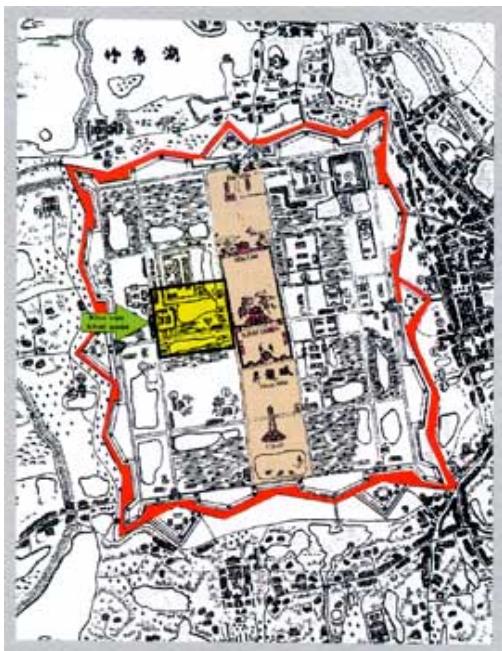
Thèm được bán áo cùu túc sương đổi một cuộc say

Làm sao được ! đâu đã trääng như ngân.

Mùa xuân của đất trời vẫn đến vẫn đi theo thời gian mà  
tinh xuân của riêng ai có khi sâu dâng, có khi rộn rã.

Ông Nguyễn Du, chỉ là những mùa xuân muộn với tình  
xuân khắc khoải. Mùa xuân trong thơ ông, từ đó, chỉ là  
xuân ly hương, xuân nhớ người xa và nỗi niềm cô đơn  
ngóng trông về quê cũ.

**Nguyễn Song Anh**



# hướng về 1000 năm Thăng Long Chiếu Dời Nô

aàng van chöông bat huü

Ngô Minh

Đọc lại Chiếu Dời Đô, tôi bỗng giật mình trước sự vĩ  
đại của một quyết sách. Từng câu từng chữ trong áng  
văn chương bất hủ này đều thể hiện thái độ vừa quyết  
đoán dứt khoát với một lý lẽ vững chắc, vừa là một lời  
kêu gọi sự đồng thuận của triều thần với lời lẽ rất  
khoan hòa, mềm mỏng.

Chuyện dời một kinh đô rõ ràng là chuyện lớn vô cùng  
trọng đại liên quan đến sự tồn vong của vương triều.  
Thế mà Lý Công Uẩn với Chiếu Dời Đô đã làm nhiều  
hơn thế, Thăng Long không chỉ là Kinh Đô nhà Lý, mà  
là Thủ đô của nước Việt Nam qua nhiều triều đại tiếp  
theo và cho đến hôm nay (chỉ có thời Tây Sơn - Nguyễn  
Huệ và Triều Nguyễn, do hoàn cảnh lịch sử, Kinh Đô  
phải chuyển về Huế 157 năm). Thăng Long - Hà Nội  
nghìn năm tuổi, là một trong ít thủ đô trường tồn lâu dài  
nhất của thế giới.

Tôi lại nghĩ về những ông vua hay người đứng đầu đất  
nước có tầm nhìn xa, rộng rông là phúc lớn cho đất  
nước. Lý Công Uẩn cũng là một ông vua như vậy. Lý  
Công Uẩn, người khai sáng vương triều Lý (1010-1225),  
khai sinh Thủ đô Thăng Long - Hà Nội, sinh ra và được  
nuôi dưỡng, giáo dục nơi cửa chùa. Năm 1009, Lê Ngọa  
Triều (Lê Long Đĩnh) của nhà Tiền Lê mất, Lý Công  
Uẩn được giới tăng sĩ và quần thần mà chủ yếu là sư  
Vạn Hạnh và Đào Cam Mộc (một vị tướng người Thanh  
Hóa) tôn lên làm vua một cách êm thấm và kịp thời,  
lấy niên hiệu là Thuận Thiên (nghĩa là "theo ý trời"),  
miếu hiệu là Lý Thái Tổ. Lập tức, chưa đầy một năm  
sau - 1010, ông đã ban Thiên Đô Chiếu (Chiếu Dời Đô)  
dời Kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La, đổi tên  
thành Thăng Long. Đó là quyết định có ý nghĩa lịch sử  
trọng đại nhất của Lý Công Uẩn, thể hiện một trí tuệ  
việt trác, thiên tài, một tầm nhìn xa vượt ngàn năm, một  
tầm lồng lo toan cho con cháu nước Việt muôn đời.  
Thời đại chúng ta cũng có những quyết định sát nhập,  
đổi tên tỉnh này nọ, nhưng chỉ hơn thập niên thôi tất cả  
lại trở về như cũ bởi tầm nhìn hạn hẹp. Ôi, một quyết  
sách của một vị Hoàng Đế mà hơn 10 thế kỷ vẫn còn  
sức trường tồn hẳn là quyết sách của trời vây!

"Chiếu Dời Đô" của Lý Công Uẩn, là chiếu lệnh, một  
lời hịch kêu gọi tự tay vua viết, ban ra để nói rõ cho  
quần thần, trăm họ biết về một quyết sách lớn của triều  
đình là Dời Đô, và kêu gọi sự đồng lòng. Đây là một  
văn kiện mang ý nghĩa vô cùng to lớn, là tác phẩm bất  
hủ xét trên nhiều phương diện văn chương, lịch sử,  
chính trị, địa lý, triết học...

**Về văn chương:** Chiếu Dời Đô là áng văn lớn, giàu  
cảm xúc và hình tượng, có trí tưởng tượng phong phú và  
có tính dự báo rất xa: "Huống chi thành Đại La... ở khu  
vực giữa trời đất, có được thế đất rồng cuốn, hổ ngồi;  
chính vị đông, tây, nam, bắc; tiện nghi phía trước là  
sông, phía sau là núi. Khu vực ấy rộng rãi, bằng phẳng;  
đất ở đấy cao ráo, sáng sủa, dân cư không bị ngập chìm  
tối tăm khổ sở, muôn vật thịnh vượng, tốt tươi..."

(CĐĐ). Không có trí tưởng tượng phong phú làm sao có được hình tượng giữa trời đất... rồng cuốn, hổ ngồi? Đó là hình ảnh lẫm liệt của Kinh Đô mới khắc vào lòng người cho đến hôm nay. Còn tính dự báo thì hẳn ai đọc Chiếu Dời Đô cũng biết, cho đến bây giờ Thủ Đô của nước Việt thế kỷ XXI vẫn là Thăng Long ngàn năm trước của Lý Công Uẩn. Theo nhà nghiên cứu Tạ Ngọc Liễn, cụ Bùi Huy Bích (1744-1818) đã chọn Chiếu Dời Đô vào công trình Hoàng Việt văn tuyển, là tuyển văn thơ cổ của nước ta "chứng tỏ cụ là nhà làm văn tuyển có con mắt rất tinh tường". Nhà văn Gia Dũng, khi biên soạn tập tuyển thơ Ngàn năm thương nhớ (tuyển thơ Thăng Long-Hà Nội 1010 - 2010) rất công phu, dày hơn 2000 trang đã xếp Chiếu Dời Đô là bài thơ đầu tiên của tuyển. Trong Lời nói đầu, Gia Dũng viết: "Chiếu Dời Đô là bài thơ đầu tiên của tổ tiên ta viết về Thăng Long- Hà Nội, và đến muôn sau, mãi mãi Chiếu Dời Đô vẫn là bài thơ đẹp nhất, hay nhất, trữ tình nhất về Thăng Long- Hà Nội". Tại sao các học giả lại gọi Chiếu Dời Đô là một áng thơ? Vì đó là áng thơ truyền được sự xúc động của Lý Công Uẩn tới người đọc ngàn năm sau về một hình tượng thơ lớn là Thăng Long "rồng cuốn, hổ ngồi" rất ám ảnh. Chính từ hình tượng thơ "rồng bay" trong Chiếu Dời Đô đó mà Lý Công Uẩn đã đổi tên thành Đại La thành Thăng Long chăng?. Nhìn thấy Đại La là đất Thượng đô của Thượng đô muôn đời cũng là một hình tượng thơ lớn, tỏ rõ cái chí vì nước vì dân của Lý Công Uẩn. (Trích dịch "Chiếu Dời Đô" - Ảnh: govap.hochiminhcity.gov.vn)

**Về mặt triết lý:** Lý Công Uẩn dựa vào để lý giải việc Dời Đô là "Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi" (CĐĐ). Mệnh trời ở đây nên hiểu theo nghĩa triết học là cái tất yếu, không thể cưỡng lại, đó cũng có thể là "sao chiếu mạng" trong lý số học, mà có thời người ta cho là mê tín dị đoan. Ở đây còn ý của dân - đó là chỗ dựa bền vững nhất của mọi triều đại. Cái gì mà dân không theo thì đừng làm. Nâng thuyền cũng là dân. Lật thuyền cũng là dân (Nguyễn Trãi). Cho nên kết thúc bài "hịch", Lý Công Uẩn viết rất "do dân, vì dân", muốn mọi người cùng chung sức làm việc lớn: "Trẫm muốn nhân địa lợi ấy để định đô ở đó, các khanh nghĩ thế nào?".

Về mặt địa lý, Lý Công Uẩn chắc chắn là người rất giỏi xem long mạch đất. Một năm trước lúc lên làm vua ông là quan nhà Tiền Lê, chức Tả thân vệ Điện tiền Chỉ huy sứ, lúc đó ông đã ấp ú, nung nấu chuyện Dời Đô ra thành Đại La rồi. Nên mới lên làm vua là ông ban Chiếu Dời Đô ngay. Những năm làm quan dưới triều nhà Đinh và Tiền Lê đóng đô ở Hoa Lư ông đã thấy được đóng đô Hoa Lư chỉ với mục đích phòng thủ, cố thủ, thiển cận, tạo cho vua quan thói quen ăn chơi hưởng lạc, không có tương lai cho vương triều và thàn

dân trăm họ. Hoa Lư là vùng đất chật hẹp và bị núi bao bọc, ra vào chỉ có một đường độc đạo. Thế thủ thì tốt thật, song không có lợi cho việc xây dựng và phát triển vương triều cũng như đất nước lâu dài. Thực tế Hoa Lư là mảnh đất không phải đất "đế đô" nên hai triều Đinh và Tiền Lê luôn trong nội bộ bất ổn, vương triều tồn tại không được bao lâu (Triều Đinh hai đời vua, tồn tại 13 năm (968-980), triều Tiền Lê ba đời vua, tồn tại 29 năm (981-1009). Theo Nguyễn Tài Thư, ở Hoa Lư, "cánh vua - tôi, cha - con, anh - em dòng họ thống trị luôn nghi kỵ nhau, ám hại nhau liên tục xảy ra. Đinh Liễn giết em là Hạng Lang lúc Đinh Tiên Hoàng còn sống, rồi Đỗ Thích là bồ tát trong cung giết cả Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn; Lê Đại Hành (Lê Hoàn) vừa mất thì ba con của ông đánh nhau, tranh nhau ngai vàng, rồi Lê Long Đĩnh giết em là Lê Long Việt mới làm vua được ba ngày để tự mình lên ngôi, rồi ăn chơi trác tán để lại tiếng xấu trong lịch sử là vua Lê Ngoạ Triều... Cảnh tượng đó khiến người nào làm vua cũng đều có tâm trạng hoang mang, phải đối phó". Từ bài học đau xót đó, khi lên ngôi, Lý Công Uẩn cho rằng hai triều Đinh, Lê là "quên mệnh trời", "cứ ở mãi trong ấp nhỏ của mình". Nhất định trước khi lên ngôi vua, Lý Công Uẩn với sự giúp đỡ của sư Vạn Hạnh, sư anh Lý Khánh Vân và tướng Đào Cam Mộc (người Thanh Hoá) đã đi thị sát Đại La nhiều lần, đã phát hiện ra mạch đất Đại La là huyệt đất "đế vương" muôn đời. "Ngắm xem khắp nước Việt, thấy đây là vùng đất có phong cảnh tốt đẹp nhất, thực là nơi trọng yếu cho bốn phương hội tụ; là đất Thượng đô của Thượng đô muôn đời". (CĐĐ), nên ông quyết tâm Dời Đô ra đó. Và quyết định đó là chính xác tuyệt đối.

Bằng chứng là sự phát triển hưng thịnh của vương triều Lý sau đó. Chiếu Dời Đô là một bản văn 217 chữ Hán (dịch ra Quốc ngữ chưa đầy 300 chữ) mà nó làm nên một sự thay đổi sức mạnh của cả một triều đại và nhiều triều đại sau. Vương triều Lý do Lý Công Uẩn khai sáng tồn tại 215 năm, 8 đời vua, là một triều đại lớn trong lịch sử đất nước với những ông vua anh hùng, có công khai sáng văn hiến dân tộc, như Lý Thánh Tông (1054-1072), Lý Nhân Tông (1072-1128); với những nhà quân sự, chính trị kiệt xuất: Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành... Rồi tới các triều nhà Trần, nhà Hồ, nhà Hậu Lê đều làm nên những chiến tích lẫy lừng. Triều Lý phát triển mạnh về kinh tế, chính trị, văn hóa, ngoại giao: Xây dựng Kinh đô, thành quách khang trang, xây dựng các công trình thủy lợi, đê điều, phát triển nghề dệt, nghề gốm đạt tới đỉnh cao. Ngoại thương phát đạt. Vận Đồn trở thành thương cảng quốc tế có nhiều tàu buôn Xiêm La, Giava, Tam Phat Tè (Palembang)... vào ăn hàng tấp nập... Triều Lý mở Quốc Tử Giám, lập chế độ đại học, mở khoa thi chọn nhân tài, chăm lo cho người già yếu... Với một đường lối đối ngoại vừa khôn khéo, vừa cứng cỏi, vương triều Lý đã được nhà Tống phong Bắc nể trọng, lãnh thổ đất nước được bảo vệ

chắc chắn, toàn vẹn. Thực tế thì biên giới đông bắc nước ta trải qua ngàn năm, từ triều Lý đến nay không nhiều thay đổi - một đóng góp lớn của vương triều văn trị võ công bậc nhất lịch sử dân tộc. Và trong lịch sử văn minh Việt Nam, có thể coi vương triều Lý đã trở thành vương triều mở đầu kỷ nguyên văn minh Đại Việt. Và Kinh đô Thăng Long quả là cái nôi lập nghiệp đế cho muôn đời.

Tương truyền rằng, sở dĩ Lý Công Uẩn di Dời Đô sớm là do có điềm lành báo hiệu. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử ký Toàn thư viết rằng: "Lý Thái Tổ dấy lên, trời mở điềm lành hiện ra ở vết cây sét đánh. Có đức tất có ngôi, bởi lòng người theo về, lại vừa sau lúc Lê Ngọa Triều hoang dãm bạo ngược mà vua (Lý Thái Tổ) vốn có tiếng khoan nhẫn, trời thường tìm chủ cho dân, dân theo về người có đức, nếu bỏ vua thì còn biết theo ai! Vua nhân mệnh sâu sắc, lặng lẽ, Dời Đô yên nước, lòng nhân thương dân, lòng thành cảm trời, cùng là đánh dẹp phản loạn, Nam Bắc thông hiếu, thiên hạ bình yên, truyền ngôi lâu đời, có thể thấy là có mưu lược của bậc Đế Vương...". Chuyện "điềm trên cây sét đánh", hay khái niệm TRỜI mà nhà sử học nói ở đây là một cách tôn vinh Lý Công Uẩn là CON TRỜI, bởi vì không Con Trời làm sao mà thông minh, tài giỏi tới mức có Chiếu Dời Đô tầm nhìn xuyên 10 thế kỷ!

Với Chiếu Dời Đô, Lý Công Uẩn đã tạo dựng cho nước Việt Nam một Thủ Đô bền vững, trường tồn. Kinh đô Thăng Long chia làm 2 khu vực: Khu vua ở và thiết triều gọi là Thăng Long Thành và khu dân cư nơi làm ăn buôn bán của mọi tầng lớp sĩ nông công thương, dân quê gọi là phố Kẻ Chợ, vì mỗi phố sản xuất và bán một thứ sản vật nổi tiếng. Khu dân cư này cũng có thành bao quanh, gọi là Thăng Long ngoại thành. Cả hai khu vực này được tổ chức thành một đơn vị hành chính, gọi là phủ Ứng Thiên. Đến năm 1014 đổi là Nam Kinh. Sang đời Trần đổi là Trung Kinh, có 61 phường. Đến đời Lê, mới tổ chức lại thành 36 phường. Đến đời Hồ gọi là Đông Đô. Đến thời nhà Hậu Lê, sau chiến thắng quân Minh, đổi thành Đông Kinh. Đến năm 1831, thời Minh Mạng, cái tên Hà Nội mới ra đời, gồm 4 phủ: Hòa Đức (tức Thăng Long cũ), Thượng Tín, Ứng Hòa, Lý Nhân. Thăng Long - Hà Nội - Thế đất "rồng cuốn hổ ngồi" ấy dẫu có nhiều giai đoạn bị ngoại bang chiếm đóng, vẫn luôn đốt cháy trong trái tim người Việt. Trải 500 năm, từ thuở theo Chúa Tiên Nguyễn Hoàng mở cõi phương Nam, trong trái tim những người chiến binh luôn luôn đau đớn nhớ Thăng Long - Hà Nội: Từ thuở mang gươm đi mở cõi / Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long (Huỳnh Văn Nghệ)...

**Ngô Minh**



## Ngàn Năm Thăng Long

Đêm nay Hà Nội nhớ Thăng Long  
Nhớ thời Vua Lý thêm đau lòng  
Năm mươi tư Rồng rời nước mắt  
Tiền dân miền Bắc ra biển Đông

Tết Mậu Thân đỉnh cao tội ác  
Gia Hội chôn sống Huế diêu tàn  
Khe Đá Mài Phú Thứ Đồi Cát  
Thương xót dân Rồng cũng chịu tang

Sau Đà Nẵng Sài Gòn thất thủ  
Di tản vào châu thổ Cửu Long  
Bảy mươi lăm Rồng không về nữa  
Bay với thuyền nhân ra biển Đông

Đại La thành dựng tượng Lê Nin  
Bá Bạch Quân Thủ Đức hành hình  
Ven sông Hồng dân oan dối khổ  
Rời Hoa Lư về núi Chí Linh

Nam Quan mất Chi Lăng bỏ ngỏ  
Bát men Ngọc Lý cống Bắc triều  
Hà Hồi im tiếng trống Ngọc Lũ  
Bản Giốc thác buôn nghe quốc kêu

Lê Chiêu Thống thờ trong Văn Miếu  
Mưa Hồ Gươm mặn cát Hoàng Sa  
Sóng Bạch Đằng khóc voi Trưng Triệu  
Cao Nguyên rước Mã Viện vào nhà

Bịt mắt bưng tai giam tiếng nói  
Uốn bút đeo lưỡi giả bồ câu  
Tẩy não buộc con người gian dối  
Vệ binh Mao quý hơn đồng bào

Ai rao bán trẻ con phụ nữ  
Thế giới nhìn Việt Nam hôm nay  
Xuất cảng lao nô đảng tì phú  
Quan tham ô bắt dân kéo cày

Án tù chồng chất tội yêu nước  
Công lý phi nhân luật bạo quyền  
Phá nghĩa trang đấu tố liệt sĩ  
Địa ngục chết còn muối dựng lên

Gió đông buốt lạnh từ Thanh Cẩm  
Hỏa Lò nóng cháy rừng U Minh  
Long Khánh Hòn qua Suối Máu  
Ba Sao Thanh Liệt tới Hoàng Liên

Từ chốn lưu đày nhớ Thăng Long  
Bà Huyện Thanh Quan cũng đau lòng  
Nhớ bạn tù chết trong ngục tối  
Nhớ người thân mất tích biển Đông

Từ Ngô Quyền tới Trần Hưng Đạo  
Bao thế hệ bồi đắp cõi bờ  
Có Lê Lợi Nguyễn Trãi Nguyễn Huệ  
Và Nghĩa Sĩ Việt Nam Tự Do

Trương Định Đề Thám Phạm Hồng Thái  
Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu  
Nguyễn Thái Học Cô Giang Cô Bắc  
Nguyễn An Ninh và Tạ Thu Thủ

Nguyễn Trung Trực Kiên Giang Nhựt Tảo  
Ngụy Văn Thà chết cho quê hương  
Mơ Rồng về bay ngang quần đảo  
Mơ Gánh Hàng Hoa khấp nẽo đường

Cǎo thơm hương sắc vươn Văn Hiến  
Chu Văn An và Lê Quý Đôn  
Sương Nguyệt Ánh và Đoàn Thị Điểm  
Nguyễn Du Đồ Chiểu Hồ Xuân Hương

Hà Nội không chỉ nhớ Thăng Long  
Nhớ Sài Gòn Huế nhớ Hải Phòng  
Nhớ Công Nhân Thành Nghiên Thành Thủy  
Anh chị em bạn tù bất công

Bà Mẹ nói con tôi vô tội  
Khi điểm mặt đảng xã hội đen  
Uất ức biển ta ơi con viết  
Quân sát nhân thái thú ngụy quyền  
Nửa thế kỷ ngồi canh ngọn nến  
Dung nhan em có bớt hao gầy

Từ buổi kinh đô bị giặc chiếm  
Cành Nam bốn mùa chẳng đổi thay

Hà Nội con tin nhìn qua đêm  
Trăng xưa thôi chải tóc trước thềm  
Quanh Trụ Đồng công an tuần rảo  
Em ơi Chim Việt có bình yên

Đêm nay Hà Nội nhớ Thăng Long  
Biết Vua thời Lý cũng đau lòng  
Người đi dưới ánh sao Khuê đó  
Vững tin nơi Hòn Thiêng Núi Sông.

### Nguyên Hoàng Bảo Việt

## gò ĐỐNG ĐA CÒN ĐÓ

Thân tặng tất cả Thanh Niên Việt Nam

Giữa Hà Nội, ngàn năm văn vật  
Thăm Đống Đa, thù giặc Mãn Thanh  
Đây đây còn thấy mùi tanh  
Của bầy giặc dữ bạo hành Bắc phương. (1)

Đầu Nghi Đống, treo gương kim cổ  
Cháu Tiểu Bình nhớ rõ điều này  
Tinh thần Đại Việt còn đây  
Mùa Xuân Kỷ Dậu có ngày lại ghi! (2)

Biên Cao Lạng, dâng mồ Khấu Nghi!  
Đảo Hoàng Trường rải mộ quân Ngô? (2)  
Lòng tham nước lớn vô bờ  
Hoàn cầu hiện đại dừng cơ là vừa! (4)

Nòi Hồng Lạc, người ưa kẻ mến  
Thế kỷ qua danh tiếng hoàn cầu  
Thực dân, đế quốc u đầu  
Xin anh bành trướng nghĩ sâu học bài! (5)

### **Hoàng Duy**

#### **Chú thích:**

(1). Thăm Đống Đa nhớ giặc Mãn Thanh nhưng lại thấy mùi tanh hôi của bọn Trung cộng nay.

(2). Ngày xưa Đầu Nghi Đống đã treo nơi Gò Đống Đa xin con cháu Tiểu Bình nhớ cho rõ. Chiến thắng Kỷ Dậu còn đây và có thể ghi lại trong thế kỷ 21 này!

(3). Cao Lạng là Cao Bằng và Lạng Sơn nơi quân Tôn Sĩ Nghị đại bại chết chôn không xuể. Đảo Hoàng Sa và Trường Sa có thể là mộ của quân bành trướng nay.

(4). Ngày nay phải biết hạn chế lòng tham lam dừng tay lại là vừa.

(5). Núi Hồng Lạc đã viết lên những trang lịch sử chói lọi của hiện đại. Anh học kỹ lại bài học xưa và nay đừng để phải u đầu như thực dân và đế quốc.



# nếu, nếu ngày ấy...

Võ Thị Diêm Đạm

nếu, nếu ngày ấy... Minh dặn chị:

Chút trưa có người hứa đến nhà để coi miếng đất Vũng Tàu. Em phải đi quận Bảy lo cho xong thủ tục sang tên căn nhà ở Phú Thạnh Mỹ, ... lần này không để mất một cách vô duyên nữa. Tụi nó chỉ thừa chút sơ hở của mình là nấm ngay cơ hội trở giọng. Chị tiếp khách dùm em được không?

- Được. Nhưng Thuận phải biết một số chi tiết cần thiết để nói chuyện với khách.

- Địa thế miếng đất, chị đã thấy hôm chị ra Vũng Tàu. Giấy tờ trong tập hồ sơ, giá cả thì em ghi đây. Chị tùy cơ ứng biến, khơi đầu là giá vòng viết xanh, không dưới giá đã được vòng viết đỏ này. Vấn đề chi phí sang tên thì chia hai, mình lo được chuyện này vì em có vài quen biết khu vực đó. Còn nếu họ tự lo được thì giảm năm triệu, tùy trường hợp, có thể họ thấy lời, có quen biết thì rẻ và nhanh.

- Có phải nói trắng thành đen, đỏ thành xanh... cái này là Thuận không làm được à nhen.

Minh nhìn người chị, năm mươi tuổi, ở cái tuổi có người đã làm sui gia mà còn hỏi một câu ngơ ngẩn như thế. Chị này ngày xưa cũng đã từng buôn bán chợ trời, chạy hàng thuốc Tây mấy năm ngoài Trương Công Định. Qua Đức hơn hai mươi năm hình như chị khờ ra. Rồi Minh lại cười thầm. Nhưng biết đâu cái thật thà được

điểm trang bằng lối nói chuyện duyên dáng chân thật sẽ là căn bản cho những giao tế kiểu này. Chỉ mong chị đừng thật lòng quá đi thôi, không hỏi mà tự khai. Thôi kệ, để chị xoay trở, biết đâu! Thật lòng là căn bản làm ăn ít ai đạt được trong thời buổi tiền trao cháo múc này. Chữ tín nghĩa ai cũng ao ước được trọng dụng nhưng không mấy ai dùng tới.

Minh trả lời nửa thật nửa đùa:

- Đen thành xám, vàng thành cam... đủ rồi... nói chứ, có sao nói vậy là tốt nhất, được giá em đã ấn định là mình cũng lời nhiều lắm, trên càng tốt.

- Thuận cũng sẽ không nói xám thành trắng, hồng thành đỏ đâu nhá, hỏi gì nói đó, không tự khai tự tố là được rồi chớ gì. Ông này mua đất để cất nhà ở?

- Theo như nói chuyện qua điện thoại thì ông định cất nhà nghỉ mát. Chắc thuộc loại khá giả, gia đình đâu ra đó mới nghĩ đến chuyện xây nhà nghỉ mát. Nhưng không biết khá giả kiểu nào đây.

- Sao vậy? Người Nam hay Bắc?

- Lúc này, bị dân Sài Gòn cạnh mặt, dân Bắc giả giọng Nam để giao thiệp làm ăn cũng nhiều lắm. Biết đâu mà lường. Hy vọng ông thuộc dân chí thú làm ăn, gầy dựng cơ nghiệp bằng trí óc bằng đôi bàn tay.

- Sao vậy?

- Gặp dân này, họ chắc chịu từng triệu nhưng kinh nghiệm cho thấy họ đáng tin cậy, dễ giao tế hơn. Dân ngồi không hưởng lộc, dân gốc bự ăn chặn ăn bớt của nhân dân, đơn vị tiền bạc của họ là dollar Franklin và cây, em ngán lắm. Khi họ muốn, giá nào họ cũng mua, sơ hở là họ trở giọng, có cơ hội là họ lật lọng, có kiện thì vác đơn ra Hà Nội mà kiện. Gặp toàn thứ dữ, toàn con cháu bí thư, họa mang vào thân. Dân này khôn lắm. Lúc đầu giao tế, không bao giờ nhắc đến gốc đảng chân bí thư của chú của bác. Đến chừng gặp chuyện, họ đưa lý lịch ra, mình chỉ có nước năn nỉ cho được thua s服. Phải gặp mặt, nói chuyện thì mới dễ phán đoán, mới tùy cơ ứng biến. He... he... đây là lúc chị thử tập vào con đường làm ăn ở kỷ nguyên mới của Việt Nam mới. Hy vọng ông này thực lòng muốn mua.

- Không sao, để Thuận câu khách cho, bảo đảm ông sẽ trả lại lần nữa, chừng đó là do Minh quyết định giá cuối cùng.

- Chị đừng lo. Chuyện buôn bán nhà đất phải qua lại cả chục lần mới xong. Quan trọng là ấn tượng giao tế lúc ban đầu. Tin được nhau thì buôn bán dễ lắm. Tiếc là con người ở đây đã bị tiêm nhiễm tính nghi ngờ từ hồi nào không ai hay biết. Anh chị ở nước ngoài về, lòng tin người còn tràn đầy.

- Minh coi, Thuận về lần này là lần thứ năm, Thuận đâu có bị ai lừa lần nào đâu. Thuận già đầu rồi mà cứ bị má dặn dò thế này, Minh nhắc nhở thế kia.

Minh cười cười, chọc chị:

- Chị bị lừa mà không biết hay không quan tâm tới, thế mới hay, thế mới đáng sống. Chị không bị phân tâm, không bị bức bối vì ai đó qua mặt, ai đó không thật lòng cho nên chị sống nhởn nhơ yêu đời. Cái hay của anh chị sống lâu năm ở nước ngoài là thế đó, đáng để tụi em học hỏi. Em không hiểu xã hội ở Âu Mỹ như thế nào, sinh hoạt bên đó ra sao, chứ em thấy anh chị, xin lỗi nhen, hiểu người nông cạn lắm. Không, không... em dùng chữ nông cạn không đúng lắm. Phải nói là tin người mà không ngó trước ngó sau.Thêm vào tấm lòng thông cảm dễ dãi đôi khi người ta tưởng mình khờ. Phải nói là... gì nhỉ... là anh chị nhìn được những mặt tốt của mỗi người, nhìn người bao dung hơn. Hay là tại đời sống đầy đủ quá.

- Minh nói vậy không đúng. Như vậy có nghĩa là chỉ người giàu có đầy đủ mới biết trọng chữ tín, biết tin người, biết yêu người sao. Xã hội tạo nên con người đó Minh. Sinh hoạt xã hội Âu Mỹ được đặt trên nền tảng ý thức và tín cẩn. Guồng máy chạy đều, chạy nhanh là do đa số biết có tinh thần trách nhiệm và tương đồng.

- Chà, ý thức và tín cẩn, trách nhiệm và tương đồng, mấy chữ này khó tìm thấy ở Việt Nam mình bây giờ lắm cho nên guồng máy xã hội từ công đến tư chạy cà giụt cà tang, nghi ngờ nhau, tìm khẽ hở để lợi dụng, chụp giụt... làm đời sống hàng ngày không tìm được giây phút thoả mái.

- Ngày xưa, qua phim ảnh, sách báo, mình thường chê con người của xã hội Âu Mỹ chỉ biết chạy theo vật chất, hời hợt bè ngoài. Sống trong lòng xã hội đó, tiềm nhiễm văn hóa đó, qua văn chương sách báo, dần dần Thuận mới thấy cái của cải vật chất không là đích sống của rất nhiều người, đời sống nghiêm túc về những giá trị tinh thần. Về đây, thấy đời sống quay nhòng nhòng, không ai tin ai, Thuận ngán oán là ngán. Coi bộ ý tưởng về Việt Nam đương già hơi bị lung lay, Thuận sợ hoặc là mình bị lôi cuốn theo hoặc là mình bị loại bỏ. Thôi, Minh đi công chuyện đi.

- Bỏ bùa ông này nhen chị Thuận.

- Già rồi Minh ơi!

- Em không nói sắc đẹp, em muốn nói sự thật lòng, tạo niềm tin từ khởi đầu là đầu mối thành công trong những vụ mua bán của mình đó mà.

Cửa tiệm bán vật liệu xây dựng, trang bị nội thất nằm trên một trong những con đường chính của vùng Phú Lâm, ngoại ô Sài Gòn. Xe cộ ngợp ngophil, tiếng còi inh ả không bao giờ dứt, mái che bằng vải cứng sọc xanh trắng không cản nổi cái nắng hanh hắt từ mặt lộ nhựa đen. Phòng tiếp khách nằm khuất sau mặt tiền buôn bán, hơi tối, im lìm dưới cánh quạt trần quay đều đều. Thuận thức dậy sau một giờ ngủ trưa ngắn ngủi, nhìn đồng hồ, hai giờ thiếu mươi lăm. Người muốn mua

miếng đất ở Vũng Tàu hẹn đến lúc hai giờ. Ly sữa đậu nành lạnh mát làm Thuận thức hắn. Ngồi dong đưa trên chiếc võng treo ngang ngăn phòng tiếp khách và cửa tiệm, Thuận lật coi những chi tiết về miếng đất sẽ bán để chuẩn bị nói chuyện với khách.

Hơn mười phút rồi, vẫn không thấy ai tới. Thuận rủa thầm: "Lại kiểu lề mề không bao giờ đúng hẹn. Hừm... biết bao giờ mới bỏ được thói quen kỳ cục này đây."

Tiếng xe đậu trước cửa tiệm. Thuận nhìn ra đường. Một người đàn ông bước ra khỏi xe, quay lại dặn dò tài xế vài câu, vội vã đi vào cửa tiệm. Thuận đứng dậy, vắt cái võng qua một bên, nghe tiếng người đàn ông hỏi, giọng Nam tröm phần tröm:

- Cô Minh có nhà không cháu?

Đã được dặn trước, Chung đứng quầy thâu tiền quay vô trong, kêu:

- Dì Thuận, có khách.

Rồi lẽ phép nói với ông khách:

- Chú vô nhà trong.

Bốn mắt nhìn nhau. Thuận nới bước lùi. Hình như người đàn ông cũng bất ngờ đứng lại, từ ngoài nắn chói bước vào khung cửa hơi tối, căn phòng như mờ hơn.

Định tâm, hơi im lặng trong bõ ngõ. Nén lời thốt, ráng giữ lại bình tĩnh, Thuận đưa tay ra. Người đàn ông hơi chút ngần ngại vì lối chào này, nhưng cũng bắt tay, giữ tay Thuận lâu hơn, hỏi:

- Chị... cô... hơi quen quen.

Bản tính nghịch ngợm cố hữu trở lại không báo trước, không phân biệt tuổi tác, bụng nhủ lòng: "Đúng hắn!" Thuận trả lời:

- Sáu điểm.

Ánh mắt người đàn ông sáng lên, chung cuộc vui, người đàn ông nói tiếp:

- Cao Đẳng Mỹ Thuật?

- Bảy điểm.

- Em của Bình học bên Luật?

- Tám điểm.

- Nhà ở gần Cầu Bông, Đa Kao?

- Chín điểm. Chấm dứt. Chào anh Dũng.

- Cô còn nhớ tên tôi! Để coi, đúng ba mươi mốt ba mươi hai năm rồi còn gì. Khá lăm, khá lăm, hân hạnh lăm thay. Mười điểm. Không cho tôi cơ hội đạt điểm mười sao? Không ngờ, không ngờ... tôi có hẹn với cô Minh để bàn mua miếng đất ở Vũng Tàu mà.

- Minh là em út của tụi này. Nhà dọn ra đây từ sau bảy mươi lăm. Böyle giờ anh Dũng còn dám mua miếng đất này nữa không?

- Sợ ai mà không dám. Nhưng chuyện mua đất phải dẹp qua một bên. Böyle giờ tôi muốn hỏi thăm Bình, thăm Thuận.

- Hồi đó Thuận có quen anh Dũng đâu mà đòi hỏi thăm Thuận.

- Tôi có gặp Liên, bạn thân của Bình. Thuận nhớ chị Liên ở Hốc Môn không? Liên kể là chị em nhà Bình đi vượt biên hết rồi, Hai chị em Bình và Thuận đều có chồng Đức, chỉ còn người em út ở lại với hai bác thôi. Bình có về thăm Việt Nam với Thuận không? Sao, ông xã đâu, Thuận về Việt Nam một mình à. Hai bác còn khoẻ không? Cho tôi chào hai bác, mặc dù ngày xưa...

- Ha... ha... ngày xưa. Ờ há, xưa quá rồi. Để coi, anh Dũng hỏi gì mà hỏi một hồi dài, để từ từ Thuận trả lời. À, Thuận về với cả gia đình đó chớ. Nhưng ông xã và các cháu về lại Hamburg trước, để Thuận được có hai tuần gần gũi với má, tự do với má đó mà. Hừm... về Việt Nam, rồi về Hamburg... không biết nơi nào để gọi là về cho đúng đây... Ba Thuận...

Thấy hai cậu đứng bán hàng và Chung ngồi quầy thâu ngân tò mò ngóng tai nghe, thỉnh thoảng quay lại nhìn vì lối nói chuyện khó hiểu của hai người, Thuận mồi

- Mời anh Dũng lên phòng khách trên lầu.

Không đợi người đàn ông, Thuận ôm ngực tập hồ sơ giấy tờ, hình chụp cuộc đất, bước những bước nhanh nhẹn lên lầu, lòng lâng lâng.

\*\*\*

Trên tầng lầu nhà hàng Thanh Thế, người đàn ông ngồi cạnh cửa sổ, nhìn xuống đường Nguyễn Trung Trực phía dưới. Tự nhiên trong tìm thức hối thúc, ông ngóng nhìn qua bên kia đường, tìm kiếm. Con hẻm rộng thông từ đường Công Lý qua thương xá Eden cạnh tiệm bán thực phẩm dành cho người ngoại quốc, người ra người vô khát是怎样的? Khi cơn mưa cuối tháng bảy vừa ráo nước.

...Lâu lầm rồi, hơn ba mươi năm không chừng, cũng nhà hàng này nhưng tầng trệt. Cửa tiệm cà phê nổi tiếng bánh paté chaud, nơi tập trung các gương mặt trẻ Sài Gòn. Bàn ghế bày tràn ra lề đường, khách ngồi đây hàng giờ để nhìn ngắm những tà áo xanh mát mắt, chấm điểm đôi giò thon, khen mái tóc chảy dài, chê dáng đi hấp dẫn... Chàng sinh viên năm thứ ba trường Luật đang ngồi nhâm nhi ly cà phê với vài người bạn sau bữa ăn sáng nhẹ. Nhâm nhi kéo dài đến gần trưa, trưa chủ nhật lầm nàng đạo phố. Ánh mắt chàng sinh viên sáng lên khi nhận ra hai cô gái vừa bước khỏi con hẻm thương xá Eden. Hai nàng xấp xỉ tuổi nhau, cũng cao gầy, cũng mái tóc dài thoát tha, gương mặt xương

xương, trông như hai chị em sinh đôi. Một cô quần pat nhung xanh lợt, áo thun trắng sọc xanh đậm. Một cô quần pat hồng phấn, áo thun trắng có hình hoa hippie lớn màu hồng trước ngực. Hai chị em Bình và Thuận, anh chàng reo lên trong lòng, vội chạy nhanh qua đường. Hai cô ngừng lại. Anh chàng rít:

- Hai chị em đi phố?

Cô mặc áo thun trắng sọc xanh đậm hình như đang bức chuyện gì đó, hơi nhíu mày vì câu hỏi vô duyên thưa thãi của anh chàng học chung ban, trả lời cùn ngắn:

- Ờ.

Xoay người, chỉ hướng quán Thanh Thế bên kia đường, anh chàng mồi:

- Hai chị em vào quán dùng nước cam, Dũng đang ngồi với mấy người bạn bên đó.

Tránh ánh mắt anh chàng đương chiếu vô mặt mình, Thuận ngó chị, chờ. Không cần hỏi ý em, Bình trả lời ngay:

- Tụi này phải về.

Bình kéo tay Thuận:

- Đi.

Anh chàngтиu nghỉ...

Và bây giờ, Thuận nhận lời đi ăn tối với Dũng. Dũng không ngờ, ba mươi mốt năm sau, người con gái đã một lần hiện diện trong những ước mơ trai trẻ còn quá rụt rè. Cũng tại nhà hàng Thanh Thế, một lựa chọn có hậu ý.

Người đàn ông tóc đã có những cọng bạc lấm tấm nơi mang tai, tần ngần nhìn Thuận:

- Nếu ngày xưa...

Thuận tiếp theo:

- ... Nếu ngày xưa anh Dũng dạn hơn chút nữa thì sẽ ra sau nhỉ.

- Anh có lại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật ở Phan Đăng Lưu Gia Định hai lần. Lần nào cũng thấy Thuận ra cổng, không ngó ngàng gì đến kẻ đang đứng dậy từ quán cà phê bên cổng trường, Thuận đi thẳng tới ngồi sau xe người bạn trai đang chờ sẵn... Anh thụt lui.

- Ô... Lúc đó Thuận không cặp với ai hết. Thuận... oan Thị Kính... lúc đó đám bạn Thuận trai gái thân nhau lắm, hay đưa đón nhau vậy thôi. Chắc bữa đó chị Bình lấy xe nên Thuận quá giang xe của Phương hay Quang đó mà. Toàn là bạn khơi khơi không hà, hổng bồ hổng bịch gì hết hả.

- Làm sao anh biết được đó là bạn khơi khơi, tưởng Thuận đã có chủ. Thuận biết anh thường dành đi đón

Bình những lúc nhóm bạn tổ chức đi chơi là vì anh muốn gặp Thuận không?

- Chị Bình có thắc mắc: "Không biết sao mà anh chàng Dũng cứ đòi đến đón tao, đưa tao về hoài. Tao biết chắc chắn là hắn ta không theo đuổi tao". Thuận có linh cảm... Thuận chờ...

- Thuận chờ! Trời ơi! Đúng là non dạ. Ngu ơi là ngu, nhát ơi là nhát. Nhưng mỗi lần đến đón Bình, anh ngừng xe trước nhà, nhìn vào tìm Thuận. Thuận thường ngồi làm cái gì đó ở cạnh cửa sổ, thấy anh, Thuận đi khuất chỗ khác, anh thất vọng quá, người đẹp bên song cửa khó tánh quá.

- Người ta mặc cỏ đó anh, tại anh cứ nhìn chăm chăm hướng cửa sổ, bàn học của Thuận, ai mà dám ngồi đó lâu. À, sao lúc đó anh Dũng biết Thuận?

- Thuận nhớ bữa trưa anh và Hoàng đến tìm Bình?

- Anh Hoàng theo chị Bình phải không?

- Thì đó, Hoàng rủ anh lại thăm Bình. Không có Bình ở nhà, còn Thuận thì trả lời nhát gừng như muốn đuổi bọn anh. Vậy mà anh mê cô nàng từ bữa trưa đó.

- Trời đất! Thuận nhớ rồi. Hôm đó mới ngủ trưa dậy, lò mò ra phòng khách tìm trong tủ lạnh có cái gì nhâm nhi cho đỡ buồn. Ai ngờ hai ông tướng đứng chầm chậm trước mặt. Con nhỏ mặt mũi chưa tinh giắc ngủ con gái pha nhiều hồng tím, áo cánh phong phanh, chưa kịp mặc áo ngực. Con nhỏ xấu hổ quá, đuổi hai ông đi cho le.

- Bởi vậy, chính gương mặt sáng tươi sau giấc ngủ trưa, chính dáng vẻ ngơ ngáo ngáo đã làm anh ngỡ ngẩn luôn từ đó. Anh theo hỏi Bình. Lần nào Bình cũng gạt ngang: "Con nhỏ đó biết gì mà hỏi đến nó, bạn bè từ chiếng, ăn nói duôn..."

- Trời, bà chị coi thường con em quá sức mà. Thuận thua chị Bình có hai tuổi chớ mấy. Vậy mà lúc nào cũng mắng Thuận lốc nhóc, duôn. Sao anh Hoàng và anh Dũng không tìm đến nhà nhiều lần nữa? Theo ai thì theo cho tới cùng chớ. Lơ lửng kiểu đó ai mà biết.

- Bình chê Hoàng thẳng tay làm anh hết dịp đến nhà tìm Bình. Có lần anh bảo Bình rủ Thuận đi chơi chung với bọn anh, Bình biếu: "Thuận nó có dám bạn của nó, đi chơi cả ngày, không thèm đi với mình đâu, rủ chi cho mắc công."

- Bà chị toàn là phá đám không hà, không tâm lý chút nào hết trơn. Sau này chị Bình có kể cho Thuận nghe. Thuận tiếc, Thuận hỏi lý do tại sao chị không cho em theo với nhóm bạn của chị. Té ra chị Bình sợ bạn bè biết là hai chị em mặc quần áo chung. Ba chị em Thuận cùng dáng vóc, cùng chịu một mốt nên quần áo giày dép, chỉ chi cũng chung hết. Bởi vậy tụi bạn lúc đó cứ trầm trồ Thuận có nhiều quần áo. Bà chị...

- Thuận tiếc? Ba mươi mốt năm, anh thường nghĩ đến Thuận, thường thắc mắc... nếu... nếu. Anh tiếc Thuận à. Anh cứ mong gặp Liên để nghe Liên kể về chị em Bình và Thuận, nhưng... không lẽ... ba mươi mốt năm Thuận à, nghĩ hoài đến Thuận, tiếc hoài.

- ... Sao anh không hỏi... sao anh không hỏi những ngày em còn không.

- Có phải chim đang trong lồng, cá đã mắc câu... Thuận, gia đình Thuận hạnh phúc?

Thuận ngã lưng dựa vào thành ghế mây, chống tay lên thành ghế, mây ngón tay luồn vào mái tóc vẫn còn bóng mượt, tránh mắt Dũng, trả lời, như trả lời cho chính mình:

- Chim tự tìm lồng, cá tự tìm câu... Hạnh phúc... hạnh phúc mỗi gia đình đều tương tự như nhau, cùng một mẫu số chung... Gia đình Thuận có chung mẫu số đó. Chim ở trong lồng nhưng chim không muốn tìm đường thoát vì chim vui với cái lồng son. Cá đã cắn câu nhưng cá không vùng vẫy tìm cách gỡ bối cá yên ổn trong hồ nước ấm.

Chỉ tay xuống hướng thương xá bên kia đường, Dũng hỏi:

- Thuận nhớ sáng chủ nhật anh chạy từ bên đây sang đường để mời Thuận và Bình vào quán khi anh thấy hai nàng vừa bước ra khỏi thương xá Eden. Nhưng chẳng cô nào chịu vào quán cả làm anh tiu nghỉu.

- Nhớ chứ. Tại chị Bình đó. Không hiểu sao lúc đó chị Bình cau có. Đúng rồi, nhớ rồi, tiệm đóng chưa xong đôi giày chị Bình đã đặt, chị đang câu, chị kéo Thuận đi, không thèm hỏi ý Thuận gì hết. Thuận muốn vào quán lăm chớ. Thuận cũng tiu nghỉu nữa

- Thuận cũng tiu nghỉu nữa! Nhiều khi anh nghĩ, nếu hôm đó hai nàng chịu theo anh vào quán thì anh có dịp quen Thuận, thì... không biết ra sao Thuận nhỉ. À, mà Thuận này.

- Chỉ anh?

- Thuận có nhớ hồi năm... hình như khoảng năm bảy tám, bảy chín thì phải, anh gặp Thuận cắp tay với một anh chàng nào đó dung dăng dung dể quanh thương xá Tam Đa. Anh chạy theo ra tới Nguyễn Huệ. Thuận biết anh nhìn theo? Thuận quay người lại nhìn anh mà, phải không, Thuận nhận ra anh phải không? Anh chàng đó biến đâu mất tiêu rồi?

- Anh Dũng ăn gian há. Anh Dũng chỉ nhớ Thuận cắp tay anh chàng nào đó mà anh Dũng không nhắc là anh Dũng đang ngồi với cô nào đó trong cửa tiệm trên tầng lầu gần cầu thang cong. Thuận nhận ra anh khi đi ngang cửa tiệm. Chị đó có biến mất tiêu rồi không?

- Không, lúc đó mới bồ, bây giờ là vợ anh, mẹ của hai quý tử và một công nương.

- Anh có con trai đâu lòng?
- Ồ, hai mươi lăm, vừa ra trường được viện Đại Học Cần Thơ nhận. Thôi gả con gái Thuận cho con trai anh đi nha.
- Ý anh muốn nói tự mình không thành thì trao duyên cho con hả. Bằng cấp con anh Dũng có thiệt không đó.
- Trăm phần trăm. Anh làm ăn chân chính. Con anh học hành đàng hoàng. Nhờ gia đình giúp vốn ban đầu, biết nắm lấy thời cơ, hai vợ chồng gầy dựng cho tới ngày hôm nay. Đồng tiền, của cải, bằng cấp các con nhà anh là do trí óc do bàn tay do mồ hôi tạo nên. Thuận nghĩ là duyên mình không thành?
- Thì anh Dũng coi đó. Ai cũng yên vui chuyện nhà. Duyên có hồi nào đâu mà gọi là duyên không thành. Mình không duyên không nợ, khỏe re, không phải rên rỉ... nếu... nếu ngày ấy mình đừng quen nhau thì ngày nay có đâu buồn đau...
- Thế sao Thuận không hát... nếu... nếu ngày ấy mình gần bên nhau thì ngày nay...
- Đâu có ai buồn đau... Ơ... cái này chỉ là thuận miệng thôi nha.
- Thuận này.
- Chi anh?
- Thuận có tiếc không?
- Không nên gọi là tiếc anh Dũng ạ. Người ta tiếc khi người ta không bằng lòng với hiện tại. Đôi lúc đi dạo một mình, để tư tưởng lang thang tìm vui với Sài Gòn thủa mộng mơ, Thuận phải tự thú là Thuận có nghĩ đến anh Dũng, thỉnh thoảng thôi nha. Thuận chỉ thắc mắc... nếu... lại nếu nữa... nếu trưa chủ nhật hôm ấy, chị Bình nhận lời anh mời vào quán cà phê dưới đây thì... hừm... có thể... có thể... con đường Duy Tân cây dài bóng mát... rồi tới đâu nữa anh Dũng nhỉ.
- Nhưng anh tiếc. Anh tiếc không vì không bằng lòng với hiện tại. Anh tiếc thời sinh viên mình không có được một mối tình để được uống môi em ngọt... uống ly chanh đường. Sau bảy mươi lăm, anh may mắn chỉ là chuẩn úy nên bị tù không hơn hai năm là ra. Gặp Thảo, vợ anh bây giờ. Lúc đó đời sống chạy gạo từng ngày, hai đứa chạy hàng chợ trời ở Huỳnh Thúc Kháng, Chợ Cũ, không chút lăng mạng, không chút thơ văn, không đưa đón, không theo đuổi. Làm ăn, gắp nhau, giúp đỡ nhau rồi tình cảm nẩy nở. Anh tiếc thời sinh viên Thuận ạ, tiếc là mình nhút nhát, mình chịu thua quá sớm. Bây giờ biết Thuận lúc đó cũng để ý đến anh, anh càng tiếc.
- Ồ, tại chị Bình hay nhắc đến anh Dũng và lúc đó anh cũng ngon lành lấm nêun Thuận mới để ý. Để coi, anh chàng sinh viên trường Luật, con nhà coi bộ khá giả, không khá giả làm sao dám ngồi Thanh Thế ăn sáng, có xe, cao ráo, có mấy ai được gần thước tám như anh, khá đẹp trai. Anh ngon lành thế mà sao lúc đó anh không có bồ? Thuận tưởng anh có bồ nên chẳng thèm ngó ngàng gì đến con nhỏ Thuận du côn nữa chứ. Anh dăng linh vô Thủ Đức chi vậy, bộ thất tình ai hả.
- Đã biểu là anh không có một mối tình thời sinh viên nào. Được thất tình thì hay biết mấy.
- Thuận này!
- Chi anh?
- Bộ mình không có duyên với nhau thật sao?
- Không duyên cho nên không nợ.
- Thuận còn nợ anh. Anh có còn nợ em không?
- Nét xúc động hiện rõ trên gương mặt người đàn ông vừa qua tuổi năm mươi hơi phinh phính vì dư thừa bia thịt. Đôi mắt không còn to tròn, không còn trong, nhìn đắm đuối người thiếu phụ bên kia bàn. Ông đã thốt ra lời, tuổi đời đã cho ông sự dạn dĩ, đường đời thành công đã cho ông niềm tự tin. Ông với nắm bàn tay deo chiếc nhẫn vàng mười tám nơi ngón tay áp út để hờ hững trên bàn như mồi gọi. Những ngón tay mảnh dẻ được điểm trang kín đáo bằng lớp sơn màu hồng da bóng lợt thật lợt, bàn tay có những đường gân xanh và lớp da có nhiều đường ngang dọc, để yên, bởi chỉ cần một nhích động nhỏ sẽ là dấu hiệu mời gọi tiến tới.
- Đôi mắt nâu người thiếu phụ vừa tròn năm mươi, ướn ướt, mi mắt không còn hàng mi cong, xụp nặng theo tuổi đời, chớp nhanh. Quay nhìn ra cửa sổ, nhìn xuống đường. Cơn mưa cuối tháng bảy đổ xuống lúc nào cả hai đều không để ý. Đèn đường đã lên từ lâu, chỉ còn vài chiếc Honda ráng đội mưa, chạy nhanh, nước văng tung tóe.
- Cũng khúc đường này, cách đây ba tuần, buổi tối mưa hoài không chịu ngưng. Thuận ngồi phía sau, vòng tay ôm bụng Harald, dựa đầu vào lưng chồng trong chiếc poncho được trùm phủ cho cả hai. Thuận thích chí cười dòn vì Harald nghe lời xúi của vợ, phá luật đi đường, lên ga chiếc Dream, phóng nhanh, băng qua ngã tư Lê Lợi-Nguyễn Trung Trực, lạng một đường tài tử, queo trái, hướng về đường Tự Do cho kịp buổi hòa tấu ở nhạc viện quốc gia.
- Thuận rút tay, nói nhỏ:
- Anh Dũng cho Thuận về.
- Còn sớm Thuận, anh đã đặt vé coi hòa nhạc.
- Như vậy khuya lắm... hi...hi...nghe như hồi còn trẻ... sợ ba la! Nói chứ, Thuận muốn về.
- Chừng nào em về lại Đức?
- Sáu ngày nữa.
- Sáu ngày nữa! Phải chi anh hẹn đến nhà gấp cô Minh sớm hơn thì được gấp....

- Thị chừng đó chưa chắc Thuận có nhà... Trời an bày  
hết rồi anh Dũng ơi.

\* \* \*

Nhin bình hoa hồng trăng trên bàn sa-lông, cành phong lan trăng ửng nhụy vàng nhẹ trên bàn phấn, lòng Thuận vui vui. Cảm giác được lưu tâm, được chiều chuộng từ một người khác phái sống lại. Taxi đón, taxi đưa về, hoa mỗi ngày, bàn ăn khăn tím thắm trong phòng kín đáo, thính phòng ấm cúng chứa không quá hai mươi người chỉ chơi nhạc trước bảy mươi lăm, xiết vai, đôi môi mơn man trên tóc mượt, hơi thở thoảng mùi rượu thơm...

Người đàn ông vừa quá năm mươi, đường đời thành công, sẽ tiếp tục thành công, gia đình êm ấm, mang nhiều dự tính cho các con, cho vợ chồng những ngày không còn làm việc. Người đàn ông sống đời gương mẫu đúng như ao ước của đa số đàn bà. Bên cạnh đó, ngon nến thời trai trẻ thỉnh thoảng lóe lên, tạo nên những ước mơ nhỏ không thành hình. Gương mặt những người bạn thời áo trăng, thời vừa biết nằm rồng; hình dáng những tà áoutherford tha, miệng cười dòn dã, ánh mắt liếc nhanh, đưa đến những nuối tiếc mong mơ. Và bây giờ, gương mặt tươi sáng ngày nào đã từng hiện trong giấc mơ thời xưa trẻ, bất chợt hiện diện, rực rỡ mà nhói đau, nắm được đó mà tưởng chừng như không thực. Bản năng chinh phục sống dậy, hối thúc, mạnh dần, hối hả, sợ, sợ không còn cơ hội, sợ đáng mất lần nữa.

Người thiếu phụ sống yên vui với gia đình, yên vui với hạnh phúc mù mờ không thể đếm trên đầu bàn tay, hạnh phúc mờ mờ len lỏi phủ bao đời sống hàng ngày nên người nhận không quan tâm tới. Người thiếu phụ không hề bận tâm đến một hình bóng nào ngoài chồng mình từ hai mươi năm. Người thiếu phụ không còn trông ngóng một đối tượng trong những dịp họp hành, tu nghiệp... Những xúc động lặng người, những nôn nao làm ngày giờ dài ra, niềm hân diện vì ánh mắt mơn man dõi theo sau lưng... mất dần theo thời gian vì những lo toan bận rộn với gia đình nhỏ bé ấm êm, với con cái; nay đột ngột trở lại, ngập dần, ngập dần từ mấy ngày nay. Bản năng người nữ muốn được bị chinh phục đến quá nhanh không lường trước được.

Người đàn ông tìm kiếm những thiếu vắng thời trai trẻ. Người thiếu phụ tìm kiếm những thiếu vắng cho tâm hồn tha hương bên cạnh người chồng không cùng chia sẻ bài hát xưa, con đường cũ. Hai người tìm về con đường Duy Tân dài bóng mát đã một lần không bước chung nhịp. Mỗi ngày là một hối hả. Mỗi ngày là một dẵn co. Ánh mắt người thiếu phụ chợt tối. Ánh mắt người đàn ông dão nhanh. Người thiếu phụ rút tay tránh né. Người đàn ông thở dài lặng yên. Với tay là tối dầu biết không bao giờ nắm được. Hẹn hò là gật đầu dầu không biết có giữ được lời. Rất hiểu nhau nên rất đớn đau. Như đứa trẻ thơ thèm thuồng bước tới, cố với chụp

viên kẹo hồng thơm ngon dầu biết lớp gai nhọn đang nằm trên nền nhà.

\* \* \*

Ngắm dáng mình trong tấm gương lớn nơi bàn phấn, Thuận vỗ vỗ phần bụng lay động vì lớp mỡ dày. Xoay người ngắm bên hông, ngắm đường mông nét ngực, Thuận than thầm: Hừm... Thót bụng lại, thẳng lưng, ngực vươn thẳng... Hừm... không khá nổi... chán mở đori. Nghiêng qua nghiêng lại, ngắm tối ngắm lui, lắc đầu lẩm bẩm... áo đầm thì không thấy eo đâu cả, jupe thì coi đồng đanh quá, áo dài thì chường cái phần bụng dưới vì lưỡi luyện tập sau ba lần sanh nên tròn như mang bầu ba tháng... hừm mặc đại cái áo đầm vàng nhạt này cho xong, cho Dũng lại đọc câu thơ... áo nàng vàng anh về yêu...

Tiếng điện thoại reo. Thuận lắng tai nghe, cái hồi hộp, cái nôn nao thời con gái trở về.

- Dì Thuận ơi, có điện thoại của Thiếu Lan gọi từ Đức.
- Thiếu Lan? Dì nghe điện thoại trên dây, Hai gác máy đi.
- Thiếu Lan đó hả, có gì không con. Bốn cha con không lên nội chơi sao?
- Má... tụi con ở nhà nội cả tuần nay, mới về để mổ ra phi trường đón má. Má nhớ mua chôm chôm nghen. Ba dành nói chuyện với má đây. Con nhớ má.
- Má nhớ các con nữa, cho má nói chuyện với ba nha.
- Vai em còn đau không?

Thuận lặng yên. Bả vai bị té vì hụt chân cách đây một tháng, hơi đau đau mỗi khi cử động mạnh. Thuận không nhớ chút gì đến cái bả vai đau, Thuận hân hoan, lòng Thuận mở rộng, Thuận quên hết... Bây giờ Harald nhắc lại... lòng Thuận chùng xuống, mắt cay cay, cố nén xúc động.

- Hallo, em còn đó không? Sao không trả lời anh?
- Ô, hết đau lâu rồi anh.
- Em uống hết thuốc anh đã dặn?
- Ơ... em quên... ơ... không cần uống cũng hết đau.
- Không được, đã căn dặn trước khi anh về lại Hamburg, rồi cũng không nghe lời. Thôi về đây đi bác sĩ khám lại cho chắc ăn. Dũng mua gì hết. Vai chưa hết đau hẳn, không có anh, ai mang ai xách cho em.

- Em mua ít chôm chôm cho tụi nhỏ.
- Dũng chiều tụi nó. Muốn ăn thì mua bên đây cũng được, mắc chút xíu ăn nhầm gì. Dũng đeo xách nặng, nghe chưa. Em coi kỹ lại vé máy bay, máy bay hạ cánh đúng bảy giờ sáng giờ Hamburg phải không?

- Dạ, em mới coi. Em mua thêm cà phê Trung Nguyên cho anh nghe.

- Đã dặn không được mua gì hết, không chịu uống thuốc là vai chưa lành hẳn. Nếu em bày đặt tay xách vai mang là anh không pha bồn nước ấm cho em tắm khi về đến nhà đâu nhé. Hai tuần nay không có em, anh với tụi nhỏ lóng ca lóng cóng, may mà về nội được một tuần, cũng đỡ. Anh nhớ em, giường rộng quá Thuận ơi. Ngày mốt em về đến nhà là anh pha cho em bồn nước tắm liền nghen. Thèm tắm bồn phải không? Nầm tắm bồn để em rửa sạch bụi bậm Sài Gòn, để mọi phiền toái Sài Gòn trôi theo ống cống trôi ra dòng sông Elbe. Cho anh tắm chung với nhé...

Nước mắt chảy dài xuống đôi gò má hơi hóp, chảy xuống đôi môi cố bám chặt, Thuận lết lại góc giường, ngồi dựa vào tường.

- Thuận, em cúp máy rồi hả?

- Kh...ô...ng... anh, e...m....

- Em bị bệnh hả?

- Cảm chút xíu thôi.

- Lại cảm! May là đến ngày về. Coi bộ em không ở Việt Nam được lâu. Em bị cảm lâu chưa? Chắc cũng không chịu uống thuốc. Không có anh là không xong chuyện gì hết, biết lắm. Thôi ráng đi, mai về rồi. Còn một ngày nữa, ráng ăn hàng cho nhiều nha. Anh cúp nghen. Cho anh gởi lời thăm má và dì Minh.

Buông điện thoại, hối hả viết mấy câu trên tờ giấy, bỏ vào bì thư, dán kín, Thuận đi nhanh xuống, nói với con bé giúp việc:

- Chút nữa có taxi đến đón thì Hai nói với tài xế là dì Thuận không đi. Dưa lá thư này, biếu tài xế cứ chạy đến nơi như đã được đặt giờ, chuyển lá thư này đến người đặt taxi. Dũng để tài xế hỏi tối hỏi lui gì hết. Cứ bảo là dì Thuận dặn như vậy. Dì Thuận đi ngủ. Nếu có điện thoại gọi cho dì thì bảo dì Thuận đang ngủ. Dũng đánh thức dì Thuận.

### Võ Thị Diêm Đạm

**... Hai nghìn năm Phật giáo Việt Nam là  
hai nghìn năm phấn đấu cho tâm linh  
giác ngộ và bảo vệ chủ quyền quốc gia,  
mà các triều đại Đinh Lê Lý Trần Lê là  
dấu ấn của đạo Phật trong lòng dân tộc.  
Truyền thống ấy phải được tiếp nối,  
phát huy vào đầu thế kỷ XXI này...**

(trích Thông Tư Xuân Mậu Tý 2008 của VHD)

### PHÂN ƯU

Dược tin nhạc mẫu của Đh. Nguyễn Hỷ Nguyễn Hưng Yên, Cựu Chi Hội Trưởng CH.PGVNTN Porsgrunn-Skien là:

#### Cụ Bà Huỳnh Thị Thiệm, pháp danh Trừng Bộ

Sanh năm 1928 (Mậu Thìn)

Đã tạ thế vào ngày 14.02.2010 (nhằm ngày Mồng Một Tết Canh Dần) tại Diên Khánh, Khánh Hòa, Việt Nam. Thượng thọ 83 tuổi.

Thành kính phân ưu cùng tang quyến cùng nguyện cầu hương linh Cụ Bà sớm tiêu diêu miền Tịnh Độ.

Ban Điều Hành GHPGVNTN Na Uy  
Chư Tăng Ni Chùa Khuông Việt  
Ban Trị Sự Chi Hội Porsgrunn-Skien

### CẨM TA

Gia đình chúng con (chúng tôi) xin chân thành Cảm Tạ và Tri-Ân :

Hòa Thượng Phượng-Trưởng, Thượng-Tọa Trụ-Trì, cùng Chư Tăng Ni Chùa Khuông-Việt, tại Na-Uy.

Quý Cô và Quý Phật-Tử trong Ban Trai SBạn Chùa Khuông Việt, cùng Quý bằng hữu thân thiết của cả 3 gia đình đã thiết-lễ cùng Hộ Niệm cho Thân, Nhạc Mẫu của Chúng tôi là :

**Cụ Bà : Huỳnh Thị Thiệm  
Pháp-Danh Trừng-Bộ.**

Sanh năm 1928 Mậu-Thìn.

Đã Tạ-thế lúc 10 giờ 45 ngày 14.02.2010 nhằm ngày Mồng Một Tết, năm Canh-Dần tại Diên-Khánh, Khánh-Hòa, Việt-Nam. Thượng thọ 83 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ suất kính xin quý vị niêm tịnh tha-thứ.

Thay mặt Tang Quyến ở Na-Uy:

Trưởng-nữ: Huệ-Hoàng Lê-Thị Cúc và Nghĩa tế Nguyễn-Hỷ Nguyễn Hưng-Yên.

Thứ-nữ : Lê-Thị-Hồng và Nghĩa tế Thiên-Phát Nguyễn Văn Giàu.

Út-Nữ Nguyễn-Khôi Lê-Thị Xuân-Hoa và Nghĩa tế Như-Lực Nguyễn-Anh Tuấn

Cùng Cháu, Chắc Ngoại tại Na-Uy

### ĐỒNG BÁI TA



# hãy cùng tôi giúp đỡ các em mồ côi sau cơn lũ

Hôm ấy tôi biết được tin “Phú Yên chìm trong nước lũ”, cũng là ngày tôi được làm quen với trang báo Phú Yên. Đọc những bài tin được liên tục gởi lên mạng, nước mắt tôi cứ theo từng hàng chữ chảy dài, theo mỗi nguồn tin mới. Tôi theo dõi tin tức hằng giờ. Những vấn đề chết chóc, thiệt mạng vì chiến tranh, vì thiên tai xảy ra hầu như hàng ngày trên thế giới, tôi đau lòng khi nhìn thấy những hình ảnh ấy, nhưng chưa bao giờ tôi cảm nhận được cái nhói đau mà xoáy đến tim gan tôi như lần này, khi đọc tin cơn bão số 11 và lũ dữ đang xảy ra trên miền Trung quê hương thương yêu của tôi.

Lũ đi rồi để lại bao tan thương, bao cảnh màn trời chiếu đất. Bao nhiêu tài sản của người dân bị lũ cuốn trôi. Bao nhiêu người đã nghèo sau cơn lũ lại càng nghèo thêm. Nghĩ đến sự mất mát của người dân Phú Yên mà đau lòng, nhưng càng đau hơn là hoàn cảnh của các em bị mất hết những gì quý giá nhất trên đời. Các em trở thành mồ côi sau cơn lũ, và cả ngôi nhà thân thương cũng không còn nữa. Bao ngày trong đầu tôi lâng lâng niềm xúc cảm. Tôi đóng góp tài chính với khả năng của mình và tham gia vào các tổ chức gây quỹ cứu trợ. Nhưng lòng vẫn cứ nghĩ đến “rồi đây cuộc sống và tương lai của các em sẽ ra sao”. Tôi ước mơ được một lần về thăm lại quê hương để thỏa lòng thương cảm. Và hình như những giọt nước mắt của tôi được chứng kiến nên duyên lành mang đến. Đúng một tháng sau tôi có mặt tại Phú Yên. Đây là lần đầu tiên tôi xa đưa con 2 tuổi trong một thời gian dài.

Về lại Phú Yên, thăm những nơi bị tổn thất nặng nề tôi hiểu thêm sự tàn bạo của cơn lũ đến thế nào. Đến xã An Thạch và Xóm Trưởng, xã Xuân Quang 2, chứng kiến cảnh hoang tàn. Cả khu nhà bị lũ san bằng, hiện giờ chỉ còn nền đất trống với những viên gạch cὸn sót lại. Những bụi tre già trốc gốc nằm nghênh ngang, bao nhiêu cây dừa cũng bị nước lũ xoáy gốc nằm ẹp dưới đất, nơi đây mực nước lũ dâng cao đến 4 mét.

Đến thăm vùng biển, nơi bị thiệt hại tài sản nặng nhất sau cơn lũ. Nhiều gia đình trắng tay và nợ nần chồng chất, vì ghe thuyền bị chìm sâu dưới biển và không có bảo hiểm, nhiều đìa, lồng nuôi tôm cũng bị trôi mất. Nhiều bác ngư dân thôn Vạn Phước, Sông Cầu tâm sự “muốn gượng dậy theo nghề nghiệp là một vấn đề khó khăn đối với chúng tôi. Tuy nhiên cả làng này vẫn còn may mắn là giữ được mạng sống và mọi người được bình an sau cơn lũ. Chỉ tội nghiệp cho những gia đình mất người thân”.

Cảnh chứng kiến mất người thân đối với nhiều người là một sự khủng hoảng tinh thần, mà có thể bám theo con người suốt cả cuộc đời. Cách đây 8 năm, trong dịp tìm tài liệu cho bài luận án tốt nghiệp tôi viếng thăm các làng SOS nuôi trẻ mồ côi tại Việt Nam. Sau một tuần gần gũi các em, đến ngày chia tay các em vẽ tranh tặng tôi. Nhiều bức tranh rất đẹp, nhưng có một bức vẽ làm tôi thắc mắc, mà câu trả lời làm tôi thương tâm và nhớ mãi. Trong tranh vẽ có dòng nước, có mái nhà, có hàng dừa, và một chú mèo. Tôi nhìn bức tranh khen em vẽ đẹp, và vui miệng hỏi: “Sao con mèo lại đứng trên nóc nhà, mà em không đặt nó dưới đất?”. Tôi thấy nét âu sầu ẩn hiện trên khuôn mặt em, trong lúc em trả lời “vì em sợ mèo bị nước cuốn trôi”. Khi hỏi ra mẹ em mới kể cho tôi nghe về cuộc đời em. Em bị mất cha mẹ và người thân trong một cơn thiên tai lũ lụt, nhà chỉ còn mình em sống sót. Em được nhận vào làng SOS sống cùng những trẻ khác cũng có hoàn cảnh tương tự như em, và được mẹ SOS nuôi nấng, an ủi, động viên và cho em tình thương trong cuộc sống. Nhiều năm vậy mà những gì em chứng kiến vẫn còn in mãi trong trí nhớ. Điều này chứng tỏ cho ta thấy những mất mát lớn lao trong cuộc đời in mãi trong tim thức và phủ cả đời người.

Đa số các em mồ côi ở Phú Yên lúc trước có cha mẹ làm nghề nông và ở các nơi thuộc vùng sâu, vùng xa. Mỗi em mỗi cuộc sống khác nhau, nhưng có nhiều điểm rất giống nhau. Các em là những mảnh đời mồ côi. Các em đều ước mong được tiếp tục một cuộc sống tốt và các em đều mơ ước được học đến nơi đến chốn. Tiếc thay câu lá lành dùm lá rách hình như không thể thực hiện trong hoàn cảnh này. Đối với những nơi bị lũ tàn phá thì ai ai cũng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Bà con, hàng xóm thương nhau họ chỉ có thể an ủi nhau để vượt qua đau thương mất mát. Họ có thể giúp nhau thoát cảnh ngặt chữ chẳng ai giúp được nỗi nghèo, và

có thể thay cha mẹ của các em nuôi nấng cho ăn học đến nơi đến chốn nếu không có sự tài trợ về vấn đề tài chính.

Thời gian qua nhanh, mọi sự kiện xảy ra trên đời rồi ngắn dài cũng theo thời gian đi vào lịch sử. Cũng như cơn lũ lịch sử Phú Yên, tin tức hôm ấy làm chấn động bao người Việt trong và ngoài nước, những hình ảnh hôm nay gây bao nhiêu sự chú ý, sự quan tâm. Nhưng đối với những người không bị ảnh hưởng của cơn lũ thì những tin tức nóng bỏng ấy rồi cũng từ từ theo thời gian đi vào quên lãng. Vì thế với bài viết này tôi mong được níu kéo dài sự chú ý và quan tâm vì có những mảnh đời cần sự quan tâm và trợ giúp. Đó là các em mồ côi sau cơn lũ.

Con người không thể ngăn được thiên tai, cũng không thể hoá những gì đã xảy ra trở lại, nhưng với những tấm lòng tốt của con người có thể nâng đỡ các em trên bước đường gập ghềnh của tuổi thơ, và tình thương của con người có thể ngăn chặn những cơn bão lòng tiếp tục phủ lên cuộc đời các em. Hỡi những tấm lòng hướng về cơn lũ, xin hãy góp sức cho các em được một tương lai tươi sáng hơn để nỗi đau được giảm bớt phần nào trong cuộc sống, và bồi đắp lại nỗi bất hạnh, nỗi mất mát lớn lao trên bước đường chập chững vào đời.

Có hai cách chuyển tiền trợ giúp. Cách thứ nhất các nhà hảo tâm có thể chuyển trực tiếp đến số tài khoản của các em. Cách thứ hai trường hợp các nhà hảo tâm muốn trợ giúp với một số tiền nhỏ trong thời hạn lâu dài, hoặc cho chung thì xin quý vị liên lạc với tôi qua số điện thoại 004745066442 hoặc email diepkn@hotmail.com rồi chúng ta sẽ cùng nhau giúp đỡ cho các em.

**Trường hợp 1:** Ba em Trương Thị Lê Huyền, 20 tuổi, Trương Trung Hưng 17 tuổi và Trương Tuấn Nghĩa 12 tuổi.

Địa chỉ nhà cũ: xóm Trường, thôn Triêm Đức, xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

**Hưng kể:** Đây là những gì còn sót lại của ngôi nhà ba mẹ em. Xung quanh có tất cả 18 ngôi nhà bị sập hoàn toàn và cả xóm có 18 người thiệt mạng. Từ chỗ chúng tôi ngồi Hưng chỉ, chị hãy nhìn về đằng trước cách đây khoảng chừng 60 mét hướng về bụi cây. Chính cây mít đó đã cứu sống em và em trai của em. Lúc ấy nước dâng cao đến 4 mét và chảy xiết, cả nhà em bị lũ cuốn theo. Em nắm chặt tay Nghĩa, hai anh em đều nhau đu chặt vào cành cây mít ấy cho đến sáng hôm sau được thuyền đến cứu. Còn ba mẹ em thì bị lũ cuốn trôi.

**Huyền tâm sự:** Sau khi về làm lễ mai táng cho ba mẹ xong em phải vào lại Sài Gòn cố gắng tiếp tục việc học. Nhưng em rất phân tâm vì cảm thấy bơ vơ. Phần thì đau buồn vì nhớ cha mẹ, phần thì lo lắng cho hai em. Căn nhà ba mẹ em giờ không còn nữa. Ba chị em đang

ở ba nơi. Hai em đang ở Bình Định. Trung ở chung với ông nội và Nghĩa ở với cô. Hai em cũng rất đau buồn. Hiện tại điều em lo lắng nhất là sợ hai em bỏ học giữa chừng vì ông nội và cô không có khả năng nuôi hai em ăn học. Em sẽ cố gắng học thành nghề rồi mai này lo cho hai em, nhưng không biết, Huyền ngậm ngùi và ngừng lại đây”.

Xin trợ giúp trực tiếp cho ba chị em Huyền:

**Chủ tài khoản:** Trương Thị Lê Huyền (91/6 đường T 8, phường Tây Thành, quận Tân Phú, TP HCM). Số tài khoản: 1904206088829 - BIC/SWIFT CODE: VBAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Trường hợp 2:** Trương Quang Tuấn, 15 tuổi

Nhà Tuấn ở cạnh nhà gia đình của ba chị em Huyền, Hưng và Nghĩa. Tuấn mất mẹ, bà ngoại và em gái trong cơn lũ vì nhà bị sập và sau đó lũ cuốn trôi. Giờ Tuấn còn ba Trương Quang Bình, 40 tuổi và chị gái Trương Thị Kim Ly, 18 tuổi. Hiện giờ gia đình Tuấn che trại ở tạm vì nhà đã bị sập hoàn toàn. Ba Tuấn sống bằng nghề nông. Ngày ngày một buổi Tuấn đến trường một buổi chăn bò phụ gia đình.

Tuấn đang học lớp 9. Ước nguyện của em là được học đến nơi đến chốn chứ không nghỉ học giữa chừng như chị Kim Ly, học xong tú tài rồi phải ở nhà vì gia đình nghèo không có điều kiện cho Kim Ly tiếp tục đến trường. Nghỉ học em phải đi xa tìm việc làm để kiếm tiền phụ ba mẹ trong cảnh sống vất vả.

Xin các nhà hảo tâm giúp đỡ Tuấn để em được thực hiện ước mơ.

**Chủ tài khoản:** Trương Thị Kim Ly (thôn Triêm Đức, xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên). Số tài khoản: 4604205012832 - BIC/SWIFT CODE: VBAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Đồng Xuân, Phú Yên.

**Trường hợp 3:** Lê Thị Ngọc, 16 tuổi

Ba Ngọc mất cách đây một năm vì chứng bệnh ung thư ngọt nghèo. Mẹ Ngọc mở quán tạp hóa tại cầu La Hai để tìm cách sinh sống và nuôi con ăn học. Nỗi đau mất cha chưa nguôi thì cơn đau mất mẹ lại phủ lên đầu cô bé. Ngọc sống trong cảnh buồn bã thất thần. Ông nội nay đã 94 tuổi, là người đang nuôi nấng Ngọc sau khi mẹ em bị lũ cuốn trôi. Ngọc đang học lớp 10. Ước mơ của em là được học thành tài, nhưng không biết kiếm tiền đâu ra để tiếp tục con đường học vấn. Xin hãy giúp đỡ em Ngọc:

**Chủ tài khoản:** Lê Thị Ngọc (Khóm 1, thôn Long Châu, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, Phú Yên). Số tài khoản: 4604205012879 - BIC/SWIFT CODE: VBAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Đồng Xuân, Phú Yên.

#### **Trường hợp 4:** Bé Hứa A Linh 9 tuổi.

Hứa A Linh sinh ra trong một gia đình nghèo khó. Em mất mẹ từ khi mới lọt lòng vì sinh khó. Từ đó bà ngoại đeo thêm gánh nặng một mình thay mẹ nuôi Linh. Lúc ấy bà ngoại cũng đã gần 70 tuổi. Bà không làm gì ra tiền, bé Linh lớn lên bằng những giọt sữa do đồng tiền của bà ngoại ăn xin, và nuôi Linh ăn học cho đến ngày nay. Mấy năm gần đây sức khỏe yếu dần vì bệnh tim bà không còn đi xin được nữa. Hiện nay hai bà cháu sống bằng số tiền trợ cấp mỗi tháng 120 nghìn đồng (6\$). Với số tiền này chưa đủ chi tiền mua gạo mỗi tháng. Hoàn cảnh hai bà cháu vốn khó khăn, sau cơn lũ lại càng ngặt nghèo hơn.

A Linh đang học lớp 3. Tuy đường đến trường đi bộ rất xa, nhưng với chí ham học A Linh là một trong những học sinh khá giỏi của lớp, của trường được bạn bè, và thầy cô giáo mến thương.

A Linh ước mong được nhận sự giúp đỡ của những nhà hảo tâm để em có điều kiện tiếp tục đến trường.

**Chủ tài khoản:** Hứa A Linh (thôn Phú Mã, xã An Dân, huyện Tuy An, Phú Yên). Số tài khoản: 4602401001833 - BIC/SWIFT CODE:VBAAVNX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Tuy An, Phú Yên, Việt Nam.

#### **Trường hợp 5:** Phan Nguyễn Thu Hồng, 11 tuổi và Phan Nguyễn Như Ngọc, 10 tuổi.

Hai cháu mồ côi cả cha lẫn mẹ sau cơn lũ. Nhà ở xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Giữa đêm khuya cơn lũ đến bất ngờ, chalendar mây chốc nước đã dâng lên đến nửa vách nhà, dòng nước chảy mạnh làm cả nhà rung chuyển. Vợ chồng anh Mỹ và chị Lạc quấn quýt tìm cách vượt ra khỏi nhà để lánh nạn. Anh Lạc vừa đưa cháu Ngọc ra khỏi cửa thì bên trong vách tường của căn nhà bị dòng lũ mạnh đánh sập và đè lên chị Lạc, còn cháu Hồng thì bị luồng nước mạnh đẩy ra ngoài cửa, cháu chụp được cây bông giấy và đu chặt vào cành cây. Thấy cảnh vợ đang đấu tranh cho sự sống, anh Mỹ vội vàng để hai cháu đứng vịn cây bông giấy trước cửa nhà rồi vào lại bên trong để cứu vợ. Trong lúc anh đang giúp đỡ vợ thì các vách tường của căn nhà đổ xuống và đè lên cả hai người. Hai cháu chứng kiến cảnh xảy ra trước mắt khóc than, và hết sức kêu la cầu cứu, nhưng chẳng ai nghe. May thay cây bông giấy nằm giữa cổng nhà. Sức mạnh của dòng nước chảy bị nén lại phần nào khi tấn vào ngôi nhà đã bị sập, thế nên cây vẫn đứng yên và không bị lũ cuốn theo.

Giữa đêm khuya mưa gió hai cháu đu trên cành cây bông giấy chống chọi với dòng nước lũ mênh mông trong 13 tiếng đồng hồ, từ 4 giờ sáng đến 5 giờ chiều ngày hôm sau có người đến cứu.

Hai cháu Hồng và Ngọc kể lại mà nước mắt rưng rưng: “Cháu nghĩ có lẽ ba mẹ tưởng hai cháu cũng đã bị lũ cuốn trôi luôn rồi”. Hiện hai cháu đang ở chung với ông bà nội, và bà nội là người nuôi dạy hai cháu. Ông bà nội nay cũng đã ngoài bảy và tám mươi. Ước mơ của hai cháu là khi lớn lên sẽ làm nghề dạy học giống như mẹ. Mỗi khi nhớ ba mẹ hai cháu cùng thắp nhang và tâm sự trước bàn thờ ba mẹ. Xin trợ giúp hai cháu.

**Chủ tài khoản:** Phan Nguyễn Thu Hồng.

Số tài khoản: 4602205009279 – BIC/SWIFT CODE: VNAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Tuy An, Phú Yên.

#### **Trường hợp 6:** Ngô Anh Kiệt, 13 tuổi.

Khi lũ ập về, nước dâng lên gần tới mái nhà cuốn trôi ông nội và mẹ Kiệt. Ba và Kiệt lúc ấy vừa leo kịp lên nóc nhà. May nhờ có người đem thuyền đến cứu kịp thời trước khi cả ngôi nhà chìm trong nước lũ. Ba Kiệt hiện đang sống trong cảnh thất thần và đau buồn vì nỗi mất mát lớn. Còn Kiệt cố né tránh đau thương gắng trở lại đến trường. Kiệt học lớp 7, em học rất chăm và ước mơ của em là được học đến nơi đến chốn. Em rất lo lắng cho gia cảnh của mình và không biết vấn đề học vấn đi đến đâu vì giờ em chỉ còn mỗi một người cha sống bằng nghề nông, với đồng lương làm thuê rất thấp. Xin các nhà hảo tâm ủng hộ Kiệt về:

**Chủ tài khoản:** Ngô Văn Cường (thôn Tân Long, xã Xuân Sơn Nam, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên). Số tài khoản : 4604205012776, BIC/SWIFT CODE:VBAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

#### **Trường hợp 7:** Biền Thị Huệ, 10 tuổi

Huệ mất mẹ lúc em mới tròn 2 tuổi. Từ đó Huệ được bà ngoại nuôi nấng, cho ăn học đến ngày nay. Nhà hai bà cháu ở cạnh bờ sông. Lũ về ngập cả nhà và cuốn trôi tất cả đồ dùng trong nhà. Hôm ấy bà ngoại đã bị nước lũ cuốn trôi, nhưng may mắn có người đến cứu kịp thời. Bà ngoại nay đã ngoài bảy mươi tuổi, theo thủy triều đào ngưu kiếm sống. Ngày ngày một buổi đến trường, một buổi Huệ ra đầm cào nghêu kiếm tiền phụ ngoại mua gạo hoặc mua thêm sách vở.

Huệ thường khóc mỗi khi ai nhắc đến mẹ, nhất là sau cơn hoạn nạn, Huệ càng cảm thấy nhớ mẹ nhiều hơn. Huệ đang học lớp 5. Ước mơ của em là khi lớn làm việc cho công ty và được thoát cảnh làm thuê làm mướn.

**Tài trợ xin gửi về:** Biền Thị Huệ (thôn Long Bình Nam, phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên). Số tài khoản:4603205033065 - BIC/SWIFT CODE :VBAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, thị xã Sông Cầu, Phú Yên.

#### **Trường hợp 8:** Chị Đào Thị Lan và ba con nhỏ.

Anh Nguyễn Văn Minh bị lũ cuốn trôi khi anh đang giúp đỡ bà con lối xóm vớt tài sản trong cơn lũ. Anh để lại vợ là chị Đào Thị Lan và ba con. Nguyễn Thị Thúy Diễm 17 tuổi, học lớp 11, Nguyễn Thành Duy 15 tuổi, học lớp 8 và cháu nhỏ nhất Nguyễn Khánh Linh 4 tuổi, học mẫu giáo. Khi còn sống vợ chồng anh Minh có quán tạp hóa nhỏ, vợ nuôi thêm gia súc và anh làm thuê cùng nhau nuôi con ăn học. Bây giờ chồng mất, đồ đạc trong nhà cũng bị lũ cuốn trôi hết. Chị Lan hiện nay chưa biết sẽ làm gì để nuôi ba con ăn học đến nơi đến chốn như ước mơ từ lâu của vợ chồng chị. Mỗi lần nhớ ba, cả ba chị em Diễm, Duy và bé Linh ôm nhau khóc ròng. Nhất là bé Linh, thường đến bàn thờ thắp nhang rồi khóc nức nở hỏi chừng nào ba về? Xin các nhà hảo tâm giúp đỡ chị Lan và ba cháu:

**Chủ tài khoản:** Đào Thị Lan (thôn Bình Nông, xã Xuân Lâm, thị trấn Sông Cầu, tỉnh Phú Yên). Số tài khoản: 4603205033059 - BIC/SWIFT CODE: VBAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**Trường hợp 9:** Trần Thị Trung và hai con nhỏ, Bùi Minh Huy 11 tuổi, học lớp 5 và Bùi Kim Quy, 4 tuổi.

Nhà vợ chồng chị Trần Thị Trung, anh Bùi Quang Hiếu ở cạnh sông Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An. Khi lũ đổ về đã bứng gốc hàng tre, dòng nước chảy mạnh cuốn theo ngôi nhà và chồng chị. Bây giờ ngay nền nhà chị Trung trở thành nhánh sông cạn. Chị Trung qua bên kia đường che tạm túp lều lập bàn thờ chồng, và cùng hai con ở đó. Chị Trung tâm sự: Rồi đây không biết lấy gì để xây dựng lại nhà và làm gì để nuôi con". Xin hãy giúp đỡ chị Trung.

**Chủ tài khoản:** Trần Thị Trung (thôn Bình Hòa, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên). Số tài khoản :4602205021108 - BIC/ SWIFT CODE: VBAAVNVX570 - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

## Kiều Diệp

**... Bản chất của cộng sản là vô thần. Vô thần trong triết học, vô thần trong hành động. Tôn giáo là thuốc phiện, Tôn giáo là lưu manh, "phải đào tận gốc, tróc tận ngọn". Trên thực tế hơn 60 năm qua trên cả hai miền Nam Bắc Việt Nam, Cộng sản Việt Nam có thương gì các tôn giáo đâu ? Có thương gì Phật giáo đâu ?? Lợi dụng được thì làm bàn đạp tiến thân và tồn tại; không lợi dụng được thì "đào", "tróc". Đó là bản chất cố hữu của Cộng sản Việt Nam, xin đừng quên...**

(trích Thông Bạch PĐ PL. 2552 của VHD)



## Luõ Phuì Yen

(nếu bài thơ được đặt giữa bài báo thì không cần tựa đề)

Trận bão gió cấp mươi một  
Kéo vào miền Trung đột ngột rồi đi  
Nhà nhà an lòng ngồi nghỉ  
Có ai ngờ dòng Hồng Thủy tràn tuồng  
Nước sông rủ nước thượng nguồn  
Đổ về gây lũ quay cuồng Phú Yên.

Lũ về cuốn lợn, cuốn gà  
Cuốn theo ruộng lúa, đám cà, vườn rau  
Ngư dân cùng một nỗi đau  
Thuyền trăm chiếc bị chìm sâu đáy biển  
Hàng ngàn mái nhà rung chuyển  
Rồi chốc lát cũng theo biển ra khơi.

Mênh mông sóng nước giữa trời  
Lũ cuốn đi tám mươi người vô tội  
Để trẻ thơ phải mồ côi  
Thân bơ vơ, lạc lõng giữa chợ đồi  
Cùng những nỗi đau ngất trời  
Cảnh lá già khóc tiễn lá xanh rơi.

Tôi về lại  
mang theo bao niềm nhớ  
Với nỗi lòng  
quắn nặng trái tim tôi  
Thấp nén hương  
cầu cho những người quá vãng  
Mong người, đất, trời  
chờ làm khổ nữa quê tôi.

## Kiều Diệp

# Đêm Giao Thừa nhớ Mẹ

Tuỳ bút Trần Mạnh Hảo



Thật hạnh phúc cho những ai ngoài tuổi tri thiên mệnh vẫn còn có mẹ, để ngày tết còn niềm nương tựa và an ủi lớn nhất trong đời. Mẹ ngồi đó, tóc bạc như hoa mơ

hoa mận, bên nôi bánh chưng quây quần con cháu. Trong mắt mẹ, tôi dù bao nhiêu tuổi vẫn cứ là trẻ thơ, vẫn còn nằm trong tã lót của tình mẹ thuở lọt lòng. Và đêm giao thừa, trước ngọn lửa, mẹ đồng nghĩa với tuổi thơ tôi. Ôi những ngày thơ bé, những tết nghèo thơm nức ổ rơm, chiều ba mươi tết tôi như con chó con ngồi bên mẹ, cùng mấy đứa em xem mẹ làm bếp, ngồi chờ ăn tóp mỡ. Ngoài trời, mưa bụi bay như sương, thỉnh thoảng gió xuân mang hơi lạnh mùa đông còn sót lại sột soạt ngoài đầu hè, tiếng lá chuối khô cọ vào nhau nghe như tiếng đồng tiếng sắt. Tôi mê những ngày tết có rét, có mưa bụi bay, có hoa cải vàng ngoài vườn và bướm trăng dẫn đường con trẻ chạy.

Có khi sáng ba mươi tết mẹ còn ra đồng cấy nốt đám ruộng xa để cho cây lúa cũng được ăn tết như người. Tôi dẫn ba đứa em, cuốn áo bông vào rụt rịt như những khúc giò vừa bó, thập thò như cua cá ngoài ngõ chờ mẹ về chuẩn bị tết nhất. Tôi chạy ra sông, sông trốn vào sương mà lưng lửng nước. Tôi chạy ra đồng, gió bắc tướng tôi là lá khô, cứ thổi như thằng bé chín tuổi không còn trọng lượng. Tôi sợ, chạy về nhà, úp mặt vào ổ rơm mà gọi mẹ. Tiếng lợn bị chọc tiết hú như còi đâu đó trong làng làm mấy anh em càng sốt ruột. Mẹ vẫn còn khuất sau màn mưa phùn gió rét ngoài đồng, cấy vội đám lúa kịp mùa xuân. Thế rồi trưa ba mươi tết mẹ từ ngoài đồng về, vừa đi vừa chạy như gió bắc, môi tím ngắt, rét run cầm cập, chưa kịp rửa đôi chân lấm bùn đã chạy vội sang hàng xóm chia phần thịt lợn. Tôi chạy ra vườn lôi thanh củi ướt vào cho mẹ nhóm bếp. Bếp lửa là tâm điểm của ngày tết. Khói cuốn lấy mấy mẹ con như dây buộc. Lửa ấm làm mặt mẹ hồng hào rạng rỡ. Bếp lửa và niềm vui con cái trả lại tuổi trẻ cho mẹ.

Ngoài vườn, trước bờ ao, hoa đào đang tự sưởi ấm mình bằng những chấm hoa vừa hé đỏ như than hồng. Bướm ong rét quá tìm đến đốm lửa hoa mà sưởi. Tôi ngồi bên mẹ canh nồi bánh chưng mà vơ vẩn thương gió bắc không có mẹ nên phải tha phượng cầu thực đầu đường xó chợ. Tự nhiên ngủ gật, tôi mơ thấy mẹ bị gió bắc cuốn mất, hoảng hốt tỉnh dậy, dùng hai tay trẻ con ôm chặt lấy mẹ như hai sợi lụt buộc ghì bó lúa. Mẹ vẫn ngồi đó, lửa ấm làm má người đỏ hồng thì con gái, tóc buông phủ bờ vai như một miếng bóng đèn vừa đặc lại đèn nhánh. Tôi rúc đầu vào nách mẹ như chú gà con, làm mẹ bị nhột bật cười. Các em tôi lăn ra ổ rơm bên cạnh ngủ như lợn con. Thỉnh thoảng, gió rét đậm cửa như có ý xin vào sưởi ấm.

Mẹ tôi mười bảy tuổi đã phải về làm dâu với muôn vàn cơ cực. Mẹ bị bà nội bắt nạt, sai khiến còn hơn con ở. Mỗi lần cực quá, mẹ chạy ra vườn, nấp vào khóm chuối khóc thút thít, tự lấy nước mắt mình an ủi mình. Mẹ bảo vì khi có mang tôi, mẹ hay khóc, sợ con sau buồn nên lúc tủi thân, lúc đau khổ cứ phải tự mình đóng kịch, đóng vai người suốt ngày chỉ biết tươi như hoa, giả lả cười, giả lả nói, giả lả vui. Riết rồi lồng giả thành chân, mẹ cứ tưởng đời mình chưa hề buồn khổ, chưa hề bị hành hạ. Đến nổi khi bụng mẹ chứa kềnh càng, còn bị mẹ chồng nọc ra sân dùng roi đánh, đau quắn mông nhưng vẫn phải lê phép xin lỗi và cảm ơn mẹ chồng vì mình được ăn roi. Rằng con xin ăn thêm năm đến mười roi nữa mới xứng tội a...Đời con gái mẹ qua đi với những trận đòn, với những lần chữa đẻ chẵng hề biết thế nào là hạnh phúc. May mà có đám cào cào chầu chấu là chúng mày an ủi mẹ, thương mẹ.

Có những khuya cả nhà ngủ cả, mẹ bảo nhỏ vào tai tôi như thế. Có lúc, mẹ tủi thân, lặng lẽ, đoạn ôm lấy bốn đứa con còn bé dại hỏi : chúng mày có thương mẹ không ? Lũ lợn con chúng tôi cùng héto : thương ! Mẹ sung sướng hôn chúng tôi rồi cười ứa nước mắt. Cả lũ tí teo thấy mẹ khóc, sợ quá cùng khóc theo.

Tôi thấy mẹ khác nào mưa gió, suốt ngày cong như con tôm trên đồng cầy cấy, mò cá, vặt tép, bắt cua, mót lúa... Tôi về lại xay thóc, giã gạo, có khi không dầu đèn, mẹ vừa đốt thanh củi nhặt thóc trong rá gạo vừa ru đứa em năm tháng tuổi ngủ. Tiếng mẹ ru buồn cả đêm mưa, buồn lây cả tiếng tàu chuối khuya ngoài vườn. Những đêm quê hương xưa nỗi buồn không ngủ. Nỗi buồn đi ngoài đường như ma. Nỗi buồn len lén như sương ngoài ngõ. Nỗi buồn trong trời đất sâu xa như lặn vào hết tâm hồn tôi qua lời ru của mẹ, qua tiếng thở dài của đêm tối ngoài vườn chuối mẹ thường ra nấp thở than.

Tôi lớn lên, đi học. Một gánh mồng tai bầm tím vai mẹ ra chợ chưa đổi được thép giấy. Tôi đòi cây bút máy. Mẹ phải đi mò cá hàng chục đêm tôi mới có cây bút máy Hồng Hà. Rồi tôi đi lính. Nửa đêm về sáng tiễn tôi ra bến xe lên đường đi vào cõi... tử, mẹ cố khôn khóc.

Nhưng ra đầu ngõ, mẹ không bước được nữa. Mẹ ngã gục vào gốc cây bàng. Tôi ngoại nhìn thấy mẹ ôm chặt gốc bàng như thể muôn tôi thành một gốc cây đầu ngõ vậy. Tôi ù té chạy, sợ quay lại sẽ không thể đi khỏi cái xã quê hương mình, nơi cán bộ xã đầy đọa tôi vì lý lịch, không cho đi đại học, bắt ở nhà làm tổ trưởng gánh phân bắc (phân người), phải đút lót mười con gà mới được gọi nhập ngũ... Tôi đi mà lòng luôn ở bên Mẹ. Tôi không dám đón mẹ mình lên thành quê hương, thành đất nước. Mẹ chỉ là mẹ tôi thôi, như khoai lúa người cho tôi ăn, như nguồn sữa vật chất và tinh thần người nuôi tôi mãi mãi...

Đây là chuyện của mấy mươi mươi năm xưa. Giờ đây, tôi ngồi thấp nén hương trước ảnh mẹ. Khói nhang như tóc mẹ từ thế giới hư vô còn rụng về đôi ba sợi cho tôi tưởng vọng. Mẹ trên tấm ảnh chừng vẫn rét, vẫn cứ đội khăn len và mặc áo len. Trong Sài Gòn này tết đổ mồ hôi. Mẹ ngồi trên bàn thờ vẫn rét, vẫn cứ là không gian của bờ bãi sông Hồng ngày tết. Con đâu kiếm được mưa phùn quần quít, bọc lấy ngọn gió xuân như quê ta mà dâng mẹ lúc này. Mẹ tuy già nhưng tươi tắn nhìn tôi như sắp mỉm cười, như muốn nói với tôi rằng mẹ vẫn hiện hữu trên đời bằng chính thân xác và tâm hồn tôi, vẫn sống trong hoài niệm, trong ký ức con cái, xóm giềng.

Răng mấy đứa con chính là di tượng của mẹ còn sống động, còn bay nhảy trên mặt đất. Tôi không hề ngủ gật và nằm mơ như thuở xưa. Nhưng gió bắc đã đến và thổi bay mẹ tôi đi về cõi khác mất rồi. Người Việt mình có câu : "Sinh dữ, tử lành". Ngày tết, trước giao thừa, là dịp chúng ta tưởng nhớ đến cha mẹ, ông bà đã khuất. Mẹ đã hóa thành nấm cỏ xanh ngoài đồng vắng sau làng. Cỏ ấy ngày xưa mẹ từng dạy tôi cầm liềm cắt về nuôi trâu ăn lấy sức kéo cày. Nay mẹ lại biến thành nấm đất nuôi cỏ xanh. Chỉ có đội kèn dế là ở mãi bên mẹ để cử hết bản nhạc này đến bản nhạc khác, những bài ca Requiem, kinh cầu hồn của tạo vật.

Bây giờ mẹ thở bằng nhịp triều lên xuống của con sông chảy qua làng, toả kẽm mương mà nối với nơi mẹ nằm. Cua cáy lại đến nấm đất mẹ mà trú ngụ. Ngày xưa còn trẻ, suốt ngày mẹ ở ngoài đồng, ngoài bãi, ngoài sông tìm cái sống dưới bùn đất nuôi chúng tôi. Giờ nằm xuống, mẹ lại ở ngoài đồng cả đêm ngày, ở mãi mãi, chung nhà với cua cáy, cá tôm. Tôi từng làm đóm mìn chạy ra đồng, xách giỏ cua đỡ mẹ. Con cua cắp để lại càng trên tay, lén bờ, lặng người, rút càng cua ra khỏi tay rồi mẹ mới ngồi đau. Đôi bàn tay búp măng của mẹ lúc nào cũng đầy vết cua cắp, vết ngạnh cá trê đâm, vết gai từ các chà cá cà xước. Những móng tay, móng chân mẹ nào có được sơn son đỏ như phụ nữ đô thị bây giờ. Tôi thương nhớ màu phù sa quánh phèn sơn trên móng chân, móng tay mẹ từ thuở còn thiếu nữ cho đến lúc về với đất. Mẹ tôi đã hóa phù sa, hóa mưa phùn, hóa bếp lửa, hóa ngồng cải vàng hoa lá mầm bướm,

hoa gió xuân ưng ứng cành đào, hóa thăm thăm mù tăm...

Dù tôi có đưa tay ra ngoài nghìn dặm cũng không với tới mẹ nữa. Tóc bạc rồi tôi vẫn là đứa trẻ mồ côi. Mồ côi cả gió bắc, mưa phùn, cả nén hương trên bàn thờ viếng mẹ dù xúm xít đứng chung cả cụm vẫn cứ mồ côi. Và tôi lại trở thành con trẻ, đang đi một mình giữa làng, chợt tình tình gọi mẹ. Và tôi, lại trở thành anh lính trẻ xa nhà lần đầu, mười tám tuổi rồi mà nửa đêm còn nhớ mẹ ưa nước mắt. Và tôi, lại trở về nằm trên vũng dưới hầm mùa mưa Bà Rá đêm tránh bom B.52, sốt rét ác tính quật tưởng chết, vừa thở hắt ra vừa gọi mẹ để giã từ... Và tôi, sẽ mãi là cậu bé con lấm lem đất cát ngồi đầu ngõ đợi mẹ đi chợ về để được chia quà. Mẹ đi chuyến chợ vô biên này, tôi ngồi chờ hết năm này qua năm khác, mà mẹ ơi sao mẹ chẳng về ăn tết ?

Giao thừa đến rồi đó mẹ. Ở phía bên kia của cuộc sống, mẹ không cần ai mừng tuổi đâu. Mẹ từng bảo chúng con rằng, trước khi các con chào đời, các con ở đâu vậy, chả đứa nào có tuổi, chả đứa nào biết mình sẽ là thằng Hảo, con Hình... Vâng, sau này, chắc chắn tôi lại về nơi ấy, nơi trước khi sinh ra, tôi đã chết hàng tử năm rồi vậy. Mẹ đã đưa tôi từ cái chấm mờ trong hỗn độn sự chết mà xuất hiện thành hình hài của nỗi sống. Giờ mẹ lại về nơi từng vớt tôi lên từ bể hư vô. Nơi con người bước vào cuộc đời, vất vả cực nhọc kiếm sống, hạnh phúc, khổ đau rồi lại trở về, như những đứa con về với mẹ vĩnh hằng.

Cõi ấy không có nồi bánh chưng chụm bằng gốc tre già đượm lửa. Cõi ấy không có những đứa trẻ xúng xính trong bộ quần áo mới, bám vạt áo mẹ đi chúc tết bà con hòng kiếm tiền mừng tuổi. Sợ cõi ấy chỉ có Niết Bàn, chỉ có Thiên Đường vui hơn tết, không kiếm đâu cho mẹ một chút khổ đau, một chút buồn tủi mà nhớ đến chúng con, nhớ đến kiếp người, nhớ đến thời con gái mẹ phải ngậm bồ hòn làm ngọt, ăn toàn nỗi đau mà sinh nở hạnh phúc cho kẻ khác.

Nhưng mẹ ơi, cái thế giới vui buồn sướng khổ này, dù mẹ con mình mỗi người chỉ đến một lần thôi, song mưa phùn gió bắc, hoa xuân bướm vàng, bánh chưng, mắt lá răm, đưa hành và câu đối đỏ tinh nghĩa lẩm, quý hóa chúng ta lẩm, cứ muôn níu chúng ta ở chơi hết tết này đến tết khác, đừng bỏ giao thừa lại cho ai đó ngồi thấp hương tưởng niệm mà tội thay cho người còn sống. Mẹ từng dạy con phải nén và giấu nỗi buồn riêng vào tâm hồn, để khoe niềm vui ra cho mọi người cùng hưởng như hoa đào ngày tết. Thế mà con lại giải bày nỗi buồn thiểu mẹ trên mặt blogs xuân phút đón giao thừa. Âu cũng là một cách giúp cho những ai còn có Mẹ trên đời biết rằng, Mẹ chính là mùa xuân, là ngày tết của tâm hồn chúng ta vậy.

Sài Gòn những ngày Tết tha phương cầu thực.

**Trần Mạnh Hảo**



# quê hương tôi đang thực sự lâm nguy

**Hương Trà**

“...đất nước đang cần sự thay da đổi thịt của đảng, cũng như toàn dân đang cần những con người có đủ tài và đức để vượt qua những chông gai thử thách. Vũ lực và đòn áp không thể nào làm chùn bước sức đấu tranh và sự tiến bộ của nhân dân...”

“Quê hương là chùm khế ngọt / Cho con trèo hái mỗi ngày ...”. Bài hát đã đi vào lòng tôi cũng như bao người dân Việt khác. Bài hát tuy không có trong chương trình giáo dục của học sinh VN thời XHCN, nhưng hầu như nó đã quen thuộc và ăn sâu vào tâm trí của hầu hết mọi người trong mọi thành phần xã hội.

Những gì mà các nhà lãnh đạo chóp bu của ĐCSVN đang thực hiện trên quê hương đất nước đã khiến cho những ai tự nhận mình là công dân VN phải căm hờn và tủi nhục. Tổ quốc đang thực sự lâm nguy. Từng phần thân thể của mẹ VN đang bị cắt ra cho bọn bá quyền Trung quốc, quần đảo Hoàng Sa và phần lớn của quần đảo Trường Sa cùng Ái Nam Quan, 2/3 thác Bản Giốc và bãi Tục Lâm, vùng Tây Nguyên đất dốc nơi chứa đựng rất nhiều tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản cho nền công nghiệp nước nhà trong tương lai, một địa danh cực kỳ quan trọng của đất nước cùng với trên 10.000 km<sup>2</sup> vùng biển vịnh Bắc Bộ... đã được làm quà dâng hiến cho ngoại bang Trung quốc. Và mới đây lại thêm sự sang nhượng gần 300 ngàn hecta

rừng của 10 tỉnh dọc biên giới địa đầu cho các công ty nước ngoài chủ yếu là bọn xâm lăng Trung quốc trong thời hạn 50 năm, khiến cho trung tướng Đồng Sĩ Nguyên (cựu phó Tổng tham mưu trưởng QĐND từ 1957-1975, cựu tư lệnh binh đoàn Trường Sơn sau 1975, phó thủ tướng kiêm bộ trưởng bộ GT-VT về hưu năm 1988), cùng với thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh (Ủy viên Trung ương Đảng, cựu bí thư tỉnh ủy tỉnh Thanh Hóa, cựu đại sứ VN tại Trung quốc từ 1974-1989 về hưu năm 1990), đã khẩn cấp kiến nghị với lãnh đạo đảng và gửi bài đăng trên trang web bauxite VN về tình trạng nguy hiểm này của đất nước, trong đó có đoạn: “Đây là một hiểm họa cực lớn liên quan tới an ninh nhiều mặt của quốc gia. Hám lợi nhất thời, vạn đại đổ vào đầu cháu chắt, mất của còn làm lại được, mà mất đất thì mất hẳn”.

Để dẫn chứng cho những việc làm phản dân, hại nước của các nhà lãnh đạo CSVN, xin ghi lại đây lời nói của trung tướng Đặng Quốc Bảo (từng là ủy viên TƯĐ, từng là hiệu trưởng trường ĐH kỹ thuật quân sự thời chiến, từng là bí thư thứ I đoàn TNCSHCM, từng là thứ trưởng bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, từng là trưởng ban khoa giáo TƯĐ) trước kỳ họp đại hội 10 của đảng, ông công khai lên tiếng: “Báo cáo chính trị được dự thảo không ngang tầm, đảng đang lâm vào khủng hoảng về tư duy, về lý luận, thiếu tầm nhìn chiến lược, thiếu tư duy chiến lược”, và trong bức thư gửi lãnh đạo đảng ông cảnh báo: “đạo đức suy đồi, tham nhũng bất trị lan tràn vì lãnh đạo không thực sự tuyên chiến với nó. Nó sẽ phá đảng từ bên trong vì làm mất niềm tin của quần chúng, không ai phá, lật đổ, chính kẻ biến chất trong đảng tự phá, tự lật đổ cái đảng này”. Trong cuốn Nhật Ký Rồng Rắn của trung tướng Trần Độ cũng có đoạn: “XHCN ngày nay là một xã hội vô pháp luật mà phần đầu tiên gây ra là đảng, không thể nào chống tham nhũng được, vì nếu chống tham nhũng thì đảng chống lại đảng sao?”.

Cũng trong dịp trấn trở vì đất nước như thế, GS Hoàng Tụy trong bài “Để có lớp trí thức xứng đáng” được đăng trên tạp chí Tia Sáng ngày 06/12/2008 có đoạn: “Chạy theo danh hào, chạy theo quyền lực, chạy theo chức tước là căn bệnh thời đại của trí thức VN. Chưa bao giờ trong xã hội ta có nhiều Xuân Tóc Đỏ như bây giờ”. Còn GSTS Nguyễn Đăng Hưng (thuộc ĐH Harvard Hoa Kỳ) sau hơn 12 năm tận tụy cùng với các GS ngoại quốc khác làm việc tại VN đã phát biểu: “VN đã trả giá cho những chọn lựa sai lầm trong các quốc sách về giáo dục và đào tạo bắt đầu đã hơn 3 thập kỷ qua. Tôi có cảm tưởng đã có những phản ứng ngược không ngờ mà nguyên do là các chương trình nhồi nhét hiện nay tại VN”.

Cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt khi còn sống cũng từng nói: “Trước kia tôi nghĩ rằng, yêu nước là yêu XHCN. Nhưng nay nghĩ lại thấy rằng, yêu nước cũng còn có nhiều đường”, và trong một bài viết kỷ niệm 60 năm Cách Mạng Tháng 8 được đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 31/08/2005

ông Kiệt còn viết: “Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng rất nhiều vận hội mới đã mở ra cho cả nước. Một đội ngũ đông đảo công thương và trí thức miền Nam có khả năng và kinh nghiệm trên nhiều lãnh vực khác nhau là một vốn quý có thể đóng góp vào việc xây dựng một nước VN hòa bình, giàu mạnh. Hầu hết quân đội, sĩ quan và các viên chức trong chính quyền cũ cũng đều mong mỏi được sống trong hòa bình, hòa hợp, có cơ hội làm lại cuộc sống yên ổn. Rất tiếc là ý thức đoàn kết dân tộc lại một lần nữa bị phần nào xao lảng bởi bệnh chủ quan và say xưa vì chiến thắng, bởi cách nhìn hẹp hòi, bởi chuyện phân biệt thắng thua, bởi những kỳ thị ta-nugụ. Kinh tế khó khăn, đời sống bế tắc, cộng với những phương thức quản lý XH quá cứng nhắc và tình trạng kỳ thị thành phần đã làm cho cả một số người yêu nước muôn đóng góp cho đất nước cũng đành vứt áo ra đi”.

Cựu TBT Nguyễn Văn Linh khi mới nhậm chức cũng đã từng nói với các văn nghệ sĩ và nhà báo rằng: “anh chị em phải tự mình giành quyền tự do nghĩ và viết cho mình, tự mình cởi trói cho mình, tự mình cứu mình chớ không ai cứu mình được, đừng bao giờ bẻ cong ngòi bút, không ai có thể cấm mình viết lên sự thật. Người lãnh đạo giỏi chính là người biết phát huy hết khả năng tự do sáng tạo của anh chị em”. Ghi lại lời phát biểu này của ông Nguyễn Văn Linh, chúng tôi cũng chỉ hy vọng là các nhà trí thức, các nhà văn sĩ đang trung thành với đường lối hiện nay của đảng, các phóng viên “lề phải” đang tiếp tay cho những mưu đồ đen tối của một thiểu số người lãnh đạo đảng nên suy nghĩ lại việc làm của mình, để sau này khỏi mang trọng tội trước lịch sử và nhân dân. Còn rất nhiều những lời nói và việc làm phản tỉnh của các thành phần cấp cao của đảng đã và đang tiềm ẩn trong các phong trào đấu tranh của dân tộc.

Sự lên tiếng phản bác về những đường lối và chính sách sai lầm của một thiểu số thành phần bảo thủ chốp bu của đảng từ các tướng lãnh, từ những cán bộ cao cấp, từ những nhà văn, nhà trí thức đã từng hy sinh cả đời cho đảng là những bằng chứng hùng hồn, là sức mạnh trên con đường dân chủ hóa đất nước. Chắc chắn những nhà cách mạng lão thành này sẽ không bao giờ chịu sự xúi giục của các thế lực nước ngoài. Không phải ngẫu nhiên mà các thành phần trí thức ưu tú của đảng như: GS Hoàng Minh Chính đã từng là trưởng ban nghiên cứu chủ nghĩa Marx-Lênin, GSTS Nguyễn Thanh Giang, Trung tướng Trần Đ Độ, tướng Nguyễn Hộ, tướng Đồng Sĩ Nguyên, tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, tướng Đồng Văn Cống, tướng Lê Văn Cương, nhà văn Phạm Đình Trọng, nhạc sĩ Tô Hải, nhà giáo Nguyễn Thượng Long, bộ ba sáng lập trang web Bauxite VN: GS Nguyễn Huệ Chi, GS Phạm Toàn và GS Nguyễn Thế Hùng cùng rất nhiều những nhân vật nổi tiếng khác dũng cảm nói lên những chính sách sai lầm của đảng, dũng cảm dấn thân để cứu dân, cứu nước. Họ đã nhìn thấy được sự lỗi thời và ảo tưởng không có thực từ mục tiêu do đảng đề ra.

Chính vì CNCS không hợp thời hợp thế cho nên các nhà lãnh đạo của khối CS Đông Âu, ngay cả Liên Xô cũng đều quay lưng từ bỏ con đường không tưởng này của

CNCS, để chuyển sang thể chế dân chủ đa nguyên vì nó đã thể hiện được sự công bằng, bình đẳng trong mọi giai tầng của xã hội. Thể chế dân chủ đa nguyên là thể chế đặt quyền lợi của quốc gia dân tộc lên trên hết, tôn trọng tuyệt đối ý kiến của toàn dân và sẽ không bao giờ có sự độc tài đảng trị như VN hiện nay. Các đảng phái trong nền dân chủ đa nguyên chỉ là những thành phần và tổ chức để cùng nhau chung lo cho sự phồn vinh của đất nước, đảng phái nào được nhân dân tín nhiệm giao quyền lãnh đạo đất nước phải luôn luôn có đủ tài và đức nếu muốn được nhân dân tiếp tục ủng hộ, các đảng phái còn lại sẽ đóng vai trò đối lập để cùng với nhân dân kiểm soát sự điều hành của đảng cầm quyền. Nhân tài và chất xám của các đảng phái vẫn được trọng dụng trong guồng máy chính quyền, trong đó mọi quyền tự do như: ngôn luận, tín ngưỡng, báo chí, cư trú và phê bình phản biện... là quyền bất khả xâm phạm của toàn dân. Trong một đất nước dân chủ đa nguyên thì các đảng phái chỉ là đối thủ chớ không phải là kẻ thù. Thủ nhìn lại đất nước Hoa Kỳ khi còn trong vòng vận động tranh cử, giữa ông Obama và bà Hillary Clinton đều đả kích với nhau không khoan nhượng, nhưng khi nhân dân tín nhiệm ông Obama làm tổng thống thì bà Clinton vẫn được ông Obama mời làm bộ trưởng ngoại giao trong thành phần nội các của ông.

Nhìn lại tình cảnh của đất nước VN dưới sự lãnh đạo đảng thì thật là bi thảm bởi vì, đảng đã lãnh đạo toàn bộ sự điều hành đất nước và chỉ có đảng viên mới được quyền làm trưởng tất cả các cơ quan và đoàn thể của chính quyền. Bao nhiêu vùng đất, vùng biển và hải đảo của Tổ quốc thân yêu đang nằm trong bàn tay xâm lược của bọn người phương Bắc dưới sự đồng tình của một thiểu số người lãnh đạo của đảng mà nhân dân không được quyền biết, những nhà trí thức vì dân, vì nước đang bị giam cầm, đang bị trù dập và bao vây kinh tế cũng chỉ vì can đảm phản đối hành động xâm lăng của bọn bá quyền Trung quốc, can đảm nói lên chính kiến của mình, can đảm vạch trần những ươn hèn của các nhà lãnh đạo đảng. Chất xám và nhân tài của đất nước VN đang bị hao mòn qua chỗ khác, lòng người đang ly tán, tinh thần đoàn kết dân tộc đã không còn như xưa nữa, tài nguyên của đất nước đang mất dần vì những công trình trọng đại đã được giao cho ngoại bang khai thác vô tội vạ, khiến cho sứ gia Dương Trung Quốc phải lên tiếng trước kỳ họp QH khóa 12 vừa qua: “Chúng ta phải để dành chút ít tài sản của đất nước cho con cháu của chúng ta sau này, chớ có bao nhiêu đem ra xài hết thì con cháu của chúng ta sau này sẽ ra sao?”. Còn rất nhiều những tệ hại đau thương khác mà các nhà lãnh đạo CSVN đang thực hiện, nó sẽ được tiếp tục vẽ lên những vết nhơ đen tối mà tổ quốc và dân tộc VN phải chịu đựng. Nhìn lại bản đồ VN với 2 quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, Ái Nam Quan, thác Bản Giốc, bãi Tục Lâm, toàn bộ vùng biển của vịnh Bắc bộ còn nguyên vẹn khiến cho chúng tôi phải ngậm ngùi rời lê.Thêm một chuyện đau lòng khó tin nhưng có thật, trong chương trình văn nghệ tình hữu nghị Việt-Trung chào mừng năm mới Canh Dần đêm giao thừa 30 Tết, bản nhạc núi liền núi, sông liền sông, cùng chung biển Đông được trực tiếp trên VTV1, VTC..., nam ca sĩ người Tàu và nữ ca sĩ người Việt hát, trong đó cuối bản

nhạc là điệp khúc được hát 2 lần: “dân Nam ta ca muôn năm Hồ Chí Minh-Mao Trạch Đông”. Không biết các tướng lãnh quân đội và công an, những người đang hết mình thi hành sự chỉ đạo của một thiểu số người bảo thủ lãnh đạo chớp bu của đảng có xót xa và đau lòng cho vận nước hay không?

Quá khứ đau thương mà nhân dân phải gánh chịu từ khi đảng cầm quyền đã quá nhiều rồi, dù muốn dù không thì nó cũng đã trở thành đĩ vắng đúng như lời nói của nhà ngoại giao Dương Danh Dy về vấn đề biên giới, công và tội hãi để dành lại sau này cho lịch sử phán xét. Giờ đây, đất nước đang cần sự thay đổi thịt của đảng, cũng như toàn dân đang cần những con người có đủ tài và đức để vượt qua những chông gai thử thách. Vũ lực và đòn áp không thể nào làm chùn bước sức đấu tranh và sự tiến bộ của nhân dân, không thể nào làm khiếp sợ những con người đầy nhiệt huyết trong các phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ.

Xin ghi lại đây lời nói của ông Lê Xuân Tá (đảng viên ĐCSVN, từng giữ chức phó chủ nhiệm UBKHKT trung ương đảng): “sự ngu dốt và sự thấp hèn tự nó không đáng trách và không làm nên tội ác. Nhưng sự ngu dốt và thấp hèn mà được trao quyền lực và được cấy vào vi trùng ghen tỵ thì nó sẽ trở thành quỷ nhập tràng, và con quỷ này nó ý thức rất rõ và mau lẹ rằng: cái đe dọa quyền lợi cùng lợi ích của nó chính là sự hiểu biết, trí thức, văn hóa và văn minh, nên nó đã đánh những thứ này một cách rất tàn nhẫn, vô nhân đạo và không thương tiếc. Cách mạng Hồng vệ binh bên Tàu là thế, Nhân Văn-Giai Phẩm ở VN là vậy”. Thiết tưởng các nhà lãnh đạo CSVN hiện nay nên nhìn lại chính mình bởi vì, vũ lực và đòn áp không phải là biện pháp tốt nhất để che đậy những quan niệm lỗi thời trong tiến trình đi lên của đất nước, cũng như để cho con cháu sau này khỏi phải tủi nhục trước mọi người vì những việc làm sai trái của mình.

Cổ nhân ta có câu: “Nhân chi sơ, tánh bốn thiện”, hoặc “đánh người chạy đi, chở không ai đỡ đánh người chạy lại”. Đã là con người thì ai cũng có cái đúng và sai. Điều quan trọng là biết ăn năn sám hối về những việc làm sai của mình để trở thành người tốt hơn có ích cho xã hội, bởi vì trên thế gian này sẽ không bao giờ có sự việc gì mà tồn tại mãi mãi, nhất là những sự việc ác gây nguy hại cho cả tiền đồ dân tộc, và kết quả cho mình hưởng sau này chắc chắn sẽ tương xứng với những gì mà mình đã gây ra.

Chúng tôi rất mong quý vị trong lực lượng quân đội, công an -thành trì bảo vệ chế độ - nên dùng lý trí của mình để hiểu rõ vấn đề này. Công an và quân đội của các nước CS Đông Âu và Liên Xô đã bất hợp tác với lãnh đạo của họ để đứng về phía nhân dân, cuối cùng chế độ độc tài đảng trị đã thực sự cáo chung và con đường dân chủ đa nguyên đang dần dần được tiến triển trong niềm vui chung của dân tộc. Còn tại VN thì sao? Câu trả lời xin dành cho quý vị đang mang trên mình màu áo công an và quân đội.

Sài Gòn ngày 25/02/2010

Hương Trà (nguồn © Thoáng Luận 2010)



## Quê Hương và Chủ Nghĩa

- Gửi tuổi trẻ Việt Nam

Em hãy ngồi xuống đây  
Anh kể câu chuyện này  
Trên cánh đồng cỏ cháy  
Ngậm ngùi như khói bay

Con ngựa già một đời  
Chưa thấy được ngày vui  
Mắt mòi mòn trông đợi  
Những mầm cỏ xanh tươi.

Đã bao nhiêu năm rồi  
Hương nhìn về xa xôi  
Tâm tư đau nhức nhối  
Cuộc đời vẫn nổi trôi

Em nhìn về tương lai  
Cố dấu tiếng thở dài  
Mắt dường như ngẩn lè  
Có phải vì khói cay?

Em thấy đó, trên đường đi không đến,  
Quê hương đau, chôn cát vẫn nghêng ngang  
Những con thú người nhảy múa kiêu căng  
Ngửa mặt hú một bài ca chủ nghĩa.

Ngôn ngữ văn nô, đỉnh cao trí tuệ,  
Chủ nghĩa dạy em, thù hận hờn căm  
Chủ nghĩa dạy em, độc ác bất nhân  
Chủ nghĩa dạy em, lọc lừa xảo trá  
Chủ nghĩa dạy em, đối gian trá trzá  
Chủ nghĩa dạy em, bội phản vong ân  
Chủ nghĩa dạy em, giết chết lương tâm  
Chủ nghĩa dạy em, vô thần đấu tố  
Chủ nghĩa mù, rước voi dày mả Tổ  
Chủ nghĩa ngu, thờ đồ tế ngoại bang  
Chủ nghĩa bưng bô, xây dựng thiên đàng  
Chủ nghĩa lừa em, những con bò sữa  
Chủ nghĩa bất lương, ma cô nhà chứa  
Chủ nghĩa tú bà, dù dỗ thơ ngây  
Chủ nghĩa cò mồi, vợ vét luôn tay  
Chủ nghĩa cai thầu, bán buôn Tổ-Quốc  
Chủ nghĩa lười câu, móc mồi dân tộc  
Chủ nghĩa bịa lừa, bánh vẽ tự do  
Chủ nghĩa cá ươn, tư tưởng vong nô  
Chủ nghĩa chết đi, Quê Hương vẫn sống

Ai nhân danh hạnh phúc

Thứ hạnh phúc ngục tù  
Ai nhân danh dân chủ  
Thứ dân chủ si ngu  
Ai nhân danh chân lý  
Thứ chân lý đui mù  
Bao nhiêu năm, ai nhân danh chủ nghĩa,  
Tự-Do xích xiềng, Dân-Chủ dối gian  
Mác-Lênin, đâu phải người Việt Nam!  
Sự thật đó có làm em đau nhói ?

Vẫn chập chờn lượn bay bầy qua đói  
Chồn cáo kia có rình rập trước sau  
Ngẩng mặt cao và đừng sợ đớn đau  
Đứng lên em băng tâm hồn biển động.

Em đứng lên như đại dương dậy sóng  
Tiếng sét thần tuỗi trẻ nổ ầm vang  
Những tượng hình, chủ nghĩa, phải tiêu tan  
Cây Dân-Chủ bừng lên ngàn sức sống,  
Em bầy giờ khôn lớn  
Mắt rực lửa yêu thương,  
Biết đâu là sự thật  
Em tìm thấy con đường.

Tự-Do sẽ nở hoa  
Trên quê hương khốn khổ  
Anh như con ngựa già  
Vẫn cúi đầu kiên nhẫn  
Đốt những đám cỏ khô  
Dọn đường cho em đi làm lịch sử.

**Nguyễn Quốc Chánh**



## chuyến quê toà

**Huỳnh Ngọc Tuấn**

Chỉ còn 10 ngày nữa là đến Tết âm lịch. Con đường nhỏ từ biển lên Tam Kỳ chen chúc người và xe cộ, những chiếc xe tải chở đất đá cho các công trình, xe chở hàng Tết. Xe máy chạy ầm ầm từ mờ sáng cho đến 10h đêm. Con đường nhỏ hẹp có nơi chỉ còn 2m5 không đủ chỗ cho một chiếc xe tải. Con đường được

làm cách đây chỉ chừng 10 năm bây giờ đã hoàn toàn hư hỏng, mặt đường có nơi lún sâu đến 20cm, phần nào còn tốt thì rạng nứt như một tấm lưới... vết nứt rộng sâu.

Không hiểu vì sao nhà cầm quyền lại cho lưu thông trên một con đường không còn an toàn như vậy. Năm nào cũng vậy, cứ sắp Tết là người ta cho một đội công nhân đi vá đường, chỗ nào hư hỏng quá nặng thì vá lại. Con đường giống như áo quần thời “bao cấp”, hàng trăm hàng nghìn mảnh vá, miếng nhỏ thì bằng cái rổ đựng rau, miếng lớn thì vài m<sup>2</sup> đến vài chục m<sup>2</sup>, cứ hỏng đến đâu thì sửa đến đó, mà sửa cũng chẳng ra hồn. Nhiều nơi làm thành những ụ cao, ban đêm người đi xe máy nếu gặp phải sẽ bị mất lái.

Thay vì làm một con đường mới rộng rãi an toàn để phục vụ cho lưu lượng xe cộ quá lớn... thì người ta lại vá nó từng miếng, năm nào cũng làm, tháng nào cũng làm, tôi muốn cách nói của nhà văn Tưởng Năng Tiến cho trường hợp này: sửa lấy lệ, sửa cầm chừng, sửa chút chút, sửa cho có, sửa tượng trưng, sửa đại khái, sửa qua loa.

Ai cũng muốn đi con đường gần nhất để đỡ tốn thời gian và tiền bạc nhưng người ta không làm con đường gần nhất cho thuận tiện việc đi lại của người dân trong 4 mùa (con đường gần nhất này lại bị ngập lụt trong mùa đông), thay vào đó người ta làm hai con đường, một ở phía Bắc thị xã và một ở phía Nam thị xã với hai cây cầu lớn, nhưng những con đường này xa quá nên không ai đi, thỉnh thoảng mới có một vài chiếc xe tải. Hai con đường vắng teo là nơi lý tưởng cho người dân phơi rơm, phơi khoai... Mọi người phải chen nhau đi trên con đường hẹp hư hỏng bụi mù mịt... ai cũng phàn nàn nhưng mọi chuyện vẫn như thế!.

Mấy hôm nay tôi thấy người không được khỏe nên cháu Hiếu chở tôi lên Tam Kỳ khám bệnh. Tôi không hứng thú gì khi đi khám bệnh bằng cái thẻ bảo hiểm Y tế... nhưng để đề phòng bất trắc đành phải mua một cái. Sợ căn bệnh xuất huyết não lại tái phát như cách đây 5 tháng, vì không có bảo hiểm nên tốn rất nhiều tiền.

Bệnh viện Tam Kỳ là một bệnh viện nhỏ nhưng người đi khám bệnh đông đến kinh khủng. Khoa nội chỉ có hai phòng mạch: Khoa nội 1, Khoa nội 2. Tôi nhìn số lượng bệnh nhân đang chờ mà thấy tội nghiệp và thất vọng. Trước cửa buồng khoa nội chỉ có 10 cái ghế mà số người đi khám có hơn 100, họ ngồi dưới đất, trên hành lang, những người không có chỗ ngồi thì đứng dựa dâu đó xa xa. Tôi thấy người bệnh vô ra rất nhanh, mỗi người chỉ có 1 phút để bác

sĩ khám. Tôi không biết làm sao có thể khám bệnh trong một phút được?

Tôi nhìn và mân mê số thẻ của mình 132, không khỏi chán nản!

10h sáng thì Bác sĩ chuồng mất. Hai cái phòng mạch để lại cho mấy cô y tá điều dưỡng phụ trách!!!!... đến 10h30 cô y tá gọi tên tôi. Tôi vào và đưa cho cô xem kết quả xét nghiệm máu và giấy xuất viện trong đó có ghi: Xuất huyết não khoang dưới nhện/tiểu đường tuýp II, đường huyết của tôi 7.6mmol. Tôi nói với cô y tá là vẫn uống thuốc đều đặn... nhưng đợt này đường huyết tăng lên trở lại, lần trước là 5.7 mmol, cô đo huyết áp cho tôi và nói 160/90.

Cô bảo tôi ra ngoài để chờ, lát sau một cô y tá khác mang trả cho tôi thẻ bảo hiểm và toa thuốc (cô y tá tự ý thay đổi thuốc từ Diamicron 30mg, sang Metformin mà không hỏi ý kiến Bác sỹ?!). Như vậy mà cũng là khám bệnh, có ở đâu như cái đất nước ưu việt này, việc kê đơn thuốc cho bệnh nhân tiểu đường là một cô y tá điều dưỡng!?

Tôi lại phải nhờ đến cách diễn đạt của nhà văn TNT: khám chút chút, khám qua loa, khám lấy lệ, khám đại khái, khám tượng trưng, khám cho có, khám sơ sơ. Tôi vừa bồn cơn vừa đau xót lại một lần nữa tự hỏi: Ở đâu trên thế giới này như nhà nước CHXHCN Việt Nam ngàn lần ưu việt người dân được chăm sóc sức khỏe theo cái kiểu như vậy?!

Có một điều sơ đẳng mà không cần phải là "đỉnh cao trí tuệ" mới hiểu được: Một Dân tộc hùng cường trước tiên phải là một dân tộc khỏe mạnh!

Còn về giáo dục thì sao?

Tôi đã nghe rất nhiều lời than vãn từ các bậc phụ huynh rằng giáo viên bây giờ cao ngạo, kiêu hãnh, vụ lợi, tham lam và thô lỗ. Có rất nhiều ông giáo bà giáo đánh đập, chửi rủa học sinh rất tàn nhẫn (kể cả giáo viên Mầm non), dùng những lời lẽ sỉ nhục các em, xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của các em như vứt sách vở của các em xuống đất, qua cửa sổ, rồi bạt tai, bắt quỳ gối, mắng nhiếc các em là "đồ con bò, con lợn" nếu các em không thuộc bài hoặc không làm được bài tập, dùng những câu chuyện, ngôn ngữ dơ dáy, thô tục để nói với các em.

Dư luận hiện đang bàn tán xôn xao về vụ ông Hiệu trưởng một trường TH PT tại Hà Giang "mua dâm nữ sinh vị thành niên" cùng với một lô những quan chức, doanh nhân có quyền thế, trong đó có cả ông Chủ tịch tỉnh Hà Giang (thư của một nữ sinh nạn nhân khẳng định như vậy). Thực chất đây là một vụ cưỡng dâm tập thể mà nạn nhân lại biến thành đồng phạm

bởi nhờ sự "ưu việt" của luật pháp nước CHXHCNVN. Sự việc này được phanh phui ngay trong thời điểm này như là một "Tổng kết" cho một cao trào "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Ông Hiệu trưởng và ông Chủ tịch Tỉnh Hà Giang thật xứng đáng là học trò xuất sắc, người kế thừa ưu tú cho vị "Lãnh tụ anh minh".

Việc dạy học thì chỉ làm cho có vì những vị giáo viên nào đã vào Đảng hoặc vào biên chế rồi thì có dạy cũng chừng đó lương, không dạy cũng thế, không ai chất vấn hạch hỏi gì miễn không làm mất lòng lãnh đạo?!. Họ đến lớp cho có mặt, dạy qua loa, "dẫu nghề" phần lớn thời gian dùng để tán gẫu. Họ làm như vậy không phải không có lý do, đây là cái thế "triệt buộc", các em nào muộn có kiến thức căn bản để học tốt, thi tốt thì phải học thêm...

Tôi nhớ khi mới từ nhà tù nhỏ Nam Hà về, con gái tôi là Huỳnh Khánh Vy kể cho tôi nghe, vì hoàn cảnh gia đình lúc đó khó khăn quá, không có tiền đi học thêm nên bị thầy giáo Lê Xuân Phương khủng bố tinh thần bằng nhiều cách như ra những bài tập thật khó để bắt bí, rồi mặt nặng mày nhẹ, xúc sỉm đủ điều làm cho cháu khóc hoài, mỗi lần đến tiết học của Lê Xuân Phương là như địa ngục (lúc ấy Khánh Vy mới học lớp 10 trường Lê Quý Đôn, Tam Kỳ, tuổi cháu đang lớn dễ bị tổn thương). Là người làm bố tôi đau lòng vô cùng khi cháu rưng rưng nước mắt kể với tôi như vậy!

Trường Trung cấp KTKT Phương Đông, tỉnh Quảng Nam (số 2 đường Hùng Vương, Tam Kỳ) do bà Hồ Thị Thanh Lâm, phó chủ tịch tỉnh Quảng Nam, làm Hiệu trưởng, bà Nguyễn Thị Kim Chi (một nhân vật có thế lực của tỉnh) làm chủ tịch Hội đồng Quản trị, đã hành động một cách khinh suất, coi thường học sinh và phụ huynh...

Niên khóa 2008-2009, lớp 12/6 của trường Phương Đông không được dự thi tốt nghiệp THPT vì nhà trường đã không hoàn thành chương trình giảng dạy, con trai tôi là Huỳnh Trọng Hiếu và các em có hỏi vì sao, thì được các giáo viên của Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Quảng Nam trả lời là do trường Phương Đông không trả tiền cho Trung tâm GDTX để dạy Văn hóa cho các em nên không hoàn tất học trình lớp 12, vì vậy các em không được thi tốt nghiệp.

Đối với bà Lâm và bà Chi, chuyện các em học sinh lớp 12/6 không hoàn thành chương trình học và mất cơ hội thi tốt nghiệp THPT và thi vào Đại học chỉ là "chuyện nhỏ"!?

Tôi định kiện trường Phương Đông vì đã làm ảnh hưởng tai hại đến việc học hành của con tôi nhưng

nghĩ lại, một người dân đen như tôi làm sao kiện được bà Phó Chủ tịch tỉnh Quảng Nam!?

Giáo viên bây giờ ghê thật họ hội nhập kinh tế thi trường tài tình quá, và thực hiện xuất sắc tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh!!!

Nhưng đau lòng nhất, tủi nhục nhất và đáng phẫn nộ nhất là việc ngư dân VN càng ngày càng mất dần vùng đánh cá truyền thống của cha ông để lại. Hiện tượng ngư dân VN (nhất là ngư dân Quảng Nam, Quảng Ngãi) bị Cảnh sát biển Tàu cộng bắn giết, hành hung, trấn lột, khủng bố, tống tiền, sỉ nhục xảy ra thường xuyên và có hệ thống, với sự yên lặng “khó hiểu” của nhà cầm quyền CSVN làm cho ngư dân cả nước lấy làm “lạ”. “Lạ” là vì chưa có tiền lệ trong lịch sử... Dân tộc Việt từ ngàn năm trước đã nhiều lần đối đầu với anh “khổng lồ” phương Bắc nhưng chưa bao giờ chịu nhục như bây giờ, trong thời đại HCM với “16 chữ vàng”.

Nhưng nhà cầm quyền CSVN cũng đủ khôn ngoan để hiểu rằng, cứ cùi mình nhu nhược như thế đối với sự hung hăn, lấn lướt của TC, trước sau gì nhân dân cũng phẫn nộ, và khi sự nhẫn nhục đã cạn kiệt, thì sự phẫn nộ của nhân dân sẽ bùng phát như một ngọn lửa ấm ỉ lâu ngày gấp cơn gió lớn, sẽ thiêu rụi chế độ nhu nhược ác với dân nhưng hèn với giặc.

Vì vậy để xoa dịu người dân và đánh lừa dư luận, nhà cầm quyền CSVN cũng lên tiếng phản đối.... “chút chút, phản đối lấy lè, phản đối tượng trưng, phản đối cho có”. Thiệt hết chỗ nói!!!

Là một công dân VN đối diện trước những tệ nạn, những hiểm họa của xã hội, đất nước và dân tộc, tôi thấy mình nhỏ bé, bất lực. Những tệ nạn, hiểm họa đó nó lù lù trước mắt như một đống rác cao ngất ngưỡng, như một ngọn núi chót vót nêu không thể không phân vân lo lắng (và cả sợ hãi), nhưng nghe đâu đó ở chung quanh mình, rất gần Huế, Sài Gòn, Hà Nội v.v... và xa hơn, rất xa ở mãi tận nuga vòng trái đất, từ Cali, Ba Lê, Luân Đôn, Xích Ni những tiếng nói đồng cảm, sẻ chia, đồng điệu, đồng quan điểm đã đang và sẽ cất lên vì một quê hương VN Tự do, dân chủ, thái hòa, tôi thấy lòng mình ấm lại, hưng phấn và tin tưởng lạc quan về tương lai quê hương Việt Nam sẽ tốt đẹp, cùng với một Thế giới tốt đẹp... nhất định và tất yếu sẽ như thế!!

\*\*\*

Cá chính là Biển, biển là đất nước, biển là quê hương, biển là máu thịt, biển là sinh mệnh của cả dân tộc, mất biển là mất tất cả.

Từ những ngày còn rất bé, cũng những ngày đầu xuân như thế này, khi những cánh mai vàng còn nấn ná nở muộn trong vườn nhà ai đó, khi những cơn gió nồm đã dịu bớt, khi nắng đã bắt đầu chói chang và ngoài kia biển xanh ngát mênh mông vỗ vào bờ cát trắng nõn nà, những con sóng nhẹ vuốt ve trùm mền như bàn tay của mẹ dịu dàng trên lưng bé.

Cha tôi với sự đam mê những món ăn dân dã, đặc biệt là món gỏi cá , gỏi sứa...

Những con cá rựa lớn bằng 3 ngón tay tươi roi rói từ biển bắt lên, được cắt thật mỏng cho vào một bát lớn, ông vắt vào đó 1,2 trái chanh, một ít tiêu Phú quốc cho thơm, một chút vị tinh cho ngọt và với rất nhiều rau thơm, tía tô, đinh lăng, hành lá , hành củ xắt nhỏ, cộng với đậu phộng rang dòn (đâm vừa thôi, đừng nhỏ quá) phải có hành phi và bánh tráng b López nhỏ cho vào trộn đều...một chén nước mắm cá cơm vàng óng như mật ong và một vài trái ớt tím hái sau vụn....

Tất nhiên là phải có một cốc rượu gạo loại "nhứt nhứt" thơm lừng. Lúc đó tôi còn bé chưa được phép uống rượu, nhưng tôi đâu có quan tâm đến rượu, ngồi nhìn cha tôi làm gỏi nước bọt ứa ra đầy miệng chỉ mong cho xong!

Khi thức ăn được dọn lên bàn, cha tôi lấy cho tôi một chén đầy gỏi cá, tôi rất háu ăn, chỉ một loáng là hết, thêm một chén nữa, cho đến khi căng bụng tôi ngồi ngắm chiếc chén trên tay. Chén quê tôi làm còn vụng lắm, không đẹp như hàng Trung quốc bây giờ, nhưng với tôi nó đầy ắp những kỷ niệm. Cầm chiếc chén trên tay, màu men xanh nhạt bên ngoài, màu trắng mờ bên trong, tôi thấy nó thật đẹp vì một lẽ đơn giản vì nó được làm từ đất quê hương...

Lúc đó tôi vô cùng hạnh phúc vì chung quanh tôi một không khí gia đình đầm ấm, nó mênh mông như nắng ngoài kia như biển ì ầm ngoài kia.

Cha tôi là một người hoài cổ, ông luôn gìn giữ tập tục của ông bà để lại, từ đồ dùng trong gia đình cho đến những món ăn, những câu nói, những ngày úy kị, cúng bái. Những gì của ông bà để lại là bất di bất dịch, là tuyệt đối đúng không thể “xét lại”. Ông Nội tôi là một nhà nho, suốt đời khăn đóng áo dài, không bao giờ mặc đồ Tây và cũng không bao giờ chấp nhận nó!

Tôi đã lớn lên bên cạnh cha tôi trong gia đình này, mùa nào thức nấy, chính những điều này hun đúc trong tôi tình yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc. Nó thấm vào lòng tôi qua những món ăn, những lễ lạc, những tập tục, những câu nói, những từ ngữ mà ngày nay ít ai dùng. Nó truyền vào máu tôi cái tình tự dân tộc, tuy đơn sơ mộc mạc, chân chất nhưng nó

tinh túy và cao đẹp vì nó là một phần của bản sắc Việt Nam... vì vậy tôi quyết định làm một bữa gỏi cá rựa cho các con và cháu tôi ăn như những ngày còn bé cha tôi đã làm cho anh em tôi ăn... Tôi nói với cô H em gái tôi:

- Chuẩn bị đầy đủ, ngày mai Chủ nhật làm một bữa gỏi cá rựa cho mấy đứa nhỏ ăn.

Mùa này ở quê tôi nhà nhà làm gỏi cá, người người ăn gỏi cá. Tôi cảm thấy yên tâm và vui một chút. Ngày nào người dân còn yêu mến những món ăn quê hương, còn giữ gìn truyền thống thì ngày đó còn hy vọng. Trung Cộng không để gì thôn tính đất nước này, nô lệ dân tộc này!... vì ngọn lửa yêu nước vẫn còn âm ỉ trong lòng mọi người...

Tôi không biết những nhà lãnh đạo của đảng CSVN, những ngày còn bé có được cha mẹ, ông bà làm cho những món ăn đầy tình tự quê hương để giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc không mà họ lại vô cảm trước tương lai đất nước, vận mệnh dân tộc đến vậy?!

Ngày chủ nhật 2 anh tôi và các cháu đi tắm biển về...gỏi cá đã làm xong, mọi người ngồi vào.

Tôi và 2 anh tôi một bàn, bà Nội và 2 cô một bàn, các cháu một bàn.

Nhà mở toang tất cả cửa sổ, cửa chính cho gió lùa vào lồng lộng.

Ở bàn bên kia cháu Hiếu hỏi tôi:

- Mỗi người một lon bia chứ ba?

- Tùy ý các con, nhưng ngày xưa ông Nội uống rượu gạo... gỏi cá rựa phải uống với rượu gạo mới ngon.

Hiếu nói nửa đùa nửa thật

- Uống rượu gạo cho "đậm đà bản sắc dân tộc".

...Cả nhà cười ô.

Các con và cháu nhà tôi ai cũng trên 20 tuổi cả rồi nhưng tôi vẫn nhắc nhở...

- Mỗi đứa chỉ được uống một ly nhỏ thôi.

- À.

Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện... anh Long nói:

- Năm nay thời tiết thuận lợi, mùa đông không có mưa dầm dề như mấy năm trước, ngày Tết thì nắng đẹp... sau Tết 2 ngày đã có cá biển, mấy hôm nay biển liên tiếp trúng cá, cá thu cá rựa, mực đầy chợ... giống như cách đây 3-4 mươi năm.

Gỏi cá rựa thật tuyệt vời, Thục Vy thật khéo tay!.

Tôi phá lệ uống một chút rượu....

Trong lòng đang rất vui vì cả nhà sum họp, vì tiếng nói cười của các cháu.... nhưng như một ngày biển lặng, trời trong xuất hiện một đám mây mù.... Với một thoáng trầm buồn, lo lắng tôi nói với mọi người.

- Không biết trong tương lai dân mình còn được ăn gỏi cá rựa không đây?

Một người cháu ngạc nhiên hỏi tôi.

- Sao vậy chú?

Tôi giải thích: Hải quân Trung cộng cứ quấy nhiễu, hành hung, bắn giết, đánh đuổi ngư dân mình ra khỏi vùng biển của ông cha để lại, mà không được ai bảo vệ, không biết ngư dân mình còn trụ biển được bao lâu nữa... Bây giờ TC còn khuyến khích ngư dân của họ tiến sâu vào vùng biển của mình để khai thác, đuổi ngư dân mình đi.... với cái đà này thì tàu đánh cá của họ sẽ tự do đi vào cảng Kỳ Hà, Đà Nẵng, Huế, Quảng Ngãi để bán cá và mua nhiên liệu, lương thực như vào nước của họ vậy, còn ngư dân mình thì lên bờ "cày đìung nhựa để kiếm sống".

Nhận thấy mọi người ai cũng buồn thiu... Tôi chợt nhớ lại những bản tin thời sự quốc tế gần đây nhất lòng phán chấn hấn lên, tôi nói với các cháu:

- Không sao đâu.... Trung cộng xâm lược Tây Tạng và sẽ sụp đổ vì Tây Tạng.

Khi TC sụp đổ thì Biển Đông là của VN, chứ không phải là "của chung" như lời một bài hát: Việt Nam - Trung Hoa núi liền núi, sông liền sông, chung một Biển Đông... và Hoàng Sa, Trường Sa cũng sẽ quay về với VN... ngày đó sẽ tới và rất gần thôi...rất gần.

Các cháu nhà tôi reo lên: Tuyệt vời!

Không khí trong nhà lại vui vẻ rộn ràng.... ngoài kia nắng rực rỡ... gió lồng lộng, vắng lại tiếng rao của mấy người phụ nữ bán cá rong: Ai mua cá không....

Tiếng rao nghe êm đềm, thân thiết quá, ước mong sao nó mãi mãi như vậy.

## Huỳnh Ngọc Tuấn

**"...đất nước đang cần sự thay da đổi thịt của đảng, cũng như toàn dân đang cần những con người có đủ tài và đức để vượt qua những chông gai thử thách. Vũ lực và đòn áp không thể nào làm chùn bước sức đấu tranh và sự tiến bộ của nhân dân..."**

# **đất !**

“... Mảnh đất ông cha là mỏ Đô la, Kho của kho tiền cung điện xa hoa... Trời Cộng sản phải sinh ra từ... Đất ...”

Nghìn năm văn vật  
Không bằng lô đất mặt tiền.  
Cướp đất của dân, rồi dâng đất tổ tiên  
Ta cướp ta, rồi Tàu cũng cướp.  
Tổ quốc  
đang thành xơ mướp  
Nhanh tay nào  
Mau cướp chúng bay ơi  
Phất cờ Đảng lên  
Nhiệm kỳ tao sắp hết đến nơi rồi !  
Lũ dân nghèo ra chỗ khác chơi  
Lấy chỗ xây nền Chủ nghĩa !

Thăng Long bé  
Thăng Long to  
Có gì quan trọng  
Miễn núi tiên vào túi chúng ông  
Sơn La thấp Sơn La cao  
Bom nguyên tử treo trên đầu dân tộc  
Bùn bốc-xít Tây nguyên  
Đỏ ngầu trên nóc  
Sẽ đổ về “Hòn ngọc Viễn Đông”  
Liệt xác Việt Nam dưới Mặt Trời Hồng.

Mảnh đất ông cha  
là mỏ Đô la  
Kho của kho tiền  
cung điện xa hoa...  
Trời Cộng sản  
phải sinh ra từ... Đất!

Ta mới hiểu  
Khi đặt chân về chữ Ét xì  
Bác chẳng nói gì  
Chỉ lặng lẽ hôn vào hòn Đất !  
Ôi Người  
vạn đại Tiên tri.  
Khá thật!

**Thái Hữu Tình**

## **tôi yêu nước tại sao tôi bò băt?**

“... Chừng nào tôi yêu đất nước này không còn cay đắng? Chừng nào trí tuệ Việt Nam thôi chống nặng? Chừng nào xã hội bất công tiếng dân lành thôi kêu ai oán?”

oán? Chừng nào Việt Nam trí thức dám lên tiếng nói lương tâm?...”

“...Tôi yêu đất nước này cay đắng...”

(Trần Vàng Sao)

Tôi yêu nước tại sao tôi bị bắt  
Mảnh đất này là của tổ tiên tôi  
Hoàng Sa hay Trường Sa... đều là đất của giống nòi  
Của Việt Nam, thì tôi nói của Việt Nam, tại sao tôi bị bắt?

Nhớ yêu nước thuở xưa dựng cờ giáo mác  
muôn người tề chỉnh một tấm lòng  
Yêu nước ngày nay biểu ngữ xuống đường  
Loe hoe dăm ba mống

Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam!

Không kèn không trống  
Mà cũng bị bắt!

Ôi ! yêu nước bây giờ cay đắng  
Yêu nước là đồng nghĩa với phản bội

Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam,

Yêu nhiều thì gõ lịch năm năm, chí ít cũng ba năm, cộng thêm nhiều năm quản chế  
Nhưng đáng sợ là nỗi cô đơn  
Nghe nói dân mình đã liệt dây thần kinh hổ thẹn

Không còn biết xấu hổ  
Không lẽ bây giờ máu nóng trong người đã trở thành máu lạnh?

Chỉ một lời “công đạo” mà miệng mồm cũng nghen hay sao  
Ôi ! ở một đất nước mỗi người đều mang một cùm nặng riêng tư

Cơm, gạo, áo, tiền... vợ con đều là công nợ  
Lại còn thêm nỗi sợ công an

Cứ thế xoay vần hết năm hết tháng  
Trong khi yêu nước tội nặng nhiều hơn  
Đã ghi rõ ở điều tám tám  
Ai dám

Yêu nước từ nay  
Hai chữ yêu nước đã được đăng ký môn bài  
Độc quyền cho đảng

Hoàng Sa, Trường Sa, biển, đất... là việc của đảng  
Nam Quan, Bản Giốc... công hàm một chín năm tám  
Cũng là đảng  
Ôi Việt Nam !

Chừng nào tôi yêu đất nước này không còn cay đắng?  
Chừng nào trí tuệ Việt Nam thôi chống nặng?  
Chừng nào xã hội bất công tiếng dân lành thôi kêu ai oán?

Chừng nào Việt Nam trí thức dám lên tiếng nói lương tâm?

Chừng ấy đất nước này mới có thể khai lèn?... ”

**Trương Nhân Tuấn** (nguồn @ Thông Luận)





## BOROBUDUR

# ngôi đền Phật Giáo lớn nhất thế giới

Hoàng Phong

Borobudur là một kỳ quan Phật giáo tinh xảo và lớn nhất thế giới, xây dựng vào thế kỷ thứ VIII, tọa lạc cách 42 km về phía Bắc thành phố Yogyakarta, trung tâm của đảo Java, quốc gia Indônêxia, và đã được UNESCO xếp vào di sản thế giới vào năm 1991. Borobudur được xây dựng trên một mặt bằng hình vuông rộng 2 500 m<sup>2</sup>, theo mô hình của một Mạn-dà-la, tức sơ đồ về khái niệm vũ trụ của Phật giáo Tây Tạng. Công trình gồm có năm tầng thềm hình vuông, tiếp theo là ba tầng thềm hình tròn và trên cùng là một bảo tháp lớn (stupa), tất cả cao 43 m. Nhìn từ xa, ngôi đền giống như một ngọn đồi hay một kim tự tháp với nhiều tượng Phật và bảo tháp, công trình hoàn toàn được xây dựng và tạo bằng một loại đá núi lửa màu xám khai thác trên đảo Java.

Chữ «Borobudur» có nghĩa là «Ngôi đền trên đỉnh đồi», ghép từ hai chữ tiếng Phạn là baram và buduhur, baram có nghĩa là đền chùa, buduhur có nghĩa là trên cao. Nhưng thật ra tên gốc là «Bhumisan barabudura», hai chữ này có nghĩa là «Ngọn núi của vô lượng đạo hạnh», ý nghĩa của tên nguyên thủy phù hợp hơn với hình dáng như một quả núi của ngôi đền.

### Vài nét lịch sử

Vào đầu thế kỷ thứ VIII, hoàng triều Sanjaya theo Ấn giáo và thờ thần Shiva, đóng đô ở vùng Bắc trung tâm đảo Java. Một hoàng thân người Kampuchia được hoàng triều này che chở, nhưng sau đó ông trở về Kampuchia vào năm 802 và lên ngôi vua, lấy vương hiệu là Jayavarman II. Cố

thể chính ông đã đem theo về nước dự án đầu tiên của Borobudur, vì người ta tìm thấy trên đất Kampuchia một ngôi đền nhỏ xây bằng gạch hình tháp tương tự với mô hình của Borobudur. Vì thế các nhà khảo cổ nghĩ rằng phần nền của Borobudur do hoàng triều Sanjaya khởi công để xây dựng một ngôi đền Ấn giáo, nhưng bỏ dở. Ngoài ra, các công trình khảo cổ khác cũng phát hiện gần Borobudur một số di tích thuộc hoàng triều Sanjaya vào thời đó. Vì vậy người ta càng tin hơn là ngôi đền lúc khởi công rất có thể là một kiến trúc Ấn giáo.

Sau đó vào giữa thế kỷ thứ VIII, một hoàng triều thứ hai là Salandra thiết lập kinh đô trên phần đất phía Nam của trung tâm Java, hoàng triều này theo Phật giáo và đã từng xây cất nhiều ngôi đền nổi tiếng khác, trong số đó có ngôi đền Candi Sewu. Dưới triều đại Salandra Phật giáo bành trướng nhanh chóng trên đảo Java, vì thế việc xây dựng một ngôi đền Phật giáo lên trên một công trình Ấn giáo bỏ dở cũng có thể là cách chứng tỏ uy thế của hoàng triều Salandra. Công trình được khởi công khoảng năm 795, nhưng trong khi xây cất, những người thực hiện công trình lại quyết định sửa đổi và bỏ bớt trang trí các tầng trên trong mục đích tạo cho phần đỉnh của công trình những nét đơn giản, thanh thoát và nhẹ nhàng hơn so với phần dưới, phần nền thì mở rộng thêm cho có vẽ vững chắc và đỡ sô bằng một bức tường đá chạm trổ bao quanh.

Trong khi hoàng triều Salandra dần nỗ lực xây cất và hoàn thành Borobudur thì hoàng triều Sanjaya đóng đô ở phía Bắc phục hồi được quyền lực và uy thế, thống nhất lãnh thổ vào năm 832. Nhờ sự khích lệ mạnh mẽ về văn hoá của Ấn Độ, hoàng triều Sanjaya chiếm lại Borobudur, nhưng không tàn phá công trình này, chỉ xây lại cửa cổng và cho khắc thêm một số tượng nổi. Sự kiện này cho thấy tinh thần rộng rãi của Ấn giáo thời bấy giờ.

Năm 850 có thể xem là năm hoàn thành Borobudur, tuy thế vẫn thấy có những công trình bảo trì và sửa đổi cho hoàn thiện hơn. Nhưng vào khoảng đầu thế kỷ XIII, từ khi những người buôn bán Á Rập theo đường hàng hải đưa Hồi giáo vào Indônêxia, Borobudur trở nên hoang tàn. Chỉ trong vòng hai trăm năm, cả quần đảo Indônêxia gần như hoàn toàn bị Hồi giáo hóa. Hồi giáo bành trướng nhanh chóng là do các nhà truyền giáo Á Rập rất tích cực, các vị vua địa phương theo Hồi giáo dùng áp lực chính trị để huấn dụ và cải đạo dân chúng. Vào thế kỷ XV, các nhà truyền giáo Ki-tô người Bồ Đào Nha xâm nhập vào Indônêxia, người dân lại càng trở nên nhiệt tình hơn với Hồi giáo, có thể đó cũng là những phản ứng tự nhiên trước bóng dáng của một tín ngưỡng mới.

Sau người Bồ Đào Nha là người Anh và người Hòa Lan xâm nhập vào Indônêxia. Vị toàn quyền người Anh trên đảo Java là Sir Stamford Raffles khi đi kinh lý trong vùng, dân chúng nơi đây chỉ cho ông di tích hoang tàn của Borobudur. Ông biết ngay đó là một kỳ quan khác thường và nhờ một chuyên gia người Hòa Lan là Cornelius đo đạc và vẽ địa hình. Vào cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, người Hòa Lan ra công khai phá cây rừng, trùng tu Borobudur dưới sự điều khiển của ông Theodore van Erp.

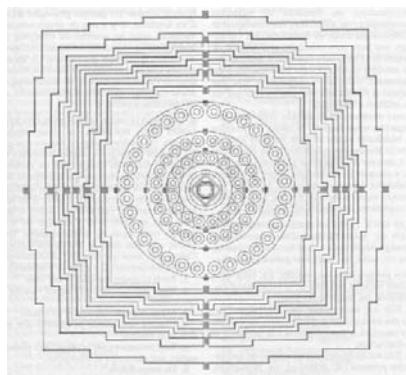
Sau chiến tranh thứ hai, Indônêxia ý thức được tầm quan trọng của Borobudur liền mời nhiều nhà khảo cổ trên thế giới đến xem, đồng thời yêu cầu UNESCO giúp sức để trùng tu. Một chương trình cấp thời vào năm 1948 do Liên Hiệp Quốc đưa ra đã giúp cho Borobudur thoát khỏi cảnh hoang tàn và quên lãng. Tiếp theo là một chương trình trùng tu rộng lớn hơn kéo dài từ 1973 đến 1982 do UNESCO đảm trách với sự hợp tác của 27 quốc gia trên thế giới đã hồi phục cho Borobudur. Chương trình trùng tu tốn 17 triệu đô-la thời bấy giờ, hai phần ba số tiền này do quốc gia Indônêxia đóng góp.

### Ý nghĩa của kiến trúc Borobudur

Borobudur có tổng cộng 1460 tấm tranh điêu khắc và tạc nổi trên mặt đá, trình bày các cảnh tượng của Tam giới, kể lại các gương sáng của những vị Bồ-tát, cuộc đời và những tiên thân của Đức Phật và sau hết là các câu chuyện về Đạo Pháp mô tả trong kinh sách. Ngoài những cảnh tượng điêu khắc, còn có 1212 trang trí khác tạc trên đá. Nếu xếp các cảnh điêu khắc thành hàng thẳng sẽ có một chiều dài 5 km. Kiến trúc tổng quát của ngôi đền có thể chia làm ba phần từ thấp lên cao, tượng trưng cho ba cảnh giới của Ta-bà : các tầng thấp nhất là Dục giới, tiếp theo là Sắc giới và những tầng trên hết là Vô sắc giới.

Viếng Borobudur bắt đầu từ cổng phía Đông, đi theo chiều kim đồng hồ, mỗi tầng đều có bậc thang để leo lên tầng cao hơn, hết tầng này đến tầng khác. Trên vách đá hiện ra các cảnh tượng điêu khắc của Dục giới, phô bày những cảnh tượng của thế giới tham dục (kamadhatu), gồm đủ loại chúng sinh như quỷ đói, súc sinh, loài người, các cảnh tượng tham lam, những xung năng thấp kém, tham dục và hận thù, tiếp theo là cảnh tượng của Sắc giới gồm những bậc thánh nhân, và sau hết là các thiên nhân thuộc Vô sắc giới. Những tầng cao hơn hết kể lại sự tích tiên thân của Đức Phật trong nhiều kiếp trước, sau đó là ngày đản sanh ở Ca-tỳ-la-vê, ngày Đức Phật từ bỏ cung điện đi tìm đạo, ngày đạt được Giác ngộ ở Chính giác sơn, ngày chuyển Pháp luân lần đầu ở vườn Lộc Uyển...

Bên trên năm tầng hình vuông là ba tầng hình tròn với các bảo tháp đục rỗng, trong mỗi bảo tháp là một tượng Phật trong tư thế thiền định. Tầng thứ nhất có 32 bảo tháp, tầng thứ hai có 24 và tầng thứ ba có 16 bảo tháp. Trung tâm của tầng thứ ba là một bảo tháp lớn nhất với đường kính 15m, và cũng là đỉnh cao nhất của kỳ quan Borobudur. Bảo tháp này hoàn toàn trống không, không tượng Phật cũng không có một trang trí nào khác, sự trống không tượng trưng cho tánh Không và sự Giác ngộ, vì thế phần đỉnh của công



trình củng có thể xem như một sự biểu hiện của cõi Niết bàn. Điều đáng chú ý là trang trí của các tầng hình vuông hết sức phong phú và tinh xảo với hàng ngàn cảnh tượng tạc nổi trong đá, nhưng bổng nhiên không còn thấy một điêu khắc nào nữa khi leo lên các tầng hình tròn, sự đơn giản hiện ra một cách lạ lùng. Nơi đây bàng bạc sự trong sáng và tinh khiết của thể dạng «vô hình tướng», tượng trưng cho sự tĩnh lặng của tâm thức.

Lúc hoàn thành Borobudur có 602 pho tượng Phật, nhưng một số đã bị mất cắp, ngày nay còn 504, một số bị lấy mất phần đầu. Ngoài các tượng Phật đặt ở các góc, hầu hết các tượng Phật thuộc những tầng bên dưới được đặt trong các hốc thụt sâu trong tường, nhưng trên ba tầng cuối cùng các tượng Phật được đặt bên trong các bảo tháp đục rỗng như vừa kể trên đây. Vào thời kỳ xây dựng Borobudur, học phái Ngũ Phật thuộc Kim cương thừa Tây Tạng phát triển rất mạnh mẽ, học phái này thờ năm vị Phật là : Tì-lô Giá-na (Mahavairocana), A-súc (Akyobhya), Bảo sinh (Ratnasambhava), A-di-dà (Amitabha), Bất không Thành tựu (Amoghasiddhi). Theo như Mạn-đà-la của Mật giáo thuộc Kim cương thừa, vị Phật Tì-lô Giá-na, còn gọi là Đại nhật Như lai Phật ngự ở trung tâm, bốn vị Phật còn lại ngự ở bốn góc. Tại Borobudur, người ta thấy Phật A-di-dà được đặt vào hướng Tây, phía Đông là Phật A-súc, phía Nam là Phật Bảo sinh, phía Bắc là Phật Bất không Thành tựu. Trên tầng cao nhất của Borobudur là Phật Tì-lô Giá-na.

### Một vài cảm nghĩ thay cho lời kết

Borobudur chẳng những là một kỳ quan đồ sộ mà còn là những trang kinh sách vĩ đại tạc trên đá diễn tả khái niệm về vũ trụ, thế giới của chúng sinh, cuộc đời của Đức Phật, giáo lý của Ngài và cuối cùng là sự Giác ngộ và Giải thoát. Giác ngộ, Giải thoát và Niết bàn là những gì hết sức cao siêu và trừu tượng nhưng đã được diễn tả bằng kiến trúc một cách tuyệt vời.

Cách nay khá lâu sau khi được UNESCO trùng tu, Borobudur vẫn còn nằm trong quên lãng và thờ ơ của người dân Indônêxia và cả thế giới. Trong nhiều năm đầu tiên khi Borobudur mới được trùng tu xong, người ta có thể thuê xe ôm, xe ba bánh tuk tuk từ Yoyakarta để đến viếng Borobudur, và có thể ở lại với Borobudur cả ngày trong vắng vẻ không một bóng người, để ngắm một cách thanh thản những cảnh tượng của thế giới tham dục và sau cùng leo lên cảnh giới của Niết bàn, nhìn ra phong cảnh xanh tươi và bát ngát chung quanh. Ngày nay, du khách tấp nập phải mua vé để vào, những tấm bảng chỉ «lối ra» thật sự là để đánh lừa người hành hương lọt vào

khu buôn bán tượng Phật, tràng hạt, và những đồ lưu niệm khác.

Phật giáo Nam tông được truyền vào Indônêxia vào năm 600 đúng vào thời đại của hoàng triều Srivijaya trên đảo Sumatra, và không lâu sau đó Phật giáo Bắc tông cũng du nhập vào đây. Hoàng triều Srivijaya theo Phật giáo và rất hùng cường, quản lý cả Mã Lai, đảo Java và Borneo. Vì thế Phật giáo từ Sumatra đã lan tràn sang các nơi vừa kể. Con đường biển giúp các nhà sư truyền giáo từ Ấn Độ đến Trung quốc và những người hành hương từ Trung quốc đến Ấn Độ đi ngang bờ biển đảo Sumatra, vì thế Sumatra đã trở thành trạm dừng chân trên con đường vạn dặm này. Hoàng triều Srivijaya bang giao thân thiện với Trung quốc cũng là một điểm thuận lợi khác khuyến khích Phật tử Trung quốc đến hành hương và tu học ở Sumatra.

Một vị cao tăng Trung quốc là Pháp Hiền (320? - 420?) đã từng ghé vào Indônêxia trên đường từ Ấn Độ trở về Trung quốc. Ông đi đường bộ từ Trường an vòng sang vùng Cận Đông để đến Ấn Độ tu học trong nhiều năm, lúc ấy ông đã sáu mươi tuổi. Vào năm 410 ông dùng đường biển để đi Tích Lan, Sumatra và Java, nơi nào ông cũng lưu lại ít lâu trước khi trở về Trung quốc vào năm 412. Một cao tăng Trung quốc khác là Nghĩa Tịnh (635-713), dùng đường biển đi Ấn độ để tu học, ông ghé vào đảo Sumatra vào năm 673 và hết sức ngạc nhiên khi gặp trên đảo hàng ngàn nhà sư đồng hương với ông đang học tiếng Phạn, tu tập và nghiên cứu kinh điển Phật giáo ở đây. Riêng ông thì rời Sumatra để đến Tu viện Đại học Nalanda ở Ấn Độ và tu học trong 20 năm liền. Khi trở về Trung quốc ông trở thành một trong những nhà dịch thuật kinh sách nổi tiếng.

Một đại sư người Ấn là A-ti-sa (980-1054), đã từng đến Sumatra cùng với hơn 100 đệ tử, riêng ông đã tu học trong suốt mươi hai năm với một vị thầy tên là Dharmarakshita, tên tiếng Tây Tạng là Serlingpa Tchokyi Drakpa. Năm 1025, ông quay trở về Ấn Độ, nhưng vào lúc đó Phật giáo ở Ấn đã suy vi, Nhà vua Tây Tạng là Gougué Tchangchoup U và cả nhà dịch thuật nổi danh của Tây Tạng thời bấy giờ là Rinchen Zangpo cùng tỏ ý mời ông lên Tây Tang để giảng Pháp. Ông nhận lời và đến Tây Tạng vào năm 1042 cùng với hai mươi bốn đệ tử. Ông là người đã giữ vai trò chính trong việc du nhập và phát triển Phật giáo lần thứ hai trên đất nước Tây Tạng.

Từng là một trung tâm Phật giáo lớn của Á châu, nhưng Indônêxia đã trở thành một nước Hồi giáo từ đầu thế kỷ XIII. Hai trăm năm sau khi được xây cất, Borobudur rơi vào cảnh hoang tàn ; cây rừng, gió mùa và mưa nhiệt đới gặm mòn và tàn phá Borobudur suốt một ngàn năm cho đến khi được trùng tu trong thời đại chúng ta. Đồng thời với việc trùng tu Borobudur, hình như Phật giáo Indônêxia cũng đang hồi sinh, giống như trường hợp của Phật giáo tại một vài quốc gia khác trên địa cầu này. Ngoài Á châu, Phật giáo cũng bắt đầu thu hút người Tây phương, các nước thuộc Trung và Nam Mỹ ngày nay cũng có hội thiền và chùa Tây Tạng.

Tất cả những đổi thay đó, những thăng trầm đó, chẳng qua cũng chỉ là những biểu hiện do sự vận hành của nguyên lý

vô thường trong vũ trụ mà thôi, ta cũng không nên bám víu vào đó để xem đấy là một việc đáng buồn hay một niềm hy vọng. Buồn vui, hy vọng hay ước mong cũng chỉ là những bám víu. Tượng Phật khổng lồ ở Bamian thuộc A-phú-hãn bị đặt mìn và phá hủy trước sự chứng kiến và bất lực của cả thế giới, và trong trường hợp khác, Borobudur lại được trùng tu một cách tuyệt vời. Tất cả đều là những biến cố không nhất thiết liên quan mật thiết đến một tôn giáo nào cả mà đấy chỉ là những biểu hiện của vô thường, của quy luật tương liên, tương tác trong vũ trụ. Tôn giáo phải giữ những vai trò thiết thực hơn như thế.

Nếu hiểu rằng Phật giáo là một tôn giáo giúp con người loại bỏ khổ đau để谋求 cầu hạnh phúc, thì khi nào khổ đau vẫn còn trong thế giới này, Phật giáo sẽ chưa bị hủy diệt. Nếu hiểu rằng Phật giáo là một tôn giáo giúp con người xoá bỏ vô minh để tìm lấy con đường giải thoát và sự tự do đích thực cho chính mình, thì khi nào thế giới này vẫn còn u mê, hận thù và bạo lực, Phật giáo sẽ vẫn còn trường tồn để giúp đỡ con người.

Từ ngàn năm, những pho tượng Phật của Borobudur ngồi im với cây cỏ và muôn thú của rừng sâu, ngày nay vẫn ngồi im cho những người hành hương đến chiêm bái và du khách ngắm nhìn một cách tò mò. Dù sao, nơi ngôi đền Borobudur, gương mặt của những pho tượng vẫn hiền hoà, vẫn sâu thẳm và phảng lặng với thời gian.

## Hoàng Phong

**... Nhân dân Việt Nam, trong đó có Phật tử, phải được sống trong an lạc và tự do để phát triển. Phát triển đời sống vật chất cũng như đời sống văn hóa và tinh linh. Vì vậy Giáo hội phải nói lên nồng ấm vọng của 85 triệu người đòi hỏi cuộc sống nhân quyền và dân chủ để phát triển. Hơn nữa, hiện nay chủ quyền dân tộc đang bị uy hiếp bằng những quyền lực cương hay quyền lực nhu của các manh tâm nước lớn. Phật tử là người hiểu thời thông biến, nên không thể nhầm mắt quay lưng trước các ý đồ mỉa quắc. Nước mất thì đạo suy. Cho nên giữ nước là con đường dân tộc hai nghìn năm cứu mình, cứu người đưa quê hương thoát ly xâm lăng, nô lệ và cuồng tín....**

(Thông Điệp Xuân Canh Dần, của Đại Lão HT. Thích Quảng Độ)

Hình ảnh sinh hoạt GH.PGVNTN Na Uy  
Pháp Hội Thủ Lục, Đại Lễ Vu Lan năm Kỷ Sửu 2009





**pháp âm**

P.O.Box 224

3051 Mjøndalen – Norway

epost: phapam@online.no

## Di Lặc Tự – Hải Thượng Quán Âm

